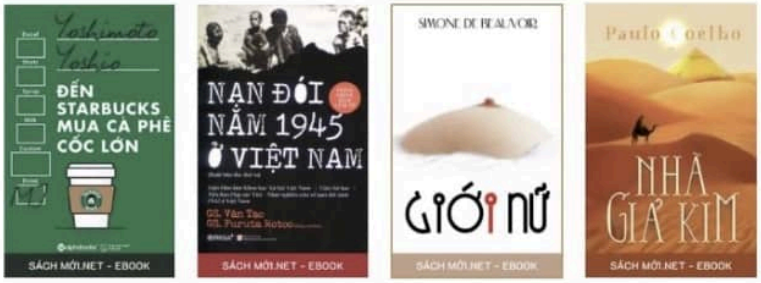
GS. TRÌNH QUANG PHÚ
(Tuyển chọn và biên soạn)



Đường BÁC HỒ ĐI CỨU NƯỚC

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

SÁCH MỚI.NET - EBOOK



THƯ VIỆN EBOOK
SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY
HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ

Thông tin sách gốc

Tác phẩm: Đường Bác Hồ đi cứu nước
Tác giả:
Nhà xuất bản: Thanh Niên
Năm tác phẩm ra đời: 1975

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

Mục lục

Lời tựa
ĐƯỜNG BÁC HỒ ĐI CỨU NƯỚC
Hồ Chủ tịch hình ảnh dân tộc
Làm bất cứ việc gì để sống và để đi
Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam
Sống, làm việc gian khổ để học tập và hoạt động
Trong ngõ hẻm Công Poanh
Ở Đại hội Tua
Lời phát biểu tại đại hội Tua
Gặp “con cáo già” thuộc địa
Đến Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đầu tiên
Sáng lập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội
Trở về Tổ quốc cách mạng
LỜI KÊU GỌI [8]
"Vụ án" ở Hương Cảng
Trở lại đất nước Xô viết.
Trên đường về nước qua Trung Quốc.
Từ Vân Nam – Tĩnh Tây về Pắc Bó
Bị Quốc dân đảng Trung Quốc bắt
Về Tân Trào
Một thời đại mới của dân tộc

Lời tựa

Đường Bác Hồ đi cứu nước là một tập hợp các câu chuyện về con đường Bác Hồ đi cứu nước từ khi rời bến cảng nhà rồng cho đến lúc Bác về với cây đa Tân Trào. Đến với cuốn sách bạn sẽ thấy những ngày gian khổ của Bác và các đồng chí của mình khi tìm lối thoát cho dân tộc khỏi bị áp bức. Các câu chuyện được trình bày dung dị nhưng toát lên được tinh thần của vị cha già dân tộc.

Một cuốn sách lịch sử nhưng không hề khô khan, bạn sẽ phải phì cười khi biết Bác và các đồng đội của mình tìm được một chỗ ẩn náu lý tưởng trong màn sương nhưng đến khi sương tan mới biết mình đang ở giữa cánh đồng lớn. Và còn rất nhiều những cậu chuyện khác không kém phần thú vị khác chờ đón bạn khám phá.

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

ĐƯỜNG BÁC HỒ ĐI CỨU NƯỚC

"Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta".

Trích: "Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam do đồng chí Lê Duẩn Bí thư thứ nhất, đọc tại lễ truy điệu trọng thể Hồ Chủ tịch".

Hồ Chủ tịch hình ảnh dân tộc

"Bình sinh Hồ Chủ tịch là người rất giản dị, lão thực, vĩ nhân thật vĩ nhân bao giờ cũng giản dị lão thực. Đã cầu kỳ là thiếu bản lĩnh, cố làm trò để đánh lừa thiên hạ và hậu thế. Vua Nghiêu, vua Thuấn, Chúa Giê-du là những người giản dị, lão thực. Ông Lê-nin, ông Tôn Văn, thánh Găng-đi cũng là người giản dị lão thực. Bậc đại khoa hoặc đại văn hào cũng vậy. Trái lại Hít-le là một kẻ gian hung. Còn bên cạnh Hít-le, Mút-xô-li-ni chỉ là một thằng hề.

Xem một đôi bức ảnh Hồ Chủ tịch, có người nói mắt Người có hai con ngươi, và tin rằng vì chỗ đó, Người là một ông thánh. Làm gì có chuyện hoang đường như thế! Mắt Hồ Chủ tịch cũng như mắt mọi người sáng hơn mắt mọi người nhiều lắm đã đành, nhưng sáng hơn vì Người biết nhìn, nên nhìn thấy những cái mọi người không nhìn thấy; hiện tại, tương lai, cái nhỏ, cái to.

Hồ Chủ tịch là người Việt Nam, Việt Nam hơn Việt Nam nào hết. Ngót ba mươi năm bôn tẩu bốn phương trời, Người vẫn giữ thuần túy, phong độ, ngôn ngữ, tính tình của người Việt Nam. Ngôn ngữ của Người phong phú, ý vị như ngôn ngữ người dân quê Việt Nam; Người khéo dùng tục ngữ, hay nói ví, thường có lối châm biếm kín đáo và thú vị. Làm thơ, Người thích lối ca dao, vì ca dao là Việt Nam cũng như núi Tràng Sơn, hồ Hoàn Kiếm hay Đồng Tháp Mười vậy. Mấy mươi năm xa cách quê hương, Người không quên mùi vị những thức ăn đặc biệt Việt Nam như cà muối, dưa chua, tương ớt, và ngày thường bây giờ, Người vẫn ưa thích những thứ ấy. Ngay sau khi về nước, gặp Tết, Người không quên mừng tuổi đồng bào hàng xóm và quà bánh cho trẻ em, tuy chỉ có mấy đồng xu nhưng cũng bọc giấy hồng đơn cẩn thận, tiêm tất. Bình sinh như thế, đứng địa vị Chủ tịch chính phủ kháng chiến kêu gọi quốc dân, Người dùng những lời nói thống thiết đi sâu vào tâm hồn Việt Nam: "Nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước thì thương nhau cùng".

Lối ăn ở của Hồ Chủ tịch giản dị như thế nào, chúng ta đã từng biết. Lúc ở chiến khu, Người sống chung với anh em trong một cơ quan, làm việc, học tập,

ăn ở, sinh hoạt nhất nhất như anh em. Có những lúc vì gạo thiếu hay khí hậu nặng, cần ăn ít một chút Người cũng vui vẻ chịu đựng cùng anh em. Kể ra Người có chỗ được biệt đãi: Đó là bát nước cơm mà anh Lộc, đồng chí cấp dưỡng lành nghề và thân mến của chúng tôi lúc ấy, bao giờ cũng để dành riêng cho Người từ biên giới Cao Bằng cho đến Tân Trào, trước khi về Hà Nội. Ở Hà Nội Chủ tịch Chính phủ có phòng làm việc, phòng tiếp khách, nhiều khi chủ tọa những bữa tiệc long trọng, nhưng bình thường ngày hai bữa, Chủ tịch chính phủ cùng nhân viên đều ăn chung. Nhiều lần, vì đến quá trễ, thức ăn không còn gì Hồ Chủ tịch vẫn vui cười ăn đủ mấy bát cơm thường lệ.

Người vẫn thích đi bộ, tắm sông, hút thuốc lá và thỉnh thoảng uống một ly rượu thuốc trong bữa cơm. Trước đây, Người đi bộ một ngày 50 cây số là thường và có thể đi như thế ngày nọ qua ngày kia. Lúc ở Côn Minh, sáng nào Người cũng đi bộ một vòng quanh thành phố. Ở Liễu Châu, mùa đông, một hôm tướng Trương Phát Khuê đi ngựa dạo buổi sớm gặp Người tắm trên sông, Trương tướng quân lấy làm lạ một người ở phương Nam Á Châu chịu rét giỏi đến thế. Ở Cao Bằng, có lúc cơ quan đóng tại một cái suối lớn vừa ở trong hang đá chảy ra, nước trong xanh biếc dưới bóng mát của rừng cây; Hồ Chủ tịch suốt ngày làm việc ở đó với cái bàn máy đánh chữ "Hét mét" luôn luôn đi theo Người từ năm 1938 đến khi về Hà Nội.

Ở rừng, Hồ Chủ tịch chủ trương tránh ăn no, không ngủ trưa và hoạt động thân thể, buổi sáng thể dục, buổi chiều làm vườn, lúc cần đi vác củi cho đồng bào. Suốt trong thời gian ở thượng du Bắc Bộ, trước cuộc khởi nghĩa, nhiều ngày Người luôn tay nắn hòn đá bầu dục, cốt để luyện gân tay và hoạt động cơ thể. Người ít ưa dùng thuốc, chỉ có lúc nào sức cơ thể chống không nổi bệnh mới dùng. Ở Hà Nội, bác sĩ Tùng, bác sĩ Cẩn chuyên lo sức khỏe của Người nhưng không mấy khi Người phiền đến. Ở Pháp, anh em buộc bác sĩ Cưu ở bên cạnh Người nhưng rồi bác sĩ làm việc văn phòng nhiều hơn thầy thuốc. Sinh hoạt chiến khu thường cực lắm, có lần suốt mấy tháng mùa mưa Hồ Chủ tịch ở trong một cái hang chật hẹp ẩm thấp, ban đêm sâu bọ ở ngoài tràn vào. Lúc ấy vì cơ sở quần chúng kém, nên phải ẩn nấp trong hang cùng, và cũng vì cơ sở quần chúng kém, nên dẫu ẩn nấp trong hang cùng mà cũng không yên, thường vẫn phải chạy "cảnh báo". Hễ có "cảnh báo" là phải mang hết đồ đạc chạy lánh đến một chỗ an toàn hơn. Lúc ấy Hồ Chủ tịch yếu, nhưng bất kỳ đêm ngày, hễ có tin địch là mấy phút sau Người đã sẵn sang trước anh em, tay xách bàn máy đánh chữ.

Lúc đến Pháp, ngay hôm gặp đầu tiên, lối ăn ở giản dị của Hồ Chủ tịch làm cho kiều bào rất cảm động. Hôm ấy, tại Bi-a-rít, đại biểu kiều bào đến thăm Người, hồi hộp và sung sướng. Khách đông phòng khách không đủ ghế ngồi, giản dị Hồ Chủ tịch ngồi xuống sàn và mời mọi người ngồi thế nói chuyện. Đây

không phải vị Chủ tịch chính phủ, đây là cha già của dân tộc ân cần và thân mật hỏi thăm đàn con bao năm lưu lạc ở quê người.

Hồ Chủ tịch, người giản dị ấy, cũng là người lịch sự một cách thanh tao cao quí và mọi người ngoại quốc có dịp tiếp chuyện Người đều ca ngợi cái phong độ thanh tao cao quí mà họ cho là đặc sắc của phương Đông. Ở chiến khu, trong cơ quan, Hồ Chủ tịch thường mặc một bộ đồ xanh, chân đi đất; về Hà Nội, Người mặc một bộ đồ kaki, chân đi giầy vải. Nhưng sang Pháp thì Người mang giầy da và mặc một bộ đồ nỉ, cổ đứng. Ở Ba-lê có ngày Hồ Chủ tịch tiếp luôn ba bữa cơm khách, bữa sáng với bạn thân, bữa trưa với khách thường, bữa tối với khách đặc biệt, mỗi bữa có khi kéo dài ba tiếng đồng hồ, nhưng Hồ Chủ tịch thủy chung vẫn ân cần niềm nở.

Hồ Chủ tịch rất vui tính, vì vốn có cái tính lạc quan của những người quyết chiến quyết thắng ngày nay và quyết tâm xây đắp đời sống tốt đẹp cho dân tộc ngày mai. Trong những bữa cơm, tiệc trà thân mật giữa nhân viên cao cấp chính phủ, Hồ Chủ tịch vui thú, nói chuyện, làm thơ, khôi hài. Một đôi khi, Người thoạt đến những buổi dạ hội tưng bừng ở nhà Hát lớn Hà Nội, các cháu thiếu nhi quây quần lại, nhưng một lát sau, Người nhẹ bước biến đi đâu mất. Người thích hoa và có kể câu chuyện ở Nga cũng như ở các nước Âu Mỹ, người ta dùng phi cơ chở các thứ hoa ở xa về để trang điểm đời sống hang ngày cả đô thị lớn. Nhưng trong vườn hoa Chủ tịch phủ, hoa ngày càng nhường chỗ cho khoai, bắp. Gần Côn Minh, có núi Tây Sơn, một thắng cảnh có tiếng; một hôm anh em muốn đi xem, Hồ Chủ tịch bảo: "Nếu tiện lắm sẽ hay; chúng ta là người cách mạng chứ không phải kẻ du lịch."

Đời sống Hồ Chủ tịch là một đời sống khắc khổ, cần lao và tranh đấu. Người lãnh tụ của một dân tộc mất nước không thể có một đời sống khác. Phải khắc khổ, cần lao và tranh đấu để mưu cầu hạnh phúc ngày mai. Có người e đời sống nghiêm khắc ấy không còn chỗ cho tình cảm. Nhưng chính Hồ Chủ tịch thường nói người cách mạng là người rất giàu tình cảm, và vì giàu tình cảm nên làm cách mạng. Người mà cả dân tộc tôn làm vị cha già của mình phải có lòng thương mênh mông xúc động đến tâm can của mọi người. Trong thời kỳ bí mật, phút mặc niệm chiến sĩ cách mạng là lúc Hồ Chủ tịch rơi nước mắt. Tại Quốc Hội Hồ Chủ tịch vừa khóc vừa ôm hôn anh Nguyễn Văn Tạo sau khi anh đọc một bài diễn văn thống thiết về Nam Bộ.

Người xưa nói: Có việc phải lo, lo trước thiên hạ, có việc đáng vui vui sau thiên hạ, Hồ Chủ tịch nói một cách giản dị và thống thiết hơn: "Một ngày đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon; ngủ không yên."

Câu nói đó đã bộc lộ tâm trạng Người, mối tình cảm ruột thịt bao bọc trăm họ của đại gia đình Việt Nam.

Đối với người giản dị và lão thực ấy một câu nói là một việc làm và có làm thì mới nói. Giản dị và lão thực trong sự ăn ở, tính tình, trong lời nói, viết. Người cũng giản dị và lão thực trong chủ trương chính trị nữa. Dân tộc Việt Nam bây giờ muốn gì? Muốn thống nhất, độc lập, muốn no ấm, muốn biết chữ, muốn đời sống bớt tối tăm. Cho nên Hồ Chủ tịch chủ trương: đoàn kết kháng chiến, tăng gia sản xuất, bình dân học vụ, đời sống mới. Dân tộc Việt Nam quyết tâm và mỗi ngày tiến mạnh trên con đường sống còn sau lưng Hồ Chủ tịch.

Hồ Chủ tịch thật là hiện thân của dân tộc Việt Nam và mọi người Việt Nam đều thấy mình trong Hồ Chủ tịch.

Sức mạnh của Hồ Chủ tịch và sức mạnh của dân tộc Việt Nam là ở chỗ đoàn kết thống nhất ấy…"

Tháng 8-1948 PHẠM VĂN ĐỒNG

(Trích bài "Hồ Chủ tịch hình ảnh dân tộc"; in trong cuốn: Hồ Chủ tịch lãnh tụ của chúng ta, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, năm 1967).

Làm bất cứ việc gì để sống và để đi

"Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thiếu niên 15 tuổi. Người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ, Anh đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh đã tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc. Anh khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu, nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Vì:

Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương. Anh nhận điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương.

Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau".

Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến.

Anh thấy rõ và quyết định con đường nên đi. Cụ Phan Bội Châu vào bậc chú của Anh. Cụ Phan Bội Châu muốn đưa anh và một số thanh niên sang Nhật. Nhưng Anh không đi. Anh muốn làm gì?

Một vị trí thức ở Sài Gòn kể lại cho tôi:

"Trong khi còn học ở trường Chasseloup-Laubat, tôi gặp một người thanh niên ở Trung Bộ vào Sài Gòn, ở nhà một người bạn. Vì cùng một lứa tuổi, cho nên chúng tôi lập tức trở nên đôi bạn thân. Tôi đưa anh đến trước tiệm cà phê của

Pháp xem đèn điện, xem chiếu bóng và máy nước. Những cái đó, trước kia anh chưa hề thấy.

Một hôm tôi mời anh ăn kem. Anh rất lạ. Lần đầu tiên anh mới nếm mùi kem.

Sau ít hôm, anh đột nhiên hỏi tôi: "Anh Lê, anh có yêu nước không."

Tôi ngạc nhiên và đáp: "Tất nhiên là có chứ!"

- Anh có thể giữ bí mật không?

- Có

- Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, vì như khi đau ốm… Anh muốn đi với tôi không?

- Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi?

- Đây, tiền đây.- Anh bạn của tôi vừa nói vừa giơ hai bàn tay. – Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. Thế thì anh cùng đi với tôi chứ?

Bị lôi cuốn vì lòng hăng hái của anh, tôi đồng ý.

Nhưng sau khi suy nghĩ kỹ về cuộc phiêu lưu, tôi không có đủ can đảm để giữ lời hứa.

Vài ngày sau, tôi không gặp lại anh bạn nữa. Tôi đoán là anh ta đã đi ngoại quốc. Anh ta đi bằng cách nào? Tôi không biết. Về sau, tôi chỉ biết người thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết ấy là cụ Nguyễn Ái Quốc, là Hồ Chủ tịch của chúng ta ngày nay.

Chính ông Mai ở Hải Phòng, nhân viên cũ trên một chiếc tàu Pháp của hãng "Vận tải hợp nhất" đã cho chúng tôi biết những điều mà ông Lê không rõ.

Ông Mai kể lại:

Vào khoảng giữa năm 1911 hay 1912 – Tôi không nhớ đúng nữa – tôi làm việc ở phòng ăn của các sĩ quan trên tàu. Tàu chúng tôi cập bến Sài Gòn để lấy hàng và đón khách.

Một buổi trưa, một người trai trẻ lên tàu. Sau một phút ngập ngừng anh ta hỏi xin việc.

Chúng tôi trả lời là không có việc gì và có chăng nữa, chúng tôi cũng không có quyền nhận anh ta.

Chúng tôi cười vì chàng trai có vẻ một anh học trò không phải là người lao động như chúng tôi. Chúng tôi nói nhỏ với nhau: "Một người như thế có thể làm công việc gì trên tàu?"

Tôi không hiểu tại sao tôi thấy thương hại anh ta và tôi nói: "Đi theo tôi, tôi sẽ dẫn anh đến gặp chủ tàu. Có lẽ ông ta sẽ có việc cho anh làm".

Chủ tàu hỏi: "Anh có thể làm việc gì?"

- Tôi có thể làm bất cứ việc gì! Chàng trai trả lời.

- Được, ta sẽ lấy anh làm phụ bếp. Sáng mai anh đến đây nhận việc.

Chàng trai ấy xưng tên là Ba. Vì tôi đã giúp anh ta việc nhỏ ấy, cho nên anh ta rất thân với tôi, và cũng vì anh ta rất dễ yêu nên tôi cũng rất thân với anh ấy. Việc gì tôi làm được là tôi cố làm để giúp anh ta, vì anh ta chưa biết làm gì cả. Vả lại, anh ấy có can đảm và nhẫn nại. Phụ bếp trên tàu, mỗi ngày anh ta phải làm: từ bốn giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, rồi đốt lửa trong các lò. Sau đó đi khuân than, rồi xuống hầm lấy rau, thịt, cá, nước đá v.v… Công việc khá nặng nhọc vì dưới bếp rất nóng và trong hầm rất rét, nhất là khi vừa phải vác một bao nặng vừa leo lên những bậc thang trong khi tàu tròng trành.

Xong công việc ấy, phải dọn cho bọn chủ bếp Pháp ăn. Sau đấy, nhặt rau, rửa chảo nồi và đun lò lại. Công việc kéo dài suốt ngày.

Nhà bếp lo ăn cho 7, 8 trăm người cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo bằng đồng lớn và nặng quá đến nỗi anh Ba phải kéo lê trên sàn. Và những cái nồi cao quá anh phải leo lên ghế để chùi nồi. Luôn luôn nghe tiếng:

- Ba, đem nước đây!
- Ba, đem chảo đi!
- Ba, thêm than chỗ này, thêm than chỗ kia!

Suốt ngày, anh Ba dầm nước, hơi và mồ hôi, mình đầy bụi than. Người ta thấy anh Ba phải dùng hết tinh thần và sức lực để làm cho xong công việc. Và hơn nữa vì chưa quen việc, anh phải gọt xong đống củ cải và khoai tây. Anh không biết làm thế nào. Tôi dạy cho anh. Tôi còn nhớ một lần phải gọt măng tây. Đây là lần đầu tiên anh Ba thấy măng tây. Anh ta bắt đầu gọt trơ trụi, thì vừa lúc tôi đến. Tôi hối hả quẳng xuống bể tất cả măng đã gọt và tôi bầy cho anh ta phải làm như thế nào. Nhờ thế không xảy ra việc gì.

Mỗi ngày, 9 giờ tối, công việc mới xong. Anh Ba mệt lử. Nhưng trong khi chúng tôi ngủ hoặc đánh bài, anh Ba đọc hay viết đến 11 giờ hoặc nửa đêm. Về thứ bậc anh Ba là người dưới chúng tôi, chúng tôi là những người có chức vị, còn anh Ba thì là người phụ bếp. Nhưng vì anh Ba hiểu biết - anh giúp những người bạn mù chữ của tôi viết thư về cho gia đình họ, và anh không bao giờ nói tục - vì vậy anh Ba được tất cả chúng tôi yêu mến.

Một lần, dọc đường, anh Ba suýt chết đuối. Bể nổi sóng. Làn sóng to như những quả núi chồm lên đổ xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Như mọi ngày, anh Ba đi lên đi xuống từ bếp xuống hầm. Không thể vác những rổ rau lên vai vì tàu tròng trành, anh phải buộc rổ rau vào dây sắt để kéo đi, chuyến thứ hai một ngọn sóng lớn thình lình phủ lên sàn tàu và cuốn xuống bể mọi vật trên sàn tàu. Cả những rổ rau và anh Ba nữa. Anh bị đẩy vào giữa cột buồm và dây xích, nhờ vậy mà thoát chết.

Cái gì đối với anh Ba cũng mới, anh phải học tất cả. Ví dụ mới đầu anh không ăn được bánh mì và bơ. Ăn xúp thì anh dùng nỉa.

Vài ngày sau tàu rời bến, có hai hành khách - hai người lính trẻ tuổi giải ngũ trở về Pháp. Tôi không hiểu tại sao hai anh này đã trở nên bạn thân của anh Ba. Họ giúp anh nhặt rau và buổi tối họ cho anh mượn những quyển sách nhỏ, dạy cho anh đọc và viết. Và anh Ba lại dạy họ học quốc ngữ và thỉnh thoảng dấm dúi cho họ một cốc cà phê. Anh nói với tôi với một vẻ ngạc nhiên: ”Anh Mai, cũng có những người Pháp tốt, anh ạ”.

Hồi ấy, Bùi Quang Chiêu, kỹ sư canh nông vào làng Tây, đi tàu hạng nhất cùng với gia đình. Ông ta đưa con sang Pháp học. Trông thấy Ba, ông ta gọi anh lại và thân mật bảo:

- “Tại sao con lại làm cái nghề khó nhọc này? Bỏ nghề này đi. Con nên chọn một nghề khác, danh giá hơn...”. Anh Ba lễ phép cảm ơn ông Chiêu, nhưng không nói đồng ý hay không.

Đến Mạc-xây, chúng tôi lĩnh lương; mỗi nhân viên Việt Nam được từ 100 đến 200 quan, thêm vào đấy tiền thưởng của hành khách. Anh Ba là phụ bếp chỉ được 10 quan.

Anh ta được ít lương, nhưng anh học được nhiều chuyện mới lạ. Coi tôi là bạn thân thiết nhất, anh ta nói với tôi tất cả những điều anh trông thấy và suy nghĩ.

- “Ơ! Ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta!”

Trông thấy những gái điếm làm tiền trên tàu, Ba nói với tôi:

- Tại sao người Pháp không “khai hóa” đồng bào của họ trước khi đi “khai hóa” chúng ta, sao thế anh Mai?

Tàu điện đối với anh Ba là một chuyện kỳ lạ. Lần đầu tiên anh ta trông thấy những “cái nhà biết chạy” ấy. Cái gì cũng làm anh ta chú ý, vì cái gì đối với anh ta cũng mới cả. Luôn luôn anh ta nói:

- “Lần đầu tiên, tôi mới thấy cái này…”

Công việc trong ngày xong, tôi cho anh ta mượn bộ áo quần, và chúng tôi đi đến tiệm cà phê ở đường Ca-nơ-bia. Không cần phải nói, đây là lần đầu tiên anh ta vào tiệm cà phê và cũng là lần đầu tiên người Pháp gọi anh bằng “ông”.

Sau những ngày đầu tiên ở Mạc-xây, anh Ba tóm tắt cảm tưởng của mình bằng mấy chữ:

- Người Pháp ở Pháp tốt, lễ phép hơn người Pháp ở Đông Dương.

Chúng tôi đi theo tàu lên Ha-vơ-rơ (Havre) để sửa chữa. Chúng tôi được đưa sang làm việc ở một chiếc tàu khác, trở về Đông Dương. Anh Ba không muốn trở về. Ông chủ tàu đem anh về nhà. Từ đấy, tôi không được tin tức gì của anh Ba nữa…

Không bao giờ tôi đoán rằng người bạn nhỏ của tôi, người phụ bếp, anh Ba ngây thơ, siêng năng và ngoan ngoãn ấy, lại trở thành Chủ tịch Chính phủ ta, người xây dựng nên nước Cộng hòa chúng ta.

***

Theo địa chỉ ông Mai mách, anh Trần, người cộng tác trẻ của tôi, đến gặp ông Dân ở Nha Trang. Đấy là những điều anh Trần ghi chép: Ông Dân 62 tuổi, chủ một cửa hàng nhỏ sạch sẽ và đông khách, nhà đông con. Ông ta tiếp tôi niềm nở và kể chuyện:

"Tôi có hai con trai đi Vệ quốc quân và một con gái đi cứu thương. Nhà tôi còn ba con nữa: 22, 20 và 18 tuổi, đều là đoàn viên của Đoàn Thanh niên cứu quốc. Cả ba đứa đều muốn đi Vệ quốc quân. Khi nào Tổ quốc cần đến chúng nó, tôi sẵn sàng hiến con cho Tổ quốc. Có lẽ điều đó sẽ làm cho mẹ cháu buồn, nhưng đàn bà thì bao giờ chẳng thế. Tôi cũng nên nói để ông rõ là bà nhà tôi cũng là đoàn viên Phụ nữ cứu quốc. Còn tôi, thủ quỹ của Việt Minh địa phương. Cả gia đình tôi đều làm việc Nhà nước. Cả làng này đều thế. Ai cũng là Việt Minh. Việt Minh, Việt Nam, Việt Nam, Việt Minh. Không thể có Việt Nam mà không có Việt Minh".

Ông Dân có tài nói. Ông bắt chuyện này sang chuyện khác rất thần tình. Kéo ông về câu chuyện mà tôi đặc biệt chú ý không phải là dễ. Nhưng sau tôi đã thành công.

- Có chứ, tôi còn nhớ anh Ba ấy. Chắc chắn tôi còn nhớ anh ta mặc dầu cách đây đã 30 năm.

Tôi ở với ông chủ của tôi ở Xanh A-đơ-rét (Saint Adresse). Một ngoại ô của Ha-vơ-rơ. Một hôm, ông chủ già dẫn về một người trẻ tuổi, gầy yếu, quần áo lôi thôi nhưng có vẻ lanh lợi. Tên anh ta là Ba. Ở nước ngoài mà gặp được một người đồng hương, thì lập tức người ta dễ trở thành bạn thân. Chúng tôi cũng vậy.

Chúng tôi ở một biệt thự, có vườn hoa. Ông chủ già khi rảnh việc thì ở câu lạc bộ thành phố. Bà chủ thường đến nhà người con gái, vợ một nhân viên của công ty. Một bà nấu bếp, một người tốt, nếu anh ta khéo nịnh thì bà ta cho anh ăn ngon, nhưng khi bà ta cáu thì như một mụ yêu tinh. Một cô sen xinh xinh hay làm dáng, có một "bà mẹ hay ốm"- "bà mẹ ốm" chính là một chàng thủy thủ. Để đi gặp tình nhân, chị ta lừa chúng tôi luôn và nói là đi thăm mẹ ốm. Trong nhà tất cả là 6 người.

Đồ đồng đánh bóng, đồ đạc lau xong, bàn ghế sạch bụi, thế là ông chủ bà chủ bằng lòng và rất tốt, luôn luôn một điều "con" hai điều "con". Nhưng phần lớn công việc do cô sen làm. Chị ta muốn cho chóng xong để đi gặp "bà mẹ ốm".

Vì vậy chúng tôi có rất nhiều thì giờ rảnh. Anh Ba dùng thì giờ, chăm bón hoa với người làm vườn hoặc giở những tờ báo có ảnh trong tủ sách ra xem. Sau khi đến được ba ngày, anh hỏi tôi: "Anh Dân, anh có biết viết chữ quốc ngữ không? ". Tôi hơi thẹn nhưng trả lời thành thật : "Không, tôi không biết". Anh Ba liền giảng giải và khuyến khích tôi học. Tôi làm theo lời anh. Anh Ba cũng thế.

Anh học tiếng Pháp với cô sen. Ngày nay tôi đọc được và viết được chính là nhờ anh Ba. Để trả ơn, thỉnh thoảng tôi dẫn anh Ba đi xem chiếu bóng hoặc xem xiếc.

Chúng tôi ở với nhau được độ một tháng. Một buổi chiều, người chủ già đi làm về, nói với anh Ba: "Có một chuyến tàu đi vòng quanh Châu Phi. Không có khách. Chỉ có hàng hóa. Anh có muốn nhận làm bồi cho các sĩ quan trên tàu ấy không? Họ không đông lắm đâu, và đều là những người tốt, anh sẽ thấy anh không đến nỗi vất vả ở trên tàu. Đồng ý chứ?".

Anh Ba vui vẻ nhận lời. Sau tôi nói với anh: "Ba ơi, khí hậu ở Châu Phi rất nóng, nóng hơn ở bên ta. Và một chiếc thuyền chở hàng rất tròng trành, rất dễ làm cho anh say sóng. Đi như thế anh dại dột lắm: Nhất là một thân một mình, bầu bạn không có…" Anh Ba nói với tôi: "Anh không nên nói như thế. Tôi là thanh niên, tôi khỏe, tôi chịu được khổ. Và tôi muốn đi xem các nước". Ngay hôm sau anh Ba đáp thuyền đi, anh có viết thư cho tôi hai ba lần, kể cho tôi nghe vô số chuyện, nói đến người da đen, người Ả Rập, nói đến xứ Tê-nê-ri-pho, xứ Lit-bon, đến những con vẹt… Anh cũng cho biết là người nấu bếp trên tàu cũng là một đồng hương tên là Bốn…"

Không để cho ông Dân nói hết câu, tôi hỏi: "Ông có biết ông Bốn ấy không?".

- Có, tôi biết. Tôi biết chắc chắn anh ta là một người ngớ ngẩn, có khi như là một người điên. Về già, anh ta trở nên khôn ngoan hơn. Anh ta làm việc như một con bò. Anh ta lĩnh được rất nhiều tiền. Nhưng mỗi lần tàu cập bến, anh ta tiêu sài trong hai ba ngày thì hết sạch số tiền kiếm được trong hai ba tháng. Chẳng bài bạc gì. Anh ta chỉ thích đi theo gái. Anh ta xấu như con quỷ. Nhưng anh ta bắt nhân tình với một cô gái nhẩy… và khi nào hết xu, chị chàng đuổi anh ra cửa.

- Bây giờ anh ấy ở đâu?

- Ông đến Quỳnh Lâm và hỏi Bốn sẹo thì ở đấy ai cũng biết. Bây giờ anh ta đã khôn ngoan hơn và được mọi người mến.

Để kết luận cuộc phỏng vấn của tôi, tôi hỏi ông Dân:

- Ông có biết anh Ba hiện nay thế nào không?

- Không, tôi rất tiếc là không biết.

- Ông có muốn tôi nói cho ông biết không?

- Còn gì bằng nữa!

- Ông quay lại xem, anh Ba ấy đây kìa. Tôi vừa nói vừa chỉ chân dung Hồ Chủ tịch treo trên bàn thờ giữa những bình hoa bình hương, đèn nến. Ông Dân quay đầu, mở to đôi mắt, há miệng gãi tai. Và ông bật lên như một cái lò xo và kêu:

"Hồ Chủ tịch! Hồ Chủ tịch của chúng ta! A di đà phật! Nhưng làm sao anh biết? Anh nói thật đấy chứ? Ờ, ờ, lạ quá nhỉ. Hồ Chủ tịch là anh Ba ấy ngày xưa.

Hay quá nhỉ! Tôi sẽ kể điều đó cho bà nhà tôi nghe, cho các cháu nghe. Chúng nó sẽ mừng biết mấy! Cha của chúng nó biết cụ Hồ ngày xưa…".

Tôi lại tìm đến ông Bốn. Tính tình ông Bốn hoàn toàn khác với ông Dân, và cũng không giống như anh Bốn trai trẻ mà ông Dân đã nói. Đấy là một ông già hơn 60 tuổi, hiền lành. Với một giọng nhè nhẹ, ông kể lại đời mình cho tôi nghe và những mối quan hệ giữa ông với anh Ba hồi ấy. Ông nói:

"Lúc còn trẻ tôi đi vòng quanh thế giới làm nghề nấu bếp trên tàu. Tôi kiếm được rất nhiều tiền. Nhưng tôi không gửi một xu nhỏ về gia đình. Tôi chạy theo một cô gái nhảy, có bao nhiêu nướng hết.

Tôi đi nhiều, nhưng tôi không thấy gì, không đọc gì. Tôi hoàn toàn dốt đặc, không biết đọc chẳng biết viết. Một lần đi trên một chiếc tàu nhỏ chở hàng, tôi có người bạn là một đồng hương trẻ tuổi, tên là Ba. Sau những giờ làm việc anh Ba viết và đọc sách. Chính anh đã khuyên tôi học chữ quốc ngữ. Anh Ba có một lối thuyết phục người rất giỏi. Nhờ những lời khuyên bảo và sự giúp đỡ của anh Ba, tôi trở nên một người khá.

Chiếc tàu nhỏ rời Ha-vơ-rơ. Đỗ lại ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, An Giê Ri, Tuy Ni Di và những cửa bể Đông châu Phi cho đến Công Gô. Đến đâu anh Ba cũng để ý xem xét. Mỗi lần tàu cập bến, thế nào anh Ba cũng kiếm cách đi thăm thành phố. Khi trở về, anh có những ảnh và những hộp diêm đầy túi. Anh Ba thích thu thập những thứ ấy.

Đến Da-ca, bể nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả ca-nô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bể cuốn đi.

Cảnh tượng ấy, mọi người coi là thường. Nhưng điều đó làm cho anh Ba hết sức cảm động, anh khóc. Ngạc nhiên tôi hỏi tại sao? Anh Ba buồn rầu trả lời tôi:

"Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là người tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Đối với bọn thực dân tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu".

Chiếc tàu của chúng tôi chở rượu ngon của Boóc-đô và An Giê Ri cho những thuộc địa khác. Tất cả mọi người trên tàu dùng rượu đó. Vì rượu rất nhiều. Tôi đã trông thấy nhiều thủy thủ say rượu suốt chuyến tàu. Chỉ cần dùi một lỗ nhỏ vào thùng rượu, ấn một ống cao su nhỏ vào đấy, hút thật mạnh và để đầu ống kia vào một cái chai. Và như thế tha hồ mà uống. Nhưng anh Ba không bao giờ uống rượu và khuyên tôi không nên làm như thế.

Anh Ba rất tốt với mọi người và không bao giờ cãi cọ với ai. Nhưng anh Ba hơi khác thường. Mỗi ngày, anh dậy thật sớm để xem mặt trời mọc. Và trong

những đêm trăng, anh hầu như không ngủ, anh đi đi, lại lại trên tàu, ngắm trời ngắm bể. Chúng tôi đậu lại ở Tê-nê-ríp-pho vào lúc hoàng hôn. Bể lặng sóng, hòn đảo giống như một cái chụp đèn khổng lồ để trên mặt bể, phía trên lóng lánh, phía dưới xanh xanh. Chỉ có thế thôi. Mà anh Ba ngây người. Anh nhắc đi nhắc lại: "Bốn, anh nhìn kìa! Đẹp quá! Hùng vĩ quá!"

Đến lúc trở về Ha-vơ-rơ. Nhớ lời khuyên của anh Ba, tôi không đến thăm cô gái nhảy nữa. Tôi còn đi một vài chuyến dành được ít tiền thì tôi trở về nước, mở một cửa hàng nhỏ, và lấy vợ. Nghĩ đến tình bạn giữa chúng tôi, tôi đã đặt tên cho đứa con đầu lòng của tôi là Ba, điều đó làm cho những người chung quanh lấy làm lạ. Việc đó đã cách đây 30 năm. Ngày giờ đi chóng quá".

Ông Bốn ngừng lại. Tôi hỏi tiếp:

- Thế còn ông bạn Ba của ông, sau đấy đi đâu?

- Ba cũng rời chiếc tàu, nói là đi Anh.

- Tại sao đi Anh.

- Ba nói để học tiếng Anh.

- Thế ông có được tin tức của anh Ba không?

- Có, hai ba lần gì đấy, anh Ba đã kể cho tôi nghe đã gặp ở Luân Đôn một người đồng hương tên là Nam.

- Ông có biết ông Nam không?

- Có, hầu hết chúng tôi biết nhau, vì chúng tôi đều ở cả trong tổ chức.

- Tổ chức gì?

- Trước kia là một hội kín, nhưng từ khi nước ta độc lập thì công khai. Chính là công đoàn hải ngoại.

- Và từ bấy đến nay, anh Ba ấy không viết thư cho ông sao?

- Rất tiếc là không. Vài năm sau, nghĩa là sau đại chiến thứ nhất, thỉnh thoảng một ông bạn lại đến nhà tôi đem theo một gói to tướng sách báo và nói với tôi:

"Ông Ba nhờ ông giữ hộ những thứ này, trong vài ngày một người bạn tên là X, sẽ đến lấy". Cứ thế kéo dài trong mấy năm. Nhưng từ khi cửa hàng của tôi bị người Pháp khám xét thì không thấy anh Ba gửi nữa.

Được gặp anh Ba, thì nếu mất nửa gia tài , tôi cũng vui lòng.

Ông Thanh, thư ký công đoàn thủy thủ Vinh, giới thiệu tôi với ông Nam. Sau khi chào hỏi, tôi đi ngay vào câu chuyện về anh Ba.

Ông Nam là một người làm bánh rán có tiếng trong thành phố. Ông ta ở trong Ban chấp hành Công đoàn cứu quốc hải ngoại. Ông có 5 người con trai, hai người đi bộ đội và hai người vào tự vệ; người con thứ 5 học ở trường Đại học Hà Nội. Cô Nam, cô gái trẻ đẹp 18 xuân xanh và con út của ông bà Nam làm cứu thương.

Ông Nam kể:

“Trước tôi làm việc ở tiệm ăn Các-lơ-tông, một tiệm sang có tiếng ở Luân Đôn. Người làm bếp độ 100 người đủ các hạng. Có cả người Pháp, người Anh, người Đức, người Nga, người Châu Á và tôi là người Việt Nam. Chính ông Ét-cốp-phi-e, ông vua đầu bếp, được huân chương danh dự, điều khiển nhà bếp. Về ông Ét-cốp-phi-e, có một chuyện đáng kể lại: Tài nấu bếp của ông ta, thế giới đều biết. Những chủ quán lớn nhất trên thế giới trả tiền rất nhiều để mời ông ta làm chủ bếp. Khi có những yến tiệc lớn, người ta mời ông đến làm thức ăn và điều khiển nhà bếp. Lần vua Đức sang thăm Luân Đôn, vua Anh mời ông Ét-cốp-phi-e phụ trách làm bữa tiệc, và tất nhiên với một số lương rất hậu. Ông già Ét-cốp-phi-e kiêu hãnh trả lời: “Tôi người Pháp. Tôi không nấu cho kẻ thù dân tộc tôi”.

- Vâng, bây giờ chúng ta nói chuyện anh Ba. Vào khoảng một năm trước đại chiến, một hôm, tôi gặp ở phòng lau chùi thìa, nỉa, một người Á đông trẻ tuổi. Tôi không để ý đến anh ấy vì tôi tưởng anh ấy là người Trung Quốc. Đến ngày thứ ba, chính anh ấy đến nói chuyện với tôi bằng tiếng Việt Nam. Cố nhiên tôi rất sung sướng được gặp một người đồng hương. Từ ngày ấy, chúng tôi trở nên đôi bạn thân.

- Ai đưa anh đến đây, đến nước Anh? Tôi hỏi anh Ba.

- Tôi đến đây một mình để học tiếng Anh.

- Hay đấy, nhưng tiếng Anh rất khó học. Đã hai năm tôi ở thành phố này mà cũng không biết hơn, ngoài hai chữ Yes và No (vâng và không).

- Phải học chữ. Chúng ta sẽ cùng nhau học.

- Trước khi đến đây, anh làm ở đâu?

- Hôm thứ nhất, tôi nhận việc cào tuyết trong một trường học. Một công việc rất mệt nhọc. Mình mẩy tôi đầm mồ hôi mà tay chân thì rét cóng. Và cuốc được tuyết cũng rất khó khăn, vì tuyết trơn. Sau 8 giờ làm công việc này, tôi mệt lử và đói bụng. Tôi đành bỏ việc. Ông hiệu trưởng là một người tốt. Ông ấy trả cho tôi cả ngày làm việc 6 đồng và vừa nói vừa cười: “Chính thế, công việc này quá sức anh”.

Hai ngày sau, tôi tìm được một việc khác. Lần này thì phải đốt lò. Từ 5 giờ sáng, một người nữa với tôi, chui xuống hầm để nhóm lửa. Suốt ngày chúng tôi đổ than thay than trong lò. Ở đây thật đáng sợ. Luôn luôn ở trong cảnh tranh tối tranh sáng. Tôi không biết người ta làm gì ở từng trên, vì không bao giờ tôi lên đấy. Người bạn tôi là một người âm thầm, có lẽ anh ta câm. Suốt hai ngày làm việc, anh ta không hề nói một tiếng. Anh vừa làm việc vừa hút thuốc. Khi nào anh ta cần tôi làm việc thì anh ta ra hiệu. Nhưng không nói một tiếng. Trong hầm hết sức nóng, ngoài trời hết sức rét, và không có đủ áo quần, tôi bị cảm. Vì vậy, tôi nghỉ việc luôn hai tuần lễ. Với số tiền để dành, tôi trả tiền phòng, tiền bơ và bánh mì, và sáu bài học chữ Anh. Khi chỉ còn sáu hào rưỡi, tôi đến sở tìm việc ở Sô-hô, và người ta đưa tôi đến đây”.

Công việc làm từ 8 giờ đến 12 giờ và chiều từ 5 giờ đến 10 giờ. Hàng ngày, buổi sáng sớm và buổi chiều, anh Ba ngồi trong vườn hoa Hay-dơ (Hyde), tay cầm một quyển sách và một cái bút chì. Hàng tuần vào ngày nghỉ, anh đi học tiếng Anh với một giáo sư người Ý. Ba thường khuyên tôi nên học như Ba, nhưng tôi hết sức lười, bây giờ tôi mới tiếc.

Mỗi ngày có một người dọn dẹp đồ đạc. Những người phục vụ, sau khi dọn chỗ khách ăn, phải dọn bát đĩa bỏ tất cả chén bát và thức ăn lẫn lộn vào trong một cái thang điện đưa xuống bếp. Lúc bấy giờ người dọn dẹp phải để đồ đạc riêng một bên, bát đĩa riêng một bên để người ta đem đi rửa. Khi đến lượt anh Ba, anh làm rất cẩn thận. Đáng lẽ vứt thức ăn thừa vào một cái thùng, đôi khi còn cả phần tư con gà, những miếng bít tết to tướng v.v… thì anh giữ gìn sạch sẽ và đưa lại cho nhà bếp. Chú ý đến việc này, ông già Ét-cốp-phi-e hỏi anh: "Tại sao anh không quẳng thức ăn thừa vào thùng, như những người kia?".

- Không nên vứt đi. Ông có thể cho người nghèo những thứ ấy.

- Ông bạn trẻ tuổi, anh nghe tôi. Ông Ét-cốp-phi-e vừa nói vừa cười và có vẻ bằng lòng. "Tạm thời anh hãy gác ý nghĩ cách mạng của anh lại một bên, và tôi sẽ dạy cho anh cách làm bếp, làm ngon và anh sẽ được nhiều tiền. Anh bằng lòng chứ?"

- Và ông Ét-cốp-phi-e không để anh Ba phải rửa bát nữa mà đưa anh vào chỗ làm bánh, với một số lương cao hơn.

Thật là một việc lớn xảy ra trong nhà bếp, vì chính là lần đầu tiên mà ông "vua bếp" làm như thế.

Anh Ba rất giàu tình cảm. Một hôm tôi gặp anh cầm một tờ báo và chảy nước mắt. Tôi hỏi anh vì sao buồn thế. Anh đưa cho tôi tờ báo và giải thích: "Anh xem đây. Đây là tin tức ông thị trưởng Coóc (Cook), một nhà đại ái quốc Ái Nhĩ Lan. Ông ta bị bắt và bị người Anh bỏ tù. Ông ta tuyệt thực. Không những ông không ăn uống, mà còn không nói năng, không cử động nữa. Ông nằm nghiêng một phía im lìm như thế hơn 40 ngày. Da thịt và áo quần ấy thối hết. Và ông chết, chết vì Tổ quốc. Can đảm biết bao! Dũng cảm biết bao! Một dân tộc có những người như ông Coóc sẽ không bao giờ đầu hàng.

Chúng ta cũng thế, chúng ta có những người can đảm như ông thị trưởng Coóc. Anh có biết chuyện cụ Tống Duy Tân không? Tôi kể cho anh nghe : Cụ Tống Duy Tân là một nhà đại trí thức, đấu tranh dũng cảm chống bọn xâm lược Pháp. Cụ bị bắt và nhốt vào trong một cái cũi để gửi đến Bộ Tổng tư lệnh Pháp. Ngồi trong cũi, Cụ vẫn làm thơ yêu nước. Khi hết giấy, cụ bẻ gẫy quản bút, lấy cật tre làm dao, và mổ bụng, cắt ruột tự tử. Trong những giấy tờ tìm thấy trong cũi, cuối những bài thơ, người ta còn đọc những chữ: "Thà chết còn hơn đầu hàng".

Tôi tôn kính tất cả những Tống Duy Tân. Tôi sung kính tất cả thị trưởng Coóc. Cái chết của họ làm cho Tổ quốc họ sống lại, lòng can đảm của họ là bất diệt."

Thế giới đại chiến bùng nổ. Người Pháp ở Luân Đôn nhận được lệnh động viên. Nhiều người khóc nhất là những người đàn bà Pháp.

Người Đức bị bắt nhốt vào trại tập trung. Họ cũng khóc. Lính Anh bị đưa ra mặt trận, cha mẹ, vợ con họ đều khóc.

Anh Ba đến nói với tôi: "Xin từ biệt anh Nam".

- Anh đi đâu?

- Tôi đi Pháp?

- Không nói chơi chứ? Nước Pháp đang có chiến tranh. Anh đến Pháp làm gì?

- Tôi đi xem. Tôi sẽ viết thư cho anh.

Anh Ba bắt tay tôi, chúng tôi hôn nhau. Và cứ thế anh Ba đi, không va-ly, không hành lý.

Chiến tranh tiếp tục. Lính Anh bị thương trở về. Cả những người lánh nạn Bỉ cũng đến. Các công việc đều đình trệ. Lôi Giooc (Lloyd George) lật đổ At-quit (As-quish) và lên làm thủ tướng. Số người nhà bếp của chúng tôi chỉ còn lại một nửa. Đồng vàng và đồng bạc không lưu hành ở Pháp nữa. Quân Đức đã tiến đến sông Mác-nơ (Marne). Nước Pháp bị ngạt thở vì khói lửa chiến tranh. Ở Anh, các thức ăn, thức dùng đều bị Chính phủ hạn chế.

Sau hai tháng rời Luân Đôn, anh Ba viết thư cho tôi đại ý thế này:

"Tôi đã gặp nhà ái quốc Phan Chu Trinh. Anh biết không? Ông bị án tử hình. Nhờ hội nhân quyền và ông Giô-rét (Zaurès) can thiệp, ông Phan được thả và sang Ba-lê. Tôi cũng gặp luật sư Phan Văn Trường và những người khác. Tôi nói với họ:

Trong khi vua Duy Tân nổi dậy ở Huế, nhân dân Thái Nguyên và nhiều nơi khác khởi nghĩa, thì chúng ta cũng phải làm gì chứ?" [1]

---

[1] Trần Dân Tiên, "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch". Nhà XB Sự thật, Hà Nội, năm 1975.

Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam

"Đức bị đánh bại, chiến tranh chấm dứt. Vua Đức trốn sang Na Uy, và ở đấy vua làm nghề xẻ gỗ. Đảng cộng sản Bôn-sê-vích và Lê-nin đã lãnh đạo công nông Nga nổi dậy. Cách mạng tháng Mười thành công. Những đoàn đại biểu các nước bại trận đến Véc-xây họp Hội nghị hòa bình. Bên cạnh những đoàn đại biểu chính thức, có nhiều đoàn đại biểu thay mặt cho các dân tộc bị áp bức. Họ tới là vì nghe có mười bốn điểm của tổng thống Mỹ Uyn-sơn (Wilson). Có cả người Ái Nhĩ Lan, người Ấn Độ, người Triều Tiên, người Ả Rập, v.v… Họ đến để yêu cầu độc lập và tự do. Trong số đó, người ta thấy có ông Nguyễn Ái Quốc (tức là anh Ba).

Ông liên lạc với các đoàn đại biểu Triều Tiên, Ái Nhĩ Lan và các đoàn khác. Ông Nguyễn tổ chức nhóm người Việt Nam yêu nước ở Ba-lê và ở các tỉnh Pháp. Với danh nghĩa của tổ chức này, ông đã đưa ra những yêu cầu ở hội nghị Véc-xây.

Yêu cầu gồm có tám khoản. Những khoản chính là:

- Việt Nam tự trị.
- Tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do báo chí, tự do đi lại, đại xá chính trị phạm.
- Quyền lợi bình đẳng giữa người Pháp và người Việt Nam.
- Bãi bỏ việc bắt dân mua rượu, thuốc phiện, bãi bỏ thuế muối và sưu dịch.

Những yêu cầu ấy gửi đến cho các đoàn đại biểu Đồng minh và tất cả các nghị viện của Quốc hội Pháp.

Cũng nên nhắc lại là ý kiến đưa yêu cầu do ông Nguyễn đề ra nhưng là do luật sư Phan Văn Trường viết, vì lúc bấy giờ, ông Nguyễn chưa viết được tiếng Pháp. Cũng nên nhắc lại là ông Phan Chu Trinh và ông Phan Văn Trường không tán thành hoạt động của nhóm Việt Nam yêu nước, vì các ông ấy cho nhóm thanh niên là trẻ con.

Dần dần công việc của hội nghị Véc-xây tiến lên thì 14 điểm của tổng thống Uyn-sơn cũng dần dần lu mờ không còn hình bóng gì nữa. Và nhân dân Trung Quốc cũng thất vọng chua chát. Để "giả ơn" Trung Quốc đã hợp tác trong chiến tranh, những cường quốc Âu Tây đã chia sẻ Trung Quốc và dâng Thanh Đảo cho Nhật Bản. Trước sự bất công cay đắng ấy, thanh niên Trung Quốc nổi dậy chống lại. Đoàn đại biểu Trung Quốc ở Hội nghị hòa bình bị gọi về. Một phong trào chống chủ nghĩa đế quốc lan rộng khắp Trung Quốc, một phong trào, vừa giải phóng dân tộc vừa cách mạng văn hóa. Đó là phong trào ngày 4 tháng 5 (1919).

Được những sự thật ấy rèn luyện, ông Nguyễn hiểu rằng những lời tuyên bố tự do của những nhà nước chính trị tư bản trong lúc chiến tranh thật ra chỉ là những lời đường mật, để lừa bịp các dân tộc. Và muốn được giải phóng chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình.

Những lời yêu cầu của ông Nguyễn cũng như của các đại biểu các dân tôc bị áp bức khác không có kết quả gì hết.

Nhưng không thể nói những lời yêu cầu ấy là không có tác dụng, bởi vì nó đã đánh dấu một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc.

Với số ít tiền kiếm được, ông Nguyễn sống rất nghèo khổ để có thể thuê in những bản yêu cầu ấy thành truyền đơn đem phát trong các cuộc mít tinh. Do đó, một số đông người Pháp đã hiểu thêm về Việt Nam.

Ông Nguyễn phát những truyền đơn ấy cho tất cả những Việt kiều và những người Việt đi lính ở Pháp. Vì vậy mà có những vụ khám xét trong các trại lính, làm cho những người lao động và lính Việt Nam trước thờ ơ với chính trị nay cũng giác ngộ.

Ông Nguyễn gửi cả những truyền đơn về Đông Dương, nhưng gửi đề tên Việt thì không đến nơi, đề tên người Pháp thì đến nơi. Bọn thực dân Pháp in truyền đơn ấy lên báo để chế giễu và yêu cầu đàn áp. Chính nhờ những tờ báo ấy mà người Việt Nam biết được toàn bản yêu cầu và từ ngày ấy phong trào cách mạng Việt Nam càng lên cao”[1].

***

“…Dạo ấy vào năm 1919, năm đầu tiên sau chiến tranh và là năm của Hội nghị hòa bình. Lúc đó tôi mới 20 tuổi. Bố mẹ tôi trước đó bắt tôi đi học Trường bảo tàng Lu-vrơ là một trường học lớn chuyên đào tạo những người khảo cổ và những người sau vào làm việc cho bảo tàng Lu-vrơ. Tôi ở với mẹ tôi ở nhà số 6 phố Đô-bi-nhi, trung tâm Pa-ri. Nhà tôi ở gác hai ăn thông sang nhà người cậu tôi ở cùng tầng gác. Cậu tôi là Giuyn Căm-bông, đại sứ của chính phủ Pháp. Cậu tôi ở hai buồng làm bàn giấy ở tầng một dưới nhà. Chiến tranh thế giới thứ nhất làm chết nhiều người. Những người thư ký giúp việc cậu tôi xong chiến tranh vẫn chưa thấy trở lại làm việc. Cậu Giuyn Căm-bông nói với mẹ tôi:

- Chắc họ không đến làm nữa đâu. Chị cho cháu Giơ-nơ-vie-e-vơ ở nhà giúp việc hộ tôi.

Thế là tôi phải xin phép nghỉ học nhiều tháng để giúp việc thư ký cho cậu tôi. Một buổi sáng, cả nhà chưa dậy, có tiếng chuông reo ngoài cửa. Tôi chạy ra mở cửa. Tôi thấy hiện ra trên ngưỡng cửa một người châu Á, đúng hơn: một người dân Đông Dương, gầy gò, đáng mến. Người đó chào tôi và nói:

- Tôi có một “bản trần tình” cần đưa cho đại sứ Căm-bông.

Tôi liền mời anh ta vào nhà và vào bàn giấy của đại sứ Căm-bông. Đây là một bản giấy rất đẹp, trang trí theo kiểu Am-pia, mà gia đình chúng tôi hiện còn giữ nguyên như hồi năm 1919. Tôi hỏi khách:

- Xin lỗi, ông cho tôi hỏi: ông là ai?

- Thưa cô, tôi là Nguyễn Ái Quốc. Tôi là thợ ảnh. Tôi muốn được gặp đại sứ Căm-bông.

Anh thanh niên Nguyễn Ái Quốc, liền cởi một cuộn giấy buộc dây đỏ và giở ra nói:

- Tôi đến đây vì tôi muốn đưa cho ngài đại sứ một "bản trần tình" của toàn thể nhân dân Đông Dương.

Tôi đọc trong tập giấy thấy có một bức thư đề gửi đại sứ Căm-bông: "Thưa đại sứ Căm-bông, đại diện toàn quyền của nước Pháp tại hội nghị Véc-xây. Tôi là người đại diện cho nhân dân Đông Dương. Chúng tôi là một dân tộc đang tiến hóa. Chúng tôi đã được hiểu biết về nền văn minh của nước Ngài…" Kèm theo là một bản yêu sách quan trọng nhờ đại sứ Căm-bông chuyển đến hội nghị hòa bình Véc-xây. Bản yêu sách đó đòi trả lại tự do cho các tù chính trị Đông Dương, bãi bỏ các tòa án đặc biệt, tự do báo chí, hội họp, đi ra nước ngoài, học tập, vân vân… Cả hai bản đó đều viết bằng tay rất đẹp và thảo bằng một lời văn rất hay.

Tôi nói với ông Nguyễn Ái Quốc:

- Ông viết hay lắm, nhưng ông cậu tôi chưa dậy vì lúc này còn sớm quá.

Ông Nguyễn Ái Quốc ăn mặc chỉnh tề nhưng quần áo hơi cũ. Ông đứng chờ cho tôi đọc xong tập giấy ông đưa rồi nói:

- Vậy thì tôi để những bản này lại và nhờ cô chuyển tận tay cho đại sứ Căm-bông.

- Vâng, ông cứ để đây. Ông để lại cho tôi cả địa chỉ của ông nữa, nếu có kết quả tôi sẽ trả lời ông rõ.

Ông Nguyễn Ái Quốc chào tôi rất lịch sự và ra về.

Khi cậu tôi dậy làm việc, tôi nói lại chuyện ông khách người Việt Nam tới. Cậu tôi bảo tôi đọc cho cậu tôi nghe "bản trần tình" của ông Nguyễn Ái Quốc. Tôi đọc xong rồi đặt lên bàn giấy của cậu tôi. Cậu tôi đọc lại một lần nữa rồi nói:

- Để rồi chuyển tài liệu này cho thủ tướng Clê-măng-xô.

Và cậu Căm-bông tôi đã đưa tài liệu của ông Nguyễn Ái Quốc cho Clê-măng-xô là người cùng cậu tôi và một số người khác đại diện nước Pháp dự hội nghị hòa bình Véc-xay. Vì sao ông Nguyễn Ái Quốc lúc đó lại tìm đến nhà cậu tôi để đưa bản yêu sách cho hội nghị Véc-xay? Vì đọc danh sách những đại diện toàn quyền của nước Pháp đi dự hội nghị Véc-xay hồi đó, người ta thấy: Thủ tướng Clê-măng-xô, nhà tài chính lớn Clốt-dơ, người chuyên trách chính sách nội trị Tác-đi-ơ, chủ tịch Thượng nghị viện Lê-ông Buốc-gioa và chỉ có một nhà ngoại giao duy nhất là cậu Giuyn Căm-bông của tôi. Giuyn Căm-bông đã từng làm đại sứ của Pháp ở Đức từ năm 1907 đến năm 1914. Có lẽ lúc đó ông Nguyễn Ái Quốc tin rằng đưa cho nhà ngoại giao thì công việc trôi chảy hơn là đưa cho những người không phải là nhà ngoại giao. Ít lâu sau cậu Căm-bông nói với tôi:

- Thật không may cho Nguyễn Ái Quốc. Ở hội nghị người ta bàn đến nhiều nước quá rồi. Hơn nữa ở hội nghị người ta xâu xé các nước thuộc địa và tranh giành ảnh hưởng của nhau trên thế giới, ai nghĩ đến số phận những nước xa xôi ở Viễn Đông. Mà Clê-măng-xô là người không tốt. Cho nên không có kết quả gì"[2]

Sống, làm việc gian khổ để học tập và hoạt động

"…Một người quen ông Nguyễn ở Pa-ri đã cho chúng tôi nhiều tài liệu rất quý báu. Ông này đã nói với chúng tôi như sau:

"Lúc ấy, ông Nguyễn là một người yêu nước quyết tâm hy sinh tất cả vì Tổ quốc; nhưng ông Nguyễn lúc đó rất ít hiểu về chính trị, không biết thế nào là Công hội, thế nào là bãi công và thế nào là chính đảng.

"Trong tất cả các tờ báo Pháp, chỉ có tờ "Dân chúng", cơ quan của Đảng Xã hội Pháp đã in những lời yêu cầu của Việt Nam. Ông Nguyễn đến tòa báo Chủ nhiệm báo, ông Giăng Lông-ghê (Jean Longuer), cháu ngoại Các Mác và nghị viên của Quốc hội Pháp, đã tiếp ông. Ông Nguyễn lấy làm lạ, vì chưa bao giờ ông được ai tiếp đón thân mật như thế. Ông Lông-ghê gọi ông Nguyễn là đồng chí thân ái. Ông nói cho ông Nguyễn rõ tất cả cảm tình của ông đối với nhân dân Việt Nam. Ông khuyến khích ông Nguyễn viết bài và ông sẽ đăng lên báo "Dân chúng" để làm cho nhân dân Pháp hiểu rõ những sự bất công xảy ra ở Việt Nam. Có thể nói rằng cuộc gặp gỡ ấy đã mở đường cho sự hiểu biết chính trị của ông Nguyễn. Nó cũng đã làm ông Nguyễn hiểu rõ nhân dân Pháp.

Ông Nguyễn không đủ tiếng Pháp để viết và phải khẩn khoản yêu cầu ông Phan Văn Trường viết thay.

Ông Trường viết giỏi nhưng không muốn ký tên. Mà chính ông Nguyễn đã phải ký tên những bài báo.

Nhược điểm về tri thức làm ông Nguyễn rất khó chịu. Nhất là ông Trường không viết tất cả điều ông Nguyễn muốn nói. Vì vậy, ông Nguyễn bắt tay vào việc học làm báo. Thường lui tới tòa báo "Dân chúng", ông làm quen với những người Pháp khác trong đó có chủ bút tờ "Đời sống thợ thuyền".

Cũng như ông Lông-ghê, người chủ bút này cũng rất đáng mến. Ông bảo ông Nguyễn viết tin tức cho tờ báo của ông. Biết rằng không thể nhờ ông Trường viết mãi, ông Nguyễn nói thật là mình còn kém tiếng Pháp. Người chủ bút nói: "Điều đó không ngại; có thế nào anh viết thế ấy. Tôi sẽ chữa bài của anh trước khi đưa in. Anh không cần viết dài, 5, 6 dòng cũng được". Ông Nguyễn bắt đầu viết rất khó khăn, xong được 6 dòng. Tin tức về Việt Nam, ông Nguyễn không thiếu, ông thiếu nhất là văn Pháp, ông Nguyễn viết làm hai bản, gửi cho tòa báo một bản giữ lại một bản. Ông hết sức vui sướng khi thấy bài viết đầu tiên của mình được đăng lên báo. Ông đọc lại bài báo đã in, so sánh và sửa những chỗ viết sai. Ông kiên nhẫn làm theo cách ấy. Khi thấy viết đã bớt sai lầm, ông chủ bút bảo ông Nguyễn: "Bây giờ anh viết dài hơn một ít, viết độ 7, 8 dòng". Ông Nguyễn viết 7, 8 dòng.

Dần dần ông Nguyễn có thể viết cả một cột báo và có khi dài hơn nữa. Lúc bấy giờ, người chủ bút bạn thân của ông Nguyễn khẽ bảo: "Bây giờ anh viết ngắn lại. Viết từng này hoặc từng này dòng. Không viết dài hơn".

Ông Nguyễn thấy rằng rút ngắn cũng khó như trước kia phải kéo dài. Nhưng cũng hết sức cố gắng. Và ông thành công. Ông bắt đầu vào làng báo từ đó.

Về văn học, ông Nguyễn thích đọc Sếch-pia (Shakes-peare) và Đích-ken (Dickens) bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa và Huy-gô (Hugo), Dô-la (Zola) bằng tiếng Pháp, A-na-tôn Phờ-răng-xơ (Anatole France) và Lê-ông Tôn-stôi (Léon Tolstoi) có thể nói là những người đỡ đầu văn học cho ông Nguyễn.

Đọc những truyện ngắn của A-na-tôn Phơ-răng-xơ và của ông Lê-ông Tôn-stôi, ông Nguyễn thấy hứng thú về văn chương đơn giản và tự nhủ: "Người ta chỉ cần viết những điều gì người ta thấy và cảm, bằng cách nắm lấy màu sắc và hoạt động của sự vật, như thế thì viết cũng không khó lắm".

Truyện ngắn đầu tiên của ông Nguyễn được đăng trên báo "Nhân đạo" làm hai kỳ. Ông Nguyễn tả đời sống thợ thuyền ở Ba-lê mà cũng là đời sống của ông lúc đó. Tòa báo đã trả bài này 100 quan. Thật là một số tiền lớn lúc bấy giờ. Đó là một thành công lớn về hai mặt: văn chương và tài chính. Thành công đầu tiên này đã khuyến khích ông Nguyễn viết những truyện ngắn khác. Ngoài việc tả lại đời sống thợ thuyền Pa-ri, ông thường viết về các thuộc địa và đặc biệt là Việt Nam, vì không có một chút nào ông quên Tổ quốc mình đang bị giày xéo và đồng bào mình đang bị áp bức. Ông Nguyễn chỉ viết một quyển sách duy nhất là quyển: "Bản án kết tội chế độ thực dân Pháp"; quyển này gồm những tài liệu chống thực dân Pháp, trích trong những sách của người Pháp viết để ở quốc gia thư viện.

Đầy hăng hái, ông Nguyễn viết cả một vở kịch "Rồng tre". Đại ý vở kịch như thế này: có những cây tre thân hình quằn quẹo. Những người chơi đồ cổ lấy về đẽo gọt thành con rồng. Nó là một đồ chơi. Là con rồng nhưng thật ra chỉ là một khúc tre. Là một khúc tre, nhưng lại hãnh diện có tên và hình dáng con rồng. Tuy vậy chỉ là một quái vật vô dụng.

Ông Nguyễn viết vở kịch này vào dịp vua Khải Định sang Pháp để dự triển lãm thuộc địa. Vở kịch bị chính phủ Pháp cấm, nhưng câu lạc bộ ngoại ô Ba-lê đã đem diễn, được các nhà phê bình văn nghệ khen hay.

Trong thời gian ở Pa-ri, ông Nguyễn sống rất cực khổ. Để kiếm tiền, ông Nguyễn làm nghề rửa ảnh và phóng đại ảnh. Chính cụ Phan Chu Trinh đã dạy cho ông Nguyễn nghề này. Ông làm cả nghề sơn vẽ đồ cổ. Ở Ba-lê, có nhiều nhà làm đồ cổ Trung Quốc, họ làm đồ gỗ, bình phong và những vật khác bắt chước theo kiểu Trung Quốc. Họ sơn bằng sơn Nhật và vẽ hoặc viết những chữ ngoằn ngoèo giả chữ Trung quốc. Những bà quý tộc già, những người trọc phú rất ham chuộng những vật ấy không biết là đồ giả và đã mua rất đắt. Công việc sơn vẽ giả đồ cổ Trung Quốc rất dễ cho ông Nguyễn. Không may đấy chỉ là một công việc hàng mùa, mỗi năm chỉ làm vài tháng.

Sự hoạt động chính trị của ông Nguyễn được cảm tình sâu sắc của những người Việt Nam yêu nước, đó là sự dĩ nhiên. Vì lần đầu tiên trong lịch sử, có một người Việt Nam tuyên bố trước toàn thế giới chủ trương giành độc lập cho dân tộc mình; lần đầu tiên trong lịch sử, có một người Việt Nam dám bóc trần những tội ác của bọn thực dân Pháp ngay ở Pa-ri và cũng chính vì vậy mà ông Nguyễn bị bọn thực dân thù ghét.

Người ta rình mò ông Nguyễn. Người ta nói xấu ông, người ta tẩy chay ông. Người ta cố tình mua chuộc ông. Người ta kiếm cách dọa dẫm ông. An-be Xa-rô (Albert Sarraut) bộ trưởng Bộ thuộc địa và Pi-e Pat-qui-ê (Pierre Pasquier) toàn quyền Đông Dương mời ông Nguyễn đến nói chuyện và Tổng giám đốc cảnh sát đã thu giấy căn cước của ông Nguyễn.

Suốt trong thời gian Khải Định ở lại Pháp, ông Nguyễn ngày đêm bị hai tên mật thám theo dõi không rời một bước. Ông không để ý đến những việc ấy. Mặc dầu đời sống nghèo nàn, lại bị rầy rà về chính trị, ông Nguyễn vẫn không nao núng.

Một buổi mai, ông Nguyễn nấu cơm trong một cái sanh nhỏ bằng sắt tây trên ngọn lửa đèn dầu. Với một con cá mắm hoặc một tí thịt. Ông ăn một nửa và để dành một nửa đến chiều. Có khi một miếng bánh mì với một miếng pho mát là đủ ăn cả ngày. Ông trọ ở một phòng nhỏ trong khách sạn rẻ tiền ở xóm lao động. Phòng chỉ kê được một chiếc giường sắt chật, một cái bàn nhỏ và một cái ghế. Chỉ thế thôi, không có gì khác.

Về mùa đông lạnh, mỗi buổi sáng trước khi đi làm, ông để một viên gạch vào lò bếp của khách sạn. Chiều đến, ông lấy viên gạch ra, bọc nó vào trong những tờ báo cũ, để xuống dưới nệm cho đỡ rét.

Thường thường, ông chỉ làm việc nửa ngày, làm buổi sáng để kiếm tiền, còn buổi chiều thì đi đến thư viện hoặc đến dự những buổi nói chuyện chính trị. Tối đến, ông đi dự mít tinh ở Pa-ri. Có rất nhiều cuộc mít tinh. Chính ở đây ông đã làm quen với những người như ông Lê-ông Bơ-lom (Leon Blum), Bơ-rác (Bracke), nhà văn Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê (Vaillant Cuoturier), giáo sư Mác-xen Ca-sanh (Marcel Cachin), nghị viên Mác Sô-nhi-ê (Mac Saughier), bà nữ văn hào Cô-lét (Colette) v.v…

Hầu hết trong những buổi mít tinh ấy, ông đều phát biểu ý kiến. Vì ông là người ngoại quốc độc nhất trong những nơi này, và vì ông có vẻ dễ mến cho nên thính giả thích nghe ông. Ông Nguyễn khéo lái những vấn đề đang thảo luận sang vấn đề thuộc địa, đặc biệt là vấn đề Việt Nam. Ví dụ: có một lần bác sĩ Cu-ê (Coue) nói về thuật thôi miên. Nhiều người phát biểu ý kiến, người này đồng ý, người kia phản đối phương pháp chữa bệnh bằng thôi miên. Đến lượt ông Nguyễn ông kịch liệt phản đối thuật thôi miên. Lý do của ông: Thực dân Pháp đã thôi miên chúng tôi để đàn áp và bóc lột chúng tôi.

Một lần khác, hội nghị thảo luận vấn đề Ái Nhĩ Lan và Triều Tiên. Tất nhiên những nhà diễn giải Pháp đều nghiêm khắc công kích chính sách của Anh, của Nhật và bênh vực nhân dân Ái Nhĩ Lan, nhân dân Triều Tiên. Ông Nguyễn phát biểu ý kiến:

"Cũng là một dân tộc bị áp bức, tôi hoàn toàn đồng tình với những người bạn Ái Nhĩ Lan và Triều Tiên, và đồng tình với hội nghị kết án bọn thực dân Anh, Nhật. Nhưng tôi hỏi các ngài có nên kết án cả những bọn thực dân khác không? Có nên bênh vực nhân dân bị áp bức khác không? Có hay không?

Tất nhiên mọi người đều trả lời có. Thế là được dịp ông Nguyễn trình bày vấn đề Việt Nam.

Trong những buổi hội họp nói chuyện ở Pa-ri, người ta thảo luận đến tất cả các vấn đề. Từ thiên văn, địa lý, chính trị, văn học cho đến cách trồng cải soong và nuôi ốc sên. Trong những buổi hội họp này có tất cả các hạng người bác học, cựu bộ trưởng, nghị viên, nhà văn, thợ thuyền, người đi buôn, người già và người trẻ. Ở đây có một không khí thân mật và dân chủ, giống như ở những câu lạc bộ Zacobin (Gia-cô-banh) thời Đại Cách mệnh Pháp. Ở đây người ta có thể học nhiều chuyện và nhận xét mọi người. Thật là bổ ích.

Mặc dầu nghèo túng, ông Nguyễn luôn luôn vui vẻ, công kích bọn thực dân, ông luôn luôn bình tĩnh, luôn luôn đúng mực. Không bao giờ ông có một thái độ cáu kỉnh hoặc một lời quá đáng. Ông cố gắng hỏi để hiểu biết các vấn đề. Ông tham gia hội "Nghệ thuật và khoa học" và hội "Những người bạn của nghệ thuật". Những hội này mỗi tuần tổ chức những cuộc đi thăm viện bảo tàng, nhà máy, xưởng nghệ thuật, nhà hát, v.v… Có những nhà chuyên môn giải thích các vấn đề ấy.

Ông Nguyễn vào cả hội "Du lịch", một hội đưa người ta đi thăm nước Pháp và những nước lân cận với giá tiền rất rẻ. Nhờ vậy mà ông Nguyễn đi thăm nhiều nơi ở Pháp, ở Ý, ở Thụy Sĩ, ở Đức và cả Tòa thánh Va-ti-căng.

Sau mỗi chuyến đi, ông Nguyễn kể cho chúng tôi nghe cảm tưởng của ông. Thường thường ông nói nửa đùa nửa thật:

"Trong những ngày nghỉ, không nên tiêu phí tiền bạc, mất thì giờ ở bãi bể để nhìn những người đàn bà đi tắm, mà nên đi dụ lịch, học hỏi được nhiều"

…Ngoài những cuộc đi xem để học, ông không thích chơi bời gì khác.

Không phải chỉ vì thích đi du lịch mà ông nhịn ăn nhịn tiêu. Điều đó cũng có, nhưng nhất là ông muốn biết những nước ấy tổ chức và cai trị như thế nào.

Ông Nguyễn bắt đầu tổ chức, hoặc đúng hơn là bắt đầu học tổ chức"[3].

***

"…Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tôi làm thợ sửa ảnh ở Pa-ri. Hàng ngày tôi đến xưởng, chiều tối tôi tham gia các buổi họp của Đảng hoặc dự mit tinh của công nhân. Cuối ngày làm việc, tôi đọc vài trang tiểu thuyết để trau dồi tiếng Pháp và giải trí một chút. Một hôm, một người bạn cùng nghề đưa cho tôi một

cuốn truyện nhỏ của Tôn-stôi. Tôi quên tên cuốn sách là gì. Từ đó đến nay, đã bốn mươi năm rồi còn gì. Song tôi rất nhớ nội dung cuốn tiểu thuyết. Đại ý như sau:

Một sĩ quan quí tộc Nga trẻ tuổi có một người vợ chưa cưới rất đẹp. Tất nhiên là họ rất yêu nhau. Một hôm, trong cuộc nhảy, người vợ chưa cưới trẻ tuổi được giới thiệu với vua Nga. Vua Nga mê tít chị và bắt chị làm nhân tình của hắn. Anh sĩ quan trẻ rất đau đớn. Một bên là tình yêu với vợ chưa cưới, một bên là lòng trung quân đối với vua Nga. Rút cuộc, anh rời bỏ Xanh-pê-téc-bua và đi một nơi xa để khỏi phải nhìn vua Nga và người yêu.

Từ đó rút ra kết luận: sự chỉ trích đạo đức phong kiến.

Cách viết của Tôn-stôi rất giản dị, rõ ràng và dễ hiểu làm tôi rất thích. Tuổi trẻ thường bồng bột, tôi nhảy vùng dậy khỏi giường mặc dù mùa đông rất lạnh, nhất là trong căn phòng bé nhỏ của tôi lại không có lò sưởi, tôi nói to: "Viết một cuốn truyện ngắn chẳng có gì là khó. Mình cũng có thể viết được". Ở Việt Nam chúng tôi, có câu tục ngữ "Điếc không sợ súng". Đúng là trường hợp của tôi. Sáng dậy tôi bắt đầu viết. Mỗi ngày tôi phải viết từ năm giờ đến sáu giờ rưỡi sáng, là vì bây giờ tôi phải đi lên xưởng. Thường thường ngón tay tôi tê cóng lại. Sau một tuần lễ vất vả, tôi viết xong tác phẩm của mình, tôi mang đến tòa soạn báo "Nhân đạo" và nói với các đồng chí trong ban văn học: "Tôi rất sung sướng nếu bài viết của tôi được đăng, tùy các đồng chí đăng hay không đăng, nhưng dù thế nào cũng xin các đồng chí sửa lỗi tiếng Pháp cho tôi…"

Các đồng chí nghĩ xem tôi vui mừng xiết bao, khi mấy ngày sau, mở xem báo buổi sáng, tôi thấy có đăng tác phẩm của tôi, tác phẩm yêu quý của tôi. Niềm vui sướng của tôi càng lớn hơn nữa, khi tòa soạn báo "Nhân đạo" giả tôi một số tiền nhuận bút 50 phờ-răng. Với số tiền đó tôi có thể sống 10 ngày không cần làm việc, tôi có thể dùng thời gian ấy để đọc sách. Hạnh phúc biết ngần nào.

Nghe bài phóng sự của tôi, tôi kể những điều mắt thấy tai nghe trong khu phố tôi ở là khu phố nghèo khổ của những người thợ thuyền và những người thất nghiệp trong thành phố Pa-ri lộng lẫy giàu có. Thành công đầu tiên khuyến khích tôi viết những bài về tội ác của chính phủ Pháp ở Việt Nam và những thuộc địa khác[4].

Trong ngõ hẻm Công Poanh

Nhà số 9, ngõ Công Poanh này là nhà riêng của mẹ chồng tôi. Bà cụ xây cất ngôi nhà này từ thế kỷ thứ 19. Nhà có ba cửa ra vào: một cửa chính, một cửa ngách và một cửa bước thẳng vào sân trong. Nhà nằm trong một ngõ cụt, thuộc một khu phố nghèo của Pa-ri. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, mẹ chồng tôi mở nhà trọ. Cửa vào nhà hồi đó trông xấu xí, phía dưới bằng gỗ, trên lắp kính. Trong sân có một đàn gà chạy kiếm thức ăn.

Trong số những người ở trọ nhà tôi lúc bấy giờ có một người thanh niên châu Á. Mẹ chồng tôi là chủ nhà, biết rõ tên của anh thanh niên ấy. Còn tôi, tôi thấy tên anh ta rất khó đọc và khó nhớ. Chúng tôi trong nhà quen gọi anh ta là "anh Trung Quốc" vì tưởng anh là người Trung Quốc. "Anh Trung Quốc" ở tầng gác hai[5]. Buồng anh mỗi bề ba mét, nhìn xuống ngõ. Thời đó, ngõ nhà chúng tôi không có điện. Mãi đến năm 1930 mới có điện. Tối đến người ta thắp đèn dầu. Đời sống nhân dân trong ngõ nghèo khổ nhưng mọi người ăn ở với nhau rất tốt. Nhà nọ biết nhà kia, thăm hỏi nhau, giúp đỡ nhau, chơi bời với nhau thân ái, chứ không ích kỷ như xã hội bấy giờ, ai biết người nấy, ai sống chết kệ ai.

"Anh Trung Quốc" ở trọ sống rất giản dị và hết sức đứng đắn. Khi nào người làm trong nhà đi vắng, mẹ chồng tôi thường sai tôi vào dọn nhà cho "anh Trung Quốc". Những lần như thế tôi mới có dịp thấy buồng ở của anh. Buồng nhỏ, kê vẻn vẹn một cái giường, một cái bàn và một cái tủ. Trong buồng có chậu rửa mặt, nhưng vòi nước thì ở đầu cầu thang. Lò sưởi không có, mà mùa đông ở Pa-ri thì rất lạnh. Tôi nhớ rõ một lần tôi gõ cửa buồng anh để vào dọn dẹp. Anh chào tôi và bảo tôi: "Bà Giam-mô bà cứ để đấy cho tôi. Tôi không muốn phiền bà. Bà để tôi làm lấy được". Tôi thấy anh mặc quần áo ngủ và anh đang ngồi làm việc gần cửa sổ. Cửa mở, sợ gió lùa, tôi định đóng lại thì anh ngăn: "Bà Giam-mô, bà cứ để như thế cho. Không sao cả. Xin cảm ơn bà". Có lần tôi vào buồng anh để thay đồ trải giường cho anh thì gặp anh đang ngồi ăn cơm. Tôi thấy anh tay cầm bát cơm, tay cầm đũa. Anh nấu cơm lấy bằng cái bếp cồn để ở góc buồng. Anh chào tôi và nói: "Cảm ơn bà Giam-mô. Tốt lắm. Cảm ơn bà". Một lần khác bước vào buồng, tôi thấy anh đang ngồi viết và thấy anh bảo: "Bà Giam-mô, bà cứ để tôi làm lấy, tôi không dám phiền bà. Cảm ơn bà".

Vải trải giường trong buồng anh do nhà trọ cung cấp và thay đổi, nhưng quần áo của anh thì anh tự giặt lấy. Anh ăn ở ngăn nắp, trật tự, không làm ầm ĩ bao giờ và mẹ chồng tôi suốt mấy năm trời anh ở trọ không hề than phiền một câu nào về anh. Gia đình tôi đều nhận xét anh là người lịch sự, biết điều, đứng đắn và là một thanh niên nước ngoài rất nghèo. Hàng ngày, anh đi làm ở đâu chúng tôi không biết rõ. Bao giờ cũng thế, anh xuống thang xem có thư từ, báo chí gì người ta gửi cho anh không, rồi anh đi cửa ngách bên để ra phố. Đi đâu về anh lại tìm thư từ, báo chí trong hộp rồi mới lên buồng.

Gia đình chúng tôi hồi đó ở tầng một, cho nên hàng ngày anh đi về chúng tôi đều thấy. Có ngày cả hai buổi không trông thấy anh ra phố, chúng tôi lên buồng anh để hỏi thăm. Tôi cho rằng thời trước người ta sống có tình thương yêu đùm bọc nhau hơn thời nay ở cái đất Pa-ri này. Điều đặc biệt là tôi không thấy anh tiếp khách hay tiếp bạn bè trong buồng anh bao giờ.

Bỗng một hôm "anh Trung Quốc" từ giã nhà số 9 ngõ Công Poanh của chúng tôi đi đâu chúng tôi cũng không rõ" [6].

Con đường dẫn đến chủ nghĩa Lê-nin

"Ngay sau chiến tranh thế giới thứ nhất, tôi làm thuê ở Pa-ri, khi thì làm cho một cửa hàng phóng đại ảnh, khi thì vẽ "đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa" (do một xưởng của người Pháp làm ra). Hồi đó tôi thường rải truyền đơn tố cáo tội ác bọn thực dân Pháp ở Việt Nam.

Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách Mạng tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên. Tôi chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của nó. Tôi kính trọng Lê-nin vì Lê-nin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình; trước đó, tôi chưa hề đọc một quyển sách nào của Lê-nin viết.

Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các "ông bà" ấy – hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế - đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu.

Hồi ấy, trong các chi bộ của đảng xã hội, người ta bàn cãi sôi nổi về vấn đề đó nên ở lại trong Quốc tế thứ hai, hay là nên tổ chức một Quốc tế thứ hai rưỡi, hoặc tham gia Quốc tế thứ ba của Lê-nin? Tôi dự rất nhiều các cuộc họp một tuần hai hoặc ba lần. Tôi chăm chú nghe những người phát biểu ý kiến. Lúc đầu, tôi không hiểu được hết. Tại sao người ta bàn cãi hăng như vậy? Với Quốc tế thứ hai, hoặc thứ hai rưỡi, hay là thứ ba, thì người ta người ta cũng đều làm được Cách mạng cả, sao lại phải cãi nhau? Và còn Quốc tế thứ nhất nữa, người ta đã làm gì với nó rồi?

Điều mà tôi muốn biết hơn cả - và cũng chính là điều mà người ta không thảo luận trong cuộc họp – là: vậy thì cái Quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa?

Trong một cuộc họp, tôi đã nêu câu hỏi ấy lên, câu hỏi quan trọng nhất đối với tôi. Có mấy đồng chí đã trả lời. Đó là Quốc tế thứ ba, chứ không phải Quốc tế thứ hai. Và một đồng chí đã đưa cho tôi đọc Luận cương của Lê-nin về cá vấn đề dân tộc và thuộc địa đăng trên báo Nhân đạo.

Trong Luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang hỏi trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!"

Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba.

Trước kia, trong các cuộc họp chi bộ, tôi chỉ ngồi nghe người ta nói: tôi cảm thấy người nào cũng có lý cả, tôi khong phân biệt được ai đúng và ai sai. Nhưng từ đó tôi cũng xông vào những cuộc tranh luận. Tôi tham gia thảo luận sôi nổi. Mặc dù chưa biết đủ tiếng Pháp để nói hết ý nghĩ của mình, tôi vẫn dập mạnh những lời lẽ chống lại Lê-nin, chống lại Quốc tế thứ ba. Lý lẽ duy nhất của tôi là:

Nếu đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu đồng chí không bệnh vực các dân tộc thuộc địa thì đồng chí làm cái cách mạng gì?

Không chỉ tham gia các cuộc họp của chi bộ mà thôi, tôi còn đến những chi bộ khác để bệnh vực lập trường "của tôi". Ở đây tôi cần nhắc thêm rằng các đồng chí Mác-xen Ca-sanh, Vay-ăng Cu-luy-ri-ê, Mông-mút-xô và nhiều đồng chí khác đã giúp đỡ tôi hiểu biết thêm. Cuối cùng ở Đại hội thành phố Tua [7] tôi cùng các đồng chí ấy biểu quyết tán thành tham gia Quốc tế thứ ba.

Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác – Lê-nin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng *chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"* ***[8]***.

***

"Trong một cuộc họp ở phòng họp của "Hội phổ biến kiến thức" ở Khu la-tinh, gần đường Xanh Giéc-manh, tôi lần đầu gặp anh Nguyễn Ái Quốc. Tôi nhớ rõ hồi đó thân hình anh Nguyễn Ái Quốc mảnh khảnh, tóc đen, dáng người trẻ hơn tuổi. Anh Nguyễn hơn tôi 7 tuổi nhưng trông chỉ bằng tuổi tôi. Người Việt Nam trẻ rất lâu. Con người giản dị, lịch sự, dễ mến của anh Nguyễn đã thu hút tôi ngay buổi đầu. Tôi hỏi anh tình hình nước anh. Tôi bỗng nhớ đến những lần tôi về quê ở vùng Tác-bơ, gần dãy núi Pi-rê-nê, tôi đã thấy nhiều người Việt Nam làm việc ở binh công xưởng của địa phương. Họ bị giam trong trại và bị đối xử xấu. Tôi muốn biết chuyện những người Việt Nam đó và tôi hỏi anh Nguyễn Ái Quốc vì sao họ phải sang Pháp làm. Anh Nguyễn bắt đầu kể cho tôi nghe tình hình nước anh và những hành động xấu xa của chủ nghĩa thực dân Pháp đang thống trị nhân dân anh.

Đối với tôi, đấy là điều mới lạ. Vì lúc đó ở Pháp, người ta giới thiệu chính sách thuộc địa như là một công việc xuất cảng văn minh sang các nước lạc hậu. Nhờ quen biết anh Nguyễn mà tôi hiểu thêm sự thật về chủ nghĩa thực dân Pháp. Thấy anh là một người rất tốt, tôi kết bạn với anh. Chúng tôi gặp nhau luôn trong các cuộc họp. Nhất là ở phòng họp "Hội phổ biến kiến thức" là nơi anh Nguyễn hay lui tới. Anh Nguyễn và tôi lúc đó đều là Thanh niên. Hai người chúng tôi gặp nhau là nói chuyện, bàn luận rất nhiều và sôi nổi về tình hình thời sự.

Chúng tôi cùng nhau nói chuyện về nước Nga Xô-viết. Hồi đó, chúng tôi đang đi quyên tiền trong các phố Pa-ri để giúp Cách mạng Nga vượt qua nạn đói, hậu quả của việc chính phủ Pháp và chính phủ các nước Đồng minh bao vây nước Nga Xô-viết. Một hôm, tan buổi họp, đi trên đường phố, anh Nguyễn nói với tôi: "Này, Giắc ơi, cách mạng Nga đang bị tiến công. Nhưng nó sẽ chiến thắng mọi kẻ thù. Tất cả chúng ta còn gặp nhiều khó khăn trước khi đi đến thắng lợi cuối cùng. Nhưng dù thế nào, chúng ta vẫn cứ đi tới. Trước khi đánh gục chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới, chúng ta còn trải qua nhiều gian truân, nhưng thắng lợi

nhất định thuộc về chúng ta". Anh Nguyễn không hề có ảo tưởng thắng dễ dàng chủ nghĩa tư bản và anh có con mắt nhìn rộng.

Tất nhiên hai chúng tôi còn bàn chuyện quanh vấn đề gia nhập Quốc tế cộng sản. Chúng tôi lúc đó hơi bi quan về kết quả đại hội Đảng xã hội họp ở Xtrát-xơ-bua tháng 2-1920. Dạo ấy ở Pháp đang có phong trào bãi công rất mạnh, xe lửa không chạy, quần chúng sôi sục đấu tranh. Chúng tôi băn khoăn không hiểu đại hội có tán thành gia nhập Quốc tế cộng sản không? Anh Nguyễn bảo tôi: "Không! Họ không tuyên bố gia nhập Quốc tế cộng sản đâu, nhưng có lẽ họ sẽ tuyên bố rút khỏi Đệ nhị quốc tế". Sự việc đã diễn ra đúng như thế. Với đa số phiếu, đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Xtrát-xơ-bua đã quyết định rút khỏi Đệ nhị quốc tế nhưng không gia nhập Quốc tế cộng sản. Đại hội đã quyết định cử Mác-xen Ca-sanh và L.O. Phrốt-xa đi Mạc Tư Khoa để hỏi về những điều kiện gia nhập Quốc tế cộng sản. Vì lúc đó báo chí phản động đang làm ầm ĩ quanh những điều kiện gia nhập Quốc tế cộng sản, cho rằng Quốc tế cộng sản đã đặt cho các đảng muốn gia nhập những điều kiện oái oăm và nghiệp ngã, bắt các đảng phải nhận.

Chúng tôi thảo luận với nhau nhiều về việc này. Chúng tôi hài lòng thấy Ca-sanh và Phrốt-xa được cử đi Mạc Tư Khoa. Anh Nguyễn thì quen biết nhiều Mác-xen Ca-sanh. Anh đã gặp Mác-xen Ca-sanh nhiều lần để giới thiệu tình hình Đông Dương. Và phải nói rằng ngay lúc còn đang theo đường lối chiến tranh đến cùng, Mác-xen Ca-sanh vẫn quan tâm đến các vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Cá tính của Mác-xen Ca-sanh là như thế. Tôi nhớ rõ, hồi đó anh Nguyễn đánh giá vai trò của Mác-xen Ca-sanh ở Mạc Tư Khoa có phần tích cực hơn nhận xét của tôi. Và anh Nguyễn đã đánh giá đúng. Chúng tôi đều nhất trí với nhau rằng Phrốt-xa là một người hoạt động chính trị chưa được tin cậy lắm (Phrốt-xa về sau ra khỏi Đảng cộng sản). Nhưng Mác-xen Ca-sanh thì khác. Phải nói rằng Mác-xen Ca-sanh đã giữ một vài trò hết sức quan trọng trong việc thành lập Đảng cộng sản Pháp. Ngay khi Lê-nin tiếp Ca-sanh và Phrốt-xa ở Mạc Tư Khoa, Lê-nin cũng có nhận xét khác nhau giữa hai người, tuy cả hai lúc đó đều theo đường lối chiến tranh đến cùng của đảng xã hội. Ca-sanh là người mà cách mạng tháng Mười đã gây ấn tượng mạnh. Lê-nin trong thâm tâm tin cậy Ca-sanh và Lê-nin nhận xét đúng. Lê-nin đã nói: "Nếu Mác-xen Ca-sanh hoàn toàn tán thành gia nhập quốc tế cộng sản thì sẽ kéo theo đại đa số đảng viên Đảng xã hội. Điều đó là rất quan trọng, và đảng mới đó sẽ nắm được tờ báo "Nhân đạo", do đó ngay từ đầu sẽ nắm được những lực lượng khá quan trọng". Lê-nin không nghe lời gièm pha của một số người tự nhận là cộng sản nói rằng Mác-xen Ca-sanh là một người "phái giữa" và không được việc gì. Tôi phải nói rằng khi tôi nói chuyện với anh Nguyễn Ái Quốc, tôi thấy ý kiến anh cũng giống y như ý kiến của Lê-nin. Anh Nguyễn rất tin ở Mác-xen Ca-sanh vì anh quen biết Mác-xen Ca-sanh nhiều hơn tôi, anh có dịp gặp gỡ Mác-xen Ca-sanh luôn. Còn tôi, tôi chưa được gặp Mác-xen Ca-sanh.

Thế rồi Mác-xen Ca-sanh sau chuyến đi công tác ở Mạc Tư Khoa trở về Pa-ri, Đảng xã hội tổ chức mít tinh ở rạp xiếc Pa-ri để nghe đoàn đại biểu đi Nga về báo cáo. Người đến nghe nói chuyện rất đông, có tới gần một vạn, chúng tôi cùng đi dự buổi mít tinh. Không sao chen được vào bên trong. Mà đứng ở ngoài xa thì không nghe rõ vì hồi ấy chưa có hệ thống phóng thanh như ngày nay. Tôi chắc anh Nguyễn đã len vào được tới bên trong hội trường. Khi Mác-xen Ca-sanh tới, cả biển người hát vang "Quốc tế ca" và hô "Lê-nin muôn năm! Ca-sanh muôn năm! Ủy ban Xô-viết muôn năm!". Mác-xen Ca-sanh lên diễn đàn nói: "Đối với một đảng viên xã hội lâu đời như tôi từ 30 năm nay, mơ ước nhìn thấy một xã hội không có bóc lột thật là sung sướng biết chừng nào. Được tới thăm nước Nga, ở đó nhân dân lao động nắm chính quyền. Cách mạng Nga tạo ra xã hội đó đã phải trải qua nhiều đau khổ. Chúng ta là người gây ra những đau khổ đó vì rằng chính đạn đại bác Pháp, do công nhân Pháp sản xuất, do công nhân xe lửa và thủy thủ Pháp chuyên chở đang giết bộ đội của nước Cộng hòa Xô-viết Nga".

Tối hôm ấy, bài nói chuyện của Ca-sanh làm tôi hết sức phấn khởi và tôi tin tưởng ở Ca-sanh là người sẽ mở cuộc vận động gia nhập Quốc tế cộng sản. Trong các cuộc họp chính trị người ta tranh luận rất nhiều về vấn đề Quốc tế cộng sản. Tôi luôn luôn gặp anh Nguyễn ở những cuộc tranh luận đó. Bấy giờ chúng tôi hay đi họp với nhau ở mấy nơi này: phòng họp của hội phổ biến kiến thức, phòng họp Muy-Li-ê ở gần lâu đài Luých-xăm-bua, rạp chiếu bóng phố Sa-tô-đo ở quận 10, hợp tác xã Ben-lin-loa-dư ở quận 20, hợp tác xã Lê-ga-li-te ở phố Săm-bờ-rơ-ê Mơ-dơ. Tôi thấy anh Nguyễn mấy lần đứng dậy hỏi các diễn giả về chế độ thực dân và đề nghị mọi người không nên quên việc lên án chủ nghĩa thực dân. Các cuộc họp lúc đó rất sôi nổi, ai nói sai người khác đứng dậy, tranh cãi lại ngay. Anh Nguyễn có tinh thần chiến đấu hăng hái, có tinh thần cách mạng tiến công. Anh có một lối nói sư phạm, có lý có lẽ để thuyết phục mọi người. Lúc đó, anh nói tiếng Pháp giỏi.

Anh có đến nhà tôi chơi. Lúc bấy giờ tôi chỉ có một căn buồng con, nghèo khổ giữa Pa-ri. Tôi nhớ rõ hồi đó anh bàn luận với tôi vấn đề đảng. Anh nói: một đảng cách mạng phải là một đảng có kỷ luật. Một khi đảng đã quyết nghị, không thể có tình trạng mỗi người làm một cách khác, mỗi người đi một nẻo. Phải kết hợp chặt chẽ hành động của Đảng viên với nghị quyết của Đảng. Hồi đó trong đảng xã hội có hiện tượng trong buổi họp đảng, bí thư đảng báo cáo mọi người thảo luận rồi ra nghị quyết, nhưng đến khi thi hành thì không có ai làm, anh Nguyễn nói đến chuyện đó và bảo tôi rằng đã đến lúc cần phải có một đảng mới, một đảng trong đó không lề lối làm việc như ở nghị viện. Chúng tôi nhận thấy tác phong, kiểu cách đấu tranh như ở nghị viện đang là cái tệ trong sinh hoạt của Đảng xã hội và chúng tôi bảo nhau phải kiên quyết đấu tranh chống lại cái tệ đó.

Khi gặp nhau, hai chúng tôi còn bàn luận nhiều chuyện khác, về tình hình thời sự, về các hoạt động chính trị thời bấy giờ. Tôi thấy anh Nguyễn nói chuyện về

Pôn Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê và Ray-mông Lơ-phe-vrơ mà anh đều quen biết. Và anh hỏi tôi về hai người đó. Vì tôi cũng ở trong hội cựu chiến binh với Cu-tuy-ri-ê và Lơ-phe-vrơ. Anh Nguyễn nhận xét rằng Cu-tuy-ri-ê và Lơ-phe-vrơ có nhiều cảm tình với cách mạng Nga, là những người tốt. Hồi tổ chức bầu cử năm 1919, những người ra ứng cử trong tổ tôi hoạt động là Ca-sanh, Cu-tuy-ri-ê, Lơ-phe-vrơ. Còn anh Nguyễn thì hoạt động ở một quận khác bên phía tả ngạn sông Sen, nhưng người ra ứng cử ở quận của anh không phải là người tốt. Tuy vậy anh Nguyễn vẫn ủng hộ cho Ca-sanh, Cu-tuy-ri-ê và Lơ-phe-vrơ. Kết quả cuộc bầu cử làm chúng tôi thất vọng vì các ứng cử viên tiến bộ không trúng cử. Bởi vì lúc bấy giờ Pháp là nước thắng trận, nhân dân tự nhủ: "Rồi thì nước Đức phải nộp tiền cho chúng ta". Trên cái tâm trạng thắng trận ấy, người ta lợi dụng tình cảm của dân chúng và kích động chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi.

Hai chúng tôi ca ngợi cuộc binh biến của thủy thủ trên tàu Pháp ở biển Hắc Hải. Anh Nguyễn tỏ ý khâm phục những thủy thủ bị đầy đi đánh cách mạng Nga đã nổi dậy chống lệnh trên và anh Nguyễn cho đấy là một việc rất có ý nghĩa.

Trong thời gian hoạt động với nhau chúng tôi còn bàn luận với nhau về vấn đề văn học, nghệ thuật. Chúng tôi nói chuyện về các nhà văn Hăng-ri Bác-buýt, Rô-manh Rô-lăng. Rô-lăng lúc đầu theo thuyết bất bạo động như kiểu Găng-đi, nhưng sau thay đổi quan điểm và là một văn hào xuất sắc. Tôi biết anh Nguyễn Ái Quốc đã đọc tiểu thuyết "Lửa" của Bác-buýt. Anh nói với tôi về Bác-buýt, về Đuy-ha-men vừa viết xong cuốn "Văn minh", về tất cả những nhà văn đẻ ra trong chiến tranh. Anh Nguyễn thấy ở đó một không khí sôi sục trong giới tri thức Pháp, gây giống cho những tư tưởng cách mạng. Tôi còn biết anh Nguyễn rất thích đọc tác phẩm của Vích-to Huy-gô và anh nói với tôi về tập thơ "Hình phạt" của Huy-gô mà anh cho là rất hay. Anh còn tranh luận với tôi về Ban-dắc nữa mà anh cũng đọc nhiều tác phẩm của ông ta.

Tháng Chạp năm 1920, anh Nguyễn được cử làm đại biểu đi dự Đại hội Tua của Đảng xã hội. Tôi không được đi Đại hội. Anh Nguyễn là đại biểu Việt Nam duy nhất tại đại hội và anh đã lên án chủ nghĩa thực dân tại Đại hội, nhắc mọi người quan tâm đến tình hình của nhân dân anh, của nhân dân Đông Dương đang bị thực dân Pháp thống trị. Ngay những kẻ cơ hội chủ nghĩa cũng không thể ngăn anh nói đến việc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Tại Đại hội, anh Nguyễn đã gặp đồng chí Cla-ra Dét-kin, nữ chiến sĩ cách mạng lão thành Đức, nghị sĩ Đức, ủy viên ủy ban thường vụ Quốc tế cộng sản, được cử làm đại diện Quốc tế cộng sản đến dự đại hội Tua của Đảng xã hội Pháp.

Đại hội Tua là đại hội thành lập Đảng cộng sản Pháp, đánh dấu một sự kiện hết sức quan trọng trong đời sống chính trị và phong trào cách mạng Pháp. Bây giờ nhắc đến việc thành lập Đảng cộng sản Pháp, tôi nhớ ngay đến Ca-sanh, đến Lơ-phe-vrơ, đến Cu-tuy-ri-ê và phải nhớ ngay đến đồng chí Việt Nam ấy mà mọi

người hoạt động cách mạng ở Pháp yêu mến, đó là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, về sau là chủ tịch Hồ Chí Minh" [9] .

---

[1] Trần Dân Tiên, "Những mẩu truyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch", Nhà XB Sự thật, Hà Nội, năm 1975.

[2] Giơ-nơ-vi-e-vơ Ta-bu-i, "Người khách buổi sớm" Hồng Hà ghi trong tập "Bác Hồ ở Pháp", Nhà XB Văn học, Hà Nội, năm 1970.

[3] Trần Dân Tiên, "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch", Nhà XB Sự thật, Hà Nội, năm 1975.

[4] Hồ Chí Minh "Người học trò của đại văn hào L.Tôn-Stôi", in trên Tạp chí văn học Liên-xô, ngày 19-11-1960.

[5] Người Pháp gọi số thứ tự tầng gác bắt đầu từ tầng gác thứ hai. Tầng hai, theo người Pháp, tức là tầng ba theo cách gọi của Việt Nam ta.

[6] Cụ bà Giam-mô: "Trong ngõ hẻm Công Poanh", Hồng Hà ghi, trong tập "Bác Hồ ở Pháp", Nhà xuất bản Văn học, năm 1970.

[7] Đại hội thành phố Tua: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 của đảng xã hội Pháp họp tại thành phố Tua (Tour) từ ngày 25 đến 30 tháng 12 năm 1920. Ở Đại hội này, Đảng xã hội Pháp đã tách ra làm hai: Đảng cộng sản Pháp gồm số đông đảng viên theo Quốc tế thứ ba và Đảng xã hôi Pháp gồm số ít đảng viên theo Quốc tế thứ hai.
Ở Đại hội Tua, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tuyên bố tán thành chủ trương thành lập Đảng cộng sản Pháp, trước hết là vì Đảng cộng sản là đảng duy nhất kiên quyết đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc thuộc địa. Do đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời cũng là người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

[8] Bài của Hồ Chủ tịch viết cho tạp chí "Các vấn đề phương Đông" (Liên-xô) nhân dịp kỉ niệm lần thứ 90 ngày sinh Lê-nin, năm 1960, với đầu đề: "Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lê-nin"

[9] Giắc Đuy-clô "Những ngày ở Pa-ri" Hồng Hà ghi, trong tập "Bác Hồ ở Pháp", Nhà xuất bản Văn học, năm 1970.

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

Ở Đại hội Tua

Tháng 8-1920 Ủy ban công đoàn đỏ tỉnh tôi và tổ chức "Đoàn thanh niên công đoàn xã hội" cử tôi và hai đồng chí nữa làm đại biểu của tỉnh đi dự đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở thành phố Tua.

Cuối năm 1920, chúng tôi đi Đại hội Tua bằng xe lửa. Tới ga có anh em đồng chí ở địa phương ra đón. Ba chúng tôi ở trọ lại nhà đồng chí Bơ-véc-đi, thợ xe lửa ở Tua. Đại hội Đảng xã hội Pháp, khai mạc đúng vào dịp lễ Nô-en, ngày 25-12-1920, tại phòng họp lớn của nhà Ma-ne ở Tua. Sau lưng đoàn chủ tịch đại hội có hai khẩu hiện lớn: "Giải phóng người lao động là nhiệm vụ của chính người lao động", "vô sản tất cả các nước đoàn kết lại". Ngoài hành lang cạnh phòng họp có nơi làm việc của nhân viên Sở bưu điện để phục vụ nhà báo và các đại biểu. Ban nhạc "Tương lai nhân dân" cử bài Quốc tế ca, sau đó một ban đồng ca hát hai bài ca cách mạng khai mạc phiên đầu tiên của đại hội. Đoàn chủ tịch đại hội gồm đồng chí Mác-xen Ca-sanh cùng 6,7 đồng chí khác và chủ tịch danh dự của Đại hội là các thủy thủ Pháp làm binh biến trên biển Bắc Hải.

Đại hội đã sống những giờ phút vô cùng sôi nổi. Tôi nhớ nhất lúc Phrốt-xa, tổng thư ký Đảng, đang đọc bài diễn văn thì nữ đồng chí Cla-ra Dét-kin, chiến sĩ cách mạng nổi tiếng của Đức, đại diện Quốc tế cộng sản, bước vào Đại hội bất chấp sự bao vây, ngăn cấm của cảnh sát Pháp. Một sự kiện nổi bật khác trong Đại hội là lúc đoàn chủ tịch giới thiệu Đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương: đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Cả Đại hội đứng dậy vỗ tay như sấm ran, hoan hô nhiệt liệt người đồng chí Việt Nam có thân hình cao gầy, khuôn mặt xương xương. Tôi nhớ rõ khung cảnh hùng tráng của Đại hội khi đồng chí thay mặt đoàn chủ tịch ôm hôn đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong tiếng vỗ tay vang dậy.

Hồi ấy phòng họp Đại hội chưa có những mi-crô và hệ thống phóng thanh tốt như ngày nay. Đại hội đã lắng nghe đồng chí Nguyễn Ái Quốc tố cáo sự tàn bạo do thực dân Pháp gây ra ở Đông Dương, tả lại nỗi thống khổ của 20 triệu người Việt Nam (thời đó người ta gọi là "người An Nam") bị đàn áp, khủng bố, bóc lột thậm tệ dưới ách đô hộ Pháp, bị bọn thực dân dùng rượu và thuốc phiện đầu độc. Đồng chí nêu lên vấn đề phải đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp. Sau đó, Gông-đơ tên đoàn chủ tịch đại hội tuyên bố trước Đại hội "Toàn thể Đảng xã hội Pháp nhất trí phản đối những tội ác và sự lộng quyền của bọn tư bản ở Đông Dương". Phải nói thêm là đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc ấy nói tiếng Pháp giỏi.

Một vấn đề hết sức quan trọng được thảo luận trong Đại hội là vấn đề Đảng xã hội Pháp có gia nhập Đệ tam Quốc tế hay không? Lúc đó trong đảng có nhiều khuynh hướng, những người cùng quan điểm ngồi cạnh nhau. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc đó ngồi ở phía trái của phòng họp, nhìn từ trên đoàn chủ tịch nhìn

xuống. Bàn các đại biểu xếp theo chiều dọc phòng họp chứ không xếp theo chiều ngang. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc ngồi ở dãy bàn thứ hai kể từ trái, và ngồi cạnh đồng chí Pôn Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê.

Người ta đưa ra trước Đại hội nhiều kiến nghị khác nhau về vấn đề Đảng xã hội có gia nhập đệ Đệ tam Quốc tế hay không? Có kiến nghị của Ca-sanh-Phrốt-xa do "Ủy ban đệ tam Quốc tế" đưa ra, kiến nghị của "Ủy ban kháng chiến xã hội" do Lê-ông Blum và Pao-li đưa ra và kiến nghị của Brét-xơ-man. Kiến nghị Ca-sanh-Phrốt-xa chủ trương hoàn toàn gia nhập Đệ tam Quốc tế, còn các kiến nghị khác thì chống lại.

Đại hội tranh luận khá náo nhiệt chung quanh các kiến nghị nói trên. Cuối cùng, Đại hội bỏ phiếu để quyết định. Kiến nghị Ca-sanh-Phrốt-xa chủ trương gia nhập Đệ tam Quốc tế đã thắng với đa số phiếu. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Đệ tam Quốc tế. Những đại biểu chống việc gia nhập Đệ tam Quốc tế bèn bỏ phòng họp Đại hội, rủ nhau đi họp ở những nơi khác. Những người chủ trương gia nhập "Quốc tế cộng sản" ở lại, quyết định thành lập Đảng cộng sản Pháp và đại hội của Đảng cộng sản Pháp mới ra đời tiếp tục họp tại phòng nhà Ma-ne ở Tua. Và như thế đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một trong những người sáng lập ra Đảng cộng sản Pháp[1].

*LỜI PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI TUA **

Chủ tịch : Mời đồng chí đại biểu Đông Dương phát biểu ý kiến. (*Vỗ tay).*

Đại biểu Đông Dương[2] : Thưa các đồng chí, lẽ ra hôm nay tôi đến đây là để cùng với các đồng chí góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới, nhưng với một nỗi đau buồn sâu sắc, tôi đến đây với tư tách là đảng viên xã hội, để phản đối bọn đế quốc đã gây ra những tội ác tày trời trên quê hương tôi. (*Được lắm!).* Các đồng chí điều biết rằng chủ nghĩa đế quốc Pháp đã vào Đông Dương từ nửa thế kỷ nay: vì lợi ích của nó, nó đã dùng lưỡi lê để chinh phục đất nước chúng tôi. Từ đó, chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thê thảm. Nói cho rõ hơn, chúng tôi đã bị đầu độc bằng thuốc phiện, bằng rượu, v.v… Trong vài phút, tôi không thể vạch được hết những sự tàn bạo mà bọn tư bản ăn cướp đã gây ra ở Đông Dương. Nhà tù nhiều hơn trường học và lúc nào cũng chật ních. Bất kỳ người bản xứ nào có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đều bị bắt và có khi bị giết mà không cần xét xử. Cái gọi là công lý Đông Dương là thế đấy! Ở xứ đó, người Việt Nam bị phân biệt đối xử, họ không có những sự bảo đảm như người Châu Âu hoặc có quốc tịch châu Âu. Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền sống hoặc di du lịch ở nước ngoài; chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi

không có quyền tự do học tập. Ở Đông Dương, bọn thực dân tìm mọi cách bắt chúng tôi hút thuốc phiện và uống rượu để đầu độc chúng tôi và làm cho chúng tôi đần độn. Người ta đã làm chết và tàn sát hàng nghìn người Việt Nam để bảo vệ những lợi ích không phải của chính họ.

Thưa các đồng chí, hơn hai mươi triệu dân Việt Nam, bằng nửa số dân nước Pháp, đã bị đối xử như vậy. Ấy thế mà họ lại là những người được nước Pháp bảo hộ! (*Vỗ tay)*. Đảng xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức (*Hoan hô)*.

Giăng Lông-ghê[3]: Tôi đã phát biểu ý kiếm để bảo vệ những người bản xứ.

Đại biểu Đông Dương: Ngay khi tôi bắt đầu nói, tôi đã yêu cầu mọi người tuyệt đối im lăng…(*Nhiều tiếng cười)*. Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc đại. Chúng tôi thấy rằng việc Đảng xã hội gia nhập Quốc tế thứ ba có nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa. Chúng tôi rất sung sướng khi nghe tin thành lập một đoàn đại biểu thường trực nghiên cứu vấn đề Bắc Phi, và mai đây, chúng tôi sẽ vui mừng nếu Đảng phái một đồng chí của Đảng sang Đông Dương để nghiên cứu tại chỗ những vấn đề ở xứ đó, và nghiên cứu những hoạt động cần phải tiến hành…

Một đại biểu phái hữu có ý kiến phản đối…

Đại biểu Đông Dương: Im đi! Phái nghị viện. (*Vỗ tay)*

Chủ tịch: Bây giờ, tất cả các đại biểu phải im! Kể cả những đại biểu không thuộc phái nghị viện!

Đại biểu Đông Dương: Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái tả lẫn phái hữu, chúng tôi kêu gọi các đồng chí, hay cứu chúng tôi! (*Vỗ tay)*

Chủ tịch: Qua những loạt vỗ tay tán thành, đại biểu Đông Dương có thể thấy rằng toàn thể Đảng xã hội đều đứng về phía đồng chí để phản đối những tội ác của giai cấp tư sản.

Lập hội liên hiệp thuộc địa

Ra tờ báo "Người cùng khổ"

"…Trong những buổi mít tinh, trong những buổi đi thăm hoặc du lịch, ông đã gặp những người cách mạng An-giê-ri, Tuy-ni-di, Ma-rốc, Man-gat, v,v… Cùng với họ, ông tổ chức "Hội Liên hiệp thuộc địa ở Ba-lê". Mục đích của Hội này là giải phóng những dân tộc thuộc địa. Hoạt động của hội là tuyên truyền. Họ tổ chức những buổi nói chuyện, những người dân các thuộc địa và những người Pháp có cảm tình đều đến dự. Cũng nên nhắc lại là người cảm tình đông hơn người thuộc đia. Những người này phần lớn là công chức hoặc công nhân, họ bị cảnh sát Pháp dọa đuổi ra khỏi nước Pháp nếu họ tiếp tục tham gia các cuộc hội họp.

Nhiều người Pháp hết sức căm phẫn biết được những chuyện xảy ra ở các thuộc địa: rượu, thuốc phiện, hối lộ, khủng bố… Thường thường họ kêu lên: "Ô! Nhục nhã biết bao! Ô! Thật không tưởng tượng được! Tội ác thực dân tày trời!".

Để mở rộng việc tuyên truyền đến các thuộc địa, ông Nguyễn và những đồng chí của ông đã ra tờ báo "Người cùng khổ" (Le Paria) do ông làm chủ bút, kiêm chủ nhiệm.

Những người yêu nước Man-gat, An-giê-gi, Mac-ti-nich là những luật sư, thầy thuốc, nhà buôn hoặc sinh viên. Họ có công việc và gia đình họ. Họ không thể để nhiều thì giờ cho tờ báo. Mỗi người chỉ có thể góp một số tiền nhỏ và một bài báo tuần. Ông Nguyễn được mọi người đề cử ra làm cho tờ báo chạy. Vì vậy ông Nguyễn kiêm cả viết, chủ nhiệm, chủ bút, chữa bài, thủ quỹ, xuất bản và liên lạc.

Lúc đầu ông Nguyễn gửi bán tại những cửa hàng nhỏ. Nhưng bán không chạy lắm, vì ở Pa-ri có vô số báo, người ta không thể đọc tất cả và mua tất cả. Vì vậy, ông Nguyễn tìm ra một cách mà người Pa-ri gọi là "Lối D". Ông đến trong những cuộc mít tinh dân chúng. Ông phát báo, leo lên diễn đàn và nói : "Các bạn thân mến! Báo "Người cùng khổ" phát không, nhưng tôi hết sức cảm ơn các bạn vui lòng quyên giúp ít nhiều để giúp chúng tôi trả tiền in. Một xu, một quan nhiều ít cũng tốt".

Những người Pháp, nhất là hạng nghèo và hạng trung thường có lòng rộng rãi. Và luôn luôn ông Nguyễn có thể thu đủ tiền để trả những khoản phí tổn về báo và đôi khi còn có dư nữa. Việc xuất bản tờ "Người cùng khổ" là một vố đánh vào bọn thực dân. Lập tức có nhiều lệnh cấm không cho tờ báo đó vào các thuộc địa.

Nhưng ông Nguyễn không chịu thua. Ông nhờ những thủy thủ có cảm tình chuyền báo đi các thuộc địa. Và dùng nhiều cách bí mật khác.

Những người lao động Việt Nam ở Pa-ri và ở các tỉnh mặc dầu số lớn không biết đọc, cũng bí mật gửi tiền quyên cho báo.

Phần lớn những sinh viên Việt Nam ở Pa-ri sợ tờ "Người cùng khổ" và ông Nguyễn, như người ta sợ thú rừng, không phải vì họ ghét – nhiều người thầm lén đọc báo "Người cùng khổ" – nhưng vì họ sợ liên lụy. Từ ngày có những yêu sách Việt Nam, rồi đến việc thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, rồi đến việc xuất bản tờ "Người cùng khổ" các sinh viên thuộc địa bị kiểm soát nghiêm ngặt.

Một hôm, một người con trai của Bùi Quang Chiêu đến tòa báo, đặt lên bàn 5 quan, và nói: "quyên cho báo" rồi chạy biến ngay như bị ma đuổi.

Cố nhiên, ở các thuộc địa, nhất là Đông Dương, ai đọc báo "Người cùng khổ" đều bị bắt. Mặc dầu tất cả những sự khó khăn ấy, tờ báo vẫn tiếp tục phát triển. Đó là một luồng gió mới thổi đến nhân dân các nước bị áp bức…"[4]

"Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Chính phủ Pháp ra sức bóc lột, đàn áp nhân dân thuộc địa và đầy họ đi làm bia đỡ đạn trên chiến trường châu Âu. Những người dân thuộc địa đi lính cho Pháp hồi đó bị đưa đi đánh quân Đức và phải chịu nhiều khổ cực. Chiến tranh kết thúc, nhân dân các thuộc địa Pháp được giác ngộ hơn và nhiều phong trào chống thức dân Pháp đã diễn ra khắp nơi. Trong hoàn cảnh đó, những người dân thuộc địa cư trú ở Pháp đã tập hợp lại và tổ chức ra "Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa". Hội này thu hút những người Ma-đa-gát-ca, Đa-hô-mây, Sê-nê-gan, Ghi-nê, Ăng-ti, Goa-đơ-lúp, Mác-ti-ních, Ha-i-ti, An-giê-ri, Đông Dương…

Và tôi đã gặp anh Nguyễn Ái Quốc trong buổi thành lập Hội đó. Đấy là vào năm 1922 ở Pa-ri. Tôi nhớ rõ lần đầu tiền quen biết anh trong buổi họp của Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa, tôi thấy anh người gầy gò, mảnh khảnh với giọng nói nhỏ nhẹ. Anh tự giới thiệu là người Việt Nam, làm nghề thợ ảnh, đã đến ở Pa-ri trước tôi ba năm, hiện ngụ ở ngõ Công-poanh. Anh nói tiếng Pháp thạo và tiếp xúc với anh tôi thấy ngay là một người đáng mến.

Trụ sở Hội của chúng tôi hồi đó ở số nhà 3 phố Mác-sê đê Pa-tri-ác-sơ. Đây là một cửa hàng nhỏ bé, cũ kỹ, có hai gian, một gian nhìn ra phố và một gian ở phía sau. Hội nghị của Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa hội họp ở trong nhà đó. Tất cả có khoảng gần 100 hội viên. Đứng đầu hội là ông Mon-néc-vin, người đảo Ăng-ti, giữ chức Tổng thư ký Hội, về sau tôi gánh trách nhiệm đó một thời gian. Tôi là người Goa-đơ-lúp. Hội không tổ chức thành nhóm, tổ haychi bộ mà chỉ có hội họp chung. Đi vào trụ sở Hội, người ta qua cửa ngách bên cạnh cửa hàng. Nhưng mỗi lần có cuộc họp bao giờ chúng tôi cũng thấy cảnh sát đứng canh gác ở phía ngoài cửa trụ sở của chúng tôi và bọn mật thám Pháp đứng điểm mặt. Chúng tôi hoạt động như thế cũng không phải dễ dàng và luôn luôn có sự uy hiếp.

Tôi gặp anh Nguyễn luôn trong các buổi họp của Hội. Có khi họp ở trụ sở hội, có khi chúng tôi tổ chức mít-tinh ở phòng họp của Hộ phổ biến kiến thức và phòng họp của Nhà công đoàn ở phố Ô-gút Blăng-ki. Anh Nguyễn đi họp và đi dự các buổi mít-tinh của Hội rất đều. Anh nghèo nhưng ăn mặc chỉnh tề. Hoạt động với anh tôi thấy anh là một người hăng hái đấu tranh cho việc giải phóng các dân tộc thuộc địa, không riêng dân tộc Việt Nam của anh mà tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Anh có lòng tin mãnh liệt ở thắng lợi cuối cùng và anh cho rằng muốn giải phóng dân tộc phải làm cách mạng, không có con đường nào khác. Tôi có cảm tưởng : ở anh ý nghĩ đấu tranh giải phóng dân tộc luôn luôn khắc sâu trong tâm trí anh và quán triệt suốt cuộc đời anh. Một lần nghe tin thực dân Pháp khủng bố tàn sát nhân dân ở Đa-hô-mây, tôi thấy anh căm phẫn, xúc động, đau đơn như chính việc đó xảy ra đối với nhân dân Việt Nam của anh. Anh là một con người đầy tình nhân đạo và tinh thần quốc tế. Không

bao giờ thấy ở anh một nét nhỏ nào của sự ích kỷ. Và cùng hoạt động chúng tôi càng yêu thương nhau, càng thấy dân tộc thuộc địa phải đoàn kết với nhau chống kẻ thù chung. Anh đã trở thành bạn thân và tin cậy của tôi.

Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa sống bằng tiền đóng góp của hội viên. Mỗi hội viên đóng cho Hội mỗi tháng ba phrăng Pháp, ngoài ra có những người hảo tâm ủng hộ tiền cho Hội. Một hôm chúng tôi, trong đó có anh Nguyễn Ái Quốc, nảy ra ý kiến táo bạo nhưng cũng đẻ ra nhiều vấn đề khó khăn cần giải quyết. Sau chúng tôi quyết định cứ ra báo. Chúng tôi thảo luận, đặt cho báo một cái tên: "Người cùng khổ"*. Đấy là bước phát triển mới của Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

Chúng tôi phải thu xếp rất nhiều việc để ra được tờ báo. Tôi lúc đó làm nghề trạng sư ở Pa-ri, tôi hiểu pháp luật Nhà nước Pháp, cho nên anh em cử tôi làm giấy tờ xin phép ra báo. Tôi phải đến tòa án và các bàn giấy của Pháp để làm mọi thủ tục cần thiết và cuối cùng thì xin được phép ra báo "Người cùng khổ". Hội không có nhiều tiền để ra báo. Chúng tôi giao ước với nhau khi nào có tiền thì ra báo, cứ đủ tiền thì ra, có khi nửa tháng một kỳ có khi một tháng một kỳ không nhất thiết phải ra đều kỳ. Nghĩa là báo chúng tôi không có ngân sách riêng. Chúng tôi tìm được chỗ in báo. Đấy là một nhà in tư nhỏ bé ở phố Croát-xăng. Và sung sướng biết bao, tờ báo của chúng tôi đã ra đời. Đấy là một tờ báo khổ to, tên báo bằng chữ Pháp đặt ở giữa, tên báo bằng chữ Ả-rập đặt bên trái và bên phải là tên báo bằng chữ Hán do anh Nguyễn viết. Giá báo là 25 xu một số. Địa chỉ lúc đầu của báo là nhà số 16 đường Giắc Can-lô, sau đổi về số nhà 3 phố Mác-sê đê Pa-tri-ác-sơ, nơi đóng trụ sở của Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

Cách làm việc của tòa soạn báo "Người cùng khổ" rất tập thể. Chúng tôi không có ban biên tập làm việc thường xuyên vì mọi người chúng tôi đều phải sinh sống hàng ngay hoặc bận hoạt động nhiều việc khác. Mỗi kỳ ra báo, mỗi người đem bài viết của mình đến. Chúng tôi họp nhau lại, đọc chung, rồi bàn nội dung cho số sau. Sau khi đã chọn bài một cách tập thể, chúng tôi phân công người chịu trách nhiệm sắp xếp lại và lo việc xuất bản, đem bài đi nhà in chẳng hạn. Nhiều lần anh Nguyễn Ái Quốc được cử phụ trách chữa bài vở và xuất bản nhiều số báo. Anh tốt và có tinh thần tương trợ, cho nên có những lần đến lượt chúng tôi phải đi trong nom việc ra báo, nhưng thấy chúng tôi bận việc hoặc mắc chuyện gia đình, anh Nguyễn đã xung phong đi làm thay cho chúng tôi. Đấy là một người bạn tốt, dịu dàng, đáng mến, lo xa, yêu thương đồng đội, chịu khó giúp đỡ người khác.

Báo "Người cùng khổ" xuất bản từ năm 1922 đến năm 1924, tất cả được 38 số. Anh Nguyễn Ái Quốc đã đóng góp rất nhiều cho tờ báo. Anh viết khỏe, có số viết tới hai, ba bài. Toàn bộ những bài báo của anh là Bản án chủ nghĩa thực dân Pháp và là nguyện vọng giành độc lập tự do cho nhân dân Việt Nam và nhân dân

các nước thuộc địa. Lời văn anh sắc bén, tư tưởng anh rõ ràng và mạnh mẽ: đấu tranh đến cùng chống chủ nghĩa thực dân Pháp. Ở nhiều số, không những anh viết bài mà anh còn vẽ tranh châm biếm nữa để đả kích chế độ thực dân. Tất cả những bài và tranh ký tên Nguyễn Ái Quốc trên báo "Người cùng khổ" mang một màu sắc đặc biệt: đó là tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để và quyết tâm chống chủ nghĩa thực dân. Xem và đọc những và tranh đó người ta thấy rõ tác giả có một tinh thần tiến công rất chủ động và rất thông minh.

Dạo ấy, anh Nguyễn là người không có gia đình. Còn tôi thì đã lập gia đình. Tôi lúc đó có bàn giấy trạng sư ở số nhà 10b, phố Po Roay-an, Pa-ri, và cả gia đình tôi ở đấy. Anh Nguyễn thường lại chơi thăm gia đình tôi. Chúng tôi coi anh như người thân trong nhà và nhiều lần giữ anh lại ăn cơm. Anh giản dị, tự nhiên, vui tính. Anh gọi vợ tôi: "Bà chị của tôi". Anh gọi con gái tôi, E-li-an, là: "cháu". Anh ăn uống ít và tôi có cảm tưởng anh là một người không đòi hỏi gì nhiều trong sinh hoạt. Một hôm anh đưa đến nhà tặng gia đình tôi một cái chiêng bằng đồng đường kính chừng 50 xăng-ti-mét và một lư hương cũng bằng đồng. Những vật kỷ niệm quý giá đó tôi để ở nhà. Nhưng năm 1927 tôi về Goa-đơ-lúp, mười ba năm sau mới trở sang Pa-ri thì những vật đó đã mất. Tôi rất tiếc. Cả nhà tôi đều hết sức quý mên anh Nguyễn. Duy có điều chúng tôi không bao giờ thấy anh nói chuyện về gia đình, làng mạc quê hương của anh. Chúng tôi cũng tránh hỏi vì biết anh là một người hoạt động cách mạng, đời sống luôn luôn bị uy hiếp, có thể bị bắt bớ bất cứ lúc nào.

Bỗng một hôm, vào năm 1923, anh Nguyễn đến nhà chúng tôi và nói bằng một giọng lưu luyến:

- Hôm nay tôi đến chào anh chị. Tôi sẽ đi xa một thời gian và không có dịp được gặp anh chị nữa. Xin chào anh chị và cháu ở lại mạnh khỏe và anh cho tôi gửi lời chào các đồng chí trong Hội liên hiệp…"[5]

"…Tháng bảy năm 1922, tôi vừa đi Nam Mỹ về, thì gặp một đồng chí người Pháp phụ trách công đoàn đưa cho xem mấy tờ báo "Người cùng khổ" do ông Nguyễn Ái Quốc làm. Tôi đọc mê man, ngốn ngấu, người rần rật như có lửa đốt bên trong. Đọc xong liền vùng chạy đi tìm anh em mình đọc nghe chung. Cả lũ chúng tôi ai cũng ứa hai hàng nước mắt. Những bài báo ngắn gọn sao lại có thể khuấy động tâm hồn, tâm hồn của người mất nước, của người lao động khổ bị áp bức, bóc lột đến như thế. Những bài báo đọc lên thúc người ta hành động. Nhưng chúng tôi không hiểu nên hành động như thế nào. Chợt nảy ra ý đi tìm ông Nguyễn Ái Quốc. Anh em bàn nhau rồi cử tôi đi. Trước đây, riêng tôi đã định đi tìm ông Nguyễn nhưng không hiểu địa chỉ, cứ sợ về Pa-ri như chim chích vào rừng. Làm này anh em cứ đi, lại nắm chắc lấy tờ báo "Người cùng khổ" tôi hăng lắm, không sợ gì cả, hăm hở lên đường ngay. Hình như ở Pa-ri, ông Nguyễn Ái Quốc đã biết chúng tôi sẽ đến tìm và có ông thì chẳng ngại cái gì nữa.

Ngồi xe lửa đi. Mười một giờ trưa tới Pa-ri. Ở ga xuống, gặp bất kỳ ai là người da vàng tôi cũng chìa địa chỉ tờ bào "Người cùng khổ" ra hỏi đường. Tôi nghĩ người da vàng là người thuộc địa, người thuộc địa ở Pa-ri không ít thì nhiều cũng biết báo "Người cùng khổ". Quả nhiên, nhiều người chỉ đường cho tôi. Tôi lần đến đường Mác-sê đê Pa-tơ-ri-ác-sơ (Marché des Patriarches) ở quận 6. Phố này cổ. Tòa báo "Người cùng khổ" ở phố này, trước cái chợ bán các thứ nhì nhằng. Ngoài cửa tòa báo có một hòm thư dán cái đầu đề nho nhỏ của tờ báo. Tòa báo ở tầng dưới cùng, chỉ có hai gian vừa phải. Hai người Bắc Phi đang hí húi làm việc, xé phong bì, viết lách, dập xóa.

Hai người niềm nở mời tôi ngồi chờ rồi tiếp tục làm việc. Tôi nghe thỉnh thoảng họ lại hỏi nhau bằng tiếng Pháp:" Cái này đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã xem chưa?". "Cái này đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã duyệt rồi?"… Xem ý rất kính đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Ngồi đợi, tôi đưa mắt nhìn tòa báo. Một cái bàn gỗ dài, mộc mạc, trên mặt bày la liệt từng chồng báo các cứ tiếng: Anh, Pháp, Đức… Mấy cái ghế. Và một bản đồ thế giới khổ lớn treo trên trường. Tôi nhẹ nhàng đi lại gần xem. Ở chỗ Việt Nam, vết tay người và nét bút chì đã làm cho màu xỉn và bóng lại. Có người thường xuyên đứng suy nghĩ về dải đất này đây? Bất giác tôi cũng đứng lặng một hồi, Việt Nam xa Pa-ri quá. Đồng bào mình bây giờ ra sao?

Chờ mãi, chờ mãi. Đến năm giờ chiều, hai người Bắc Phi báo cho tôi biết hôm nay đồng chí Nguyễn Ái Quốc không đến tòa báo và cho tôi địa chỉ của đồng chí ở phố Gô-bơ-lanh (Rue de Gobelins) quận 13, cách tòa báo khoảng hơn một cây số. Gô-bơ-lanh có nghĩa là tấm thảm. Phố này thời xưa có lẽ dệt thảm. Bây giờ thì những người bình thường ở. Tôi đến phố Gô-bơ-lanh, tìm tới nhà số 6, leo lên tầng hai. Tôi hồi hộp lắm. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người như thế nào và đồng chí sẽ đối xử với tôi ra sao? Tôi giơ tay giõ cửa. Có tiếng giầy lại gần và cửa mở. Một người trạc ba mươi, ba mươi hai gì đó, cao gầy, trắng trẻo đứng trước mặt tôi tươi cười:

- Anh tìm ai? (Lúc ấy tôi còn trẻ lắm, chưa hai mươi).

- Tôi tìm… ông Nguyễn Ái Quốc!

- Tôi đây! Mời anh vào!

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đang đứng trước mặt tôi, đang tươi cười thân mật mở rộng cửa mời tôi vào đây ạ! Tôi nhớ lúc ấy tôi đứng sững lại giây lát, để nhìn kỹ thêm đồng chí Nguyễn Ái Quốc xem người ra mở cửa lúc chưa tự giới thiệu và người bây giờ vẫn là một hay là hai. Vẫn là một, vẫn dáng người cao, dong dỏng gầy trong bộ quần áo dạ đen cũ và đặc biệt đôi mắt, đôi mắt to, sáng lạ lùng ấy. Tôi theo đồng chí Nguyễn Ái Quốc vào nhà, thoải mái tự nhiên ngay, không rụt rè nữa. Ở góc buồng kê một cái bàn. Rất nhiều sách, báo, tạp chí. Cạnh đó là

một cái giường sắt và một cái tủ đứng nho nhỏ. Vẻn vẹn có thể. Nhưng căn buồng sạch sẽ, sáng sủa, thân mật khác thường.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc hỏi, quê tôi ở đâu, đến có việc gì…, tàu biển bao lâu đi một chuyến, có vất vả không, sinh hoạt thế nào. Lúc ấy, tôi mới biết đồng chí trước cũng là công nhân làm tàu. Thảo nào nói đúng tiếng trong nghề của mình. Đồng chí đi đã lắm, phần lớn những nơi tôi tới đồng chí đều thông tỏ cả. Đồng chí không giới thiệu ra đâu những nghe cách hỏi thăm cái phố, cái sá, là đủ rõ. Đặc biệt đồng chí rất để ý đến đời sống của nhân dân các nước ấy. Rồi chúng tôi nói sang chuyện đất nước. Biết tôi ra đi ở Sài Gòn, đồng chí hỏi tôi rất lâu về Sài Gòn, chợ bến Thành, bến tàu, anh em khuân vác, xe thồ mộ,… Đôi mắt trầm ngâm, đồng chí hỏi tôi tỉ mỉ từng cái nhỏ và nghe chăm chú. Chuyện trò thân mật, thời gian đi nhanh quá, một loáng đã chín giờ tối. Tôi phải cáo từ ra về. Đồng chí hẹn tôi tháng sau, chủ nhật, đến nữa.

Tôi về nhà trọ nằm nghĩ mãi. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tiếng tăm như thế mà giản dị, khiêm tốn, thân mật vô cùng. Gặp đồng chí, tôi cũng thêm kính phục và cảm động. Những người đi biển chúng tôi rất quí người chỉ huy giỏi và hiểu giá trị người chỉ huy giỏi. Gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc, tôi thấy tin đồng chí một cách đặc biệt, như chưa bao giờ tôi tin ai như thế. Với đồng chí Nguyễn Ái Quốc thì vào giông và bão cũng không ngại. Đồng chí có sức hấp dẫn lạ thường. Ai đã gặp đồng chí là cứ muốn gặp mãi. Muốn được ở bên đồng chí mãi.

Tám giờ sáng hôm sau tôi lại đến. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chờ tôi, vẫn bộ quần áo dạ đen xuềnh xoàng hôm qua để dắt tôi đi chơi Pa-ri. Chúng tôi ra phố, đi vòng vèo qua rất nhiều đường, qua cái phố Mông-giờ (Monges) dài lắm, chúng tôi kéo bộ miết. Tôi để ý thấy đôi giầy của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã cũ, là loạt đế rất cao, có cổ để đi bộ lâu mòn, lâu hỏng. Vừa đi vừa nói chuyện, độ gần một giờ sau, đồng chí dắt tôi vào phòng triển lãm hội họa. Thú thật lúc đó còn trẻ tôi không hiểu hội họa nên cũng không thích lắm. Nhưng đi với đồng chí Nguyễn Ái Quốc là thú rồi. Phòng triển lãm bày đến mấy trăm bức kỳ họa và rất đông người xem. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc quen nhiều lắm. Luôn luôn thấy có người lại bắt tay và gật đầu chào đồng chí. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc xem tranh rất lâu, rất kỹ, ngắm từng bức với bình phẩm với các bạn Pháp lúc đó cùng xem với đồng chí. Những lời bình phẩm tỏ ra đồng chí rất hiểu văn hóa Pháp, rất sành nghệ thuật. Các bạn Pháp gật gù rồi trao đổi ý kiến với đồng chí. Tôi đứng nghe, thấy hay, cũng đâm ra chú ý ngắm tranh hơn. Tôi nhớ có bức tranh của đồng chí Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê, đồng chí Nguyễn Ái Quốc xem đi xem lại mãi. Mấy năm sau này, tôi về Pa-ri làm thợ in ở xưởng của lão tư bản Đăng-gông, xưởng này in cho báo "Nhân đạo" và báo "Việt Nam hồn", tôi vẫn thường gặp đồng chí Cu-tuy-ri-ê. Thật là một người tri thức. Hiểu rộng, khiêm tốn, vui vẻ, hết sức quan tâm đến các nước thuộc địa. Lúc ấy tôi mới biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc và

đồng chí Cu-tuy-ri-ê là bạn thân của nhau. Xem hai tiếng đồng hồ, đến mười một giờ trưa. Điện Păng-tê-ông ở ngay trước phòng triển lãm. Chúng tôi tạt vào một lát rồi ra. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đưa tôi đến phố Đê-Các-mơ (Des Carmes) vào một hiệu ăn của một người Hoa kiều gọi cơm. Bữa ấy có nước nắm và thịt bò xào với giá. Lâu ngày mới ăn món quê hương, ngon quá. Ăn xong lại kéo bộ về.

Đến nhà, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trải chiếu xuống sàn, lấy sách báo sắp làm hai cái gối rồi cùng tôi nằm nghỉ trưa. Tôi được hiểu rõ về công việc làm ăn của đồng chí. Sáng thì đồng chí đi vẽ khoán cho một xưởng truyền thần, có vẽ mới có tiền, do đó đời sống của đồng chí tàm tạm thôi, có phần còn gieo neo hơn cả chúng tôi là những công nhân có lương tháng đàng hoàng. Nhưng đồng chí vẫn để dành tiền để in sách và đưa vào báo "Người cùng khổ". Chiều thì đồng chí làm việc ở tòa báo, viết bài, sửa bài. Đồng chí còn viết cho nhiều báo và tạp chí khác như "Nhân đạo", "Đời sống công nhân…". Nhân viên tòa báo đều là những người thuộc địa hoạt động cách mạng đến làm thêm sau giờ làm việc của mình. Hèn nào tôi chẳng thấy tòa báo có người gác cổng và người đánh máy. Tối thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc đi dự các cuộc nói chuyện có tranh luận về các vấn đề triết học, kinh tế, chính trị, xã hội, văn nghệ… ở các câu lạc bộ hoặc đến thư viện quốc gia đọc sách. Ngoài ra, còn đi họp ở chi bộ đường phố của Đảng cộng sản Pháp. Bận như thế nhưng chủ nhật nào đồng chí cũng đi dạo chơi và xem triển lãm hội họa và bảo tàng Lu-vơ-rơ. Đồng chí rất thuộc Pa-ri, nhất là rất thông thạo khu ngoại ô, nơi nhà máy và công nhân ở. Vùng ngoại ô này liên kết lại thành một vòng, người Pháp gọi là "vòng đai đỏ", vì ở đó chịu ảnh hưởng của Đảng cộng sản Pháp. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc thường hoạt động, đi lại tiếp xúc với công nhân ở đây.

Khoảng gần chiều, tôi cần ra tầu về Lơ Ha-vơ-rơ. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc căn dặn tôi rất nhiều, tôi nhớ nhất và thầm thía nhất câu: "Cần luôn luôn nhớ làm nhiệm vụ của người dân mất nước. Anh em nên thương yêu nhau, vui vẻ, đoàn kết với nhau. Đoàn kết với công nhân Pháp, nhân dân Pháp và các nước thuộc địa. Chúng ta đều là những người nghèo khổ bị áp bức, bóc lột như nhau…"

Về Lơ Ha-vơ-rơ, anh em xúm lại hỏi. Tôi nhất nhất kể lại hết, không sót cái gì. Anh em phấn khởi lắm. Từ đó theo lời đồng chí Nguyễn Ái Quốc, anh em bí mật chuyền báo về nước, về đến những nơi có Việt kiều ở, như Tân Đảo, đảo Rê-uy-ni-ông,v.v… Anh em quyên tiền ủng hộ báo "Người cùng khổ" và mua báo "Người cùng khổ", "Nhân đạo", tạp chí "Bôn-sơ-vích", đưa hàng trăm tờ về nước. Có lần đi Mác-ti-ních, tôi đưa cả ba anh người Mác-ti-ních trốn mật thám lậu vé về nước. Cái gì chứ cái món bí mật chuyền báo, đưa người, anh em thủy thủ chúng tôi làm dễ thôi.

Năm 1923, tháng tư, tàu của tôi lại cập bến Lơ Ha-vơ-rơ. Tôi lại nhảy về Pa-ri tìm đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Sau lần gặp đầu, đi biển cứ nhớ hoài. Lúc bấy

giờ, phong trào công nhân Pháp vẫn sôi nổi, vẫn tiếp tục làn sóng từ 1919, 1920. Vùng Lơ Ha-vơ-rơ có hàng vạn công nhân bãi công hàng tháng và có xung đột đổ máu với cảnh sát. Ở nước ta, đế quốc Pháp đang đẩy mạnh bóc lột, bần cùng hóa nhân dân ta. Nạn vỡ đê và đói xảy ra liên tiếp. Đồng bào đói rách, phá sản phải bán mình cho chúng nó. Đi phu cao su ở Nam Kỳ và Tân Thế Giới. Trong khi đó, tàu của nó cứ kìn kìn hết chuyến này đến chuyến khác chở gạo của ta sang Pháp. Chúng tôi thấy thế xót ruột, xót gan. Người mình chết đói, gạo mình nó nẵng đi. Chúng tôi đinh ninh phải nói các cái đó với đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Nói với đồng chí mới hả.

Tôi đến phố Gô-bơ-lanh nhưng đồng chí Nguyễn Ái Quốc không có nhà. Tôi chạy ra tòa báo. Đồng chí đang nói chuyện với một người da đen lạ mặt. Thấy tôi đồng chí tươi cười bắt tay và giới thiệu với tôi đồng chí Xai-go (Seigho) người Tây Phi đang nói chuyện với đồng chí. Câu đầu tiên tôi nói là báo cho đồng chí biết rằng báo "Người cùng khổ" vẫn được anh em chuyển nhiều và đều đặn về. Đồng chí nghe thấy thế vui mừng lộ rõ trên mặt. Đồng chí dặn "cố gắng làm cho anh em quyết tâm hơn nữa". Rồi đồng chí dẫn tôi về nhà, hỏi thăm sức khỏe của tôi và anh em làm tàu ở Lơ Ha-vơ-rơ và lọi hỏi thăm tình hình các nơi chúng tôi mới đi qua và tình hình trong nước. Thái độ ân cần tha thiết như một người anh cả. Lúc nghe kể chuyện tàu Pháp chở gạo sang mà dân ta chết đói, đồng chí ngồi lặng một lúc không nói.

Lần này tôi mới biết bên cạnh buồng đồng chí Nguyễn Ái Quốc là buồng ông luật sư Phan Văn Trường. Đâu ông Trường nhượng đồng chí Nguyễn Ái Quốc thuê lại căn buồng này. Ông Trường là một nhà trí thức yêu nước, cũng muốn tìm hiểu chủ nghĩa cộng sản nhưng ông thiên về sách vở, khác với đồng chí Nguyễn Ái Quốc là một nhà lý luận đồng thời là một người hoạt động thực tiễn đi sâu vào anh em lao động. Tôi có dịp gặp ông Trường. Ông ta rất khâm phục đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Ông nói với tôi: "An-be Xa-rô, nguyên toàn quyền Đông Dương, một hôm gọi anh Nguyễn Ái Quốc đến. Nó giơ bàn tay rồi nghiến chặt răng riết chặt lại xoay một vồng ra ý bóp nát và bảo anh "Nước Pháp có đủ sức mạnh trừng trị những kẻ chống đối". Mặc nó dọa, anh Nguyễn Ái Quốc vẫn hoạt động, vẫn chống lại. Nó bèn quay sang mua chuộc vuốt ve anh thì anh độp vào mặt nó: "Tôi không cần "ơn huệ", tôi tự đi làm cũng đủ sống; tôi không cần gì hết, tôi chỉ đòi độc lập cho dân tộc Việt Nam". An-be Xa-rô, cái tên thét ra lửa ấy, bị bẽ mặt, ức lắm, nhưng phải chịu. Bên cạnh đồng chí Nguyễn Ái Quốc là nhân dân các nước thuộc địa, nhất là nhân dân Pháp và Đảng cộng sản Pháp, nó dám đụng vào đồng chí Nguyễn Ái Quốc à?

Tàu đi biển luôn, một dạo tôi chưa đến Pa-ri, thì thỉnh thoảng viết thư đến đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Một lần tôi viết thư hỏi đồng chí: "Tôi đọc sách thấy hay nói ông Mác, tôi chưa hiểu, xin giải thích cho tôi biết". Tôi nhận được ngay

thơ trả lời, không những nó rõ cho Mác là ai mà còn giải thích tỷ mỉ chủ nghĩa Mác và khuyên tôi chịu khó xem. Từ đó tôi đọc sách Mác. Chữ gì không hiểu thì mò từ điển. Vẫn chưa hiểu thì viết thư hỏi đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Tháng 6 năm 1924 Đảng cộng sản Pháp giới thiệu đồng chí Nguyễn Ái Quốc ra ứng cử tại Hạ nghị viện Pháp cùng các nhà lãnh tụ của đảng Ca-sanh, Cu-tuy-ri-ê. Báo chí đăng danh sách ứng cử ấy, các đầu phố có dán danh sách ấy. Chúng tôi đọc thấy sướng lắm, cứ đến ngã ba có dán danh sách ứng cử của đảng cộng sản là y rằng đứng lại xem. Đọc thấy tên Nguyễn Ái Quốc mà tưởng như đọc thấy tên vô sản ta, nhân dân ta; thấy tên Việt Nam trên bảng danh sách. Đưa đồng chí Nguyễn Ái Quốc ra ứng cử, Đảng cộng sản cốt nói rằng giai cấp công nhân Pháp đoàn kết với giai cấp công nhân ở thuộc địa đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa tư bản. Vào quốc hội tư bản là lợi dụng chỗ để vạch mặt chúng chứ không phải mục đích. Lần ấy Đảng cộng sản ra sức tranh cử độc lập lần đầu và được những một triệu hai mươi vạn phiếu trong số năm triệu phiếu. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc không phải là người Pháp tất nhiên không thể vào Quốc hội Pháp" [6].

---

[1] Ra-un Lác-sè, "ở Đại hội Tua" Hồng Hà ghi trong tập "Bác Hồ ở Pháp", Nhà xuất bản Văn học, năm 1970.

* Trích: biên bản tốc ký của Đại hội về lời phát biểu tại Đại hội Tua của Hồ Chủ tịch, trong tập "Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội" Nhà xuất bản Sự thật, năm 1970.

[2] Đại biểu Đông Dương: tức Hồ Chủ tịch.

[3] Giăng Lông-ghê: một lãnh tụ phái hữu của Đảng xã hội Pháp lúc bấy giờ.

[4] Trần Dân Tiên, "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch" Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, năm 1975.

* tờ báo này do Bác làm chủ bút kiêm chủ nhiệm.

[5] Luật sư Mác Clanh-vin Blông-cua, "Người bạn tốt của các dân tộc thuộc địa" – Hồng Hà ghi trong tập "Bác Hồ ở Pháp", nhà xuất bản Văn học, năm 1970.

[6] Bùi Lâm, "Gặp Bác ở Pa-ri", trong tập "Bác Hồ", Nhà xuất bản Văn học, năm 1960.

Gặp "con cáo già" thuộc địa

"Hồi đó Bác trọ nhờ nhà luật sư Phan Văn Trường ở Pa-ri. Buổi sáng thì đi làm nghề tô ảnh phóng đại để lấy tiền ăn. Buổi chiều thì hoạt động cách mạng. Chính phủ Pháp cho hai tên mật thám đêm ngày theo dõi Bác.

Chính phủ Pháp lúc đó do Poanh-ca-rê cầm đầu. Y là một người cực kỳ phản động. Chính y đã chủ trương đánh cách mạng Nga. Khi quân sự đã thất bại, y chủ trương tẩy chay kinh tế Nga. Trong một cuộc tổng tuyển cử hạ nghị viện Pháp, y đã cho dán khắp cả nước bức vẽ tuyên truyền chống cộng, dưới nhan đề là "Bôn-sơ-vích hai hàm răng ngậm dao". Trong bức vẽ thì phía sau là những ngôi nhà đang cháy ngùn ngụt ; phía trước là một người "Bôn-sơ-vích", mặt mũi rất dữ tợn, miệng ngậm một cái dao đẫm máu, tay xách cái đầu của một người đàn bà… Vài năm sau, chính Poanh-ca-rê đã chủ trương chiếm đóng khu hầm mỏ Rua của nước Đức.

Đảng cộng sản Pháp đập lại Poanh-ca-rê một vố cũng khá nặng. Số là Poanh-ca-rê trong khi đến thăm một nghĩa địa có hàng nghìn mộ lính Pháp, thì Poanh-ca-rê nhăn răng cười. Đảng Pháp lấy được bức ảnh đó, cho in ra hàng triệu tấm, dưới nhan đề "Poincarré qui rit" (nghĩa là Poanh-ca-rê nó cười) và bán khắp nước Pháp. Bức ảnh đó đã gây nên một phong trào sôi nổi chống Poanh-ca-rê.

Một buổi trưa đi làm về, bà già giữ nhà đưa cho Bác một bức thư. Quái! Xưa nay Bác chưa hề nhận thư gửi đến địa chỉ này. Vì đề phòng mật thám, thừ từ anh em cho tin tức hoặc bàn công việc đều gửi đến các nhà bạn quen của Bác. Mở thư ra xem, thì ra của quan thượng tư thuộc địa mời Bác đến gặp. Cách vài hôm sau, Bác đi gặp y.

Trong phòng khách của bộ thuộc địa, một bầy người Pháp "tai to mặt lớn" đang lô nhô chờ đến phiên mình được "quan thượng thư" gọi vào. Nhưng Bác không phải chờ, vừa đến thì liền có ông già mang xiềng bằng bạc (người truyền đạt ở các cơ quan cấp cao) mời vào ngay.

Một gian phòng rộng rãi và lộng lẫy, trưng bầy đầy những đồ xưa vật quý mang từ thuộc địa về. Quan thượng thư, đầu hói như quả bưởi, một mắt mang kính trắng, "uy phong lẫm lẫm" ngồi chễm chọe bên một cái bàn rất rộng và chất đầy giấy tờ. Thấy Bác vào, ông ta đứng dậy bắt tay và mời ngồi một cách lễ độ giả dối.

Hai người ngồi đối mặt nhau.

Một người thì đại biểu chế độ đế quốc thực dân Pháp đang áp bức bóc lột Việt Nam.

Một người là tượng trưng của nhân dân Việt Nam đang bị Pháp đô hộ một cách tàn nhẫn.

Y thì nắm trong tay cả quyền bính kinh tế, chính trị, quân sự, cảnh sát, tòa án, trại giam… ở các thuộc địa Pháp.

Bác là một trong 50 triệu người thuộc địa bị bọn thực dân Pháp bắt làm nô lệ.

Y có quyền bắt giải Bác về Việt Nam, gán cho tội tuyên truyền cộng sản, rồi đưa lên máy chém (Triều đình Việt Nam đã vâng lệnh Pháp mà xử án Bác vắng mặt).

Bác thì chỉ dựa vào lực lượng của chính nghĩa và cảm tình của giai cấp công nhân Pháp, nhất là công nhân Pa-ri.

Hai giai cấp, hai chế độ ngồi đối mặt nhau. Thế nhưng Bác cảm thấy ông ta sợ Bác, vì sợ cách mạng; và đoán biết rằng ông ta cũng cảm thấy Bác không sợ ông ta, vì cách mạng không sợ cái chế độ do ông ta đại biểu.

Thượng thư thuộc địa mắt thì nhìn Bác chằm chằm, tay thì vẽ trên bàn, miệng thì nói như phun ra lửa. Y nói đại ý như sau:

"Hiện nay có những kẻ ngông cuồng hoạt động ở Pháp. Họ liên lạc với bọn Bôn-sơ-vích ở Nga. Từ Nga họ liên lạc với Quảng Đông. Và từ Quảng Đông họ liên lạc với Việt Nam. Chính phủ Pháp biết rõ hết những dây liên lạc đó ! Họ âm mưu phá rối trật tự trị an ở Đông Dương và chống đối lại nhà nước bảo hộ. Nước mẹ Đại Pháp rất khoan hồng, nhưng sẽ không tha thứ những kẻ gây rối loạn… Nước mẹ Đại Pháp đủ sức để bẻ gãy họ, như thế này…"

Nói đến đó, y vẻ mặt hầm hầm, hai tai nắm lại và làm như đang bẻ những vật gì rất cứng rắn – những người cách mạng Việt Nam…

Bác cứ giữ thái độ ung dung, cứ mỉm cười, để mặc y nói.

Cái mỉm cười trước những lời đe dọa làm cho thượng thư thuộc địa càng bực dọc, càng sợ. Khi ông ta tạm dứt lời. Bác hỏi: "Ngài nói xong rồi chứ?"

Là một nhà chính trị cáo già, ông ta đổi giọng và nói một cách ôn tồn:

"Tôi rất thích những thanh niên có chí khí như ông. Có chí khí là tốt, nhưng còn phải "thức thời" mới ngoan. Ồ này! Khi nào ông có cần gì tôi thì tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ nay, chúng ta quen biết nhau, ông không nên khách sáo…"

Bác nói: "Cảm ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập… Kính ngài ở lại, tôi xin phép về".

Trên đường về, ngồi trong xe điện dưới hầm (mê-tơ-rô) Bác cười trong bụng: "Con cáo già thuộc địa đã đoán trúng ý định của mình!" [1]

Đến Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đầu tiên

"Cách mạng tháng Mười vĩ đại có một sức lôi cuốn kỳ diệu vô cùng. Từ khi nghe tin cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công. Bác liền có ý định đi Nga, mặc dù lúc đó chưa hiểu hết ý nghĩa cực kỳ to lớn của cuộc cách mạng ấy.

Hồi đó, đi Nga là một việc rất khó khăn và nguy hiểm. Sau khi Hồng quân đã đánh lui bộ độ của 14 nước đế quốc và dẹp xong bọn phản động trong nước, thì Nga lại bị các nước đế quốc bao vây chặt chẽ. Có những người như nhà thơ Pháp là đồng chí Ray-mông Lơ-phe-vơ-rơ cùng mấy anh em công nhân đã mạo hiểm bí mật đi Nga, lúc về đã bị đắm thuyền chết ở biển Ban Tích. Nhiều người khác đi gần đến Nga, thì bị bọn phản động quốc tế bắt và thủ tiêu…

Nguy hiểm thì không sợ. Nhưng làm thế nào để giải quyết các khó khăn. Trước hết, làm thế nào để vượt được đoạn đường từ Pa-ri đến biên giới cho khỏi bị mật thám Pháp bắt lại? Làm thế nào để xuyên qua nước Đức và nước Ba Lan?...

Ngày thường gần gũi anh em công nhân, Bác biết họ rất khảng khái. Vài ví dụ:

- Trong một cuộc mít-tinh ở Pa-ri, nhằm quyên góp giúp Nga đang bị đói kém và bệnh hoạn, người diễn thuyết là bà Sơ-vơ-rin, đồng chí Ca-sanh và đồng chí V. Cu-tuy-ri-ê. Khi nghe nói đến lạc quyên, thì trăm người như một, trong túi có bao nhiêu trút ra quyên hết, không ai đếm xem mình quyên ít hay là nhiều. Đó là một biểu hiện đồng tình vô sản quốc tế rất cao quý!

- Một đồng chí thợ già tên là N. làm ở nhà máy điện thường cùng Bác đi dự cuộc mít-tinh. Một hôm khi cùng nhau từ cuộc hội họp đi về, đồng chí N. thủ thỉ nói với Bác: "Chú này! Mình không vợ không con, bao giờ mình "nhắm mắt", mình để số tiền đó giúp chú làm cách mạng…"

Nay muốn đi Nga, thì chỉ có một cách là nhờ anh em công nhân giúp. Ý định như vậy rồi, Bác tìm làm quen với anh em công nhân xe lửa. Sau nhiều ngày tìm kiếm, thăm dò, Bác đến gặp đồng chí X. làm ở đầu máy xe lửa đi Pa-ri - Bá-linh. Nghe nói Bác muốn đi Nga, đồng chí X. vui vẻ nhận giúp ngay. Đồng chí X. nói : "Được, chúng tôi sẽ giấu đồng chí ở một chỗ trên xe, bố mật thám cũng chẳng tìm ra được! Nhưng xe chúng tôi chỉ đi đến Bá-linh thôi…" Nheo mắt lại nghĩ ngợi một lát, rồi đồng chí X. nói tiếp: "Không sao! Tôi sẽ bàn với anh em công nhân xe lửa Đức giúp cho đồng chí…"

Thế là bước đầu đã thành công. Nhưng khó khăn vẫn còn không ít. Làm thế nào để bỏ rơi bọn mật thám ngày đêm theo mình như bóng theo hình ? Anh em công nhân Đức có thể giúp, nhưng công nhân Ba Lan sẽ sẵn sàng giúp mình chăng ? Và ai sẽ phụ trách tờ báo Pa-ri-a ? Các đồng chí Á Phi người thì giúp bài, kẻ thì giúp tiền làm báo, nhưng cần có người không có gia đình bận bịu như mình để phụ trách mọi việc như đi góp tiền, đi giục bài, bí mật gửi báo đến các thuộc địa, bán báo để tuyên truyền ngay ở Pa-ri… Thật là "ngổn ngang trăm mối bên lòng!"

Quanh quẩn mấy tháng, kế hoạch chưa xong, thì một hôm được Trung ương Đảng Cộng sản Pháp gọi đến và báo:"Đồng chí sẽ được đi dự Đại hội lần thứ

năm của Quốc tế cộng sản, với danh nghĩa là đại biểu dân tộc thuộc địa".

Tin mừng đó làm cho Bác sung sướng ngất trời!

Bọn mật thám nắm vững "quy luật" hoạt động của Bác. Sáng đi làm công. Chiều đến thư viện. Tối dự mít-tinh. Khuya về nhà ngủ…

Bác cũng nắm vững "quy luật" hoạt động của chúng: Chúng chỉ theo Bác từ nhà trọ đến chỗ làm việc, đến chỗ xem sách, đến nơi hội họp. Sau đó, tin chắc rằng Bác chẳng đi đâu mất, chúng về nhà chúng để vui thú gia đình.

Hôm đó, hai tay đút túi. Bác ung dung lên xe "buýt" đi tham gia một cuộc mít-tinh ở ngoại ô Pa-ri. Độ nửa giờ sau, Bác lặng lẽ đi quanh về ga xe lửa. Một đồng chí tin cẩn đã chờ sẵn ở đó, trao cho Bác một vé xe lửa hạng nhất (vì hạng nhất chỉ có những khách sang trọng, ít bị tình nghi) và một cái va-ly con… Bác cố trấn tĩnh, nhưng đến khi xe lửa qua khỏi biên giới Pháp – Đức, trong ngực mới hết phập phồng.

Chắc chắn bọn mật thám phụ trách gác Bác sẽ được quan thượng thư thuộc địa "thưởng" cho một mẻ nên thân! Mà chính quan thượng thư cũng tức mình đến "ung thư phát bối".

Khi đi qua địa phận Đức bị quân Pháp chiếm đóng thì thấy lại những cảnh tượng thực dân. Đối với người Đức, bọn quân phiệt Pháp ở đây cũng vênh váo lên mặt, làm mưa làm gió, y như bọn Pháp ở nước ta…Có mấy người thương binh Pháp lên nhầm toa xe hạng nhất, liền bị một tên quan sáu Pháp khua ba toong đuổi xuống xe…

Tuy sau chiến tranh đã sáu năm, ở Bá-linh vẫn đói kém dữ (có lẽ ở các nơi khác cũng vậy). Người nào cũng có vẻ xanh xao vàng vọt ! Nạn lạm phát giấy bạc thật là kinh khủng, sớm một giá khác, chiều một giá khác. Đưa giấy bạc mua một tờ báo thì số giấy bạc chập nhau lại, rộng hơn tờ báo! Cả gia tài Bác chỉ vẻn vẹn non 1000 phơ-răng, vậy mà tính ra tiền Đức, Bác đã trở thành người giàu bạc triệu!

Bác đến Nga vào mùa đông. Mọi vật đều bị tuyết phủ trắng xóa như một thế giới bằng bạc, có ngày rét đến 42 độ dưới 0.

Đại hội Quốc tế cộng sản hoãn chưa khai, vì Lê-nin còn ốm nặng.

Hôm 21 tháng giêng 1924, một cơn gió thảm mưa sầu đã chấn động toàn thể nhân dân Nga, cũng như nhân dân lao động và dân tộc bị áp bức cả thế giới: Lê-nin – người thầy, người bạn, người đồng chí yêu kính của chúng ta mất rồi!

Cuối tháng 8-1918, trong lúc đến nói chuyện ở một cuộc mít-tinh của công nhân nhà máy tại thành phố Pê-téc-bua (nay là Lê-nin Gờ-rát) Lê-nin bị một tên phản động bắn bị thương nặng. Từ đó về sau Lê-nin thường bị yếu, nhưng vẫn cố gắng làm việc đến hơi thở cuối cùng.

Nghe tin buồn đó, nhiều người òa lên khóc, Bác cũng khóc. Kể sao cho xiết tình thương tiếc không bờ bến của những người lao động đối với người thầy cách

mạng vĩ đại ấy! Biến thương xót thành hành động; Lê-nin mất nhưng ngọn cờ chủ nghĩa Lê-nin có đảng Bôn-sơ-vích anh dũng nắm vững và có hàng triệu người cộng sản khắp thế giới giương cao. Để tỏ tình đoàn kết chặt chẽ và nhiệt liệu ủng hộ Đảng của Lê-nin ; hơn 24 vạn công nhân Nga lúc đó xin gia nhập Đảng." [2]

*

* *

"…Mát-xcơ-va tháng giêng năm 1924. Giữa mùa đông nước Nga, khí trời lạnh dưới 40 độ. Lê-nin vừa mất được mấy hôm.

Sáng hôm ấy tại phòng chúng tôi, phòng số 8 khách sạn LUX có tiếng gõ cửa nhẹ. Một thanh niên rất gầy gò, đầu đội mũ cát-két, mình mặc chiếc áo mỏng manh mùa thu, tay xách một va-li bé tí, bước vào và nói:

- Tôi là Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam, vừa ở Pa-ri đến. Tôi đến thì Lê-nin vừa mất – Nói đến đây người thanh niên ngừng lại, lau nước mắt. – Bây giờ tôi muốn đến viếng linh cữu Lê-nin…

- Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đồng chí mặc mỏng manh như thế không chịu được rét Nga đâu. Đồng chí hãy chờ đến ngày mai, khi có quần áo ấm hãy đi…

Ái Quốc thở dài, không trả lời ngồi uống nước chè với chúng tôi, rồi trở về phòng mình. Chúng tôi cho rằng :"Thế là đồng chí ấy chịu nghe chúng mình rồi".

Ngoài trời tuyết tạm ngừng rơi, lạnh như cắt ruột. Trước nhà Công đoàn nơi để linh cữu Lê-nin, dòng người im lặng và dài vô tận đứng chờ, hầu như không nhúc nhích được bước nào. Rét quá! Ngoài đường có từng đống lửa để nhân dân sưởi đỡ rét. Tiếng máy truyền thanh buồn bã nói về Lê-nin, vị lãnh tụ vừa quá cố… Tiết trời hôm nay hình như cũng chia buồn với lòng người.

Khoảng 10 giờ đêm, có tiếng gõ cửa nhẹ. Tôi bước ra mở cửa, trước mặt tôi là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, vẫn trong bộ quần áo mỏng manh, đầu đội cát-két. Mặt đồng chí xanh xám, ngón tay, mũi và tai thâm tím vì giá rét.

- Tôi vừa đi viếng Lê-nin về - Ái Quốc vừa nói vừa run cầm cập – Tôi không thể chờ đến ngày mai để viếng Người bạn vĩ đại nhất của nhân dân các nước thuộc địa… Đồng chí có nước chè uống không?...

"Tôi luôn luôn nhớ mãi hình ảnh ấy, biểu hiện cho ý chí của con người luôn luôn kiên quyết đấu tranh chống thực dân, vì tự do và hạnh phúc của dân tộc. Sau đó chúng tôi trở thành bạn thân, cũng làm việc với nhau nhiều. Cái gì tiêu biểu nhất ở con người Hồ Chí Minh? Là tính khiên tốn lạ thường và ý chí phấn đấu và học hỏi vô cùng mạnh mẽ… Trong câu chuyện đồng chí Hồ thường nói:

"Chỗ của tôi là ở Việt Nam, nơi mà các đồng chí và đồng bào tôi đang chiến đấu…"

Chúng tôi thường cùng nhau nhắc lại những chuyện về nước Pháp, về Pa-ri… Chúng tôi thường nhắc đến cái "chợ trời" ở Pa-ri, tiếng Pháp gọi là "cái chợ rận",

đó là nơi mà những người cùng khổ ở Pa-ri mang bán từ tấm áo rách, đến cái xe đạp cũ, cái bàn, cái ghế gãy chân. Ở đây cũng là nơi mà hàng nghìn người vì đấu tranh cho tự do, cơm áo của nhân dân mà phải trốn tránh, những người mà pháp luật - "chính quốc" cũng như bọn quan lại, địa chủ trong nước họ đang tìm bắt, họ đang sống trong cảnh cực kỳ nghèo nàn, không thể tả được. Nhưng họ vẫn quyết tâm phấn đấu không ngừng. Đồng chí Hồ Chính Minh ngay từ đầu đã hiểu cách mạng tháng Mười, hiểu Lê-nin và ảnh hưởng to lớn của cách mạng ấy, của chủ nghĩa Mác – Lê-nin đối với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Ở Pháp, tôi được quen khá nhiều người Đông Dương hoạt động chính trị, nhưng hình ảnh đồng chí Nguyễn Ái Quốc luôn luôn nổi bật bởi sự khiêm tốn, ham học và phấn đấu.

Theo tôi, đồng chí Hồ Chí Minh là người đã giúp cho phong trào vô sản thế giới và phong trào giải phóng dân tộc nhiều tài liệu đầy đủ nhất về tội ác của thực dân Pháp ở Đông Dương và phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Dương[3].

*

* *

"Mát-xcơ-va tháng ba…

Con tàu băng qua vùng nông thôn phủ tuyết. Tuyết trắng muốt trên cây, lấp lánh dưới ánh mặt trời. Thỉnh thoảng nhìn một ngôi nhà, tuyết lấp gần kín một xe ngựa kéo.

Tôi chỉ có một anh bạn cùng ngồi tàu. Anh đọc sách say sưa. Anh chẳng có vẻ gì là người Nga. Anh bất ngờ hỏi tôi :

- Xpít-ki I-ét (tiếng Nga – anh có diêm không ?)

Anh dùng tiếng Nga nói chuyện với tôi, một thứ tiếng Nga còn…thô sơ.

Tôi trả lời "có" bằng tiếng Pháp. Người bạn cùng đi của tôi liền thôi nói tiếng Nga và nói tiếng Pháp rất thạo. Tôi hỏi anh ở đâu đến.

- Tôi là người Việt Nam – bị Pháp cai trị, học sinh trường đại học Phương Đông ở Mát-xcơ-va. Tôi tên là Nguyễn Ái Quốc.

Tôi tự giới thiệu và tôi nảy ý muốn phỏng vấn anh, một cuộc phỏng vấn không định trước.

Tôi ngỏ ý với anh. Anh nhìn tôi, cười và gật đầu. Anh mảnh khảnh, da rám nắng, mắt đen lánh, tóc mượt.

- Anh kể cho nghe về đời học sinh được không?

- Được.

Anh bắt đầu kể và cho tôi biết anh là cộng sản. Trước khi ghi tên học trường đại học Phương Đông, hai năm trước đây anh làm đủ mọi nghề tại Pa-ri: Bán diêm, bán báo, đánh giầy, làm các nghề linh tinh.

- Trong nước, tôi lao động ở nông thôn, tôi rời Tổ quốc tôi cách đây ba năm [4].

- Trước đây tôi có đọc một tờ báo phát hành sang nước tôi, một vài tờ có tính chống đối. Ở Việt Nam, có những người lính lê dương do Poăng-ca-rê (Poincaré) [5] gửi sang để cải huấn. Những người lính lê dương này đọc đủ thứ. Họ là những kẻ chống đối về bản chất. Họ cho tôi đọc các báo Pháp. Vì thế tôi nảy ra ý muốn sang xem "mẫu quốc" ra sao và tôi đã tới Pa-ri. Khi trường đại học Phương Đông ở Mát-xcơ-va mở, tôi bèn xin học.

- Trường có đông học sinh không?

- Tất cả có 1025 người học thuộc 62 xứ thuộc địa trong đó có 150 gái, 895 vào đảng cộng sản. Trong số 1025 người học 547 là nông dân, khoảng 300 là công nhân, còn là trí thức tư sản.

- Anh nghĩ thế nào về sáng kiến Bôn-sơ-vích này?

- Tôi rất phấn khởi đối với sáng kiến này. Tôi đã đọc nhiều tuyên bố ủng hộ và đoàn kết của những người chống đối nhưng không người nào đem lại cho chúng tôi một sự giúp đỡ thiết thực để thoát khỏi chế độ nô lệ mà những "người đi gieo rắc văn minh" đang giam hãm chúng tôi. Tôi cho rằng sáng kiến này sẽ đem lại những kết quả rất tốt. Nhiều người đã hiểu tình trạng kém cỏi của chúng tôi nhưng chưa có ai, trừ những người làm cách mạng Nga, chỉ cho chúng tôi con đường đi đến giải phóng. Ở Ba-cu, năm 1921, lần đầu tiên trong lịch sự của giai cấp vô sản, đã họp một đại hội của các dân tộc phương Đông và chính Lê-nin, đồng chí I-lít-sơ[6] thân mến của chúng tôi đã nêu lên những đề án và hướng dẫn chúng tôi đi những bước đầu đề làm cho chúng tôi có khả năng cùng tiến bước với giai cấp vô sản thế giới.

Đồng chí Việt Nam nói rất hào hứng, nhanh và thạo tiếng Pháp. Một tay đồng chí phải băng.

- Tay anh làm sao thế?

- Không sao, anh trả lời. Tôi mang vòng hoa của học sinh viếng Lê-nin, vì thế hai ngón tay tôi bị tê cóng.

- Các anh có bao nhiêu giáo sư ? Chương trình học có những môn gì?

- Chúng tôi có 150 giáo sư dạy các môn: khoa học xã hội, duy vật lịch sử, lịch sử phong trào công nhân, khoa học tự nhiên, lịch sử cách mạng, kinh tế chính trị học v.v… Trường đại học có một phòng chiếu bóng, một thư viện 47.000 cuốn sách. Mỗi dân tộc có một thư viện riêng gồm sách, báo, tạp chí. Nên biết là chúng tôi thuộc 62 dân tộc mà đoàn kết với nhau như anh em ruột thịt. Người học tự viết lấy báo hàng tuần. Chúng tôi có một nhà an dưỡng ở Cơ-ri-mê và hai nhà nghỉ hè, một trong hai nhà đó trước cách mạng là lâu đài của một quận công.

Anh thanh niên Việt Nam vừa cười vừa nói với tôi: anh hãy hình dung là ở trên đỉnh ngọn tháp của lâu đài, gần con quạ, biểu tượng của đế chế, phấp phới là

cờ đỏ và ở trong phòng khách thay vào ngài quận công, là những người nông dân Triều Tiên, Ác-mê-ni nô đùa với nhau.

- Ai nấu cho các anh ăn?

Tôi hỏi người đồng chí và người bạn cùng chuyến tàu. Anh vẫn còn cười vì vẫn còn nghĩ đến những người Triều Tiên nô đùa trong phòng khách của quận công.

- Chúng tôi thay phiên nhau làm bếp. Chúng tôi cũng thay phiên nhau làm ở thư viện, ở câu lạc bộ, giặt giũ. Chúng tôi tổ chức thành công xã [7]. "Công xã" họp một tuần một lần để thảo luận chính trị, và tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật, giải trí. Những sự sai phạm sẽ do một "tòa án" do công xã bầu ra thấy cần thiết, xét xử.

- Khi học xong, anh dự định làm gì?

- Dĩ nhiên là tôi sẽ trở về Tổ quốc tôi để đấu tranh cho sự nghiệp của chúng tôi. Ở bên chúng tôi có nhiều việc phải làm lắm. Chúng tôi chẳng có quyền gì cả, trừ quyền đóng thuế cho "mẫu quốc" Pháp, cho bọn chủ bản xứ. Sự việc nổi bật nhất như thế này: chúng tôi là những người bị đô hộ, như đồng chí biết, chúng tôi là những dân tộc "hạ đẳng", và vì thế chúng tôi không có quyền ứng cử, bầu cử. Ở nước Nga, ở cái nước của những người dã man – giai cấp tư sản dân chủ gọi các đồng chí Nga như thế - chúng tôi có đầy đủ những quyền như công nhân Nga. Thật vậy, những đại biểu của chúng tôi do Xô-viết của chúng tôi bầu ra theo đúng kỳ hạn, đã cùng hội họp với các đại biểu công, nông, binh. Đó, anh đã thấy rõ sự đối xử khác nhau của chế độ dân chủ tư sản và chế độ dân chủ công nhân đối với chúng tôi!

Người bạn nói chuyện với tôi ngừng nói. Anh nhìn thẳng trước mặt anh, như để đo khoảng cách giữa hai loại dân chủ, rồi anh tiếp tục:

- Chúng tôi đã đau khổ nhiều và chúng tôi còn phải đau khổ nữa. Những người "khai hóa" các nước chúng tôi để chúng tôi tự do. Nhưng chúng tôi tiếp tục đi theo con đường Cách mạng tháng Mười đã vạch ra, chúng tôi sẽ vận dụng vào thực tiễn những bài học đã học được. Các đồng chí của tôi làm việc phấn khởi, tin tưởng, nghiêm túc. Nhiều người còn rất trẻ đã có một trình độ Mác-xít ít có thể tưởng tượng là có thể có được vào tuổi đó. Chúng tôi hiểu rõ là chúng tôi có trách nhiệm rất nặng nề, và tương lai của các dân tộc thuộc địa tùy thuộc vào sự tuyên truyền và tinh thần hy sinh của chúng tôi.

Người đồng chí Việt Nam của tôi, dân thuộc địa của Poăng-ca-rê, nói tiếp:

- Ở Phương Đông, từ Xy-ri đến Triều Tiên – tôi chỉ nói các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, có một diện tích rộng mênh mông với hơn 1.200 triệu dân. Cả vùng rộng lớn này nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa. Các dân tộc ở đó không bao giờ có thể ngẩng đầu lên được nếu không gắn

bó với giai cấp vô sản thế giới. Những nghị quyết của phái xã hội dân chủ tỏ cảm tình dù nồng nhiệt đến đâu cũng không có sức nặng.

Việc thành lập trường đại học Bôn-sơ-vích đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử các dân tộc thuộc địa ở Phương Đông, và nhà trường đã dạy chúng tôi nguyên lý đấu tranh giai cấp, đã đặt mối liên hệ giữa chúng tôi với các dân tộc phương Tây, trang bị cho chúng tôi – những người nô lệ, khả năng hoạt động chặt chẽ.

- Khí hậu nước Nga thế nào, có cực lắm không?

- Có… Tôi chưa quen tuy đã ở hai năm. Nhưng không sao, tôi sẽ khắc phục được.

Chúng tôi còn nói chuyện với nhau thêm một lúc thì người bạn Việt Nam xuống một ga nhỏ. Anh bắt tay tôi và nói:

- Tôi đi thăm một công xã nông nghiệp. Thôi chào anh.

Tôi thấy anh choàng chiếc áo khoác ngoài quấn chăn vào người, bước lên một chiếc xe ba ngựa kéo rồi biến sau quả đồi, như bị biển tuyết bạc óng ánh lấp đi. Con tàu chuyển bánh, băng qua cánh đồng.[8]

*

* *

"…Nguyễn Ái Quốc cũng là người thường đến xem triển lãm. Người đã có quan hệ với chúng tôi từ trước khi mở triển lãm này. Quê hương của Người là Việt Nam ngày nay. Người biết thông thạo ngôn ngữ của những nước lớn ở Châu Âu, và khi thảo luận Người có cách nói rất sinh động. Người am hiểu những trào lưu nghệ thuật Tây Âu và mỉm cười để lộ rằng ở Pa-ri, Người cũng có vẽ chút ít. Người nói một cách rất tinh tế về những tác phẩm mà người đã xem và trước hết về những nghệ sĩ đã mạnh dạn phơi trần sự thật xã hội và kêu gọi đấu tranh. Người coi nghệ thuật trừu tượng không có tác dụng đối với cuộc đấu tranh giai cấp. Người bàn luận về những vấn đề nghệ thuật của Châu Âu một cách có suy xét đầy đủ, chính xác và thận trọng, và nhấn mạnh rằng mỗi dân tộc cần phải chăm lo đến đặc tính của dân tộc mình trong nghệ thuật. Ngày nay Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh."[9]

*

* *

"Cuối chiến tranh thế giới thứ nhất, tôi thấy ở binh công xưởng Rô-an-nơ vùng quê tôi có nhiều người Châu Á mà thời đó người ta quen gọi là "Người An Nam". Hàng nghìn người Việt Nam đã phải rời quê hương, tổ quốc, bị đầy đi lính hoặc đi làm thợ như thế cho thực dân Pháp. Đấy là lần đầu tiên trong đời tôi có dịp gặp người Việt Nam.

Năm tôi 19 tuổi, tôi làm bí thư thanh niên cộng sản vùng La Loa. Mùa xuân năm đó, tức năm 1922, có hội nghị Trung ương mở rộng của liên đoàn thanh niên

cộng sản Pháp. Tôi được cử đi dự hội nghị đó cùng với các bí thư đoàn thanh niên khác. Hội nghị họp trong hai ngày. Ngày đầu họp Lê-ga-li-te phố Săm-brơ-ê Mơ-dơ nội thành Pa-ri. Sáng ngày thứ hai chuyển ra họp ở phòng thể thao thị xã A-ni-e thuộc ngoại ô Pa-ri. Trong ngày thứ hai, đồng chí điều khiển hội nghị báo tin: "Hôm nay sẽ có một đồng chí thanh niên "An Nam" đến nói chuyện với các đồng chí về những đau khổ và những niềm hy vọng của đất nước đồng chí ấy".

Một người thanh niên Châu Á bước vào phòng họp giữa tiếng vỗ tay. Anh làm tôi nhớ lại những người lính thợ Việt Nam mà tôi đã gặp ở binh công xưởng Rô-an-nơ. Anh mặc quần áo kiểu Châu Âu, thắt cà-vạt, giản dị, nhanh nhẹn, thân người hơi gầy, nét mặt tươi cười, thái độ bình tĩnh. Tôi thấy anh ấy giống in hệt ảnh người đại biểu dân tộc Đông Dương đứng nói ở đại hội Tua năm 1920 và sau tôi được biết đây là đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Đứng trước các đại biểu thanh niên Pháp, đồng chí Nguyễn Ái Quốc nói trong vòng 15 phút. Đồng chí trình bày tình hình Việt Nam dưới ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân Pháp, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam và lòng tin một ngày kia nhân dân Việt Nam nhất định dành được độc lập, tư do. Rồi đồng chí phân tích mối quan hệ khăng khít giữa cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam và cuộc chiến đấu của nhân dân Pháp chống kẻ thù chung. Cuối cùng đồng chí kêu gọi thanh niên và nhân dân Pháp ủng hộ nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp.

Nói xong chuyện, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đến bắt tay hỏi thăm một số đại biểu chúng tôi, đứng nói chuyện lâu với Lô-dơ-ray trong Ban lãnh đạo thanh niên cộng sản rồi ra đi.

Hai năm sau, vào mùa hè năm 1924, tôi lại được gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Lần này không phải gặp đồng chí trong vài phút mà nhiều tuần liền, không phải ở Pa-ri mà ở Mát-xcơ-va. Năm đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở trong đoàn đại biểu Đảng cộng sản Pháp, do Pi-e Xê-man dẫn đầu, đi dự Đại hội Quốc tế cộng sản họp trong điện Krem-lanh. Còn tôi đến Mát-xcơ-va để đi dự Đại hội thanh niên quốc tế cộng sản. Tại đại hội Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đọc bản tham luận nổi tiếng trong đó đồng chí phê phán một số điểm trong chính sách của Đảng cộng sản Pháp lúc bấy giờ chưa thoát khỏi ý thức hệ thực dân chủ nghĩa. Đồng chí nói thành khẩn và nghiêm khắc với động cơ duy nhất là phát triển hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu giữa hai dân tộc Pháp – Việt chống kẻ thù chung: đế quốc Pháp. Trong những lúc nói chuyện riêng với chúng tôi, đồng chí luôn đề cập đến vấn đề đó, vì đối với đồng chí, đấy là một vấn đề hết sức quan trọng.

Tôi lúc đó ở cùng với đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại khách sạn "Đại Pa-ri" đường Tvéc-xkai-a, ở Mát-xcơ-va. Sau đại hội Quốc tế cộng sản ít hôm, đồng chí Nguyễn Ái Quốc được mời đến dự Đại hội Thanh niên quốc tế cộng sản của

chúng tôi, đầu tiên họp trong điện Krem-lanh, sau họp trong phòng họp của Nhà công đoàn. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc có lên nói chuyện với đại hội và tham gia công việc của các tiểu ban".[10]

---

[1] T. Lan – "Vừa đi đường vừa kể chuyện", Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, năm 1963.

[2] T. Lan: "Vừa đi đường vừa kể chuyện", Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, năm 1963.

[3] Géc-Ma Nét-Tô – (nguyên Ủy viên chấp hành và Ban Bí thư công hội đỏ quốc tế) "Một buổi sáng mùa xuân 1924" trong tập "Bác Hồ", Nhà xuất bản Văn học, năm 1960.

[4] Sự thật, đồng chí Nguyễn Ái Quốc rời tổ quốc 13 năm, tức là năm 1911 (ND)

[5] Poăng-ca-rê là thủ tướng Pháp thời đó, rất phản động.

[6] I-lít-sơ là tên nhỏ của Lê-nin. Để tỏ tinh thần theo phong tục châu Âu, người ta gọi tên nhỏ.

[7] Tiếng Ý viết là communita và commune.

[8] Ma-ri và Mát-xi-mô Lô-kê, "Đồng chí Nguyễn Ái Quốc trả lời phỏng vấn báo Đoàn kết (Ý) năm 1924", Nguyễn Thành Lê dịch theo bản dịch tiếng Pháp.

[9] Eric Johansson, tạp chí Nghệ thuật tạo hình số 12 – 1965 của nước Cộng hòa dân chủ Đức, "Nhớ lại kỷ niệm cuộc gặp gỡ Hồ Chủ tịch năm 1924, tại Cuộc triển lãm tổng hợp nghệ thuật Đức ở Mát-xcơ-va 1924".

[10] Phrăng-xoa Bi-u, "Bác Hồ của chúng tôi", Hồng Hà ghi, trong tập "Bác Hồ ở Pháp", Nhà xuất bản Văn học, năm 1970.

Sáng lập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội

"Sau Đại hội lần thứ năm của Quốc tế cộng sản, Bác còn dự các cuộc Đại hội Quốc tế công hội đỏ, Quốc tế nông dân, Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thanh niên, Quốc tế cứu tế đỏ (Nopr).

Ở Đại hội Quốc tế phụ nữ, Bác đã gặp nhiều nữ đồng chí Bôn-sơ-vích, trong đó có đồng chí Cơ-rúp-xcai-a (vợ Lê-nin). Đồng chí Cơ-rúp-xcai-a rất chất phác, hiền lành, khiêm tốn và nói tiếng Pháp rất thạo. Đồng chí ân cần hỏi Bác về phong trào phụ nữ Việt Nam và nói cho Bác nghe một số kinh nghiệm về việc hoạt động phụ nữ. Hồi đó đồng chí làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

Sau các cuộc đại hội đó, Bác bí mật sang Trung Quốc. Lúc đó, Trung Quốc đang ở trong tình trạng lộn xộn. Ở miền Bắc, bọn quân phiệt Ngô Bội Phu, Đoàn Kỳ Thụy, Trương Tác Lâm… - do các nước đế quốc giật dây – đang đánh nhau lung tung. Ở miền Nam, Quốc dân đảng của cụ Tôn Trung Sơn và Đảng cộng sản đang hợp tác chặt chẽ, do đó mà phong trào cách mạng đang lên cao. Chính phủ cách mạng (Quốc dân đảng) đóng ở Quảng Châu, đang chuẩn bị tiến quân về miền Bắc.

Bác về đến Quảng Châu thì may lại gặp các đồng chí Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Thái Xưởng (vợ đồng chí Lý) và nhiều đồng chí khác mà bác đã quen biết lúc ở Pháp. Đồng chí Mao Trạch Đông hồi đó phụ trách trường huấn luyện nông dân. Đồng chí Lưu Thiếu Kỳ phụ trách phong trào công nhân. Đồng chí Bành Bái phụ trách tổ chức nông dân.

Thiên hạ đều biết rõ hoạt động cách mạng của các đồng chí lãnh đạo Trung Quốc. Đây Bác chỉ tóm tắt kể chuyện đồng chí Bành Bái. Tuy xuất thân từ một nhà địa chủ phong kiến kếch sù, đồng chí Bành là một trong những người lập nên Đảng cộng sản Trung Quốc. Trước đó, đồng chí đã vận động và tổ chức nông dân ở vùng Hải Lục Phong. Đầu tiên, đồng chí vận động những tá điền của bố mình đòi giảm tô giảm tức, vì vậy, mà bị ông cụ ghét bỏ thậm tệ. May nhờ bà cụ cưng con và cô em gái thương anh, mà đồng chí Bành tiếp tục hoạt động được.

Trong thời kỳ đầu, đồng chí Bành đã gặp nhiều thất bại như: mặc áo tây đến nhà nông dân, họ tránh không chịu gặp, vì họ nghĩ "cậu ấm" đến đòi nợ cho bố. Vì hay nói chữ, nông dân nghe không hiểu. Vì gặp phụ nữ cũng nói chuyện, bị nông dân ghen, v.v… Mỗi lần thất bại, đồng chí đều cố tìm ra nguyên nhân và sửa chữa ngay. Nhờ có quyết tâm và chịu khó, chẳng bao lâu đồng chí đã tổ chức được nông hội khắp hai huyện Hải Phong và Lục Phong. Nông dân hai huyện đã dùng súng ống đánh nhau với những địa chủ ngoan cố. Khi Quốc dân đảng phản bội cách mạng, nông hội Hải Lục Phong vẫn đứng vững và đã che chở được

nhiều các bộ bí mật. Công xã Quảng Châu thất bại, đồng chí Bành vâng lệnh Đảng lên hoạt động bí mật ở Thượng Hải, bị bắt và đã oanh liệt hy sinh.

Ở Quảng Châu, Bác vừa làm phiên dịch cho đồng chí Bơ-rô-đin – cố vấn Liên-xô bên cạnh Chính phủ cách mạng Quốc dân đảng – vừa phụ trách mục tuyên truyền trong tờ báo Canton Gazette – báo bằng chữ Anh của Trung ương Quốc dân đảng.

Đến Quảng Châu được ít lâu, Bác cùng các đồng chí Lê Hồng Phong, Hồ Tùng Mậu, Lê Tản Anh… tổ chức hội "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí" chuẩn bị nền tảng cho việc tổ chức Đảng cộng sản sau này. Với sự giúp đỡ của các đồng chí Trung Quốc, hội bí mật đưa một số thanh niên trong nước đến Quảng Châu học ở lớp huấn luyện chính trị. Hội ra một tờ báo Thanh niên in bằng giấy sáp, bí mật gửi về nước để tuyên truyền.

Thế là lời đoán mò cách đây mười mấy năm trước của "quan thượng thư" thuộc địa Pháp đã thực hiện: Phong trào cách mạng từ Pa-ri sang Mát-xcơ-va, từ Mát-xcơ-va sang Trung Quốc, từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Được các đồng chí Trung Quốc đồng ý, Bác tổ chức hội "Á châu bị áp bức dân tộc liên hiệp". Hội này có người Việt Nam, người Trung Quốc, người Ấn Độ, người Triều Tiên v.v… tham gia khá đông và hoạt động khá mạnh. Cụ Liêu Trọng Khải được bầu làm hội trưởng, Bác làm bí thư" [1].

"…Bây giờ ông Nguyễn ở Trung Quốc, ông bắt đầu đi bán thuốc là và bán báo để sống. Khi mới đến ông Nguyễn còn cảm thấy tiếng vang của mọi việc xảy ra ở Quảng Châu. Mấy tháng trước đây, một thanh niên cách mạng Việt Nam Phạm Hồng Thái, đã ném một quả bom vào Méc-lanh (Merlin), toàn quyền Đông Dương, khi Méc-lanh đến Sa Điện, một tơ giới quốc tế gần Quảng Châu, Méc-lanh thoát chết. Nhưng liệt sĩ Phạm Hồng Thái phải tự vẫn trên sông Châu Giang.

Việc đó tuy nhỏ, nhưng nó báo hiệu bắt đầu thời đại đấu tranh dân tộc, như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân.

Sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp càng ra sức bóc lột Đông Dương. Chương trình bóc lột này được dự tính tỷ mỷ trong quyển sách của An-be Xa-rô (Albert Sarraut): "Khai thác thuộc địa". Toàn thể nhân dân đau khổ vì sự bóc lột đó. Thuế má và tạp dịch tăng lên. Ruộng đất của nhiều làng bị bọn chủ đồn điền Pháp chiếm đoạt. Pháp thi hành chính sách gây nạn đói để làm cho nông dân bần cùng. Giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản Việt Nam bị nghẹt thở vì sự áp bức nặng nề của tư bản thuộc địa. Một giai cấp thợ thuyền mới ra đời. Từ 1862 tiếng súng kíp của đội quân Cần vương chống lại đại bác của bọn xâm lược Pháp, cuộc chiến đó vẫn tiếp tục. Nó tiếp tục đến năm 1885 dưới sự lãnh đạo của cụ Phan Đình Phùng, năm 1887 dưới sự lãnh đạo của cụ Hoàng Hoa Thám, năm 1917 dưới sự lãnh đạo của cụ Lương Ngọc Quyến và nhiều nhà chí sĩ khác. Có

một lúc tạm yên sau đại chiến lần thứ nhất. Và bây giờ tiếng bom của Phạm Hồng Thái đã nhóm lại ngọn lửa chiến đấu.

Trung Quốc cũng bị các tập đoàn quân phiệt chia sẻ, bọn này được đế quốc giúp đỡ. Nhưng lòng yêu nước của nhân dân Trung Quốc bắt đầu thức tỉnh. Lời kêu gọi của Bác sĩ Tôn Dật Tiên bắt đầu truyền bá. Một phong trào dân tộc vĩ đại bắt đầu. Trước hết là cuộc đấu tranh chống Nhật, liên hợp tất cả các giai cấp trong nước. Sau đó là sự tẩy chay Anh ở Hương Cảng do công nhân phát động. Rồi đến đội quân Bắc phạt chống bọn quân phiệt để thống nhất Trung Hoa, do Bác sĩ Tôn Dật Tiên và những người đồng chí của ông lãnh đạo.

Ông Nguyễn bị lôi cuốn vào cuộc vận động này.

Đọc quảng cáo trên tờ "Quảng Châu nhật báo" ông tìm đến làm phiên dịch cho ông Bô-rô-đin, cố vấn chính trị của Bác sĩ Tôn Dật Tiên và của chính phủ Quảng Châu. Ông dịch những tờ báo Trung Quốc ra tiếng Anh. Ông để hết tâm lực nghiên cứu chính trị Trung Quốc.

Ba nguyên tắc của Bác sĩ Tôn Dật Tiên là:

- Dân tộc
- Dân quyền
- Dân sinh

Vừa nghiên cứu vừa làm việc để sống, ông Nguyễn vẫn ra sức làm việc cho Tổ quốc mình, Ông bắt đầu tổ chức đồng bào Việt kiều ở Trung Quốc, tổ chức này gọi là "Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội".

Để tuyên truyền, ông xuất bản một tờ tuần báo "Thanh niên".

Được sự giúp đỡ của ông Liêu Trọng Khải, ông Nguyễn tổ chức hội "Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á đông".

Trong tổ chức này, có người Việt Nam, người Triều Tiên, người Nam Dương, v.v…

Đoàn thể này giống hội Liên hiệp thuộc địa mà ông Nguyễn đã tổ chức ở Pa-ri.

Được sự cộng tác của Đảng cộng sản Trung Quốc quân đội cách mạng của Bác sĩ Tôn Dật Tiên đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bọn quân phiệt lần lượt bị đánh bại. Trong một thời gian ngắn, chính quyền Quốc dân Đảng Quảng Châu đã lan rộng khắp nửa Trung Quốc.

Hoạt động của "Hội thanh niên cách mạng đồng chí" bắt đầu lan vào trong nước. Thực dân Pháp gián tiếp giúp đỡ rất nhiều. Vì sao vậy?

Trong khi tài liệu và báo chỉ của ông Nguyễn bí mật lọt vào nước rất khó khăn, thì bọn thực dân đều làm to chuyện để yêu cầu đàn áp. Đó là một quảng cáo rất tốt cho công việc của ông, làm cho đồng bào chú ý, làm cho bọn họ càng thích được nghe tuyên truyền cách mạng.

Hơn nữa, thực dân Pháp đã phạm một sai lầm là bắt nhà lão chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu, lúc bấy giờ ở Trung Quốc, và muốn kết án tử hình cụ Phan. Tất cả nhân dân Việt Nam nổi dậy chống lại vụ án này và yêu cầu thả cụ Phan. Chưa bao giờ có một phong trào quần chúng rộng rãi như vậy. Đây là một dịp tốt cho ông Nguyễn tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước.

Muốn ru ngủ và lung lạc người Việt Nam thực dân Pháp cử Va-ren (Alexandre Varenne), đảng viên đảng xã hội Pháp làm toàn quyền Đông Dương. Lúc đầu, người Việt Nam phấn khởi, nhất là thanh niên.

Nhưng Va-ren ngay từ đầu khi thi hành chính sách hết sức phản động. Người Việt Nam sớm tỉnh ngộ và vì vậy sẵn sàng đáp lại kêu gọi của ông Nguyễn: "Muốn tự giải phóng phải trông vào lực lượng của mình".

Nhà lão ái quốc Phan Chu Trinh ở Pháp về Việt Nam. Về được một năm thì cụ mất. Từ Bắc chí Nam, nhân dân ta tổ chức đám tang rất lớn. Bọn cầm quyền Pháp can thiệp cấm những cuộc truy điệu và bắt bớ những thanh niên, sinh viên hăng hái nhất trong cuộc vận động đó. Sự can thiệp này đã thổi thêm ngọn lửa yêu nước và một lần nữa giúp cho sự tuyên truyền yêu nước của ông Nguyễn và của hội Thanh niên.

Ông Nguyễn mở những lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu. Những thanh niên Việt Nam phần lớn là học sinh, trốn ra dự những lớp này, để học làm cách mạng, cách hoạt động bí mật. Học xong họ lại bí mật về nước truyền bá lý luận giải phóng dân tộc, và tổ chức nhân dân…” [2]

"Thành phố Quảng Châu (Trung Quốc) có nhiều quan hệ mật thiết với cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta trong những năm hai mươi thế kỷ này. Ở đấy, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã sống và hoạt động trong mấy năm để xúc tiến việc chuẩn bị thành lập Đảng.

Theo tài liệu[3] thì Hồ Chủ tịch từ Liên-xô về đến Quảng Châu và giữa tháng 12-1924. Ở Quảng Châu, Người lấy tên là Lý Thụy. Sau khi tìm hiểu và rút kinh nghiệm về hoạt động của Tâm Tâm xã, Hồ Chủ tịch chọn một số thanh niên yêu nước trong tổ chức đó và nhiều người khác từ trong nước ra, mở các lớp chính trị để đào tạo thành những cán bộ cách mạng rồi cử về nước hoạt động. Người sáng lập Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, một tổ chức tiền thân của Đảng, trong đó nòng cốt lãnh đạo là Cộng sản đoàn; xuất bản tờ tuần báo Thanh niên, là cơ quan của Tổng bộ thanh niên. Người tham gia sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á đông trong đó chi hội Việt Nam, để đoàn kết nhân dân các thuộc địa cùng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Những bài giảng của Hồ Chủ tịch tại các lớp huấn luyện ở Quảng Châu được tập hợp lại và in thành cuốn Đường cách mạng, tài liệu này có tác dụng lớn đối với việc giáo dục cán bộ và phát triển cách mạng Việt Nam, đồng thời đặt nền tảng cho cương

lĩnh của Đảng ta về sau. Ngoài việc huấn luyện chính trị, Hồ Chủ tịch còn dạy thanh niên học văn hóa và tiếng Anh nữa.[4]

"Đây là một nhà cũ ba tầng (một tầng dưới và hai gác) gồm có hai nhà bên trong có cửa thông sang nhau. Hồi 1924-1927 nhà đó mang số 13 và 13-1 phố Văn Minh, nay là số 422 đường Diên An 2. Nhà có cửa mở ra phố, bên kia đường là một khu nhà lớn trước kia là trường đại học Quảng Đông. Nhà làm lâu năm, nhiều bộ phận hỏng được chữa lại không giống như cũ: sau khi lập nhà bảo tàng, các đồng chí Trung Quốc lại cho thay cầu thang, sàn gác và một vài bộ phận khác đã yếu mọt. Khi chúng tôi đến thăm, măt trước nhà còn đang dựng giàn giáo để chữa nóc nhà và bao lơn, cửa sổ.

Các đồng chí phụ trách Nhà bảo tàng nói về những hoạt động của Hồ Chủ tịch ở Quảng Châu trong thời kỳ 1924-1297 – như tài liệu đã có – và cho biết thêm: Hồi đó, các đồng chí Việt Nam sử dụng chủ yếu là gác ba của hai nhà; còn những tầng dưới là nhà dân. Hồ Chủ tịch không ở đây; hàng ngày Người đi bộ tới làm việc và giảng bài; từ nơi Người ở đi đến đây mất khoảng 10 phút; ngôi nhà ở của Hồ Chủ tịch nay không còn nữa. Ở tầng ba, gác nhà số 13 được dùng làm trụ sở của Thanh niên cách mạng đồng chí hội, còn nhà số 13-1 là lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên. Hồ Chủ tịch mở được ba khóa huấn luyện thanh niên, thời gian mỗi khóa từ 3 đến 4 tháng; lớp thứ nhất có 5 học viên, lớp thứ hai: 15 và lớp thứ ba: hơn 30 người. Ngoài một số thanh niên học ở đây, còn một số ít hơn được đưa đến học trường quân sự Hoàng Phố. Khi học xong, các học viên tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí hội, rồi phần lớn được cử về nước hoạt động cách mạng, một số ở lại tham gia cuộc đấu tranh cách mạng của Trung Quốc. Chương trình học là những bài tập hợp trong cuốn Đường cách mạng; ngoài ra, còn học và nghe nói chuyện về chủ nghĩa Mác – Lê-nin, lịch sử cách mạng Việt Nam, lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ…, lịch sử Quốc tế thứ 1, thứ 2, thứ 3, lịch sử đấu tranh của phụ nữ, thanh niên và nông dân thế giới… Hồi ấy, các đồng chí Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Đặng Dĩnh Siêu cũng đến giảng một số bài ở lớp huấn luyện. Trong thời kỳ 1924-1927, cuộc đấu tranh cách mạng ở Quảng Châu diễn ra gay gắt vào phức tạp. Hồi ấy, có sự hợp tác giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhưng bọn Tưởng Giới Thạch luôn luôn tìm cách chống Đảng Cộng sản và làm hại những nhân sĩ yêu nước, tiến bộ. Trong khi ấy, ở tỉnh Quảng Đông và vùng lân cận có nhiều bọn quân phiệt hoạt động. Vụ Phạm Hồng Thái ném bom định giết tên toàn quyền Méc-lanh hồi tháng 6-1924 có tác dụng thúc đẩy mạnh phong trào cách mạng Việt Nam, đồng thời làm cho bầu không khí chính trị Quảng Châu càng sôi nổi. Trong tình hình đó, với sự giúp đỡ của các đồng chí Trung Quốc, Hồ Chủ tịch đã đặt nơi mở các lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên và trụ sở Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở lẫn vào nhà dân lao

động, và những nguyên tắc bí mật được thực hiện nghiêm khắc trong mọi hoạt động của các bộ ta. Các đồng chí Trung Quốc rất chú ý bảo vệ căn nhà số 13, 13-1 phố Văn Minh: từ các phía chung quanh nhà đó đều có cơ quan của Đảng cộng sản Trung Quốc, trong trường đại học Quảng Đông ở trước nhà cũng có một chi bộ đảng. Tới năm 1926, khi bọn Tưởng trắng trợn trở mặt khủng bố cách mạng, thì các đồng chí Trung Quốc chuyển hướng hoạt động và Hồ Chủ tịch rời Quảng Châu.

Chúng tôi đã đi xem các nơi trước đặt cơ quan. Hai căn gác diện tích bằng nhau, thông sang nhau bằng một cửa ở trong nhà và cái sân sau. Mỗi gác là một phòng hình chữ nhật, dài 12 mét, rộng 4 mét, phía trong hẹp hơn phía ngoài một ít; nhà không có trần, từ sàn lên mái chỗ thấp nhất khoảng 3 mét rưỡi. Chỉ có một cầu thang nối tầng dưới với gác nhà số 13. Phần lớn diện tích trong phòng là chỗ làm việc của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (nhà số 13) và lớp huấn luyện chính trị (nhà số 13-1), trừ hai buồng nhỏ che ván gỗ làm chỗ ngủ của cán bộ Hội và học viên. Hai phòng đều có cửa ra sân sau; ở đây mỗi bên có một khoảng trống, có mái và tường thấp bao quanh, để thông gió xuống tầng dưới. Ở sân sau gác số 13 có một cái bếp rất nhỏ, người nấu phải đứng bên ngoài, đấy là nơi cán bộ và học viên nấu cơm ăn hàng ngày.

Các đồng chí phụ trách Nhà bảo tàng cho biết: ông chủ nhà này họ Lâm. Khi được biết nhà mình trước kia là một nơi Hồ Chủ tịch đã hoạt động cách mạng, ông Lâm vui vẻ hiến nhà để làm Nhà bảo tàng lưu niệm. Rất say sưa với công việc của mình, các đồng chí phụ trách Nhà bảo tàng đã sưu tầm được một số tác phẩm của Hồ Chủ tịch và một số sách viết về đời hoạt động của Bác. Điều mong muốn và cũng là khó khăn của các đồng chí ấy là làm sao tìm biết được nhiều chi tiết cụ thể về ngôi nhà hồi 1924-1927 để có thể xây dựng, sắp xếp Nhà bảo tàng gần giống như ngôi nhà cũ, nhất là ở hai phòng tầng ba. Năm 1971, Thủ tướng Phạm Văn Đồng sang thăm hữu nghị Trung Quốc, có qua Quảng Châu và đến thăm Nhà bảo tàng. Các đồng chí phụ trách ở đây rất sung sướng được đồng chí Thủ tướng Việt Nam chỉ dẫn cho một số chi tiết trong nhà, và các đồng chí đang cho sửa chữa cho phù hợp.

Nhà bảo tàng này, sau khi được xây dựng xong, sẽ ghi lại hình ảnh ngôi nhà số 13 và 13-1 phố Văn Minh là nơi cách đây gần nửa thế kỷ, được Bác Hồ dùng làm trụ sở Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và huấn luyện chính trị cho thanh niên Việt Nam; nhắc lại một thời kỳ có ý nghĩa lịch sử, khi Bác đào tạo cán bộ cách mạng và chuẩn bị thành lập Đảng ta, đồng thời tham gia cuộc đấu tranh cách mạng của Đảng cộng sản Trung Quốc. Đấy còn là một bằng chứng sinh động về mối quan hệ khăng khít giữa những người cộng sản Việt Nam và những người cộng sản Trung Quốc, về tình đoàn kết chiến đấu vĩ đại Việt – Trung.” [5]

"…Khoảng tháng 7 năm 1926, hai anh Phạm Trọng Bình và Lợi ở Quảng Châu về Sài Gòn gặp tôi. Hai anh kể cho tôi biết quá trình đi của các anh, và nói đã được gặp ông Nguyễn. Tất nhiên, các anh không kể hết và cũng không nói đã học hành như thế nào, tôi cũng không muốn hỏi kỹ. Chỉ hiểu là lần đầu tiên, chuẩn bị ra đi, tôi thấy sung sướng hồi hộp… Anh Bình bảo tôi viết một bức thư bí mật, báo cáo qua tình hình từ khi các anh về và giới thiệu ba người chúng tôi (anh Ngô Thiêm và một người nữa lâu ngày tôi quên tên, và tôi). Ngoài phong bì đề địa chỉ: Quảng châu thị, Huệ Ái Đông lộ, Trần Nhi Cô, chuyển giao Lương… nữ sĩ. Tôi bụng dạ bảo, mừng thầm, thư này chắc chắn sẽ đến tay ông Nguyễn.

Một đêm tháng chín, với bộ quần áo công nhân, chúng tôi ra bến tàu Khánh Hội, xuống chiếc tàu Đại Phúc Tinh. Mấy anh thủy thủ đón sẵn. Lập tức người ta đưa chúng tôi lần mò trong đêm tối mịt, rồi đưa vào một nơi, đóng cửa lại. Lấy tay sờ soạng, chúng tôi thấy mình đang ở trong một cái khuông rất hẹp, ngồi đứng đều không được. Tôi thấp mà phải co lại như con tôm mới có thể nằm xuống. Còn hai anh kia thì đứng nghiêng nghiêng. Hồi lâu chúng tôi mới biết đấy là cái mạn tàu hai mê. Đứng trong mạn tàu, mình nghĩ mình như thân con kiến, nhưng lại nghĩ: chuyến này mà thoát, gặp được ông Nguyễn… thì cũng thỏa. Cứ như thế từ mười hai giờ đêm trước đến hai giờ chiều sau, tàu ra khỏi hải phận, bọn "ma tà" bên bờ, người ta mới dám mở cho chúng tôi ra, mọi người đã đẫm mồ hôi, như kẻ chết trôi mới vớt lên.

Anh em công nhân đưa chúng tôi vào buồng, hòa sữa cho uống. Thế là thoát "Con chim đã sổ lồng".

Độ năm ngày đêm, đến Hương Cảng, tàu bốc hàng xong. Nhưng vì không có hàng đi Quảng Châu, anh em công nhân lại tìm cách gửi chúng tôi sang chiếc tàu "Quảng Tây". Lại bị giấu một lần nữa; nhưng lần này không phải vì chính trị, mà vì kinh tế; không có tiền tàu… Lần này, chúng tôi không phải là con kiến nữa, mà là những con vịt. Ngồi lom khom dưới đáy tàu, nước đến nửa ống chân. Hơn một tiếng đồng hồ, đợi người soát vé xong, anh em đưa chúng tôi lên.

Chúng tôi được đưa vào gian buồng đặc biệt của anh công nhân thợ máy, tên là Lý Hoa. Anh cho chúng tôi ăn kẹo, bánh, hút thuốc lá.

Khoảng năm giờ chiều, tàu đến Quảng Châu. Chúng tôi được đưa đến một nơi, thấy có anh em công nhân nằm ngồi la liệt, người xem báo, kẻ nói chuyện. Sau đó, một anh công nhân rủ chúng tôi đi ăn cơm. Ăn uống xong lại ngủ một đêm. Anh công nhân ấy lại đưa chúng tôi đến một nơi khác, bảo chúng tôi đi với một người khác nữa. Người ấy đưa chúng tôi đi…

Lên cầu thang gác thứ ba, có mấy cậu bé đưa chúng tôi vào. Trong số các cậu bé, sau này tôi biết có đồng chí Lý Tự Trọng. Một lúc nữa, có một người thanh niên đến, tuổi chừng hai mươi, ăn mặc lối học sinh, có vẻ hoạt bát, linh lợi, tự giới thiệu là Hoài.

Sau khi kể chuyện đường đi của mình, anh Hoài cho biết những người thủy thủ trên tàu đều đã có tổ chức và đám người công nhân ở nhà kia là những người bãi công ở Hương Cảng, được Chính phủ Quảng Đông đưa về nuôi dưỡng và học tập.

Gian nhà này ở trong một căn nhà dài, đối diện với trường Quảng Châu đại học. Trong nhà, trên tường chính giữa ngảnh mặt ra, có chân dung Mác, Ăng-ghen, Lê-nin. Hai tường bên treo chân dung Sta-lin và Tôn Trung Sơn đối diện nhau. Phía ngoài cửa ngảnh vào, treo chân dung Phạm Hồng Thái. Đây là lần đầu tiên, được nhìn các chân dung kể trên một cách rõ ràng. Chúng tôi bảo nhau nhìn cho "no". Ở trong nước, chúng tôi chỉ được nhìn ở nơi thầm kín, đâu mà được thấy trong ánh sáng như thế này. Đứng nhìn, đi nhìn, mà hình như các vị cũng đương nhìn mình và nhìn cả từng bước đi của mình nữa…

Sau đó, một vài đồng chí đến gặp chúng tôi hỏi tình hình trong nước. Có lẽ vừa hỏi và cũng vừa khảo sát chăng? Có một người mặc quần áo học sinh Trung Quốc, trạc chừng ngoài ba mươi tuổi, mắt sáng, gò mà cao, vui vẻ hoạt bát, nói năng hùng biện, tên là đồng chí Lương; một người thì mặt hơi to, thường đeo kính, béo, hay mặc âu phục, tên là Trương. Một người nữa, mặc bộ quần áo Trung Sơn (trong suốt thời gian chúng tôi ở Quảng Châu, lúc nào cũng chỉ thấy mặc có một bộ này), dáng người mảnh khảnh cao, trán rộng, mắt sáng, giọng nói khoan thai, ấm áp… vui tính những ít cười, gọi là đồng chí Vương.

Trong một buổi nói chuyện thân mật về tình hình trong nước, chúng tôi kể từ chuyện quan trường, vua chúa thối nát, đến chuyện gặp cụ Phan Bội Châu, cụ Phan Văn Trường, đến chuyện anh em thanh niên bồng bột nông nổi, chuyện Bắc, Nam còn thành kiến, v.v… Tóm lại, trong khi kể chuyện, chúng tôi tỏ ra bi quan nhiều. Cuối cùng, đồng chí Vương nói, đại ý: Cũng vì khó khăn thế, còn nhiều điều xấu xa như thế, cho nên chúng ta phải làm cách mạng. Người cách mạng phải là người lạc quan chủ nghĩa, tin tưởng ở sự thắng lợi cuối cùng v.v…

"Lạc quan chủ nghĩa". Sau này tôi mới hiểu hết ý nghĩa của nó. Nhưng khi ấy, tôi đã thấy nó là một liều thuốc chữa trúng bệnh của tôi. Nhờ thuốc ấy, sau này mỗi khi gặp khó khăn nguy hiểm, tôi đã vui vẻ vượt qua!

Trong cuộc nói chuyện, chúng tôi thấy đồng chí Vương tuy xa nước đã lâu, nhưng đồng chí biết rất thành thuộc tình hình trong nước: năm nào Pháp cướp lúa gạo của ta chở sang Pháp bao nhiêu, năm nào ngân hàng Pháp được lời bao nhiêu, v.v… cho đến chuyện tên toàn quyền Va-ren đã cướp đồ cổ của Việt Nam chở sang Pháp bao nhiêu hòm; nó có mấy người bồi, mấy con chó. Mỗi con chó của nó ăn mỗi thắng bao nhiêu. Với tiền nuôi chó ấy, một người nông dân Việt Nam ăn được hàng năm, hay bằng mấy lần tiền lương hàng tháng của một công chức nhỏ người Việt, v.v…Những con số chân thật và mỉa mai ấy làm cho chúng tôi căm thù và ứa nước mắt…

Ngày khai mạc lớp học, anh em đến đầy đủ, trước buổi khai mạc, gần năm mươi anh em chúng tôi đều phải viết bản "Ngôn chí", nói rõ nghề nghiệp và động cơ của mình ra ngoài. Khi làm lễ khai mạc, học viên cử đại biểu phát biểu ý kiến. Tôi cũng là một người "bị" anh em cử đứng lên nói. Tôi lúc ấy thật là lúng túng; đứng lên, tim đập thình thịch, mặt đỏ bừng rồi tái mét, trông một người thành hai, ba người, cái bàn hình như nâng lên rồi hạ xuống. Một hồi, tôi mới nói được.

Địa điểm lớp học, hình như ở đường Văn Minh thì phải, đối diện với một Hội quán Tổng Nông hội, cách nhau một quảng trường. Ở đấy, vừa là Hội quán vừa là ký túc xá của lớp huấn luyện cán bộ Nông vận tỉnh Quảng Đông. Hàng ngày chúng tôi cũng sang ăn cơm ở bên đó. Sau khi lớp chúng tôi mở, Tổng Nông hội mở tiệc trà hoan nghênh.

Ngoài cửa lớp học, treo một cái biển có chữ lớn "Đặc biệt chính trị huấn luyện ban". Tiền chi phí của lớp học do Đảng cộng sản Trung Quốc giúp một phần, các tổ chức giúp một phần, anh em sĩ quan và học sinh quân Việt Nam ở trường Hoàng Phố hàng tháng bớt tiền lương đóng góp một phần.

Chương trình học đại khái là: trước hết, học "nhân loại tiến hóa sử" nhưng chủ yếu là học từ thời kỳ tư bản chủ nghĩa đến đế quốc chủ nghĩa. Đối với tôi khi ấy, chưa nói gì nội dung sâu xa, ngay hiểu được những danh từ như "tờ-rớt", "xanh-đi-ca",v.v… thật là nhức óc. Sau đó học đến lịch sử vận động giải phóng của Triều Tiên, Trung Quốc, Ấn Độ và lịch sử mất nước của Việt Nam. Chúng tôi cũng học các thứ chủ nghĩa như: chủ nghĩa Găng-đi, chủ nghĩa Tam-dân một cách có phê phán và chủ nghĩa Mác-Lê-nin, kết hợp với lịch sử cách mạng tháng Mười.

Về phần tổ chức, chúng tôi học lịch sử và tổ chức Quốc tế và các tổ chức phụ nữ, thanh niên quốc tế, quốc tế cứu tế đỏ và quốc tế cứu tế, quốc tế nông dân.

Phần cuối cùng là phần vận động quần chúng và tổ chức quần chúng như vận động công nhân và hệ thống tổ chức công hội, vận động nông dân và tổ chức nông hội; thanh niên cũng vậy. Trong khi học vận động quần chúng, có tổ chức tuyên truyền thực tập. Một người đóng vai là người đi tuyên truyền. Nhiều người khác đóng vai là người công nhân, nông dân hay học sinh ngồi nghe và đặt ra câu hỏi để người nói phải trả lời. Sau đó anh em phê bình và rút kinh nghiệm.

Đối với tôi, hệ thống tổ chức công nhân, nào tổ chức ngang, nào tổ chức dọc, vẽ lên hàng như màng nhện, thật rối như canh hẹ.

Ngoài việc lên lớp, sau mỗi tuần có "báo cáo học vấn" ở các tiểu tổ. Mọi người lần lượt báo cáo về lý luận của mình đã biết được. Nếu có sai thì anh em bổ sung cho. Có cả viết "học báo" nữa. Thường có những cuộc phê bình và tự phê bình.

Trong nhưng buổi họp, đồng chí Vương là người phụ trách giảng nhiều nhất. Đồng chí Hồ Tùng Mậu tức đồng chí Lương và Hoài là người trực tiếp hướng

dẫn, giải đáp.

Trong khi học, chúng tôi thấy cái gì ở đồng chí Vương? Đồng chí giảng rất dễ hiểu. Đồng chí Vương nhớ những con số rất tài, ai cũng phải khâm phục. Thường khi các đồng chí giảng viên cũng phải hỏi con số ở đồng chí Vương. Đồng chí Vương còn khéo léo dùng những con số để cắt nghĩa những vấn đề phức tạp làm cho học sinh dễ hiểu. Đồng chí nói: cần chú ý tác dụng của con số, vì nó là những tài liệu thực tế làm cho người ta trông thấy sự thật. Như Lê-nin thường nói: Người nông dân tin con số hơn lý thuyết. Dù khó nhưng cũng phải cố gắng nhớ.

Mọi người rất thích đồng chí Vương đến giảng hay tham gia các cuộc báo cáo học vấn ở tổ. Vì cũng một vấn đề ấy mà được đồng chí Vương giảng hay giải đáp thì mọi người dễ nắm được vấn đề hơn là với đồng chí Lương hay đồng chí Hoài. Nhờ có cách giảng hay khéo léo ấy, mà chúng tôi tuy trình độ còn thấp kém, và chỉ được học tập trong thời gian ba, bốn tháng (vì đi lâu, đế quốc nghi), nhưng sơ bộ chúng tôi hiểu được. Mọi người lại rất sợ đồng chí Vương hỏi. Vì đồng chí hỏi những câu mới nghe rất thường, dễ trả lời, nhưng khi bị hỏi văn lại, hỏi sâu vào, thì anh em rất lúng túng.

Đồng chí Vương thường dạy chúng tôi chú ý về thái độ với quần chúng. Đồng chí nói: "Đế quốc Pháp nó dạy cho thanh niên mình hỏng, Tây không ra Tây, Nam không ra Nam, như thế không gần được với quần chúng".

Đồng chí Vương công việc rất nhiều, nhưng không bao giờ đến chậm giờ giảng. Ngoài thì giờ làm việc, đồng chí còn viết bài trên các báo Thanh niên, Phụ nữ, Quân nhân cách mạng. Nghe nói đồng chí còn dạy chữ quốc ngữ cho mấy anh em làm bồi ở Hương Cảng về ở Quảng Châu nữa.

Lớp học bế mạc, chúng tôi được tổ chức vào Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, chúng tôi đi viếng mộ Phạm Hồng Thái và mỗi người đều tuyên thệ: "Nguyện hiến thân cho tổ quốc, dù hy sinh cũng không từ".[6]

"… Đồng chí Vương hẹn gặp tôi ở một phố Quảng Châu, trước một công ty bách hóa lớn. Sa Điện chỉ cách Quảng Châu có một cái cầu, qua một nhánh của con sông Châu. Tôi tới chỗ hẹn vào một buổi trưa mùa đông. Đồng chí Vương đã đợi tôi ở chỗ hẹn, chìa tay bắt tay tôi, vồn vã, niềm nở ngay từ phút đầu. Tôi không nhớ một cách cụ thể hình dáng Bác lúc bấy giờ, chỉ có ấn tượng là đồng chí Vương còn trẻ lắm, - khi ấy Bác mới ba mươi lăm tuổi – Người gầy, nhưng khỏe mạnh, đôi mắt rất sáng. Đồng chí Vương mặc một bộ quần áo kiểu Tôn Trung Sơn. Cũng như đồng chí Ích, đồng chí Vương rất nhanh nhẹn, hoạt bát, nhanh nhẹn mà vẫn từ tốn, hoạt bát mà vẫn ôn tồn, cử chỉ và lời nói thì dịu dàng thân mật, khiến cho tôi gần gũi ngay. Đồng chí Vương rủ tôi vào trụ sở một công hội khu phố. Bây giờ phong trào công hội rất rầm rộ ở Quảng Châu và ở khắp các tỉnh khác của Trung Quốc. Mình muốn họp, là anh em thu xếp chỗ ngay cho.

Đồng chí Vương hỏi tuổi, hỏi công việc làm ăn của tôi, hỏi hoàn cảnh lính ta dưới tàu chiến Pháp, hỏi tình hình đồng bào trong nước. Hồi ấy, Pháp đang ra sức vơ vét của cải, bóc lột dân ta để bù đắp vào những thiệt hại của chúng do cuộc đại chiến lần thứ nhất gây ra. Chúng mộ phu đi làm ở Hòn Gai, Cẩm Phả, đi vào đồn điền cao su trong Nam. Đời sống của những anh em ấy thật là trăm cay nghìn đắng. Dân quê thì luôn luôn thiên tai, hết lụt đến hạn. Tôi lấy làng tôi ra làm ví dụ, lụt liền ba năm, nhiều bà con chỉ còn cái xác, thế mà vẫn phải è cổ ra mà đóng sưu cao, thuế nặng. Tôi được dịp thổ lộ những nỗi uất ức của tôi. Đồng chí Vương chăm chú lắng nghe. Nghe xong đồng chí nói, tôi không nhớ lời được, chỉ nhớ là đồng chí Vương nhấn mạnh vào nhiệm vụ đấu tranh chống đế quốc Pháp, và tuyên truyền yêu nước cho tôi. Rồi đồng chí lại hỏi tôi được học đến đâu? Tôi nói nhà nghèo, chẳng được học mấy. Đồng chí Vương bảo tôi: "Đấy, các đồng chí cũng thất học. Chúng ta cần giúp đỡ nhau học thêm…"

Buổi gặp đầu tiên ấy cũng ngắn thôi. Nhưng đối với tôi, đấy là kỷ niệm sâu sắc. Gặp đồng chí Ích, tôi đã phấn khởi. Gặp đồng chí Vương, tôi càng phấn khởi hơn. Không những tôi nhận thấy ở đồng chí Vương một người có một tấm lòng yêu nước sâu rộng, mà còn tìm thấy ở đồng chí một người anh săn sóc mình từng li từng tí. Nhưng điều tôi thích nhất vẫn là cách đối xử thân mật và những lời nói ôn tồn, thấm thía của đồng chí Vương.

Cách đó không lâu, tôi được kết nạp vào Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Trong buổi lễ kết nạp, đồng chí Vương cũng có mặt. Từ đó, mỗi tuần hai kỳ, tôi từ Sa Điện sang Quảng Châu, dự lớp huấn luyện chính trị, mở cho một số anh em chúng tôi và do đồng chí Vương và đồng chí Ích hướng dẫn. Trí óc tôi dần dần mở mang. Đấy là những ngày tôi say sưa với một tài liệu rất quí báu là cuốn "Đường cách mạng", cuốn này dó chính Bác soạn ra. Ngoài giờ huấn luyện chính trị, đồng chí Vương còn dạy chúng tôi học thêm văn hóa, như dạy học tiếng Anh chẳng hạn. Trong những ngày này, chúng tôi thường gặp đồng chí Vương ở các trụ sở công hội, hoặc ở nhà chúng tôi thuê làm cơ quan để hội họp. Cũng có khi đồng chí Vương hẹn gặp chúng tôi ở một chỗ rồi kéo chúng tôi đi trên hè phố nói chuyện. Những lúc gần gũi như thế, tôi thấy đồng chí Vương không bỏ qua một việc gì, dù nhỏ, nhằm uốn nắn, giáo dục chúng tôi. Một hôm, nhân một câu chuyện gì đó về lính thủy, chúng tôi gọi anh em là họ. Đồng chí Vương cười và hỏi: Đấy là anh em mình cả, sao lại gọi là họ? Lời nói thật là ôn tồn, và tôi nhận ra rằng gọi như thế tức là đã có ý bỉ thử, phân chia người này với người khác.

Việc học tập chính trị và văn hóa đang tiến hành, một hôm trong cuộc họp chung, đồng chí Vương nói hiện nay trong nước đang cần người về hoạt động và hỏi chúng tôi ai tình nguyện về nước? Tôi giơ tay xin về. Đang tuổi thanh niên, tôi rất ham hoạt động, có việc gì là đi. Tôi làm dưới tàu binh Pháp, lương tháng không đến nỗi ít ỏi, thế nhưng tôi bỏ phăng. Đồng chí Vương gặp riêng tôi, hỏi

đã nghỉ việc chưa, đã sẵn sàng chưa? Đồng chí căn dăn tôi khi về nước, thì tìm gặp những bạn cũ ở quê nhà hay ở thành phố, vẫn có tinh thần với mình. Trong bất cứ câu chuyện gì, cũng gợi đến cảnh Pháp áp bức bóc lột. Nếu bà con tỏ ý đồng tình, thì hỏi: ta cứ chịu để cho nó áp chế mãi sao? Bà con sẽ hỏi sức đâu mà chẳng chịu? Nói: sức mạnh là ở đoàn kết, đoàn kết thì súng của giặc là vũ khí của mình. Dần dần đưa bà con vào các phường họ, các hội ái hữu, tương tế. Người tích cực thì tổ chức vào Hội trước. Người tốt tổ chức sau. Cứ thế mà mở rộng phong trào. Đồng chí Vương dặn dò tôi cặn kẽ, tỉ mỉ nhất là vấn đề giữ bí mật. Trước khi chia tay, đồng chí Vương lại bảo tôi phải chú ý một điểm: Mình ở ngoài nước về, thường là có mật thám theo. Cho nên mới về nước, không nên đi lung tung ngay, chưa nên vào nhà ai vội. Không những thế, nếu cần còn phải đóng vai người chơi bời để mật thám không chú ý…”[7]

---

[1] T. Lan, "Vừa đi vừa kể chuyện", Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, năm 1963.

[2] Trần Dân Tiên, "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch", Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, năm 1975.

[3] Cuốn Chủ tịch Hồ Chí Minh (tóm tắt tiểu sử và sự nghiệp của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng), Nhà xuất bản Sự Thật.

[4] Hồi ký "Những lần gặp Bác" của đồng chí Nguyễn Lương Bằng, đăng trên báo Nhân Dân, ngày 08-05-1960.

[5] Quang Thái – "Nhà số 13 phố Văn Minh, Quảng Châu", báo Nhân Dân.

[6] Lê Mạnh Trinh, "Những ngày ở Quảng Châu và Xiêm", trong tập "Bác Hồ", Nhà xuất bản văn học, năm 1960.

[7] Nguyễn Lương Bằng "Những lần gặp Bác", trong tập "Bác Hồ", Nhà xuất bản Văn học, năm 1960.

Trở về Tổ quốc cách mạng

Tuy bọn Quốc dân đảng khủng bố tợn, Bác vẫn rán ở lại Quảng Châu một thời gian, vì Bác cần bí mật liên lạc với các đồng chí Trung Quốc, và cần duy trì công việc của hội "Thanh niên cách mạng đồng chí". Nhưng một đêm đã khuya, vào đầu tháng năm 1927, đồng chí Lĩnh (người Việt Nam, tốt nghiệp tại Trường quân quan Hoàng Phố, làm việc ở sở Công an) đến báo tin: "Chúng sắp bắt anh đấy! Tính thế nào anh phải tính nhanh đi!". "36 chước, chước "chuồn" là hơn". Bác liền bí mật đi Hương Cảng.

Đến Hương Cảng, bị sở mật thám Anh xét hỏi. Cũng như đối với mật thám Pháp, mật thám Ý, lần này gặp mật thám Anh, Bác cũng đối phó xong xuôi, dù lần này khó khăn hơn nhiều. Chúng bảo Bác phải rời khỏi Hương Cảng trong 24 giờ.

Lên Thượng Hải, bọn Quốc dân đảng cũng khủng bố gắt. Để che mắt mật thám, Bác mặc thật bảnh, ở khách sạn thật sang. Nhưng mưu mô ấy không thể kéo dài, tốn tiền quá.

Chỉ còn một cách là chạy về Tổ quốc cách mạng – chạy về Liên-xô. Bác làm việc một thời gian ở Mát-xcơ-va, và ở Bá-linh rồi ở Pa-ri. Cố nhiên, lần này không đến gặp quan thượng thư thuộc địa, và phải hết sức khéo léo tránh mặt những người "bạn" mật thám Pháp đã quen thuộc Bác năm xưa... Bác được phái đi dự cuộc hội nghị quốc tế "chống chiến tranh đế quốc" ở Bơ-rúc-xen, thủ đô nước Bỉ. Đến ga xe lửa, thì Bác gặp đồng chí Xan Ca-ta-da-ma – người sáng lập Đảng cộng sản Nhật. Vì tuổi già, đồng chí được đoàn thể cấp cho vé xe hạng nhất. Khi thấy Bác đi hạng ba, đồng chí cũng quyết đi hạng ba, mặc dù Bác khẩn khoản mời đồng chí cứ đi hạng nhất cho khỏe khoắn. Đồng chí Xan Ca-ta-da-ma là một người thợ nhiều nghề, đấu tranh đã nhiều, lênh đênh không ít, tính rất kiên quyết, đồng thời rất hiền lành.

Đến dự hội nghị, có nhiều đại biểu các nước thuộc địa, và đại biểu mấy đảng cộng sản các nước đế quốc. Ở hội nghị, Bác có gặp người chiến sĩ lão thành yêu nước là cụ Nê-ru thân sinh của Thủ tướng Nê-ru.

Sau hội nghị ít lâu, Bác đi Thụy Sĩ, sang Ý để dần dần đi về Tổ quốc.[1]

Sang Xiêm, về Hương Cảng hợp nhất Đảng

"... Bác đáp tàu Nhật Bản đi sang Xiêm. Ở Xiêm, Bác giúp kiều bào chỉnh đốn thêm những đoàn thể yêu nước, và tổ chức thêm trường học dạy các trẻ em. Kiều bào Xiêm có thể chia làm ba hạng. (A) là những đồng bào nghèo - số đông từ hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị - sang Xiêm buôn bán kiếm ăn. (B) là cháu chắt những đồng bào theo đạo Thiên chúa bị triều đình Minh Mạnh và Tự Đức khủng bố chạy trốn sang Xiêm. Những kiều bào này ở tập trung thành từng xóm từng làng. Họ vẫn nói tiếng Việt Nam ăn mặc như người Việt dù họ đã lấy quốc tịch Xiêm. (C) là những người đã tham gia phong trào Văn thân ngày trước và phong

trào cách mạng ngày nay, bị thực dân Pháp khủng bố mà chạy sang đây. Khi đông người thì ở tập trung từng xóm, ít người thì ở xen lẫn với kiều bào cũ.

Nói chung, kiều bào đều đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, nhớ thương Tổ quốc, và căm thù thực dân. Có những cán bộ rất tận tụy và được kiều bào rất tin cậy.

Bà con Xiêm đối với kiều bào ta cũng tử tế. Chuyện sau đây chứng tỏ cảm tình tốt của người Xiêm đối với kiều bào : Cụ Tú Hướng (em cụ Đặng Nguyên Cẩn) là một người cách mạng già rất gương mẫu. Một hôm thực dân Pháp phái chủ mật thám sang yêu cầu chính phủ Xiêm bắt giam cụ Tú cho chúng. Viên quan địa phương cho mời cụ Tú đến trụ sở và hơn mười cụ già Xiêm da đen, người thấp, râu bạc giống hệt cụ Tú, rồi bảo tên mật thám Pháp : "Đấy, ông xem ai là cụ Tú Hướng thì ông bắt đi. Nhưng nếu ông bắt nhầm người công dân Xiêm, thì ông sẽ phải chịu phạm luật quốc tế!". Tên mật thám nhìn kỹ, thấy ông già nào cũng giống nhau, nó không nhận ra ai là cụ Tú. Kết quả là nó phải cụp đuôi chuồn không dám bắt ai.

Ở Xiêm khoảng một năm, Bác được tin hội "Thanh niên cách mạng đồng chí" chia rẽ thành ba phái và tổ chức ba đảng cộng sản khác nhau. Nóng ruột, Bác lại bí mật trở lại Trung Quốc, và mời đại biểu ba phái đến Hương Cảng họp hội nghị. Đến dự hội nghị có Bác và các đồng chí Hồ Tùng Mậu, Lê Tản Anh, Nguyễn Đức Cảnh…

Để giữ bí mật, hôm thì mấy anh em giả đánh "ma chược" ở khách sạn, hôm thì đến sân vận động xem đá bóng. Sau mấy buổi bàn cãi sôi nổi, đến ngày 3 tháng hai 1930, (vào dịp Tết âm lịch) ba phái đều đồng ý thống nhất thành Đảng cộng sản Việt Nam. Mọi người đều vô cùng vui mừng, phấn khởi. Để chúc mừng Đảng ra đời, Bác đãi một bữa Tết nguyên đán vừa tiết kiệm, vừa linh đình.

Bác nói : Từ năm 1918, Bác gửi cho hội nghị Véc-xay (hội nghị hòa bình giữa các nước dự cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, họp ở Pháp) tám khoản yêu cầu của nhân dân Việt Nam, đến năm 1920 - vào Đảng Cộng sản Pháp, đến năm 1924 – dự Đại hội lần thứ năm của Quốc tế cộng sản và năm 1930 – dự cuộc thành lập Đảng công sản Việt Nam, đó là những ngày sung sướng nhất trong đời Bác.

Từ đó giai cấp công nhân Việt Nam có đảng tiên phong của mình và ngay từ đầu Đảng đã nắm quyền lãnh đại cách mạng. Tin mừng về việc thành lập một Đảng cộng sản thống nhất làm cho cán bộ đảng viên và nhân dân ta vô cùng phấn khởi, và từ đó cuộc vận động cách mạng ào ạt tiến lên từ Bắc đến Nam. [2]

"Đồng bào ta ở Xiêm, lúc bấy giờ có gần hai vạn kể cả mới và cũ, trong đó có những người sang từ đời Gia Long, hoặc từ đời Minh Mạng, Tự Đức. Đa số là người lương nhưng cũng có một số đạo Gia tô. Nhưng lương hay giáo, kiều bào ta ở Xiêm đều sẵn lòng yêu nước. Phần lớn tán thành hoặc ủng hộ phong trào Cần vương hay phong trào Duy tân, Đông du.

Sau khi các phong trào nói trên thất bại, một số người hoạt động của phong trào cũng thường sang tạm lánh ở Xiêm như các ông Ngô Quảng, Thần Sơn, cả cụ Phan Bội Châu, Đặng Tử Kính và một số người khác nữa. Những nhà hoạt động chính trị này đều đeo đuổi một chủ trương là "chiêu binh mãi mã" để về đánh Pháp. Họ không có một đường lối chính trị, một quan điểm trường kỳ trong công cuộc cách mạng giải phóng Tổ quốc. Họ coi đất Xiêm chỉ là nơi tạm bợ, coi nhà kiều bào chỉ là nơi trú chân, nên không ai tuyên truyền tổ chức kiều bào cả. Chỉ từ khi Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội do đồng chí Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo thì mới có chủ trương truyên truyền, tổ chức kiều bào để làm cơ sở nối liền phong trào cách mạng trong và ngoài nước.

Ngay từ năm 1925, một số đồng chí của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội đã được phái về Xiêm tổ chức Hội Thân ái với mục đích là tập hợp kiều bào, làm cho họ đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, dựa trên cơ sở đó mà giáo dục lòng yêu nước. Một số thanh niên từ bên nước mới sang thì được tổ chức lại thành Hội hợp tác là của chung. Trừ chỉ tiêu sinh hoạt mức tối thiểu hàng ngày của hội viên, còn bao nhiêu thì dùng vào công tác cách mạng. Hội này là nòng cốt của phong trào và là cơ sở phát triển hội viên của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Từ năm 1926 trở đi, Hội Thân ái lần lượt được tổ chức ở những nơi có đông kiều bào như U-đôn, Sa-côn, Na-khon, Pha-nom. Ở những nơi đó, Hội hợp tác cũng được thành lập. Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội cũng đã tổ chức được ba chi bộ, do Tổng hội Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Hồng Kông lãnh đạo.

Lúc bấy giờ ở Trung Quốc, tuy Tưởng Giới Thạch đã phản động, nhưng Tổng hội ở Hồng Kông vẫn liên lạc được thường xuyên với các chi bộ ở Xiêm.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở đâu ? Người ta không được biết.

Mùa thu năm 1928, ở Bản-đông, thuộc Phi-chít (Trung bộ nước Xiêm) có ông Chín xuất hiện.

Những người chưa từng quen biết ông, đoán với nhau, thì thào. Có người nói : Có lẽ ông ở bên nước mới sang chăng. Nhưng rồi họ tự hỏi : nhưng sao ông lại nói tình hình thế giới được rành mạch như thế ? Có người nói : Hay là ông ở Tàu về ? Nhưng rồi họ cũng tự nhủ : Không lẽ ! Vì ông biết tình hình trong nước rất tường tận kia mà !

Ở đây luôn luôn có người trong ra, ngoài vào. Ai đến cũng đều có báo cáo tình hình với Hội hợp tác, nhưng không ai biết được nhiều chuyện mà nói rất rõ ràng và dễ hiểu như ông Chín cả. Mà lạ nhất là tại sao ông cũng hiểu rõ cả tình hình kiều bào ở Xiêm.

Ở Phi-chít kiều bào có ít, tổ chức tương đối tốt nhưng lại gần tai mắt của mật thám, nên ông Chín chỉ ở lại có mươi ngày rồi đi U-đôn. Từ Phi-chít đến U-đôn, phải đi bộ theo đường rừng mất khoảng mươi ngày. Mỗi người đi đường phải

gánh theo hai thùng có nắp đậy để đựng những quần áo, đồ dùng lặt vặt và mang một con dao, một ống cheo (thịt gà hoặc sườn lợn băm nhỏ rang muối mặn) và mười ki-lô gạo. Lúc ấy là mùa thu. Cây rừng trọi lá. Trên thì trời nắng, dưới chân thì đất cát lẫn sỏi.

Thấy ông Chín xưa nay chưa quen gánh mà cũng chưa quen đi bộ, anh em không để cho ông gánh. Nhưng ông không chịu. Đôi thúng đưa đi đưa lại, chân nam đá chân chiêu. Thế mà ông Chín vẫn cố gắng. Mấy ngày sau, trong lúc ngồi nghỉ, anh em thấy hai bàn chân của ông Chín đã đỏ chín, rớm máu. Hỏi ông, mới biết là ngay từ ngày đầu, chân ông đã phồng và đỏ như vậy, nhưng không ai biết, vì ông cứ thản nhiên làm như không có việc gì xảy ra. Ông cười và nói : "Thiên hạ vô nan sự, nhân tâm tự bất kiên ! Cứ để thế, đi một vài hôm nó sẽ thành "dạn", đừng ngại…". Quả nhiên, từ ngày thứ tư trở đi, ông Chín đã theo kịp mọi người. Mấy tháng sau gặp lại ông, tôi hỏi : "Bây giờ thì ông đi bộ giỏi lắm ?" Ông Chín nói : "Hừ ! Bây giời thì mình "long hành hổ bộ" rồi". Thật vậy, người ta kể lại rằng, từ U-đon đến Xa-vang, dài 71 cây số, thế mà ông chỉ đi trong một ngày !

U-đôn, thuộc Đông-bắc nước Xiêm, có thể gọi là trung tâm của cuộc vận động Việt kiều ở Xiêm. Ngoài U-đôn, thì ở Noọng-khai, Sa-côn, Na-khon, Thạt-Pha-nôm, Mục-đa-han, đều có kiều bào đông. Ông Chín quyết định đi U-đôn trước. Hồi ấy, chi bộ ở U-đôn là chi bộ thứ hai của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Ở đó, cũng đã có tổ chức Hội thân ái và Hội hợp tác.

Với chủ trương của Tổng hội là đoàn kết kiều bào trường kỳ cách mạng, anh em thanh niên ở trong nước mới ra đã thực hành việc đó có kết quả khá. Nhưng dù sao, tư tưởng ấy vẫn chưa được thấm nhuần nên việc tổ chức kiều bào còn mắc bệnh hẹp hòi: Ở đất nước người ta lâu mà tiếng Xiêm, chữ Xiêm không học, vì anh em cho rằng không bao lâu nữa, không đi nước ngoài thì cũng về nước để tuyên truyền vận động, chứ chẳng ăn đời ở kiếp gì đây. Mặt khác, trước tình hình có nhiều khó khăn, phong trào trong nước bị khủng bố dữ dội, anh em thấy tiền đồ cách mạng còn đen tối. Trong cuộc hội nghị đầu tiên khi tới U-đôn, ông Chín báo cáo trước chi bộ, nói rõ tình hình và triển vọng cách mạng thế giới, tính trường kỳ gian khổ của cách mạnh Việt Nam và đề ra chủ trương : mở rộng tổ chức, củng cố cơ sở cần thiết, tuyên truyền giáo dục kiều bào tôn trọng phong tục tập quán và giữ pháp luật của người Xiêm, làm cho quần chúng Xiêm có cảm tình với cách mạng Việt Nam.

Ông Chín chủ trương đổi báo Đồng thanh (một tờ báo của Hội thân ái xuất bản từ năm 1927) ra báo Thân ái; nội dung tờ báo phải rõ ràng, chương phải ngắn gọn và dễ hiểu; báo phát hành càng rộng càng tốt. Hội hợp tác trước kia chỉ nhận anh em thanh niên trong nước mới ra, nay chủ trương nhận cả kiều bào nào thật thà yêu nước tình nguyện gia nhập. Ông lại chủ trương xin phép Chính phủ Xiêm lập trường học cho trẻ em Việt kiều, khuyến khích mọi người học tiếng Xiêm, mở rộng việc vận động học chữ quốc ngữ. Ông Chín quyết định ở lại đây một thời

gian. Lúc này, không ai bảo ai, người ta quen gọi ông là "Thầu Chín" (Thầu, tiếng Lào, để gọi người nhiều tuổi và biểu thị sự tôn kính).

Việc đầu tiên là Thầu Chín đặt chương trình hàng ngày của mình: Buổi sáng lao động mấy giờ, học tiếng Xiêm mấy chục chữ, dịch mấy trang sách; buổi tối, huấn luyện chính trị hoặc nói chuyện với mọi người… Thầu Chín đã làm đúng chương trình ấy. Khi mới đến, Thầu Chín cùng mọi người đào giếng và đào gốc cây. (Lúc này Hội hợp tác đang vỡ đất hoang làm vườn). Gần một tháng, sau khi được phép của Chính phủ Xiêm, kiều bào xây dựng nhà trường. Thầu Chín cũng tham gia gánh gạch. Vì chưa quen gánh nặng lên buổi đầu, ông đặt chương trình gánh mỗi bên mười viên, sau tăng dần lên 15 viên và mỗi sáng gánh hai chục gánh. Cứ mỗi lần gánh đến chỗ xếp gạch, ông lại lấy phấn đánh dấu, theo thứ tự nét chữ "chính". Đủ năm gánh thành một chữ, ông lại bắt đầu viết chữ thứ hai, cốt để khỏi nhớ nhầm. Khi đến bốn chữ "chính" là ông nghỉ ; ông không bao giờ gánh hơn mà cũng không gánh kém. Xong, ông đi tắm, rồi làm việc khác theo chương trình. Nhà trường của Việt kiều ở U-đon là nhà trường được Chính phủ Xiêm cho phép xây dựng đầu tiên, do chính phủ bổ nhiệm thầy dạy. Sau đó các nhà trường của Việt kiều ở Sa-côn, Na-khon được lần lượt xây dựng tương đối hơn. Buổi sáng, trẻ em Việt kiều học chữ Xiêm theo chương trình của nhà nước Xiêm, buổi chiều học chữ quốc ngữ. Thầy dạy chữ quốc ngữ là Việt kiều và do Hội hợp tác nuôi. Ban đêm kiều bào đến đọc báo, vui chơi ở câu lạc bộ, thỉnh thoảng nghe nói chuyện tình hình trong nước và thế giới. Các trường này dạy được từ năm, bảy năm và đã có ảnh hưởng lớn trong kiều bào. Con cái người Xiêm ở gần cũng đến học ngày càng đông.

Thầu Chín cổ động mọi người trong cơ quan hợp tác cũng học chữ Xiêm ; số người cùng học, được mười người. Khi đặt chương trình, Thầu Chín đề ra trong thời gian đầu, mỗi ngày học mười chữ, về sau tăng dần lên. Mọi người chê ít, đòi học nhiều hơn. Thầu Chín chủ trương học mười chữ thôi. Mọi người cho rằng nhất định mình học được. Chưa đầy ba tháng, Thầu Chín đã xem được báo chữ Xiêm, còn những người khác thì chỉ hăng hái vồ vập lúc đầu, về sau dần dần, "bữa đực bữa cái". Kết quả chữ lại theo thầy !

Thầu Chín đã xem sách và dịch sách như thế nào ? Trước khi đọc hay dịch một cuốn sách (hồi ấy Thầu Chín dịch cuốn Nhân loại tiến hóa sử và cuốn Cộng sản A, B, C), ông đếm số chương và số trang, rồi đặt chương trình mỗi ngày dịch hay đọc mấy tờ. Ông không bao giờ chịu sai chương trình. Nếu gặp việc đột xuất, như có kiều bào đến nói chuyện chẳng hạn, thì trong ngày ấy, Thầu Chín cũng kiếm giờ khác bù vào, không chịu để vỡ kế hoạch.

Từ khi có Thầu Chín đến, nhà cửa anh em hợp tác, trừ những ngày có sinh hoạt nội bộ không kể, còn thì đêm nào cũng chật ních những người. Họ rất thích nghe Thầu Chín nói chuyện, vì Thầu Chín nói chuyện rất hấp dẫn, rất thiết thực, từ câu chuyện làm ăn đến câu chuyện cứu nước, từ những câu nói bình thường

đưa đến chuyện chính trị. Người ta thấy ở ông có cái gì đáng tôn kính nhưng đồng thời dễ thân mật. Người ta thường đem chuyện gia đình, chuyện làm ăn ra bàn bạc, hỏi ý kiến Thầu Chín. Ông khuyên kiều bào phải siêng năng, chăm chỉ, thật thà, yêu Tổ quốc, giữ pháp luật và tôn trọng phong tục tập quán của người Xiêm. Thầu Chín thường nhắc đến mối cảm tình của hai dân tộc Xiêm-Việt. Ông nói: Việt Nam là thuộc địa, Xiêm là nửa thuộc địa, Việt Nam bị Pháp áp bức, Xiêm cũng bị Pháp bắt ký nhiều điều ước bất bình đẳng. Mình ghét Pháp, người Xiêm cũng chẳng ưa gì Pháp. Xiêm và Việt Nam lại là láng giềng. Nhất định người Xiêm có cảm tình với phong trào chống Pháp của Việt Nam.

Sinh hoạt của anh em hợp tác lúc ấy rất gian khổ. Không phải vì họ kiếm không ra tiền. Tuy số đông anh em khi ở trong nước là tiểu tư sản, trí thức, chưa lao động quen nhưng trong thời gian ở Xiêm, anh em đã lao động hóa, làm được rất nhiều nghề. Thợ cưa, thợ mộc, thợ nề v.v… thứ gì cũng làm được cả. Hơn nữa ở Xiêm nghề thủ công chưa phát đạt, nên anh em cũng dễ kiếm việc mà làm cũng ra tiền. Nhưng anh em đều thấy phải cần kiệm vì còn nào phải nuôi con em của kiều bào và thiếu niên trong nước mới ra, cho học tập (trong số thiếu niên này, có nhiều người hiện nay là những cán bộ cốt cán), nào phải lo gây dựng cơ sở như làm nhà trường chẳng hạn, và còn phải dự trữ để phòng khi có đồng chí trong ra, ngoài vào, v.v… Cho nên có khi hàng tháng anh em chỉ ăn rau sam hay rau lang chấm muối, hoặc chỉ ăn muối không. Mua một vài ki-lô pa-đéc (cà muối) cũng phải đợi khai hội biểu quyết. Thầu Chín cũng sống với anh em như vậy. Nhiều kiều bào gần đó thấy Thầu Chín hay hút thuốc là nên mỗi khi đi chợ về họ không quên mua một vài gói thuốc con "chim xanh" hay con "voi vàng" gửi cho Thầu Chín. Sau đó một thời gian không lâu, một số kiều bào cũng xin vào Hội hợp tác, và mấy người Xiêm vợ của kiều bào ở gần cũng biết đọc báo "Thân ái", đã tham gia các cuộc khai hội của Hội thân ái, vì họ thấy Hội này săn sóc cả công việc gia đình, làm ăn của họ nữa.Thầu Chín cũng thường cùng với một số thanh thiếu niên gánh khoai đi các bản đổi lấy lúa.

Ở U-đôn ít lâu, Thầu Chín ra Sa-côn. Ở đây, kiều bào đông hơn và cũng đã có trường học cho trẻ con, có Hội hợp tác của thanh niên. Nhưng ở đây, kiều bào còn chậm tiến và mê tín. Phần lớn kiều bào theo đạo Thiên chúa ở làng Thà-bẹ. Những người ở các làng xung quanh thị xã Sa-côn tin đạo Phật. Những người ở thị trấn thì phần lớn thờ "Đức thánh Trần"…

Thầu Chín đến Sa-côn cũng sinh hoạt và công tác như ở U-đon. Ngoài việc dịch sách và huấn luyện cho anh em thanh niên, Thầu Chín thường bày cho kiều bào tổ chức diễn kịch, thường là kịch lịch sử Việt Nam mất nước. Ông cũng đóng một vài vai được người xem rất thích, nhiều khi Thầu Chín ứng khẩu đặt câu hát ngay tại chỗ.

Ở đây, Thầu Chín chú ý việc giáo dục cho cán bộ về công tác quần chúng hơn ở Phi-chít và U-đôn. Ông còn chủ trương cho hợp tác lập tủ thuốc, chọn người

biết thuốc trong anh em hợp tác làm thầy lang để xem bệnh cho kiều bào. Thấy kiều bào hay lễ Đức thánh Trần, Thầu Chín viết ra "bài ca Trần Hưng Đạo" :

… "Diên hồng thề trước thánh minh
Lòng dân đã quyết hy sinh rành rành
Nếu ai muốn đến giành đất Việt
Đưa dân ta ra giết sạch trơn
Một người Việt hãy đương còn,
Thì non sông Việt vẫn non sông nhà"…

Bài ca Trần Hưng Đạo được truyền bá một cách mau chóng và thần diệu. Chỉ sau một thời gian không lâu, Đức thánh Trần đã trở lại là người anh hùng cứu quốc. Những "đệ tử" của ngài cũng dần dần giác ngộ, làm hội viên của Hội thân ái. Có ông Nho San vốn làm nghề lên đồng, cũng bỏ nghề cũ, đi làm thợ gạch và sau cũng xin vào hợp tác.

Trong thời gian Thầu Chín ở Sa-côn, cán bộ được giáo dục rất nhiều về công tác quần chúng. Xin lấy những lời của đồng chí Tài Ngôn thuật sau đây làm ví dụ. Đồng chí Tài kể :

"Mùa nắng năm 1928, Bác Chín vào Sa-côn, chỗ tôi hoạt động. Cùng đi với Bác, có đồng chí Tý, tức Đặng Canh Tân.

Được ít ngày, Bác Chín bảo tôi và một thanh niên tên là Tô (tức Long) đi xuống Mục-da-han, một huyện thuộc tỉnh Na-khon, đối diện với tỉnh Sa-van-na-khét của nước Lào. Bác giao cho tôi cùng anh Tô xuống đó điều tra rồi tuyên truyền tổ chức quần chúng vào hội Thân ái. Tôi đi một tháng rồi về.

Tối hôm ấy, Bác gọi tôi lên báo cáo tình hình ra sao.

Tôi nói : "Tình hình có gì đâu mà báo cáo. Tôi đến nhà kiều bào ở bến đò Mục-da-han. Chỗ ấy có độ ba mươi gia đình, có một cái đền thờ ông Trần Hưng Đạo nữa. Kiều bào sinh sống bằng đủ mọi nghề: đưa đò ngang, làm hàng xáo, làm thịt lợn bán. Một số làm thợ mộc, một số làm thợ nề. Cũng có một số thanh niên chừng vài mươi người, một số thiếu nữ độ năm bảy người. Phần đông nghèo khổ, chỉ có hai nhà sống hơi được đầy đủ một chút".

Tôi ngừng một lúc, rồi lắc đầu chán nản nói tiếp: " Nói đến cách mạng ở đó thì khó khăn lắm. Ngoài chợ, phụ nữ đã nổi tiếng là chửi nhau giỏi, ngày nào cũng tranh giành mua bán, đánh nhau. Đàn ông đi làm về, chiều chiều người nào cũng uống rượu say túy lúy. Bỏ bát đũa xuống, là mò đi tập hợp nhau đánh bài, đánh ít-xì, sát phạt nhau canh đỏ canh đen. Rượu chán, bạc chán, còn lên đồng ở đền Trần Hưng Đạo nữa. Thanh niên cũng thế, cũng cầu cúng, cũng đánh bạc, rồi lại trai gái.

Một chỗ như thế, làm sao mà tuyên truyền vận động cách mạng được !"

Tôi vừa dứt lời, Bác Chín nói ngay :

- À thế được rồi. Thôi về nghỉ đi, mai hãy hay.

- Tình hình như thế thì được cái gì ? – Tôi hỏi lại Bác.

Bác Chín cười :

- Được lắm chứ, được cái anh nói đó.

Trước khi ra về, tôi xin Bác Chín:

- Mai, tôi muốn được một công tác gì khác.

- Ừ, mai sẽ bàn.

Tôi ra về, hy vọng một sự thay đổi công tác. Nhưng ngày hôm sau và ngày hôm sau nữa, tôi cũng chẳng thấy Bác Chín nói gì.

Hai ngày sau tôi hỏi :

- Thế bây giờ, tôi làm công tác gì ?

- Ừ, được rồi. – Bác Chín nói , - có phải anh bảo cái chỗ ấy nó tồi lắm phải không ? Nó đánh bạc, nó uống rượu, nó tranh giành nhau mua bán, nó chửi nhau phải không ? Cũng chưa xấu lắm ! Nó có thể xấu hơn nữa, có thể có mật thám nữa kia.

Bác Chín nhìn tôi, rồi chậm rãi tiếp luôn :

- Anh học sách mà quên mất sách.

Tôi hỏi :

- Quên chỗ nào ?

- Quên chỗ này này. Sách cách mạng bảo đi vận động quần chúng, tuyên truyền giáo dục quần chúng chứ gì ! Nhưng nếu quần chúng tốt cả rồi, biết thương yêu đoàn kết với nhau rồi, biết học tập tiến bộ rồi, biết yêu nước rồi, thì ta còn vận động, tuyên truyền, giáo dục cái gì nữa, thì ta còn phải làm gì nữa ? Có đến thì đến một lúc thôi chứ !

Nếu quần chúng đều khá như tôi với anh cả, thì cần gì phải đến !

Im lặng một chút, rồi Bác lại nói tiếp :

- Còn một cái quên nữa : quên người ta là đồng bào Việt Nam, đồng bào Việt Nam nghèo khổ, mà lại mất nước nữa, phải không anh ?

Tôi không có chỗ cãi, ngồi im, gật đầu :

- Vâng

- Thế thì anh lại đến chỗ cũ mà làm việc. Bận trước, chưa có kế hoạch cụ thể. Bây giờ phải làm cho được. Anh chọn một cái nhà xấu nhất, hư nhất, mà đến ở. Hãy làm cái nhà đó đã. Nếu nhà ấy thích anh, thế là được rồi.

Vài phút trước khi tôi ra đi, Bác Chín đưa cho tôi một cái gói con, quấn giấy tử tế, lại buộc dây cẩn thận nữa. Bác bảo : “Tôi trao cho anh một cái cẩm nang”. Rồi Bác lại dặn thêm : “Mà đừng có xem dọc đường đấy”.

Phải là một tài liệu bí mật, quý giá gì đây, tôi nghĩ trong bụng thế. Tôi ra đi, cất giấy má cẩn thận. Đến nơi, tôi giở ra xem. Chán quá ! Té ra là một quyển ca “Trần Hưng Đạo”.

Tôi đến Mục-đa-han. Theo lời Bác Chín bảo, tôi lân la kiếm ra một gia đình hư nhất. Tôi đến chơi, rồi xin thuê một căn nhà ở chung, mỗi tháng trả một đồng.

Nhà này, người chồng cứ sáng sáng làm chung thịt heo đi bán ở chợ. Chiều về, rượu xong, lại mò đi đánh kiệu, trăm ngày như một, chẳng chiều nào có mặt ở nhà. Thua thất hết tiền, nhà túng bấn, phải chị vợ cũng chua ngoa quá, hễ thấy mặt chồng là chửi bới. Càng chửi thì anh chàng càng khó chịu càng trốn tránh đi già, ai chửi người ấy nghe. Không có ngày nào vợ chồng nhà ấy không hục hặc với nhau.

Nhà có ông bố chồng nghiện rượu. Nói là ông cụ ở nhà trông nhà và mấy cháu nhỏ, nhưng nhà cửa thì bẩn thỉu, mấy đứa nhỏ, bị muỗi rệp đốt, ngứa ngáy, khóc mếu luôn mồm. Con khóc, mẹ chửi, và… chửi luôn cả bố chồng. Nhiều lần tôi tìm lời khuyên giải, nhưng không hiệu quả. Một bữa, tôi mua hai xu rượu về biếu ông cụ. Uống say, cụ ngủ. Tôi đưa mấy đứa nhỏ ra tắm. Tắm mát, đỡ ngứa ngáy, chúng nó cũng ngủ. Tôi dọn dẹp nhà cửa lại cho gọn, lấy tất cả quần áo ra giặt.

Người vợ về, thấy nhà cửa sạch sẽ, bố ngủ, con ngủ, ngon lành, lấy làm vui lòng :

- Chà hôm nay, nhà cửa sạch sẽ thế này ?

- Ấy, cụ dọn dẹp tắm rửa cho các cháu xong, rồi ông cháu đưa nhau đi ngủ đấy.

- Nhờ anh Khóa nói sao mà hôm nay bố tôi tốt thế này ?

Chị bắt đầu quý bố chồng. Hôm sau, chị mua hai xu rượu về mời bố. Ông bố gặp tôi, thắc mắc tại sao con dâu bỗng dưng lại có thái độ thay đổi như vậy. Tôi bảo : "Ấy, hôm qua, tôi dọn dẹp nhà cửa, tắm rửa cho các cháu. Thấy chị ấy vui lòng, tôi bảo cụ làm đấy. Bận này tôi làm, về sau cụ giúp tôi cùng làm nhé".

Rồi cứ thế, lúc đầu cụ giúp tôi làm. Về sau cụ làm, tôi giúp. Cụ trở lên chăm chỉ. Cửa nhà gọn ghẽ, trẻ con ăn chơi vui vẻ. Bố chồng, con dâu không điều tiếng gì nữa.

Còn anh chồng hay cờ bạc. Tôi khuyên anh học quốc ngữ. Anh đồng ý. Tôi mang sách dạy anh học vào những giờ thường ngày anh hay đi đánh kiệu.

Anh học tối dạ lắm, nhưng miễn là không đi đánh kiệu, ngồi nhà học là quý rồi.

Chị vợ thấy anh chồng không đi chơi bời nữa, ở nhà học hành, bắt đầu thương chồng lại quý chồng. Vợ chồng hòa thuận, êm ấm hơn xưa.

Rồi cả đến người vợ, thấy chồng học, cũng đòi tôi dạy cho chị ta học.

Cả xóm ngạc nhiên về sự thay đổi lớn lao trong cái gia đình trước kia nổi tiếng lục đục nhất trong xóm. Từ đó họ quý tôi, tìm đến đi lại chơi bời với tôi, nhất là anh em thanh niên. Tôi thường ra đền Trần Hưng Đạo xem anh em đọc kinh, cầu cúng. Một hôm tôi bảo : "Ở đây, anh em còn đọc kinh cũ. Ở Sa-côn họ có một quyển kinh mới, hay lắm. Tôi có mang về một quyển đấy".

Tôi mang "kinh" ra đền cùng anh em đọc. Dần dần tôi thân với tất cả mọi người trong xóm, lấy báo "Thân ái" về đọc cho mọi người nghe.

Gần hai tháng sau, bác Chín và anh Thuyên về Mục-đa-lan. Bác tìm tôi, hỏi :

- Bây giờ nó thế nào, liệu chừng rồi ra sao ?
- Khá hơn trước rồi. – Tôi trả lời Bác.
- Thế à ! Có lúc nào ra đền đọc kinh không ?

Tôi cười :

- Ngày nào cũng đọc.
- Thế bây giờ có gửi báo đến được không ? Thanh niên có ai dám nhận báo không ?
- Được ạ. Họ yêu cầu.

Nói xong, tôi đưa hai địa điểm. Bác Chín cười, vui vẻ :

- Được rồi, thế thì hơn mình đấy, mình mới có một thôi.

*

* *

Ở Sa-côn ít lâu, Thầu Chín lại cùng một vài anh em, với ít số báo "Thân ái" trong mình đi khắp nơi có Việt kiều ở rải rác trên dọc hữu ngạn sông Cửu Long, từ Mục-đa-han đến Noọng-khai. Khoảng tháng 6 năm 1929, Thầu Chín dời xứ Đông-bắc Xiêm vào Băng-cốc, ông đi thăm một số người cách mạng cũ ở rải rác nhiều nơi.

Thầu Chín đi chuyến này, đến khoảng tháng 3 năm 1930, mới trở lại đất Xiêm. Nhưng lần này, ông không gặp kiều bào. Ông chỉ ra Đông-bắc ở ít ngày, báo tin cho một số anh em biết, các nhóm cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất thành Đảng cộng sản Đông Dương ngày 3 tháng 2 ở Hương Cảng, và cho biết Chính cương vắn tắt của Đảng. Có người hỏi : "Chủ trương của Đảng ta đối với Việt Nam quốc dân đảng thế nào ?". Ông nói : "Sau khi thành lập Đảng, thì Đảng phái người liên lạc với họ để lập Mặt trận phản đế, khuyên họ đừng manh động, nhưng chưa liên lạc kịp, thì tháng hai họ đã bạo động thất bại.

Thế rồi Thầu Chín lại đi…"[3]

*

* *

"… Người Xiêm mộ đạo Phật và rất hiền lành. Đến tuổi nào đó, con trai phải đi tu ở chùa mấy tháng. Vì vậy trong nước có hàng ngàn nhà sư. Sư rất được nhân dân kính trọng. Và được nhân dân nuôi. Mỗi ngày họ chỉ ăn một bữa, vào 11 giờ sáng. Chị em phụ nữ mang cơm đến chùa, Sư cứ việc ăn không cảm ơn ai. Họ chỉ cảm ơn Phật tổ. Khi sư ăn xong, cơm rau còn lại khách quan đường có thể ăn, cũng không phải cảm ơn ai. Những người đưa cơm đến rất sung sướng được bố thí. Họ tin rằng bố thí càng nhiều thì càng được nhiều phúc đức.

Nhờ thế mà ông Nguyễn (tức là người cán bộ thường giảng sách báo) và những người bạn của ông có thể đi đường không tốn tiền cơm.

Nếu không gặp những người khách đói, người đưa cơm đem một phần cơm thừa cho chim ăn. Vì họ sợ mang hết về thì xúi quẩy.

Ngoài việc cuốc đất, đi buôn, ông Nguyễn còn làm công việc tuyên truyền và tổ chức. "Hội ái hữu Việt Nam" thành lập. Một tờ tuần báo "Bác ái" được xuất bản. Trước kia ở Trung Quốc ông Nguyễn từ phương Bắc tuyên truyền về nước. Bây giờ ở Xiêm, ông tuyên truyền về nước từ phương Tây.

Những hoạt động của ông, dù hết sức cẩn thận, vẫn không thể hoàn toàn giữ bí mật. Ở đâu có Việt kiều, là tổ chức trường học cho trẻ em. Ở đâu có trường học, là nơi đó cha mẹ tụ họp để nghe đọc báo và bàn bạc công việc. Nạn cờ bạc, thói cãi nhau bớt hẳn. Người lớn giúp đỡ nhau trong công việc. Trẻ em không ngỗ nghịch nữa. Nạn mù chữ dần dần thanh toán hết. Nói tóm lại có một sự thay đổi trong kiều bào Việt Nam ở Xiêm.

Trước tiên, người Pháp nghi ngờ, và về sau chúng đoán là ông Nguyễn ở đâu trong vùng này, nhưng không biết đích xác ở đâu. Chúng cho mật thám đi tìm. Nhưng trong bọn mật thám, có một người khá. Người này tin cho ông Nguyễn biết, ông bày cho anh ta cách khai báo để làm cho bọn Pháp tin.

Gặp khi nguy hiểm quá, bị theo dõi riết, ông Nguyễn đã lánh vào ngôi chùa, tạm cắt tóc đi tu để tiếp tục hoạt động.

Ở đây có một chuyện đáng kể lại : trên bờ sông Cửu Long về phía Xiêm có một số khá đông Việt kiều. Người Pháp rất chú ý đến họ. Chúng đặt rất nhiều mật thám để kiểm soát họ. Khi dò được những người Việt Nam yêu nước, chúng báo cảnh sát Xiêm đi với chúng để bắt những người cách mạng.

Người Xiêm rất tốt với người Việt Nam nhưng không muốn có sự phiền phức ngoại giao cho nên họ miễn cưỡng đối với Pháp. Song những vụ bắt bớ này ít có kết quả, nhờ sự giúp đỡ của nhân dân Xiêm. Một hôm một người cán bộ bị mật thám đuổi, chạy vào một nhà Việt kiều. Nhà đi vắng chỉ còn một em bé 9 tuổi. Đồng chí ấy vừa vào, thì bọn mật thám cũng ập tới. Em bé liền lấy một cái nón cũ đội lên đầu và đưa một dây thừng buộc trâu cho người cán bộ. Và rất thản nhiên, em bé trách : "Đã trưa rồi mà chú không đi tìm trâu, mẹ mắng chết".

Người cách mạng đội nón, cầm dây thừng, khoác áo tơi, yên lặng ra khỏi nhà qua trước mặt bọn mật thám đang sục sạo.

Sau việc này, người ta hỏi em bé :

- Em có biết người cán bộ ấy không ?

- Không, em không biết, nhưng người ấy giống một chú thỉnh thoảng đến nhà em và dạy em hát.

- Tại sao em lại bảo chú ấy đi tìm trâu ?

- Em cũng không biết tại sao. Nhưng em sợ nếu chú ấy ở trong bếp, sẽ bị mật thám bắt mất.

Một điều cần nhắc lại là kiều bào ta ở Xiêm luôn luôn đoàn kết với nhân dân Xiêm và tôn trọng pháp luật của nước Xiêm, cho nên được người Xiêm yêu mến." [4]

*

* *

“Mùa thu 1928 tôi được gặp Bác.

Tôi nhớ lại hôm đó tôi đang làm cỏ ngoài đồng cùng với ông Võ Tòng thì bà Quỳnh Anh (em ông Đặng Thúc Hứa) gọi chồng – tức là ông Võ Tòng riêng ra. Bà cho biết là vừa rồi đi chợ có gặp một người thanh niên dong dỏng cao ăn mặc âu phục, trắng trẻo hỏi thăm ông Lữ Thế Hanh. Lữ Thế Hanh là bí danh của ông Võ Tòng hồi đó. Thời kỳ này đang mùa lụt lội, anh em chèo thuyền đi đón, nhưng người ngày muốn gặp riêng Lữ Thế Hanh. Ông Võ Tòng vội vã đi gặp gỡ người thanh niên. Hôm đó vì được mời nên chúng tôi đều bỏ buổi làm về nhà cách nơi làm ruộng chừng 6, 7 cây số để họp. Cần nói rõ thêm là, đã đi làm là thường chúng tôi ở lại đó cho đến khi xong việc mới về (chẳng hạn xong việc cày cấy, xong việc làm cỏ, hoặc xong đợt gặt). Tối hôm đó ông Lữ Thế Hanh triệu tập anh em đông đủ đến dự họp “ Hội giảng diễn”. Mọi người đều có mặt.Người thanh niên mà vợ chồng bà Quỳnh Anh gặp, đến nói chuyện. Thật là lạ tai khi tôi được nghe những tiếng “đồng chí” và tiếng đó được luôn nhắc đến. Thú thực lần này là lần đầu tôi mới được nghe thấy những tiếng như thế.

Người thanh niên giới thiệu là ông Thọ, biệt hiệu là Nam Sơn. Ông Thọ hỏi thăm sức khỏe, tình hình gia đình, việc làm ăn của từng người.

- Giống cậu Khiêm[5] quá các anh ạ - Có tiếng xì xào.

- Hay là “cậu” Nguyễn Ái Quốc ? Một người khác thắc mắc hỏi.

Anh em bán tín bán nghe nhưng không một ai dám hỏi. Có người biết rõ ông Thọ là ai – vì người cháu của Bác lúc này cũng có mặt tại buổi họp - nhưng anh không hề nói ra.

Từ hôm đó, cứ sau buổi đi làm về, tối đến anh em lại đến họp để nghe nói chuyện. Trong hai tuần ở đây, tối nào ông Thọ cũng nói chuyện. Ông nói về tình hình thế giới, tình hình nước nhà. Ngoài ra ông sử dụng các bài báo rút trong các báo Anh, Pháp, Trung Quốc mà đem ra đọc và phân tích, giảng giải. Giọng ông Thọ ấm cúng, thoạt mới nói nhỏ nhẹ, thấp nhưng cuối cùng do hăng say bị lôi cuốn đi giọng cao mãi lên, dồn dập và hùng hồn. Vì ở đây hầu hết các gia đình đều là gia đình cách mạng đi lánh nạn nên chúng tôi quây quần đùm bọc bên nhau, sống tập thể ăn chung, làm chung, tiền tiêu cũng là tiền tiêu chung, thừa tiền chúng tôi còn phải gửi về nước giúp cách mạng, vì vậy gặp được người như ông Thọ chỉ dẫn, chúng tôi rất phấn khởi, chăm chú nghe lời ông Thọ chỉ bảo.

Đợt đến "thăm"này kéo dài hai tuần, nhưng ông Thọ đều đã đi khắp lượt các nhà, hỏi han và giúp đỡ. Ông được coi ngay như người ở đây vì ông rất giản dị, thân tình. Ông đã biết hòa mình vào với anh em và muốn như vậy, ông đã trút bỏ ngay bộ cánh âu phục như thói quen của chúng tôi ở đây, đi chân đất. Có điều thói quen đi giày do bao năm bôn ba nước ngoài, bỏ giày ra đi đất không phải là điều

không trở ngại, chân da non giẫm lên sỏi đá tất nhiên là rất nhức nhối. Ông đã tập bỏ được cái thói quen cũ, đi giày, và làm quen với cái tập quán mới : đi đất.

Ông Thọ đã tham gia vào tất cả các cuộc làm lụng của anh em, gánh nước, gặt hái, đi lấy củi. Không như nhiều người, đã không làm được việc gì…

Năm 1928 cho đến hết năm 1929, ông Thọ, tức là Bác kéo ông Võ Tòng và ông Đặng Canh Tân (con ông Đặng Thái Thân) đi khắp nước Xiêm. Cứ hết một tháng lại quay về rồi mới lại đi. Thời kỳ này là thời kỳ chuẩn bị cho việc thống nhất Đảng. Cuối năm 1928, vì tôi được điều ra U-đôn lại được gặp Bác ở đây. Ăn tết ta ở U-đôn xong, tôi lại được điều đi huyện Sa-côn, lần này nữa lại được gặp Bác. Sang năm 1929, tôi ở với Bác vừa đúng gần một năm tròn. Tôi phụ trách hiệu thuốc bắc. Bác cũng ở với tôi ở hiệu thuốc liền từ tháng giêng đến tháng 6-1929. Sở dĩ tôi nhớ tháng này là vì hàng năm có kỷ niệm Phạm Hồng Thái (19 tháng 6), ngày ném bom ở Sa Điện. Lúc đầu tôi ở phố, sau hiệu thuốc của tôi dọn về cùng với anh em trong làng. Ở đây có mở các trường lớp để dạy dỗ các con em do đồng bào ta tổ chức ra. Tôi nhớ rõ là trong số giáo viên đầu tiên ở trường có anh Khoan, anh Nguyên là giáo viên trường tiểu học của Pháp.

Người ta hơn người đâu phải là vì có đầu óc siêu phàm, chẳng qua người đó biết hướng mình đi đúng vào một con đường mà mình đã vạch, chỉ cần mình có sự kiên trì, nỗ lực.

Tôi đã biết sự nỗ lực của Bác trong việc gánh nước, gặt hái, bỏ giày đi chân, tập đi ngựa, tập đi xe đạp. Hồi này ở cạnh bên Bác tôi càng hiểu rõ Bác hơn nữa. Trong lao động, việc tập luyện có anh em chỉ làm được việc này mà không làm được việc khác, nhưng Bác thì không thế. Ai đã làm được việc gì, Bác đều làm được cả. Thấy việc gì mình cần làm mà chưa làm được, Bác rèn mình làm cho bằng được mới yên. Không chỉ bắt mình tập luyện, Bác còn rèn cho mọi người chung quanh biết luyện cho mình cái thói quen ấy. Vì vậy được ở chung với Bác tôi đã cố noi theo cái tác phong tốt đẹp của Bác. Cho đến ngày nay, tuy tôi mới chỉ học tập được một phần tác phong của Bác để lại, nhưng như vậy cũng đã giúp cho tôi biết bao để tôi hoạt động sau này. Giờ đây mỗi khi làm được một việc gì kết quả tôi liền sực nghĩ đến những cử chỉ của Bác. Xưa kia, những cử chỉ ấy đã gieo rắc vào trong đầu óc tôi một ấn tượng sâu sắc đến nỗi nhiều lúc như thấy Bác đâu đây bên cạnh mình, tưởng như chuyện hôm qua, hôm kia, không phải là chuyện đã cách đây 40 năm rồi. Thật vậy, Bác như có một sức gì quyến rũ, đã gặp Bác rồi, dù một lần hay đã quen lâu, khó mà ai có thể muốn rời Bác nữa. Sức ấy chẳng có gì khác ngoài cái lòng thương người, yêu nhân dân, vì nhân dân và luôn luôn mong muốn mọi người vươn lên. Những đức tính cao cả ấy chỉ có thể có ở một lãnh tụ như Bác, "mình vì mọi người…" nhưng chưa hề mảy may trông đợi "mọi người vì mình…". Ý thức ấy và cũng là những đức tính cao cả ấy của Bác trọn vẹn trước sau như một, ngay từ lúc tôi được gặp Bác ở Thái Lan là lúc Bác còn thanh niên và cho đến cuối đời, tôi thấy Bác vẫn giữ nguyên vẹn như vậy.

Tôi còn nhớ một hôm có một thanh niên bị bệnh thổ huyết, được anh em kiều bào khiêng đến nhà tôi. Tôi đã dùng hết cách mà không sao cầm được máu. Bác đứng nhìn người bệnh băn khoăn, trên nét mặt lộ hẳn ra vẻ lo ngại.

- Còn phương pháp gì chữa được nữa không ? Bác gặng hỏi – Thử cố gắng một lần nữa xem.

Sự băn khoăn của Bác đã làm cho chúng tôi không khỏi không lúng túng. Bỗng tôi chợt nhớ đến chiếc sừng tê giác. Tôi chạy đi tìm và mang về mài ra cho bệnh nhân uống. Bác theo dõi và nét mặt dần dần lộ vẻ tươi lên, khi thấy máu trong miệng người thanh niên không ộc ra nữa và cầm lại. Bác đứng lặng yên nhìn và được một lát Bác và tôi khiêng người thanh niên vào trong nhà…

Sáng hôm sau, Bác dậy sớm, thấy quần áo người bệnh đầy máu, Bác liền cởi ra và thay cho anh rồi cùng tôi mang ra giặt.

Những cử chỉ trên chỉ có ở một người cha hiền từ biết thương con mới có thể có được.

Nhưng đã gọi là nguyên tắc thì Bác thực hiện và thi hành đến mức nếu ai không hiểu, có thể cho là máy móc nữa. Có lần tôi trả tiền nhà cho một chủ đất, tôi trả thế nào lại trội ra năm xu. Khi xem lại, Bác tỏ ra không bằng lòng và liền đó Bác bắt tôi đi đòi cho bằng được. Đối với bọn bóc lột, Bác cương quyết không khoan nhượng, dù là đồng tiền nhỏ nhất. Hơn nữa đấy lại là tiền của tập thể…

Nếu trước kia và sau này nữa, nếu chúng tôi có một lòng một dạ nhất nhất tuân theo ý kiến Bác chỉ bảo, không phải là vì "sợ" Bác là người "bề trên", mà là vì qua tiếp xúc với Bác, chúng tôi đã tin rằng bên cạnh mình có một người anh, một người thân tình nhất đang dẫn dắt mình vào một con đường đúng đắn, đẹp đẽ nhất mà không hề mảy may sợ mình lầm lạc…

Trong chương trình hoạt động hàng ngày, Bác vạch ra như sau :

- 4 giờ 30 đến 5 giờ , tập thể dục trong đó có môn thái cực quyền. Giờ này ít anh em chịu dậy học, nhưng riêng tôi đã cố theo cho bằng được. Có phần cố gắng bản thân, nhưng sự động viên của Bác đã thúc đẩy tôi rất nhiều.

- 5 giờ đến 6 giờ : Tất cả mọi người đều phải dậy. Ai không dậy, Bác vào tận nơi đánh thức, giờ này là giờ nói chuyện về tình hình thế giới, trong nước, về thời sự và nghe giảng chủ nghĩa Mác-Lê. Về học tập chủ nghĩa Mác-Lê,còn thêm buổi tối từ 7 đến 8 giờ nữa.

Mới đầu Thầu Chín – tên anh em đặt một cách kính trọng cho Bác hồi ở Thái Lan, chỉ nói cho những người trong cơ quan nghe, nhưng vì cách nói của Thầu Chín hấp dẫn, anh em thanh niên ở ngoài đòi được dự, Bác cũng đồng ý.

Vì là giờ học tập, nghe nói chuyện và có thảo luận nên trong khi thảo luận chúng tôi thường nêu ra nhiều vấn đề và mỗi vấn đề Bác đều giải đáp và phân tích cặn kẽ. Từ chủ nghĩa Tam dân mà Bác cho là tiến bộ ở điểm nào và hạn chế ở đâu…

Có lần trong số anh em có anh bật ra một câu hỏi vẫn ấp ủ từ lâu :

- Cậu Nguyễn Ái Quốc là ai thế, cậu ấy bây giờ ở đâu ?

- Một thanh niên yêu nước !

Câu trả lời gọn lỏn ấy làm cho chúng tôi có sự tự hào, vì trong người thanh niên yêu nước ấy có cả chúng tôi nhưng chúng tôi vẫn không khỏi thắc mắc.

- Ông Bùi Quang Chiêu thế nào ? – nhân bàn đến các nhân vật đương thời, một hôm có một người hỏi như vậy.

- Phong kiến ! – Lại một câu trả lời gọn.

- Còn cụ Phan Bội Châu ?

- Một người viết ra sách cuốn sau đập cuốn trước.

Phải nói rằng thường trong trò chuyện hàng ngày, Bác rất trọng cụ Phan, vì cụ là người giàu lòng yêu nước chân chính và nồng nàn, nhưng thực tình Bác chỉ trọng ở "cái lòng", còn đường lối của cụ vạch ra thì Bác thường nói ra là Bác không thể chấp nhận được. Chính vì vậy mà Bác phải lần mò trong bao nhiêu năm để tìm ra con đường riêng của mình.

Vì từ 6 giờ trở đi, ai có việc gì thì làm việc ấy, theo công việc nghề nghiệp của mình, nên mọi người đều có việc riêng của người ấy. Có hôm vì hết việc ngồi nhà rỗi, thấy vậy, Bác liền huy động tất cả đi trồng cây. Sau này tôi mới biết rõ, khi Bác sang một cơ quan ở một nơi khác, Bác cũng huy động như vậy. Có lẽ ý thức trồng cây của Bác đã có từ lâu. Việc trồng cây này cũng chẳng có gì đáng đặc biệt, nhưng tôi kể ra đây là vì có một sự việc đã làm cho tôi nhớ mãi : việc trồng cây râm bụt.

- Cây râm bụt là cây của đất nước! – Bác nói.

Thật là một ý thức rèn cho con người nhớ đất nước, yêu Tổ quốc sâu xa. Từ chỗ xa xôi hẻo lánh, đồng lạ nước người này, Bác không ngừng rèn cho mọi người lòng kiên trì. Râm bụt phải lấy từ Na-Khon, cơ quan của ta cách đấy 80 cây số - mà còn luôn luôn nhắc nhở cho mọi người không được lúc nào quên cái gốc của mình.

Đối với mọi người Bác đã quan tâm rèn luyện một cách có ý thức như vậy, thì riêng với bản thân mình, Bác lại càng khắt khe hơn nữa. Vì Bác vốn hay mệt mỏi, ho cũng do một phần nữa vì sự làm việc quá sức mình. Nhưng để tránh vì sức khỏe mà ảnh hưởng đến các hoạt động, Bác đã tập luyện. Giờ giấc đúng hàng ngày của mình nhất nhất phải theo, là một cách tập luyện thể dục, thái cực quyền là một cách tập luyện khác, Bác học cả thuốc nữa. Cũng do ở bên cạnh tôi, Bác lại ở ngay trong hiệu thuốc. Học bằng cách đọc sách, ghi chép. Ghi chép là chuyện thường của chúng ta ngày nay, nhưng thời ấy là một chuyện mới mẻ. Đọc không hiểu, Bác hỏi, mà hỏi cặn kẽ, không giấu dốt. Hiểu đến đâu ghi đến đấy và chia loại. Cách học thuốc của Bác khoa học như vậy nên đã giúp cho tôi nhiều trong việc nghiên cứu về đông y sau này và giúp Bác hiểu rõ những điều cơ bản về thuốc và chữa bệnh. Chính Bác phát hiện ra cây hy-thiêm – cũng ở trong sách thuốc - là loại cây thường thấy mọc ở vùng này, giúp Bác tránh bệnh phong thấp,

sự hay mệt mỏi của Bác do bệnh này gây ra. Có lần tôi đi vắng có cán bộ bị ốm, Bác cũng bốc được và người này đã khỏi bệnh.

Luyện cho mình, luyện cho mọi người vượt cả bệnh tật, ốm đau, vượt cả mọi trở ngại để tiến lên là một điều nói thì dễ, nhưng thực hiện được không phải là điều dễ dàng đối với tất cả mọi người. vì vậy Bác uốn nắn con người từ những tật xấu nhỏ nhất hàng ngày mà con người mắc phải. Có một thời kỳ Bác cùng anh em đi bắt cá. Có một đồng chí vì lười nhưng lại thiếu ngay thẳng, bắt thì ít nhưng lại vờ vĩnh thì nhiều, cho nên hôm nào về cũng tuyên bố với anh em là bắt được nhiều cá. Bác không nói gì cả, hôm sau cùng đi với đồng chí ấy, Bác cứ lẳng lặng, bắt được con cá nào là bứt đuôi con cá đó. Tối đó về, tưởng vẫn có thể lừa bịp được mọi người, anh ta lớn tiếng khoe tài.

- Thế cá của anh có đánh dấu gì không ? – Bác hỏi.

- Không !

Bác đổ rổ cá và cười :

- Cá của tôi đều là bứt đuôi, thử xem nào !

Đổ rổ cá ra, mọi người đều cười.

Bác không cần ồn ào phê bình khi người ta có khuyết điểm và khi đã định giáo dục ai thì giáo dục bằng việc làm, bằng hành động cụ thể. Cách làm đó có sức thuyết phục ghê gớm. Chính cái lối uốn nắn rèn luyện người như vậy đã đem lại nhiều hiệu quả tốt đẹp. Ngay việc rèn luyện cho mọi người nuôi cái chí khí căm thù giặc, có lòng yêu nước nồng nàn Bác cũng dùng cái cách ấy. Chẳng hạn đến ngày kỷ niệm Phạm Hồng Thái hy sinh, Bác đã biết chọn một ông phó lãnh binh và một ông đội trưởng kể chuyện lại những trận đánh của các ông đã tham gia chống Pháp.

Hai ông kể xong nhân đấy Bác mới nói tiếp để tả những nỗi thống khổ của người dân mất nước, cảnh người dân Việt Nam bị đàn áp, cái nhục của một kẻ bị trị… Trong khi Bác nói tôi đã thoáng nghe thấy tiếng khóc thút thít.

Bác nói chừng một tiếng đồng hồ, mọi người ra về như thấy máu mình được hâm sôi lên. Ngày hôm sau mới là ngày kỷ niệm chính. Bác cho diễn một vở kịch ngắn về đời hoạt động của Hoàng Hoa Thám, liền đó lại cho diễn hai vở kịch đả kích, đề tài viết về hai tên bán nước Lê Hoan và Hoàng Cao Khải. Chính Bác là người viết kịch bản lại là người đạo diễn. Không phải Bác chỉ chú trọng về đề tài yêu nước và việc đả kích những tên bán nước, mà Bác còn chú trọng cả việc giáo dục lối sống mới. Trong thời kỳ này có tối Bác diễn cả một vở kịch chống mê tín. Bác vẫn là tác giả, người đạo diễn và có tham gia làm diễn viên nữa. Bác đóng vai ông Thành hoàng và một số cán bộ khác đóng vai Thổ công. Tôi đóng vai thầy thuốc. Bác chọn tôi đóng thầy thuốc cũng như chọn những anh em biết qua nghề gì đến khi đóng vai người đó diễn cho hợp với vai mình đóng. Nội dung vở kịch tả hai con bệnh cùng đồng bệnh nhưng người dùng thuốc thì khỏi và kẻ nghe theo

đồng cốt uống những thứ nhảm nhí thì chết. Kịch có tác dụng tốt, vừa vui vừa có ý thức giáo dục…

Như vậy là trong khung cảnh hoạt động chung ở đây, Bác không từ bỏ một việc gì mà không tham gia vào. Từ việc gánh nước, gặt hái, xẻ gỗ làm nhà cho tới việc huấn luyện giảng dạy. Ngay cả việc đi buôn để gây quỹ Bác cũng tham gia đóng góp vào. Bác chọn trong số thanh niên có đầu óc mà cử đi. Bác đi theo cũng khăn gói tay nải đi theo. Việc Bác đi theo đây không phải là giám sát, cái chính là để giúp đỡ và giác ngộ người thanh niên ấy trở nên những cán bộ sau này. Trong số người được Bác chọn đi buôn tôi nhớ có cả Đặng Canh Tân là người được Bác rất tin yêu. Ông được Bác đặc biết giúp đỡ.

Gần cuối năm 1929, tôi thấy Bác chuẩn bị ba-lô quần áo : âu phục, Trung Quốc và một áo thường sau đó Bác đi vắng một thời gian dài.

Khoảng tháng 3-1930, thì Bác trở lại. Hôm đó tôi đang đi cày thì Bác cho gọi về. Bữa cơm hôm đó khác mọi ngày, tươm tất hơn, có thịt gà. Cũng cần xin nói rõ hơn ở đây là từ đầu năm 1929, Đoàn thanh niên vẫn được bố trí luôn ở cạnh Bác nên cần có sự gì chỉ bảo là Bác cho gọi đến, nên lần này được gọi đến cũng là chuyện thường. Khi về tôi đã thấy có mặt các đồng chí Ngô Tuân, Hoàng Văn Hoan, Lạc, Ba, v.v…

Ngày 3 tháng 2 năm 1930 là ngày ba nhóm Đảng đã thống nhất lại, hợp thành một Đảng lấy tên là Đảng cộng sản Việt Nam. Cơm nước xong, Bác tuyên bố trước anh em như vậy.

Việc thống nhất ba nhóm Đảng chắc đã được Bác chuẩn bị từ lâu và sau này tôi mới biết rõ là thời kỳ Bác đi vắng lâu đúng là Bác đi gặp các đồng chí ta và đi sang Hương Cảng để lãnh đạo việc hợp nhất ba nhóm Đảng lại. Có lẽ việc sắm ba bộ quần áo cũng là có sự liên quan đến việc chuẩn bị ấy…

Sau cuộc họp lịch sử nói trên, Bác liền chia tay với các anh em ở Thái Lan và đi Trung Quốc [6].

*

* *

"… Bác về Trung Quốc được mấy tháng, thì một trang sử vẻ vang vô cùng quan trọng mở ra cho phong trào cách mạng Việt Nam. Thay mặt Quốc tế cộng sản, ngày mồng 3 tháng 2 năm 1930 Bác đã thống nhất ba nhóm cộng sản Trung, Nam, Bắc thành chính đảng duy nhất của giai cấp công nhân là Đảng cộng sản Đông Dương. Bác vừa trực tiếp lãnh đạo Đảng vừa tham gia cơ quan lãnh đạo Đông Phương bộ của Quốc tế cộng sản. Bác thường qua lại Thượng Hải nên tôi lại có dịp gặp Bác ở đây.

Cuối năm 1929, tôi tới Thượng Hải. Trong tô giới Pháp ở Thượng Hải, có chừng 4.000 lính khố xanh, khố đỏ, và một số công dân người Việt Nam làm cho nhà máy Ốc-xi-gien (phần đông là công nhân Trung Hoa). Tàu chiến của các nước Anh, Mỹ, Nhật, Pháp đậu đầy ở bến Thượng Hải. Thượng Hải là một thành phố

đồ sộ, người tứ xứ đông như kiến. Tôi lọt vào đấy như con chim chích vào rừng. Một bác công nhân quen cũ ở Hương Cảng giới thiệu tôi với y sĩ Thuyết ở Trần Tam phạm điếm một hàng ăn của người Việt Nam mở cho lính Pháp. Tôi làm hầu bàn ở đấy. Vận động anh em công nhân nhà máy Ốc-xi-gien lập hội tương tế. Từ các tổ chức của anh em công nhân tôi phát triển sang anh em bồi bếp, bà con buôn bán rồi bắt mối với trại lính khố đỏ, rồi đến lính khố xanh, rồi tới lính thủy. Từ tổ chức quần chúng, tôi tiến lên xây dựng cơ sở Đảng. Phong trào lên mạnh, Đảng cử đồng chí Phiếm Chu lên Thượng Hải cùng tôi gánh vác mọi tuyên truyền tổ chức.

Một hôm, tôi nhận được một bức thư, lời lẽ như người yêu gửi cho : "Em chờ cậu ở chỗ đánh bi-a của Tiên-thi công ty". Xem xong, tôi đoán ngay là thư của một đồng chí nào đây. Đúng rồi, tôi đến Tiên-thi công ty, một cửa hàng bách hóa vào hạng lớn nhất của Thượng Hải. Tới chỗ hẹn, không thấy ai, tôi quay ra, tần ngần hết sức. Lúc ấy vào một buổi chiều đầu năm 1930, Thượng Hải lạnh và có tuyết. Tôi đang đi thì có người đi sau gọi : Hai ! Hai !(Hai là tên tôi hồi hoạt động ở Thượng Hải).

Tôi quay lại, nhận ra người gọi, mừng không kể xiết. Đấy là đồng chí Vương.

Mừng thì mừng thật, nhưng lòng lại áy náy. Mình thì com-pơ-lê, pu-lơ-vơ, phu-la, ba-đờ-xuy hai lần len, mà đồng chí Vương thì áo đại cán dạ thường, ba-đờ-xuy mỏng, đầu đội một cái mũ vơ-lua, nhưng tàng hơn mũ phớ tàng. Bốn năm trước, ở Quảng Châu, đồng chí Vương cũng gầy, giờ lại gầy hơn. Gặp tôi đồng chí vẫn vồn vã như xưa.

Đồng chí Vương rủ tôi đi quanh co mấy phố. Đồng chí hỏi tôi về tình hình công tác anh em công nhân, binh lính, hỏi chỗ tôi ở thế nào, đã có gì lộ chưa… rồi đồng chí Vương nói :

- Tôi ở đây chỉ vài ngày rồi lại phải đi ngay. Hôm nay chỉ cốt gặp nhau thôi, hẹn hôm sau nói chuyện lâu. Đồng chí công tác cố gắng đấy, nhưng phải cẩn thận. Nó đang khủng bố riết.

Sáng hôm sau, tôi đến gặp đồng chí Vương ở một khách sạn. Đồng chí thuê một căn buồng vào hạng rẻ tiền. Buồng hẹp chỉ đủ kê một giường con và một bàn nhỏ. Ở Trần Tam phạm điếm, tôi còn có lò sưởi. Nhưng ở đây lạnh tanh lạnh giá. Tôi nhìn lên bàn thấy nhiều sách lắm, phần lớn là sách tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, và nhiều máy chữ, cũng là máy chữ Anh. Lần này, đồng chí Vương tiếp tôi cả buổi sáng lại giữ tôi ở lại khách sạn ăn cơm, gọi là cơm khách sạn, nhưng nào có gì đâu. Cơm là cơm gạo xấu, thức ăn có món canh, món xào và món cá mặn. Tôi được dịp trình bày hết công việc của tôi. Đồng chì Vương nói :

- Hoạt động trong binh lính phải rất cẩn thận. Anh em hăng nhưng trong tay sẵn có vũ khí thì dễ mạnh động.

Đối với tôi, những ngày ở Thượng Hải là những ngày đi vào quần chúng, trực tiếp vận động quần chúng. Kinh nghiệm còn ít, nên chủ quan nhiều. Về nhà ngẫm nghĩ cứ phân vân mãi về những lời khuyên của đồng chí Vương. Ít ngày sau,

chúng tôi được tin cuộc khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ và thất bại. Ngồi phân tích với nhau về tính chất anh em binh lính trong cuộc bạo động ấy chúng tôi mới thật thấm thía với những lời bảo ban của đồng chí Vương.

Tôi còn gặp đồng chí Vương vài lần khác nữa. Một lần, đồng chí hẹn đến thư viện, đường Nam Kinh. Cuối thư có một câu gạch đít : "đến thư viện phải ăn mặc tươm tất, đi vào phải cho êm". Tôi tự hỏi vào thư viện thì có gì mà đồng chí Vương phải dặn dò cẩn thận thế. Khi đến thư viện thấy mọi người chăm chú đọc sách, bốn bề im lặng như tờ, bấy giờ tôi mới hiểu. Tôi rón rén đi vào. Đồng chí Vương trả sách, khẽ bảo tôi cùng đi ra. Đồng chí Vương nói :

- Phong trào bây giờ lên khá cao, công việc của đồng chí thì nhiều, một mình làm không xuể. Phương tiện cũng ít ỏi. Muốn đẩy mạnh công tác, phải có sự giúp đỡ của Đảng anh em. Người cộng sản bất kỳ hoạt động ở nước nào cũng phải chịu sự lãnh đạo của Đảng ở đấy.

Sau đó ít ngày, tôi được gặp đồng chí Thái Xưởng, và đồng chí này giới thiệu với tôi đồng chí phụ trách việc vận động binh lính ngoại quốc của Đảng cộng sản Trung Quốc giúp chúng tôi thật là tận tâm tận lực. Công việc của chúng tôi là với những số báo "Kèn gọi lính". Còn việc ấn loát, việc phân báo vào các trại lính Việt Nam, thì các đồng chí Trung Quốc đảm nhiệm hết.

Các đồng chí còn cung cấp cho chúng tôi đủ các thứ đũa, giấy nến, bút thép v.v… Đây là lần đầu tiên chúng tôi phối hợp công tác với các đồng chí anh em. Ngay trong những bước đầu ấy, chúng tôi đã thấy được cụ thể thế nào là tinh thần quốc tế cộng sản mà mình mới nhận thức trên lý thuyết trước đây, tôi nghĩ đối với các đồng chí Trung Quốc, vấn đề chỉ là đặt liên lạc. Đến đây, tôi mới hiểu nguyên tắc công tác của những người cộng sản hoạt động ở nước ngoài.

Vào khoảng tháng bảy, tháng tám năm 1930, đồng chí Vương lại có dịp qua Thượng Hải. Đồng chí đến cơ quan chúng tôi họp và góp thêm ý kiến về việc vận động binh lính Việt Nam ở Thượng Hải. Dự họp lần này có vợ chồng đồng chí Ích, các đồng chí Phiếm Chu, Quốc Long và tôi. Đồng chí Vương mặc quần áo đũi, vẫn kiểu cán bộ. Mùa nực, da dẻ đồng chí có phần hồng hào hơn là trong những ngày mùa đông tháng giá. Tôi nhớ trong buổi họp ấy, đồng chí bảo chúng tôi là phải kết hợp tinh thần quốc tế vô sản với lòng yêu nước chân chính - đồng chí Vương nói :

- Không nên chỉ hô hào thợ thuyền, dân cày chung chung. Không nên nói vô sản một cách cứng nhắc. Trước mắt chúng ta là phải đánh đổ thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Cho nên phải khơi lòng yêu nước của mọi người. Đối với anh em binh lính, ta nên khêu gợi nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, rồi chuyển sang khêu gợi lòng yêu nước, thương nòi. Như thế, mới đi vào lòng người ta được.

Đồng chí lại xem những số báo "Kèn gọi lính" nhắc chúng tôi không nên dùng những chữ khó hiểu, viết phải gắn, gọn, rõ ràng. Sau đó đồng chí Vương viết mấy

bài, cả văn vần lẫn văn xuôi, nội dung là yêu nước, ghét thống trị Pháp, văn rất ngắn gọn và dễ hiểu.

Trong những ngày gặp gỡ đồng chí Vương, tôi thấy con người đồng chí là một sự hòa hợp tinh thần quốc tế vô sản bao la và lòng yêu nước sâu sắc. Sau buổi họp ấy, chúng tôi chỉnh đốn lại bài vở. Từ đấy, những số báo, những truyền đơn, của chúng tôi có tác dụng rõ rệt trông thấy. Anh em công nhân, bồi bếp, binh lính, bà con buôn bán trông ngóng những số báo của chúng tôi. Những người ít chữ nói đọc những số báo trước không nhớ được ý, nhưng đọc những số báo sau này thì nhớ được rõ và lâu. Y sĩ Thuyết, sang học thuốc ở Thượng-Hải nói trước ngại đọc, vì chỉ thấy nói về cộng sản, bây giờ đã bắt đầu thích đọc, vì thấy các số báo nói nhiều về lòng yêu nước.

Khi tôi chia tay với đồng chí Vương, sau cuộc họp ấy, tôi không ngờ đấy là buổi gặp cuối cùng giữa Bác và tôi ở nước ngoài. Bác thì bôn ba hết nước này đến nước khác, còn tôi thì cũng bắt đầu những năm tháng tù đày."[7]

Lời kêu gọi [8]

Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh, anh chị em bị áp bức, bóc lột !

Anh chị em ! Các đồng chí !

Nhận chỉ thị của Quốc tế cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và thấy có trách nhiệm phải gửi tới anh chị em và các đồng chí lời kêu gọi này.

Mâu thuẫn gay gắt về kinh tế giữa các nước đế quốc chủ nghĩa đã gây ra chiến tranh thế giới 1914 – 1918. Sau cuộc chém giết đẫm máu đó, thế giới chia ra làm hai mặt trận : mặt trận cách mạng gồm các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản bị bóc lột trên toàn thế giới mà đội tiên phong là nước Nga Xô-viết, và mặt trận của chủ nghĩa đế quốc mà tổng hành dinh là Hội quốc liên.

Cuộc chiến tranh đế quốc ấy đã làm cho thế giới bị thiệt hại nặng nề về người và của, đặc biệt là đế quốc Pháp bị thiệt hại nhiều hơn các đế quốc khác. Hiện nay, để tổ chức lại nền kinh tế ở Pháp, đế quốc Pháp ra sức khai thác tài nguyên "của chúng" ở Đông Dương. Chúng xây dựng thêm nhà máy để bóc lột công nhân và buộc họ phải chịu đói rét. Chúng chiếm ruộng đất của nông dân để lập đồn điền, làm cho nông dân mất hết ruộng đấy và lâm vào cảnh tuyệt vọng. Chúng tìm mọi cách để bóp nặn nhân dân ta ; chúng thu thuế ngày càng nặng, bắt mua "quốc trái" ngày càng nhiều, làm cho đồng bào ta ngày thêm nghèo khổ.

Càng ngày chúng càng tăng cường quân đội : một là để giết hại cách mạng Việt Nam, hai là để chuẩn bị một cuộc chiến tranh đế quốc nữa ở Thái Bình Dương nhằm chiếm thêm thuộc địa, ba là để phá cách mạng Trung Quốc, bốn là chống lại nước Nga Xô-viết, vì nước này đang giúp đỡ các dân tộc bị áp bức và

các giai cấp bị bóc lột trên thế giới đứng lên đánh đổ bọn thống trị. Cuộc chiến tranh đế quốc thứ hai đang ráo riết chuẩn bị. Khi cuộc chiến tranh đó nổ ra, thì nhất định đế quốc Pháp sẽ đẩy anh chị em chúng ta vào một cuộc chém giết đầy tội ác. Nếu chúng ta để cho chúng chuẩn bị chiến tranh, nếu chúng ta để cho chúng chống lại cách mạng Trung Quốc và nước Nga Xô-viết, nếu chúng ta để cho chúng tiêu diệt cách mạng Việt Nam thì khác nào chúng ta để cho chúng dìm giống nòi Việt Nam ta xuống Thái Bình Dương.

Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết. Chính vì vậy mà phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh : công nhân bãi công, học sinh bãi khóa, nông dân đòi ruộng đất, nhà buôn nhỏ đóng cửa hàng, nhân dân cả nước đang vùng dậy chống bọn đế quốc.

Phong trào cách mạng Việt Nam làm cho đế quốc Pháp phải run sợ. Cho nên, một mặt chúng dùng bọn phong kiến Việt Nam, bọn đại tư sản phản cách mạng và bọn địa chủ để áp bức, bóc lột nhân dân Việt Nam. Mặt khác, chúng khám xét nhà cửa, bắt bớ, giam cầm và giết hại những người cách mạng Việt Nam ; chúng hy vọng dùng khủng bố trắng tiêu diệt cách mạng Việt Nam.

Nếu đế quốc Pháp tưởng có thể dùng khủng bố trắng hòng tiêu diệt cách mạng Việt Nam thì chúng đã lầm to ! Một là, cách mạng Việt Nam không bị cô lập, trái lại nó được giai cấp vô sản thế giới nói chung và giai cấp cần lao Pháp nói riêng ủng hộ. Hai là, giữa lúc cuộc khủng bố trắng lên đến đỉnh cao thì những người cộng sản Việt Nam trước kia chưa có tổ chức, đang thống nhất lại thành một Đảng, Đảng cộng sản Việt Nam, để lãnh đạo toàn thể anh chị em bị áp bức chúng ta làm cách mạng.

Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh.

Anh chị em bị áp bức, bóc lột !

Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để :

1- Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến Việt Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.

2- Làm cho nước Việt Nam được độc lập.

3- Thành lập Chính phủ công nông binh.

4- Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ công nông binh.

5- Quốc hữu hóa toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng Việt Nam chia cho nông dân nghèo.

6- Thực hiện ngày làm 8 giờ.

7- Hủy bỏ mọi thứ quốc trái và thuế thân, miễn các thứ thuế cho nông dân nghèo.

8- Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân.

9- Thực hành giáo dục toàn dân.

10-Thực hiện nam nữ bình quyền.

Thay mặt Quốc tế cộng sản và Đảng cộng sản Việt Nam

Nguyễn Ái Quốc

---

[1] T.Lan, "Vừa đi đường vừa kể chuyện", Nhà XB Sự Thật, năm 1963.

[2] T. Lan, "Vừa đi đường vừa kể chuyện" – Nhà XBST, năm 1963.

[3] Lê Mạnh Trinh, "Những ngày ở Quảng Châu và ở Xiêm", trong tập "Bác Hồ", Nhà XBVH, năm 1960.

[4] Trần Dân Tiên, "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch", Nhà XB Sự Thật, năm 1975.

[5] Trần Dân Tiên, "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch", Nhà XB Sự Thật, năm 1975.

[6] Trích hồi ký của đồng chí Đặng Văn Cáp - Tài liệu B.N.C.L.S.Đ.T.W.

[7] Nguyễn Lương Bằng, "Những lần gặp Bác", trong tập "Bác Hồ", Nhà xuất bản Văn học năm 1960.

[8] Dưới sự chủ tọa của Bác Hồ, đại diện cho Quốc tế cộng sản, Hội nghị thành lập Đảng họp vào ngày 3 tháng 2 năm 1930 đã thông qua các văn kiện của Đảng, trong đó có lời kêu gọi của Bác. Lời kêu gọi đó là một trong những tài liệu quan trọng đối với việc tìm hiểu đường lối chiến lược và sách lược của Đảng ta khi Đảng ta mới ra đời.

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

"Vụ án" ở Hương Cảng

"Từ 12 năm nay, thực dân Pháp theo dõi ông Nguyễn. Từ 8 năm nay, chúng lùng ông. Năm 1925 – 1927, chúng biết ông ở Quảng Châu, nhưng chúng không làm gì được vì ông được Chính phủ Cách mạng Trung Quốc và tất cả nhân dân Quảng Châu che chở. Trước và sau thời kỳ này, bọn gián điệp của Pháp không dò ra tung tích của ông.

Cùng bọn Anh, bọn Hà Lan và bọn Nhật, bọn Pháp tổ chức "mật thám quốc tế". Mục đích của tổ chức này là dò xét những nhà cách mạng Triều Tiên, Nam Dương, Ấn Độ và Việt Nam.

Bọn đế quốc bịa đặt rằng những người cách mạng đó là tay sai của Đệ tam quốc tế, của Liên-xô và nhiệm vụ của họ là phá hoại nền thống trị thực dân các nước.

Đế quốc Anh cho rằng ông Nguyễn là tay sai của Liên-xô. Vì vậy những nhà cầm quyền Anh cho ông là kẻ thù số 1, và cố bắt cho được ông.

Thực dân ở Đông Dương vui mừng thắng lợi, và ca tụng thực dân Anh. Chính phủ Pháp hứa một số tiền rất lớn nếu Anh chịu trục xuất ông để Pháp đón bắt ông đã bị giam ở nhà tù Hương cảng. Nhưng bọn mật thám còn rình nơi ông ở trước hòng bắt những đồng chí khác. Nhà ông ở bị lục soát từ nóc đến nền. Chúng đào tường, lật nền nhà, phá bục gỗ để tìm khí giới và bom đạn. Áo quần, xà phòng, giấy tờ của ông đều được thử với chất hóa học, để xem kế hoạch tấn công có trên những vật ấy không. Chúng dỡ mái nhà để tìm máy ghi vô tuyến điện. Cố nhiên chúng mất công toi.

Chúng cấm báo chí Trung Quốc đăng những tin này. Chúng giam ông Nguyễn trong một xà lim riêng có những cảnh sát đặc biệt gác.

… Những buổi bị đưa đi hỏi khẩu cung là những lúc nghỉ ngơi khoái nhất trong khi ở tù.

Một là được ra khỏi xà lim một lúc, cái xà lim nghẹt thở, tối om và hôi hám.

Hai là vì bọn trùm mật thám thường hỏi cung ông, mời ông hút thuốc lá Anh.

Hút thuốc lá là tật xấu duy nhất của ông. Và trong nhà tù lại cấm hút thuốc.

Ba là vì ông muốn xem xét những tên mật thám dùng mánh khóe gì để tra hỏi người bị bắt, để biết chúng đã biết điều gì, không biết điều gì, bầy đặt điều gì.

Mật thám Anh được mật thám Pháp ở Đông Dương cung cấp tài liệu đầy đủ. Mật thám Anh cũng cho mật thám Pháp một đống tài liệu, thật có, giả có.

Thường thường, sau những buổi hỏi cung và giả vờ làm án những Hoa Kiều bị tình nghi hoặc bị bắt ở các thuộc địa về, thực dân Anh trục xuất họ. Hương Cảng trục xuất họ, nhưng họ sẽ rơi vào tay Quốc dân đảng, vì rời Hương Cảng thì phải đi tàu thủy. Bước xuống tàu thì bị mật thám đón bắt ngay.

Ông Nguyễn may được có sự giúp đỡ của một luật sư Anh rất tốt, ông Lô-dơ-bai (Loseby).

Chính phủ Hương Cảng tìm cách chia rẽ ông và luật sư Lô-dơ-bai. Nhưng ông này giữ vững lập trường. Ông nói với ông Nguyễn: "Bác sĩ Tôn Dật Tiên được một người Anh cứu thoát. Tôi cũng ra sức cứu ông, ông hãy tin ở tôi. Ông hãy nói cho tôi nghe những điều gì có thể giúp tôi trong việc bênh vực ông. Tôi không muốn hỏi ông nhiều hơn, vì mỗi người cách mạng đều có bí mật riêng của họ".

Và ông Lô-dơ-bai đưa vụ án của ông Nguyễn ra trước pháp viện tối cao.

… Trong khi chờ đợi sự quyết định của Luân Đôn, ông Nguyễn bị ốm. Ông Lô-dơ-bai dàn xếp để ông Nguyễn được đưa đi nhà thương.

Ông Nguyễn đến nhà thương gây nên một sự thay đổi lớn trong nhà thương. Người ta làm thêm ổ khóa vào các cửa phòng vì sợ ông trốn. Những vật gì treo trên tường đều dọn đi vì sợ ông tự sát; xung quanh phòng có lưới thép. Hai người cảnh sát Ấn Độ cao to gác trước cửa phòng. Trong phòng hai mật thám người Trung Quốc ngày đêm canh giữ. Trong những người bệnh nằm trong phòng, có cả kẻ giết người, đầu sỏ ăn cướp, thổ phỉ,…

Nhờ ông Lô-dơ-bai mà ở nhà thương ông Nguyễn được săn sóc chu đáo. Ông có một cái giường tốt và được ăn cơm Tây. Ông nói: cả đời chưa bao giờ Nguyễn được ăn uống sung sướng như thế này.

Ông Lô-dơ-bai và bà vợ cùng cô con gái, thường đến thăm ông Nguyễn, đem cho ông quà bánh, sách báo và cả đồ chơi giải trí.

Ông Nguyễn ăn ở tốt với mọi người, và mọi người cũng tốt với ông. Khi nào ông không đọc sách, ông nói chuyện thân mật với những người bạn trong phòng và nghiên cứu những đặc tính của họ. Hai người bị bắt làm ông chú ý hơn cả: một em bé học nghề 13 tuổi đã đã giết một em bé học nghề khác cùng tuổi nó, vì em này sau khi đánh bạc thua đã ăn cắp của nó một đồng bạc; và một tướng già bị bắt vì bị bạn tố giác. Người này độ 60 tuổi, hòa nhã, mưu trí và gan góc, giỏi chữ Trung Quốc, làm được thơ. Y tự cho mình là một anh hùng và cho ông Nguyễn cũng là một anh hùng.

"Tôi là một con sư tử rơi xuống hố. Anh cũng là một con rồng mắc cạn", y vừa nói vừa thở dài. Nhưng y rất lạc quan, nói tiếp thêm: "sư tử một ngày kia sẽ trở về làm chúa sơn lâm, còn rồng một ngày kia sẽ bay lên trời và làm chúa tể gió mây".

Già Lý làm chúa một dãy núi. Có gia đình và một đội quân nhỏ, chặn khách qua đường và và bắt nộp tiền mãi lộ. Y thực hiện rất chặt chẽ nguyên tắc của tướng cướp rừng: Lần thứ nhất, khách qua đường bị bắt viết thư về cho gia đình đem tiền đến chuộc. Tiền đến nơi thì người được tha. Nếu tiền đến chậm, gia đình họ sẽ nhận được bức thư thứ 2 viết với máu của người bị bắt, rồi một bức thư thứ 3 với một ngón tay, rồi bức thư thứ tư với một cái tai của người bị bắt. Nếu bức thư cuối cùng này không có kết quả "giao kèo bị xé" nghĩa là người bị bắt bị xử tử. Có một lần người đem thư trả lời là một cô gái trẻ tên là Bành Hương.

Bành Hương can đảm nói với già Lý: "Thưa đại vương, tiền chúng tôi không có, vì chúng tôi nghèo. Nhưng tôi đây, đại vương bán tôi đi hoặc dùng tôi làm nô lệ hoặc tỳ thiếp. Hay đại vương giết tôi. Đại vương muốn làm gì tôi thì làm nhưng tha cho cha tôi".

Già Lý hết sức cảm động, ôm lấy Bành Hương hôn, nhận Bành Hương làm con nuôi, cho Bành Hương đi học, để dành cho Bành Hương một món tiền hồi môn lớn và tha cho ông bố. Lý khá ác với người giàu nhưng rất tử tế với người nghèo. Vì vậy Lý được nhân dân trong vùng vừa yêu vừa sợ.

*

… Sau một ngày biện luận, tòa án hoàng đế Anh ở Luân Đôn kết luận rằng phải thả ông Nguyễn, vì không thể kết án ông Nguyễn vào tội gì. Thứ nhất: tuyệt đối không có gì chứng rằng ông Nguyễn là một tay sai Liên-xô. Thứ hai không có chứng cớ ông Nguyễn muốn phá hoại Hương Cảng. Thứ ba: cộng sản hay quốc gia, điều đó không phải là một tội lỗi trước pháp luật Anh.

Thế là ông Nguyễn thắng lợi.

Nhưng bây giờ đi đâu? Nhất cử nhất động của ông đều bị mật thám Pháp và Tưởng theo dõi, mật thám Pháp đã thất bại trong việc vận động trục xuất ông, vì vậy chúng chỉ đợi ông ra khỏi Hương Cảng là đưa ông vào một cạm bẫy khác.

Ông Nguyễn yêu cầu đi Anh, ông Lô-dơ-bai chuyển thư yêu cầu của ông Nguyễn sang Luân Đôn.

Ông Nguyễn đáp tàu bí mật đi, không đợi chính phủ Anh trả lời.

Đến Tân-gia-ba, ông lại bị bắt và trả lại Hương Cảng. Mật thám Hương Cảng lấy cớ ông đi vào thuộc địa không có giấy phép và bắt ông một lần nữa.

Ông Lô-dơ-bai lại bênh vực ông Nguyễn, cứu ông ra khỏi nhà tù và với sự giúp đỡ của vợ và các bạn ông, ông bí mật giúp cho ông Nguyễn trốn.

Việc đi trốn được tổ chức rất chu đáo. Mật thám Pháp rình mò chung quanh nhà tù, sở cảnh sát trung ương, và nhà ông Lô-dơ-bai, mà không hay biết gì hết.

Ông Nguyễn trốn đi, đóng vai một nhà buôn to Trung Quốc. Từ Hương Cảng đến nhà một người bạn thân của ông Lô-dơ-bai ở một thành phố khác. Ở đấy ông Nguyễn sống như một nhà giàu đi nghỉ. Ông đi dạo trong rừng, đi thăm các chùa. Ông làm quen với các người văn nghệ. Ông viết bài cho những tờ báo địa phương bằng tiếng Anh và tiếng Trung Quốc, ký tên khác nhau. Ông thường tập thể dục để lấy lại sức.

Sau này khi nhắc đến chuyện cũ ở Hương Cảng, ông Nguyễn nói với các bạn:

Ông Nguyễn nhớ ơn ông Lô-dơ-bai và gia đình ông. Nếu không có người luật sư tốt này có lẽ ông đã chết rồi. Không những thế, trong suốt thời gian ông Nguyễn ở tù, ông Lô-dơ-bai và gia đình ông tìm mọi cách giảm nhẹ nỗi đau đớn tinh thần và vật chất của ông. Sau những phiên tòa kết án, ông Lô-dơ-bai cố hết sức giúp ông thoát nạn."[1]

*

"Ngày xưa, giai cấp thống trị nước Anh có truyền thống đối đãi "khoan hồng" với những người cách mạng nước ngoài. Ví dụ:

- Người thầy cộng sản của chúng ta là Các-Mác bị chính phủ Đức đuổi ra khỏi nước, rồi bị chính phủ Pháp đuổi. Nhưng đến Luân Đôn thì chính phủ Anh để ông Mác sống bình yên suốt đời.

- Sau khi công xã Pa-ri thất bại (1871) bọn phản động Pháp khủng bố dữ. Nhiều lãnh tụ Công xã lánh nạn sang Anh, chính phủ Anh cũng để họ làm ăn yên ổn.

Tháng bảy 1903, Đại hội lần thứ hai của Đảng Lê-nin (hồi đó gọi là Đảng công nhân xã hội dân chủ nước Nga) họp ở Luân Đôn. Khi Đại hội hết tiền ăn, một người tư sản Anh đã cho Đại hội mượn tiền để tiếp tục khai hội.

Ngày 6 tháng sáu 1931, Bác bị bắt ở nhà số 186, phố Tam Lung (Cửu Long). Sau đó, cảnh sát Anh bí mật bao vây dãy phố ấy suốt mấy tuần, hòng đặt "bẫy chuột" để bắt những đồng chí qua lại với Bác. Nhưng kết quả không bắt được ai. Gian nhà Bác ở thì bị chúng lật hết từng mảng tường, từng viên gạch, dùng chất hóa học nghiên cứu, để tìm tài liệu bí mật. Nhưng cũng không tìm được gì.

Những người cách mạng Trung Quốc bị bắt ở Xiêm, Mã-lai, Phi-líp-pin và các nơi khác đều bị đưa về Hương Cảng. Đối với họ cũng như đối với những người cách mạng bị bắt ở Hương Cảng, đế quốc Anh chỉ giam giữ ít lâu tra khảo lấy khẩu cung, rồi đuổi ra khỏi Cảng, chứ không phạt tù đày.

Thật là "khoan hồng"! Nhưng một khi bước chân xuống thuyền. (Hương Cảng là một hòn đảo, chung quanh là biển, muốn đi bất kỳ nơi nào khác, cũng phải đi thuyền), thì hầu hết những đồng chí được "trục xuất cảnh" đều bị bọn đặc vụ Quốc dân đảng bắt ngay.

Bác vào nhà giam vài hôm, thì đồng chí Hồ Tùng Mậu bị đưa ra nhà giam để "trục xuất cảnh". Nhân dịp đó, đồng chí Mậu báo cho luật sư Lô-dơ-bai (chủ nhiệm Công ty luật sư RUSS, của người Anh) biết tin Bác bị bắt, và nhờ ông ta giúp Bác.

Ông Lô-dơ-bai vào nhà giam gặp Bác và nói ông sẽ ra sức cãi hộ cho Bác.

Bác nói không có tiền để trả phí tổn cho công ty. Ông Lô-dơ-bai nói: "Tôi biết ngài là một lãnh tụ cách mạng Việt Nam. Tôi cãi hộ ông là vì danh dự chứ không nhất thiết chỉ vì tiền..."

Từ đó, vợ chồng ông Lô-dơ-bai hết lòng giúp đỡ Bác về đời sống trong nhà tù cũng như về vụ án kiện. Cũng do ông Lô-dơ-bai mà các đồng chí Pháp và Hội quốc tế Cứu tế đỏ biết rõ tình hình của Bác.

Được tin Bác bị bắt, thực dân Pháp ở Việt Nam vui mừng và hoạt động tợn. Chúng phái cả bầy mật thám sang chầu chực ở Hương Cảng. Chúng vận động chính phủ, tòa án và cảnh sát Anh dùng mọi cách để trao Bác cho chúng. Chúng phái tàu thủy chờ sẵn ở Cảng, nếu tòa án ký lệnh "trục xuất" là chúng tóm Bác đưa lên tàu chở về Việt Nam ngay. Chúng cho rằng lần này chúng sẽ thực hiện

được lời đe dọa của quan thượng thư thuộc địa đã nói mươi năm trước đây: tức là bẻ gẫy những người cách mạng Việt Nam. Chính phủ Hương Cảng cũng muốn bí mật trao Bác cho thực dân Pháp. Nhưng luật sư Lô-dơ-bai làm cho việc Bác thành ra công khai, và đòi Tòa án tối cao phải xét xử.

Một mặt do thực dân Pháp tuyên truyền Bác là một người Bôn-sơ-vích cực kỳ nguy hiểm; mặt khác, do công an Cảng vu cáo Bác có âm mưu lật đổ chính quyền người Anh ở xứ này - thành thử dư luận cho rằng đây là một vụ án quan trọng nhất từ trước đến nay chưa từng có ở Cảng!

Từ tháng sáu đến tháng chín, tòa án họp 9 phiên. Mỗi phiên họp đều có cảnh sát vũ trang Anh và Ấn Độ gác khắp các cửa ra vào.

Trong các phiên tòa có nhiều quan chức cao cấp đến xem. Vai chính là:

- 2 vị chánh án và phó án.
- 2 vị công tố, thay mặt "Nhà vua" buộc tội.
- 2 vị luật sư cãi hộ cho Bác.

Các vị này đều mặc áo thụng đen và mang tóc giả theo lối đời xửa đời xưa. Trên bàn trước mặt mỗi vị có những chồng sách to tướng về luật lệ. Họ luôn luôn giờ sách ra đề dẫn chứng những lời họ trình bày. Thật là "nói có sách mách có chứng!"

Ông Lô-dơ-bai ngồi ở bàn và Bác ngồi trong vành móng ngựa đều không nói được gì hết. Khi muốn trao đổi ý kiến với nhau hoặc với thầy kiện, thì chỉ viết tóm tắt trên một miếng giấy nhỏ.

Lý lẽ của các thầy kiện tóm tắt là:

1. Việc bắt giam Bác là trái phép, vì Bác bị bắt giam từ hôm 6 tháng sáu 1931, nhưng đến hôm 12 tháng sáu, tổng đốc Anh mới ký lệnh chính thức cho phép bắt.

2. Người công chức lấy cung đã làm trái phép vì y đã hỏi Bác những điều ngoài khuôn khổ pháp luật đã quy định hỏi.

3. Buộc Bác phải đáp tàu Pháp đi về Đông Dương, tức là cố ý giao Bác cho Pháp để chúng giết Bác, thế là trái phép.

Hai điểm trên, chính phủ và công tố đã phải nhận sai lầm. Nhưng quan tòa và công tố vẫn quyết định đuổi Bác về Đông Dương.

Ông Lô-dơ-bai chống án lên "Hội đồng nhà vua", và nhờ luật sư Nô-oen Pơ-rít (Nowell Pritt) ở Luân Đôn cãi hộ cho Bác.

Đến tháng hai 1933, gần Tết âm lịch, "Hội đồng nhà vua" xóa án và ra lệnh: Cho phép Bác tự do đi đâu thì đi, miễn là ra khỏi Hương Cảng.

Thế là thắng lợi bước đầu! Nhưng đi đâu? Đi thế nào cho thoát? Nếu không khéo thì ra khỏi nhà giam sẽ rơi vào tay thực dân Pháp.

Bà Lô-dơ-bai nhờ một người bạn mua lại vé tàu thủy hạng nhất...

Hôm đó, một chiếc tàu nước ngoài (từ Hương Cảng qua Thượng Hải đi Nhật Bản) mới nhổ neo đi ra biển độ ba cây số thì được lệnh phải đỗ lại...

Chiếc ca-nô riêng của tổng đốc Hương Cảng đưa một vị "thân sĩ" Trung Quốc vào một phòng hạng nhất trên chiếc tàu ấy...

Tàu đến Hạ Môn thì vừa đúng 30 Tết âm lịch. Nhận lời mời của bầu bạn, "vị thân sĩ" Trung Quốc lưu lại ăn Tết ở Hạ Môn.

Sau 20 tháng gian lao nguy hiểm, một lần nữa Bác lại thoát khỏi âm mưu độc ác của thực dân Pháp và tạm thời đánh lạc hướng của chúng.

Thắng lợi này phần rất lớn là nhờ sự hết lòng giúp đỡ của ông bà Lô-dơ-bai.

Tức tối vì không bắt được Bác, giận dữ đối với người Anh, các báo thực dân Pháp bịa đặt ra tin rằng: Bác mắc bệnh lao trong nhà lao Anh, và đã chết rồi.

Các báo Anh liền quật lại, đại ý như sau:

"Các anh là những người hèn hạ, ngậm máu phun người. Các anh run sợ trước một người cách mạng Việt Nam nhưng không làm gì được. Người cách mạng đó đã được tòa án Anh tha rồi và xa chạy cao bay. Vì các người muốn bôi nhọ công lý và danh dự của người Anh, mà bịa đặt rằng người cách mạng đó chết là vì bị người Anh giam giữ. Sự thật là người Việt Nam ấy vẫn sống. Mà sự hy vọng vô lý của các anh thì chết rồi".

Các báo Anh nói thêm : Việc người cách mạng Việt Nam được trắng án là một danh dự lớn cho luật sư Lô-dơ-bai và của công lý nước Anh. Nhưng thiên hạ cũng phải nhận rằng một người Việt Nam ấy được may mắn còn biết bao nhiêu người khác không được may mắn mà bị xử oan...

Khám lớn Hương Cảng rất to rộng, gọi là ngục Vích-tô-ri-a. Vích-tô-ri-a là tên một vị vua đàn bà Anh nổi tiếng trị vì 64 năm thọ 82 tuổi (1819 - 1901).

Nhà giam Bác có ba tầng, mỗi tầng hai dãy xà lim. Cách xây dựng xà lim không xứng kích thước phổ thông chút nào! Bề cao 3 thước tây, mà bề ngang chỉ hơn 1 thước, bề dọc không đầy 2 thước, bề rộng chỉ vừa một người nằm xiên xiên. Cao chót vót trên đầu tường chỉ có một cái cửa sổ nhỏ hình nửa mặt trăng, lờ mờ, bị song sắt và lưới sắt bưng bít. Ban ngày từ cửa sổ ấy ánh sáng lọt vào xà lim một cách rụt rè, bỡ ngỡ. Cửa xà lim bằng ván gỗ dày độ một gang tay và bọc sắt, ở chỗ cao ngang đầu người có một lỗ tròn, phía trong rộng phía ngoài hẹp, như một cái loa. Chốc chốc tên lính gác ngục (người Ấn Độ, người Xíc và người Anh) ghé mắt vào lỗ, xem xét tình hình người tù trong xà lim.

Mỗi ngày, tù được ra ngoài xà lim 15 phút, đi dạo quanh một cái sân hẹp. Bốn phía sân đều là nhà giam cao ngất nghểu với những bức tường kín mít, âm u, người ta cảm thấy như đi dạo dưới đáy một cái giếng. Ngửng đầu lên thì chỉ trông thấy trời rộng bằng một chiếc khăn tay. Ở trong xà lim ngột ngạt, ra ngoài xà lim cũng ngột ngạt.

Mỗi ngày ăn hai bữa cơm gạo xay, một phần tư là thóc. Hôm nay, thức ăn bữa sáng có rau muống, bữa chiều có mắm thối hoặc cá ươn. Hôm sau, thay đổi "khẩu vị" bữa sáng có mắm thối hoặc cá ươn, bữa chiều có rau muống. Mỗi tuần được ăn một bữa tiệc: một phần cơm trắng cùng vài miếng thịt bò. Cùng giam với Bác đều

là những người bị bắt vì chính trị, những người phạm tội khác bị giam riêng. Dù cực khổ và có lẽ cái chết đã treo sau ót, những người tù cách mạng không hề tỏ vẻ lo sợ, họ vẫn vui cười như thường. Tối nào, đến giờ đi ngủ, họ cũng hát vang Quốc tế ca và nhiều bài hát cách mạng khác, bất chấp bọn lính gác ngục đe dọa la lối om sòm.

Đời sống vật chất trong nhà tù, tóm tắt là như vây.

Mấy tháng về sau, vì sức yếu và nhờ có ông Lô- đơ-bai vận động. Bác được đưa vào nhà thương, điều kiện ăn ở có dễ chịu hơn.

Khi bị bắt giam, trong tâm trạng chỉ có một điều là lo. Không phải lo số phận mình sau này sẽ ra sao, vì sẵn biết rằng kết quả cuối cùng chỉ có thể: hoặc là sẽ bị bọn thực dân thủ tiêu; hoặc là sẽ thoát khỏi xiềng xích, trở lại hoạt động cách mạng. Lo là lo những công việc mình làm chưa xong, ai sẽ tiếp tục làm thay? Ít nhiều kinh nghiệm mình đã gom góp được, làm thế nào để truyền lại cho đồng chí khác. Những mối manh và những địa điểm chỉ có mình biết, từ nay ai sẽ xây dựng lại?... Đảng ta tuy mới thành lập, nhưng uy tín đã cao, đấu tranh đã mạnh, giai cấp công, nông đều trông vào sự dắt dìu của Đảng; đồng thời bọn thực dân ra tay khủng bố, nhiều đồng chí bị bắt và bị hy sinh, nhiều tổ chức bị phá vỡ, từ nay công tác cùa Đảng sẽ tiến hành ra sao? Ai sẽ hướng dẫn những chiến sĩ mới, anh dũng có thừa nhưng kinh nghiệm còn thiếu? Lo hết việc này, lại lo đến điều khác. Chỉ lo suông mãi không giải quyết được, cho nên:

"Ngổn ngang trăm mối bên lòng

Ngủ không yên giấc, ăn không ngon mồm"

Lo chán lại đặt kế hoạch. Nếu được trở lại tự do, đối với công việc Đảng ta sẽ tăng cường điểm này; cuộc vận động công nhân và nông dân ta sẽ cải tiến chỗ nọ; việc tổ chức thanh niên và phụ nữ ta phải sửa đổi chỗ kia... Biết bao nhiêu là kế hoạch chủ quan, mình tự đặt ra, rồi mình lại thảo luận, bàn cãi với mình. Nếu người ngoài nhìn thấy vậy có thể cho Bác là đãng trí, lẩm cẩm. Sự thật là một người đang hoạt động sôi nổi, bỗng nhiên bị nhốt lại một mình trong một cái xà lim âm thầm kín mít, ngày này qua tháng khác không được nói năng gì với ai, không ai được nói năng gì với mình - trong hoàn cảnh đó, muốn cho khỏi đãng trí thì chỉ có một cách đặt ra chuyện mà lo tính và tính lo cho khuây khỏa và giữ cho đầu óc cứ hoạt động như thường.

Còn một cách tiêu khiển nữa là gây chiến tranh với rệp, hoặc là xem kinh thánh Cơ-đốc. Kinh thánh Cơ- đốc là một thứ sách được khuyến khích xem trong nhà tù. Dù sao, đối với công cuộc và tương lai của cách mạng, Bác quyết không hề bi quan, luôn luôn lạc quan.

Hồi đó, ở khám lớn Vích-tô-ri-a có vài chuyện thú vị :

- Anh Lý bị án 7 năm tù (không rõ vì sao), còn 5 tháng nữa thì hết hạn. Lý được đưa vào làm (khổ sai) ở xưởng máy áo của nhà tù. Ở xưởng này có một tên cai người Anh rất hung ác, Lý nói: "Ta quyết giết chết thằng ác ôn này, đề anh em

đỡ khổ với nó". Một hôm, tên cai ấy đang đánh đá túi bụi một bạn tù, thì Lý cầm một chiếc kéo to thọc nó lòi ruột. Lý lại bị đưa ra tòa án và chịu thêm 7 năm tù nữa. Từ đó bọn gác ngục không dám lại gần Lý. Còn anh em tù thì đều gọi Lý là anh hùng.

- Cũng trong thời gian đó, Trịnh Quốc Đậu, con một Hoa kiều triệu phú, vì giành nhau một cô gái nhảy mà phạm tội giết người. Bị tống vào khám Vích-tô-ri-a. Vì "công tử" không ăn được cơm gạo xay như mọi người tù khác, nó được phép nhận cơm ở nhà đưa vào. Cơm ở ngoài đưa vào thì phải kinh qua những người tù làm "coóc-vê" chuyển đến cho Đậu. Những người tù này nói với nhau: "Bồ ổ nó ăn sung mặc sướng nhiều rồi. Nhân dịp này chúng mình chia nhau chút đỉnh cho anh em tù nghèo cùng nếm". Thế là hầu hết nem, chả, vật lạ, của ngon không đến miệng Đậu. Đậu tức lắm nhưng không dám mở mồm.

- Anh em tù (đã thành án) bãi công, bãi thực để đòi cải thiện chế độ giam cầm. Chủ ngục dùng cách khủng bố, đánh đập từng người. Nhưng hễ một người tù bị đánh đập thì tất cả mọi người khác la um sùm. Khi đêm khuya thanh vắng, họ cùng nhau kêu van: "Đói lắm trời ơi! Khổ lắm trời ơi!" làm chấn động cả khu phố. Muốn đấu dịu, chính phủ Hương Cảng bảo một nhóm thân sĩ Hoa kiều vào khám lớn khuyên dỗ anh em tù... Có vị thân sĩ khi đứng đàng xa thì nói to: "Anh em nên chấm dứt cuộc bãi công, bãi thực đi. Nhà nước sẽ đáp ứng những lời yêu cầu của anh em..." Nhưng khi đến gần anh em tù, thì vị văn sĩ ấy nói khẽ: "Anh em cứ đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng..."

Những mẩu chuyện ấy cho chúng ta thấy rằng tính giai cấp và tính dân tộc ở đâu cũng có hoặc ít hoặc nhiều. Một mẩu chuyện nữa:

Khi Bác ở trong khám, nhiều "ông bà" người Anh có quyền thế dắt nhau vào xem, ý chừng họ muốn thấy mặt mũi "lạ lùng" của người Bôn-sơ-vích.

Khi Bác vào nhà thương, anh chị em nhân viên người Trung Quốc cũng đến xem, nhưng với một cách kín đáo, không sỗ sàng như người Anh.

Một hôm, cô y tá người Trung Quốc thường ngày chăm nom Bác, thủ thỉ hỏi Bác một cách bí mật: "Chú này! Cộng sản là thế nào? Chú làm cộng sản làm gì để bị bắt bớ khổ thân!" Cô ta biết cộng sản không phải là trộm cắp, buôn lậu, giết người; thế thì cộng sản là gì và vì sao mà bị bắt giam, điều cô ta không hiểu được!

Bác trả lời: "Nói tóm tắt, cộng sản là làm cho ai cũng sung sướng và bình đẳng, không ai bóc lột và đè nén ai. Ví dụ: cộng sản muốn làm cho chị em cô không phải mang cổ xanh suốt đời và suốt đời không bị người mang cổ đỏ sai khiến. (Cổ áo đỏ là y tá trưởng người Anh; cổ áo xanh là những nữ y tá người Trung Quốc).

Cô y tá giương to cặp mắt nhìn Bác và nói: "Thế ạ?"

Ở Hạ Môn ít lâu, Bác đi tàu thủy lên Thượng Hải.

Đến Thượng Hải hôm trước, hôm sau xem báo thì thấy tin: "Hôm qua, những tàu biển cặp bến tô giới Pháp đều bị nhà chức trách lục soát rất kỹ.."

Hú vía! Ở Thượng Hải, bọn Quốc dân đảng cũng khủng bố gắt gao. Để che mắt bọn mật thám, Bác phải tiếp tục giữ bộ điệu như một vị thân sĩ, mặc áo quần thật sang, ở khách sạn thật sang, nhưng đến tối thường khóa cửa phòng lại, rồi ăn khoai trừ bữa và tự giặt lấy áo quần...

Mùa thu năm 1933, được tin có một đoàn đại biểu từ châu Âu sắp sang các nước Viễn Đông tuyên truyền chống chiến tranh đế quốc. Đoàn gồm có một quý tộc Anh, một đại biểu quốc hội nước Bỉ, một nhà văn người Pháp (là đồng chí Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê). Tin tức này làm cho Bác mừng rỡ nhẹ cả người.

Bác đến Thượng Hải đã lâu mà vẫn chưa bắt được liên lạc.

Đối với người cách mạng, không gì khổ tâm bằng đã không hoạt động được, lại mất liên lạc với đoàn thể lâu ngày. Điều đó làm cho người cách mạng đêm ngày cảm thấy vô cùng cô độc linh đinh.

Đoàn đại biểu hòa bình đến Thượng Hải bị chính quyền Quốc dân đảng và tất cả người da trắng ở thành phố này tẩy chay. Khi tàu sang đến Nhật, cũng bị chính phủ Nhật cấm không cho lên bờ!

Ở Thượng Hải, bà Tống Khánh Linh (vợ hóa cụ Tôn Trung Sơn) đã bí mật tổ chức một cuộc mít-tinh cho đoàn nói chuyện.

Bác viết thư cho đồng chí Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê. Thư này bỏ vào trong một thư khác cho một người bạn, nhờ chuyển hộ.

Người bạn này (Bác chỉ quen biết sơ thôi) có uy tín lớn cho nên Quốc dân đảng và bọn đế quốc ghét lắm, nhưng chỉ phái đặc vụ bao vây dò xét, chứ không dám bắt bớ, giam cầm.

Bác ăn mặc sang, thuê một chiếc xe hơi thật sang, đi đến nhà người bạn ở trong tô giới Pháp, gõ cửa, trao bức thư, rồi đi ra ngay. Lúc trở về, thấy cảnh sát Pháp chặn các khu phố lục soát người đi đường. Người lái xe tỏ vẻ ngập ngừng... Bác bảo: "Cứ đi!". Chắc là vì chiếc xe rất sang, cho nên không bị chặn lại khám xét... Một lần nữa, hú vía!

Chiều tối hôm sau, Bác gặp đồng chí Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê ở một địa điểm kín đáo. "Muôn dặm quê người gặp bạn thân!" — Cả hai người vô cùng mừng rỡ, vừa cảm động nghẹn ngào...

Hai anh em siết chặt tay nhau mà nói chuyện.

Bác nói cho đồng chí Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê biết hoàn cảnh khó khăn của mình.

Đồng chí Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê nói cho Bác rõ tình hình phong trào cách mạng:

Ở Việt Nam từ ngày phong trào Xô-viết Nghệ-Tĩnh anh dũng, thực dân Pháp cực kỳ hoảng sợ và thẳng tay khủng bố hết sức dã man. Nhiều làng mạc bị san phẳng. Nhiều đồng chí bị hy sinh. Nhiều tổ chức bị tan vỡ...

Tháng ba 1931, trong lúc Trung ương Đảng bí mật họp hội nghị ở Sài Gòn, Ngô Đức Trì bị bắt và phản bội. Vì nó khai mà đồng chí Trần Phú và nhiều đồng chí khác bị bắt. Suốt sáu tháng bị tra tấn dã man, tháng chín năm ấy đồng chí Trần Phú đã chết trong tù.

Tuy phong trào tạm thời bị xuống thấp, nhưng sự hy sinh oanh liệt của cán bộ và đảng viên đã làm cho ảnh hưởng và uy tín Đảng không ngừng lên cao. Tên bộ trưởng thuộc địa Pháp đã công khai nhận rằng: "Hoạt động của Đảng cộng sản nguy hiểm cho Pháp gấp mấy lần cuộc bạo động của Quốc dân đảng"...

Từ cuối năm 1931 đến nay (mùa thu 1933), do sự cố gắng phi thường của các đảng viên và lòng hăng hái của nhân dân, nhiều chi bộ Đảng và nhiều cơ sở quần chúng dần dần được tổ chức và hoạt động lại.

Tình hình thế giới thì thế này: một bên là chủ nghĩa tư bản lâm vào khủng hoảng trầm trọng, đã phải đi đến con đường tối phản động là chủ nghĩa phát-xít. Một bên là giai cấp công nhân các nước đấu tranh ngày càng hăng. Nhân dân lao động Liên-xô thắt lưng buộc bụng để xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã thu được nhiều thắng lợi lớn... Nói tóm lại, tuy cách mạng gặp khó khăn không ít, nhưng tiến bộ cũng rất nhiều...

Đã ba năm không hay không biết gì hết, hôm nay được đồng chí Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê cho biết những tin tức đó, lòng Bác bâng khuâng vừa thương xót, vừa vui mừng. Vui mừng, vì sau những cuộc thử thách cực kỳ ác liệt. Đảng ta đã tỏ ra cứng cáp về đường lối chính trị và Đảng dần dần khôi phục lại lực lượng của mình. Đồng thời phong trào cách mạng thế giới đang tiến lên, thành trì của cách mạng thế giới là Liên-xô đang xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi.

Thương xót, vì nhiều người con ưu tú của Đảng và của nhân dân - như đồng chí Trần Phú Và nhiều đồng chí khác - đã bị hy sinh.

Đồng chí Trần Phú là một trong những thanh niên đầu tiên sang học ở ban huấn luyện chính trị tại Quảng Châu, rồi tham gia hội "Thanh niên cách mạng đồng chí", và được giới thiệu đi học ở Mát-xcơ-va một thời gian. Vào khoảng tháng tư 1930, đồng chí Trần Phú trở lại Trung Quốc gặp Bác bàn bạc công việc Đảng, rồi về nước hoạt động. Tháng mười 1930, Trung ương họp hội nghị lần thứ nhất, chính thức bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng bí thư đầu tiên của Đảng. Là một người rất thông minh, hăng hái và cần cù, đồng chí Trần Phú đã làm được nhiều việc quan trọng cho Đảng tuy chỉ hoạt động được non một năm (từ ngày về nước đến ngày bị bắt).

Mấy hôm sau khi gặp đồng chí Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê, thì Bác chắp được liên lạc với đoàn thể. Nỗi vui mừng lúc đó không thể tả được:

Ba năm lưu lạc, linh đinh
Nay đã trở lại trong đại gia đình công nông."[2]

..."Trước khi bào chữa cho vụ của Hồ Chủ tịch, tôi được nhiều người ở Hương Cảng biết tiếng, vì hồi đó tôi có bào chữa cho một người Việt Nam bị nhà cầm quyền Hương Cảng bắt. Hiện nay tôi không nhớ tên người Việt Nam đó là ai. Nhà cầm quyền Hương Cảng định giao người Việt Nam này cho thực dân Pháp ở "An Nam"[3], với lý do là "An Nam" là của người Pháp. Sau khi xem lại các hiệp định ký kết giữa Pháp và nhà vua "An Nam" lúc đó, tôi thấy chỉ có một hiệp ước trong

đó nhà vua "An Nam" nhận cho cố vấn người Pháp sang "An Nam". Do đó tôi chuẩn bị giấy tờ ra trước tòa án cãi rằng "An Nam" là của nhà vua "An Nam" chứ không phải của người Pháp, cho nên không thể trao trả người Việt Nam đó cho Pháp được. Sau đó người Việt Nam trên đã được thả. Nhờ vậy mà ở Hương Cảng có thêm một số người biết tôi."

. . . . . .

"Một hôm có một người Việt Nam, hiện nay tôi không nhớ rõ tên là gì nữa[4] đến gặp tôi và báo cho tôi biết nhà cầm quyền Hương Cảng mới bắt được một người Việt Nam và yêu cầu tôi giúp bào chữa cho người Việt Nam đó. Được tin này tôi đến nhà lao và gặp Tống Văn Sơ tức tên Hồ Chủ tịch lúc đó. Tống Văn Sơ kể cho tôi nghe ông bị Pháp ở Đông Dương kết án tử hình và có nhận mặt được một sĩ quan Pháp ở Hương cảng.

Lúc đó tôi mới biết bọn Pháp ở Đông Dương đã nhờ nhà cầm quyền Hương Cảng bắt Tống Văn Sơ đồng thời Tống Văn Sơ cũng nói cho tôi biết trường hợp bị bắt của mình, sau đó tôi gặp hội đồng luật sư để xem cần phải làm gì và về chuẩn bị giấy tờ đến gặp chánh án...

Lần thứ hai tôi gặp Tống Văn Sơ là ở tòa án. Chánh án ngồi trên bành cao. Tôi cũng có mặt trong phiên tòa cùng với luật sư Gien-kin (Gen Kins) (hiện nay đã chết). Tống Văn Sơ đứng trước vành móng ngựa tay bị xích. Tôi nói Gien-kin cần xem tay Tống Văn Sơ. Gien-kin nói lại với chánh án xem tay Tống Văn Sơ. Tống Văn Sơ giơ tay đang bị xích lên cao. Gien-kin nói: luật pháp quy định mang bị cáo vào tòa án không được xích. Do đó chánh án phải ra lệnh tháo xích ở tay Tống Văn Sơ. Sau khi Tống Văn Sơ được tháo xích rồi Gien-kin mới đọc trước tòa án những lời bào chữa của luật sư.

Theo luật pháp của Anh hồi bấy giờ, khi bắt một người chỉ được hỏi người đó năm câu mà thôi. Năm câu đó hiện nay tôi cũng không nhớ là những gì, nhưng đại để là tên, tuổi, làm nghề gì?... Không được hỏi sang câu thứ sáu dù câu đó là câu gì. Nhưng khi bắt Tống Văn Sơ nhà cầm quyền Hương Cảng lại hỏi câu thứ sáu là: "Vì sao anh sang Nga?". Nhà cầm quyền hỏi câu thứ sáu đó trái với pháp luật nên cuối cùng tòa án phải tuyên bố phóng thích Tống Văn Sơ.

Nhưng vừa thả Tống Văn Sơ ra cảnh sát Hương Cảng lại bắt giam lần thứ hai với âm mưu cho Pháp hoặc cho ám sát. Lần này tòa án nói lần bắt giam thứ hai là hợp pháp vì Tống Văn Sơ đã bị kết án tử hình ở Đông Dương nên phải trả lại cho nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương. Sau khi tôi nghiên cứu tài liệu thì thấy rằng một người bị kết án ở Thượng Hải chẳng hạn đi sang Hương Cảng thì nhà cầm quyền Hương Cảng bắt lại và trao trả cho nhà cầm quyền Thượng Hải, nhưng điều đó chỉ áp dụng cho những người thuộc quốc tịch Anh mà thôi. Do đó tôi thấy cần phải đưa việc này lên tòa kháng án ở Luân Đôn. Tôi chuẩn bị giấy tờ xong cho in tử tế rồi gửi đi Luân Đôn cho các luật sư của tôi ở Luân Đôn.

Các luật sư ở Luân Đôn viết thư trả lời cho tôi biết họ đã nhờ luật sư Pơ-rít (Pritt). Tôi phải kiếm tiền để trả cho luật sư Pơ-rít. Còn về phía nhà cầm quyền Hương Cảng thì họ nhờ luật sư Sta-pho-ki-ríp (Staffort Cripps). Sau khi nhận được tài liệu của nhà cầm quyền Hương Cảng luật sư Sta-pho-ki-ríp đến gặp Pơ-rít, và nói với Pơ-rít rằng ông đã được nhà cầm quyền Hương Cảng giao cho làm việc này, nhưng thấy không thể đem việc này ra tòa được vì mang ra tòa thì nhà cầm quyền Hương Cảng sẽ thất bại. Cuối cùng hai luật sư đồng ý rằng phải phóng thích Tống Văn Sơ. Sta-pho-ki-ríp thay mặt nhà cầm quyền Anh hứa giúp phương tiện cho Tống Văn Sơ muốn đi đâu thì đi. Sau đó Tống Văn Sơ lại được phóng thích.

Trong thời gian Tống Văn Sơ ở nhà lao tôi có đến thăm nhiều lần, có mang theo cả bà Lô-dơ-bai và con gái đến thăm. Bà Lô-dơ-bai thường mang thức ăn đến cho Tống Văn Sơ. Lúc đó ngay cả Tô-mát Sao-tho-nơ (Tho mas Sout hon), hồi đó làm thư ký thuộc địa là người thứ hai sau công sứ Hương Cảng và vợ Sao-tho-nơ là một văn nghệ sĩ nổi tiếng (thường lấy tên là Stalla Benson) cũng đến nhà lao gặp Tống Văn Sơ. Tôi có yêu cầu nhà lao phải đối xử với Tống Văn Sơ tử tế. Từ trước tới nay chưa bao giờ có chuyện như vậy. Ai gần Tống Văn Sơ lúc đó cũng đều phải kính phục.

Sau khi ở nhà lao ra Tống Văn Sơ bị đau phải vào nhà thương nằm, chúng tôi cũng thường hay lui tới.

Hồi đó có một chuyến tàu đi Liên-xô qua Tân-gia ba. Theo ý kiến của Tống Văn Sơ tôi sắp đặt để Tống Văn Sơ đi Tân-gia-ba, những nhà cầm quyền Hương Cảng không muốn như vậy lại bí mật điện cho cảnh sát Tân-gia-ba bắt lại và đưa về Hương Cảng. Khi về đến Hương Cảng, Tống Văn Sơ có viết một bức thư nói rõ sự việc xảy ra và yêu cầu tôi can thiệp.

Tôi rất bực khi nhận được tin này, Đêm hôm đó tôi ngồi suy nghĩ suốt từ tám giờ đến mười hai giờ đêm xem nên làm như thế nào. Sáng hôm sau tôi quyết định đến gặp công sứ Hương Cảng lúc đó là Uy- liam Pin (Wi liam Peel) nói: "Nhà cầm quyền Hương Cảng đã không giữ lời hứa và đề nghị để cho Tống Văn Sơ đi Hạ Môn bằng một chuyến tàu tôi đã chọn trước". Sau công sứ Hương Cảng có gửi thư riêng cho tôi nói nếu đưa Tống Văn Sơ xuống tàu ở bến thì khi cảnh sát khám xét tàu trước khi nhổ neo có thể nhận ra Tống Văn Sơ và bắt giữ lại, vì vậy phải lấy một chiếc thuyền riêng đưa Tống Văn Sơ ra ngoài khơi rồi hãy lên tàu. Tôi cho anh thư ký riêng người Trung Hoa[5] của tôi tên là Loóng, hiện nay vẫn còn làm việc với lôi, đưa Tống Văn Sơ ra ngoài khơi hẹn chiếc tàu sau khi đã khám xét xong sẽ đậu lại để đưa Tống Văn Sơ lên đi Hạ Môn (hồi đó cụ Lô-dơ-bai có hai người thư ký Trung Hoa, một người tên là Loóng, một người tên là Vong (đã chết).

Suốt trong thời gian khi ở Tân-gia-ba về Hương Cảng đến khi đi Hạ Môn gia đình chúng tôi có chú ý giúp đỡ Tống Văn Sơ. Để tránh cho bọn mật thám khỏi

theo dõi, tôi đã đưa Tống Văn Sơ vào ở trong ký túc xá của *Hội Thanh niên thiên chúa giáo Trung hoa* (Chinese Young men christiars association). Hội này có hệ thống từ bên Anh. Ký túc xá của hội này gồm những nhân viên, thanh niên, học sinh, sinh viên) giáo sư phần lớn chưa có gia đình đến ở với giá rẻ.

Ban ngày Tống Văn Sơ ở trong nhà. Bà Lô-dơ-bai thường mang thức ăn đến. Tống Văn Sơ có đưa cho bà một sợi dây trên có đánh dấu bằng từng nút chiều đo của vai, tay, cổ ... đề bà cụ mang về cho Tống Văn Sơ một bộ quần áo dài Trung Hoa giả làm một giáo sư người Trung Hoa vẫn ở trong ký túc xá của *Hội Thanh niên Thiên chúa giáo Trung Hoa*. Lúc đó Tống Văn Sơ cũng để râu mép để giả dạng. Tối đến tôi hẹn Tống Văn Sơ và đợi ở một chỗ vắng gần ký túc xá của *Hội thanh niên Thiên chúa giáo Trung Hoa*, vì xung quanh ký túc xá có một bãi rộng. Tôi đến giả làm một kiến trúc sư người Âu, còn Tống Văn Sơ giả làm một nhà thầu khoán đi xem đất xây nhà, rồi đem Tống Văn Sơ về nhà ăn cơm chiều. Tôi không nhớ chuyện này xảy ra vào tháng mấy, nhưng chỉ nhớ lúc đó trong nhà phải có lò sưởi và bộ quần áo may cho Tống Văn Sơ là bộ quần áo mặc rét.

Trong khi ăn cơm bà Lô-dơ-bai cũng rất cẩn thận, không để cho người làm nhận ra Tống Văn Sơ. Trong phòng ăn ở nhà tôi hồi đó có một cái tủ, trên tủ có một tấm gương to. Bà Lô-dơ-bai thường xếp Tống Văn Sơ ngồi quay lưng về phía gương để người đứng sau không thể nhìn được mặt Tống Văn Sơ trong gương. Sau khi ăn cơm chiều xong, ngồi nói chuyện ở lò sưởi một lúc, rồi tôi lại lái xe đưa Tống Văn Sơ về, nhưng trước khi đến chỗ để Tống Văn Sơ xuống tôi cũng cho xe chạy lung tung để đánh lạc hướng người theo dõi. Ở nhà tôi hồi đó cũng có nhiều người bạn Trung Hoa đến chơi, nên người nhà cũng cho Tống Văn Sơ là một người bạn Trung Hoa quen của gia đình tôi mà thôi.

Sau khi Tống Văn Sơ đi Hạ Môn rồi tôi không được tin tức gì nữa. Mãi đến sau này tôi mới được hai bức thư ký tên là New-man [6] của Tống Văn Sơ và nói tôi viết thư trả lời. Nhưng tôi sợ bọn cầm quyền tìm ra được địa chỉ cùa Tống Văn Sơ nên tôi không viết thư trả lời..."¨.

---

[1] Trần Dân Tiên, "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch", Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, năm 1975

[2] T. Lan, "Vừa đi đường vừa kể chuyện". Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, năm 1963.

[3] Tức là đất nước Việt Nam

[4] Đó là đồng chí Hồ Tùng Mậu (BT)

[5] Đó là luật sư, thư ký và là người giữ hồ sơ cho luật sư Lô-dơ-bal (BT).

[6] Người mới

¨ Trích trong "Câu chuyện của Phơ-răng-xít Hăng-ri Lô-dơ-bai kể lại về vụ bào chữa cho Hồ Chủ tịch năm 1931. Nhân dịp hai ông bà sang thăm Việt Nam năm 1960". Tài liệu BNCLSĐTW.

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

Trở lại đất nước Xô viết.

"… Năm 1933, một hôm tôi có việc đến cơ quan Quốc tế cộng sản, đang ngồi trong phòng của một đồng chí thì có điện thoại báo tôi đừng về vội. Khi họ báo cho biết có thể ra về được, tôi ra đến cửa thì bỗng thấy Bác đang nói chuyện với người lái xe. Tôi nghe rõ Bác nói với người lái xe câu tiếng Nga :

- I-a sca-giu (Tôi sẽ bảo).

Tất cả đồng chí Việt Nam ở Mạc Tư Khoa lúc đó chưa ai biết là Bác đã sang. Chỉ có đồng chí nữ thư ký của nhóm Việt Nam ở Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa biết, vì có đồng chí phụ trách nhóm Việt Nam báo cho. Đồng chí cán bộ phụ trách nhóm Việt Nam hồi đó cũng là một nữ đồng chí và là cán bộ của Quốc tế cộng sản.

Sau đó mấy hôm, đang đi ngoài đường, tôi trông thấy Bác, nhưng cũng không đến chào hỏi vì tổ chức chưa giới thiệu chính thức.

Vài hôm sau, thì được gặp chính thức. Một đồng chí Việt Nam nữa với tôi được gọi đến Quốc tế cộng sản. Bác đợi chúng tôi ở tầng gác thứ tư, trong buồng làm việc hàng ngày của đồng chí phụ trách nhóm Việt Nam ở Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Nhà đó ở đường Ma-khô-va-ia ; hiện nay là chỗ tiếp khách của Chủ tịch đoàn Chủ tịch Xô-viết tối cao.

Thấy Bác, tôi mừng quá :

- Anh !

Bác niềm nở cười.

Người Bác rất gầy, nước da xanh sạm, đầu cúp trọc lốc. Tất cả tinh thần ở hai con mắt sáng quắc.

Hôm đó gặp Bác là để báo cáo Bác rõ tình hình trong nước những năm qua, và thảo ra một số tài liệu để gửi về nước.

Từ đó về sau, trong nội bộ, Bác là người lãnh đạo nhóm học sinh Việt Nam ở Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Bác vào trường Lê-nin là trường Đảng cao cấp cho các lãnh tụ các nước ngoài. Trường này có hai ban : Ban dài hạn ba năm và ban ngắn hạn sáu tháng. Bác học ở Ban ngắn hạn. Ở trường, Bác lấy tên là Li-nốp. Còn đối với nhóm học sinh Việt Nam ở Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, thì Bác lấy tên là Lin.

Trong khi còn học ở trường Lê-nin, Bác liên hệ với nhóm Việt Nam rất chặt chẽ. Thường thường buổi tối, Bác đến nói chuyện về kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, nhất là Bác chú ý bồi dưỡng cho anh em về đạo đức cách mạng, đặc biệt là tinh thần đoàn kết. Đôi khi trong những anh em đó, có người còn ít tuổi, và cũng chưa được rèn luyện mấy trong trường đấu tranh cách mạng, có những chuyện

xích mích lặt vặt có tính chất cá nhân. Bác phải phân xử cả những việc như vậy. Điều mà Bác muốn làm cho anh em thấm nhuần, là cần bỏ những tính tự cao tự đại, tự tư tự lợi, những biểu hiện vô kỷ luật, vô tổ chức, và phải luôn luôn đoàn kết, đặt lợi ích cách mạng lên trên hết. Bác thường nói với anh em : "Nếu chúng ta ở đây, chỉ có mấy người mà không đoàn kết với nhau được thì còn nói gì đến khi về nước đoàn kết nhân dân, quần chúng để đánh thực dân, cứu nước ?".

Học xong trường Lê-nin, thì Bác chuyển sang Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, đồng thời làm việc ở Quốc tế cộng sản. Bác dạy nhóm Việt Nam về tổ chức là lịch sử Đảng.

Tuy là lãnh đạo nhóm, nhưng Bác rất hòa mình với anh em, tham gia mọi công tác như các anh em khác : viết báo tường, tham gia các tiết mục trong những buổi biểu diễn, tổ chức đi tham quan, đi chơi với các anh em, nhận phiên dịch ra tiếng Việt các tài liệu, v.v…

Trong khi nói chuyện với anh em về kinh nghiệm đấu tranh của mình, Bác thường dùng những thí dụ cụ thể, thiết thực, vì phần đông anh em trình độ còn thấp (phần nhiều từ Pháp sang, và trước đó là bồi bếp, hoặc thủy thủ). Ví dụ nói đến đoàn kết thì Bác lấy câu chuyện bó đũa, cả nắm khó bẻ, lấy ra từng chiếc thì dễ bẻ gẫy, v.v…

Đọc báo Đảng bằng tiếng Trung Quốc, tiếng Anh có bài nào nói đến những cuộc đấu tranh thắng lợi của quần chúng ở các nước, Bác đều dịch cho anh em nghe, một là để bồi dưỡng tinh thần quốc tế chủ nghĩa cho các đồng chí, hai là để tăng thêm sự tin tưởng của anh em ở lực lượng cách mạng.

Bác rất chú ý dạy cho anh em cách viết, qua việc duyệt các bài báo hoặc các tài liệu do anh em dịch ra tiếng Việt. Bác luôn luôn chú ý làm cho anh em viết một cách giản đơn, dễ hiểu, không dùng nhiều danh từ, và nếu dùng thì dùng cho đúng. Văn dịch hoặc văn viết, nếu Bác thấy lủng củng, khó hiểu tức thì Bác gạch đi, bảo viết lại hay dịch lại.

Vào mùa thu năm 1934, các đồng chí Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai sang Liên-xô. Cùng sang với hai đồng chí có hai đồng chí ở nước ngoài và một đồng chí người Nùng quê ở Cao Bằng (tức là đồng chí Tuy, hiện làm ở Bộ Nội vụ).

Đồng chí Minh Khai và ba đồng chí kia học ở lớp đặc biệt ở Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Nhóm này, về Đảng do đồng chí Lê Hồng Phong phụ trách. Còn Bác thì phụ trách chung cả nhóm cũ và cả nhóm này. Vì điều kiện bí mật nên hai nhóm ở hai nhà riêng biệt.

Cùng đồng chí Lê Hồng Phong và Minh Khai, các đồng chí kia sang để dự Đại hội thứ 5 Quốc tế cộng sản. Đến năm 1935 thì Quốc tế cộng sản khai Đại hội và công nhận Đảng ta chính thức gia nhập Quốc tế. Đồng chí Lê Hồng Phong (bí danh là Hải An) trước học ở trường Hàng không quân sự, rồi sau sang trường Đại

học cộng sản Đông Phương (1929), được bầu vào Ban chấp hành mới của Quốc tế cộng sản.

Bác tuy không ở trong Ban chấp hành nhưng vẫn luôn luôn tham dự mọi công tác. Như vậy là ở Quốc tế cộng sản trước kia chưa có đại diện chính thức của Đảng ta, nay đã có.

Tuy có nhóm mới, Bác vẫn săn sóc cả hai nhóm cũ, mới như nhau. Bác tham gia mọi hoạt động của cả hai nhóm rất tích cực : biểu diễn văn nghệ, viết bích báo, kể chuyện, đi tham quan, v.v….

Sau khi thôi học ở trường Lê-nin, Bác đến ở cùng một nhà với nhóm thứ nhất. Lúc đầu Bác ở một chỗ riêng, trong ký túc xá của trường Đại học cộng sản Đông Phương, rồi sau Bác dọn hẳn đến ký túc xá của Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Bác ở một gian phòng nhỏ, vừa một người ở, rất giản dị, không khác gì một anh học sinh thường.

Khi Bác mới sang Liên-xô, nghe nói Quốc tế cộng sản thấy Bác gầy yếu, có để Bác xuống nghỉ ở Xô-si, nhưng được một hai ngày, Bác đã trở về.

Người Bác gầy, nước da vẫn xanh. Có điều lạ là không bao giờ mệt, ốm, không bao giờ chịu nằm luôn mấy hôm, chỉ thỉnh thoảng ho và khạc ra huyết.

Lần này Bác ở Liên-xô lâu hơn hết. Mùa đông rất rét, có khi đến 30, 34 độ dưới không, nhưng Bác vẫn giữ được sức khỏe, là vì sinh hoạt của Bác rất đều, có giờ giấc rất nghiêm : sáng nào dậy Bác cũng tập thể dục, trong buồng có những dụng cụ tập như quả tạ, dây chun, v.v…

Khi đi chơi, hoặc đến nhà anh em bạn, Bác cũng rất điều độ, nói giờ nào đến thì đến đúng giờ ấy, nói ở chơi được bao lâu thì ngồi chơi đúng bấy nhiêu, đố ai vì một lý do gì có thể giữ Bác lại được thêm mấy phút. Không lề mề, la cà, không việc nọ sọ sang việc kia, đó là một biểu hiện của tính kỷ luật, tính tổ chức, của tinh thần tự chủ mà Bác đạt đến cao độ.

Ở Mạc Tư Khoa, ngày kỷ niệm lao động quốc tế 1-5, các đoàn đại biểu ngoại quốc đến rất đông. Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc thuộc địa có nhiều học sinh các thuộc địa. Để giữ bí mật, ngày đó nhà trường báo với học sinh đừng ra đường. Trong lúc ngoài phố thiên hạ nô nức, rộn rịp. Bác tổ chức cho anh em ăn tết 1-5 ở nhà một cách thoải mái, vui vẻ.

Bác rất lo lắng đến việc học hành của anh em, nhất là đối với những người còn kém, học chậm. Có hôm tôi đến chỗ Bác, thấy Bác đang viết một bài lục bát, hỏi Bác làm thơ phải không ? Bác bảo :

- Đây là bài địa lý lịch sử Việt Nam để dạy cho mấy anh em. Có người lớn tuổi, dạy thế nào cũng cứ quên, nên mình phải làm thế này để cho dễ nhớ.

Thường ở trường anh em học môn gì, sau lớp, Bác vẫn kiểm soát lại, một là để xem anh em có hiểu mục đích, yêu cầu của môn đó không, hai là để xem học có thiết thực không, có dính liền với thực tế, với đấu tranh cách mạng không, ba

là những danh từ trong bài có đúng không, anh em học có hiểu nghĩa không. Do đó mà nhiều khi Bác bổ sung thêm cho bài học, làm cho anh em hiểu thêm được nhiều.

Có điều là Bác làm một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, không phải quy định giờ để "kiểm soát" mà là hỏi han trong khi nói chuyện thường, thành ra không có không khí gò bó, khiến anh em phải lo phải "trả bài" cho Bác.

Thỉnh thoảng, ngày chủ nhật, trong nhóm tổ chức nấu cơm Việt Nam, có nơi các đồng chí phụ trách trường đến ăn, Bác cũng xuống bếp thổi nấu, dọn dẹp.

Sau khi các đồng chí Lê Hồng Phong, Minh Khai, v.v…. về nước (vào năm 1936, sau Đại hội Quốc tế được ít lâu) thì Bác vào học năm thứ nhất lớp nghiên cứu sinh Ban sử học của Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Vì hoàn cảnh còn khó khăn, Bác chưa về nước được, cho nên ở lại học thêm, chứ mục đích chính không phải là học. Vì lớp học nghiên cứu phải mất ba năm đằng đẵng, Bác là người hoạt động, không thể cứ ngồi nghiền sách.

Năm 1936 là năm ở Pháp Mặt trận nhân dân thắng. Trong nước, phong trào đấu tranh của quần chúng lại lên cao, Đảng có hoàn cảnh hoạt động nửa công khai, các nơi chuẩn bị Đông Dương đại hội. Lúc đó Bác rất chú ý theo dõi tình hình trong nước. Trong phòng Bác luôn luôn có các báo Pháp, báo Việt Nam ở nhà gửi sang, Bác cắt ra thành từng mục để làm tài liệu. Bác đọc báo chí và viết rất sát tình hình Pháp và Trung Quốc, bởi vì hai nước đó, đặc biệt là Trung Quốc, có ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào cách mạng Việt Nam. Ngoài ra, Bác còn theo dõi tình hình ở các nước khác, như tình hình Đức, vì lúc đó Hít-le đang thống trị và chuẩn bị chiến tranh, và từ năm 1935, Bác rất chăm chú theo dõi hàng ngày tin tức về Tây Ban Nha, khi nổ ra nội chiến. Lúc này, nhóm Việt Nam ở Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa cũng lần lượt về nước, chỉ còn vài ba người, mà những học sinh mới thì không ra nữa. Đương khi trong nước và trên thế giới phong trào lên cao như vậy, làm thế nào mà Bác yên tâm ngồi học cho được ?

Bác lên đường về nước vào mùa thu năm 1938. Một buổi sáng, hồi bấy giờ, tôi còn ngủ, Bác đến chơi. Thường mọi bận, không bao giờ Bác đến sớm như vậy. Tôi tưởng là có việc gì cần, nhưng Bác chỉ nói chuyện thường rồi Bác ra về.

Hôm sau, có đồng chí phụ trách ở Quốc tế cho hay là Bác đã đi rồi. Lúc đó tôi mới hiểu là sáng ngày hôm trước, Bác có ý đến từ biệt tôi…

… Năm 1939, tôi cùng hai đồng chí học sinh rời Mạc Tư Khoa đi về Trung Quốc. Lúc đó Trung quốc đang kháng Nhật.

Đến Diên an, gặp mấy đồng chí trước quen ở Mạc Tư Khoa trong đó có đồng chí Khang Sinh, chúng tôi được biết Bác vừa ở Diên An được mấy tháng, và khi ở Diên An, Bác ở chỗ gọi là "Vườn táo".

Bác đã đi cùng đồng chí Diệp Kiếm Anh, Tư lệnh Tân tứ quân xuống Hành Dương…”[1]

*

* *

“Lúc ấy tôi đương ở trong nhóm tiếng Anh, gồm phần lớn là những người Ấn Độ, nhưng cũng có cả những người da màu ở các thuộc địa châu Phi và những người Ả rập ở Ai-cập và Pa-lét-tin trước kia. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc dạy nhóm tiếng Pháp, trong đó phần lớn là những người Bắc Phi và những người Đông Dương, như lúc đó người ta thường gọi. Chúng tôi đã biết rằng đồng chí là người sáng lập ra tổ chức thanh niên cách mạng ở Đông Dương và đã từng sống lâu năm ở Pháp. Là giảng viên tương đối nhiều tuổi và có kinh nghiệm nhất, nên những ý kiến của đồng chí thường có tác dụng quan trọng trong những buổi họp để bàn bạc công việc. So với các giảng viên khác, đồng chí có ưu thế lớn là hiểu được đất nước của các học viên như đất nước mình vậy. Hơn thế nữa, đồng chí đã từng tích cực tham gia phong trào công nhân Pháp trong nhiều năm và là đại biểu Đại hội Đảng xã hội Pháp ở Tua – Đại hội mà trong đó đa số đảng viên của *Giăng Gio-rét*[2] đã quyết định tham gia Quốc tế cộng sản.

Đối với những người trẻ tuổi như chúng tôi, khi góp ý kiến về việc gì, không bao giờ đồng chí Nguyễn Ái Quốc tỏ ra là người hơn tuổi, có nhiều kinh nghiệm hơn, và không bao giờ Đồng chí cười chúng tôi vì những quan điểm của chúng tôi, thường là ngây thơ, - đối với thế giới thứ ba. Đồng chí coi chúng tôi như những người cộng tác bình đẳng cùng nhau thực hiện một nhiệm vụ chung…”[3]

Trên đường về nước qua Trung Quốc.

“… Mùa đông năm 1938, Bác trở lại Trung Quốc.

13 năm trước đây, lần đầu tiên Bác đến Trung Quốc, và lần này Bác lại đến Trung Quốc, hai hoàn cảnh khác nhau xa, về mọi mặt.

Lần trước, Bác đến Quảng Đông. Lần này Bác đến Thiểm Bắc.

Lần trước, bọn quân phiệt đang đánh nhau lung tung. Lần này, nhân dân Trung Quốc đang chiến tranh chống phát-xít Nhật.

Lần trước, Đảng cộng sản mới ra đời, lực lượng chưa có mấy. Lần này, Đảng cộng sản đã mạnh lắm và có nhiều kinh nghiệm lắm.

Cuối năm ngoái (1937), Đảng cộng sản lập lại Mặt trận thống nhất, lại hợp tác với Quốc dân đảng để cùng nhau chống giặc Nhật. Do đó, Hồng quân đổi tên là Bát lộ quân, và Tân tứ quân. Đối với vấn đề nông dân, thì chính sách của Đảng trong thời kỳ kháng chiến là thực hành giảm tô giảm tức, tạm thời không tiếp tục cải cách ruộng đất…

Hôm đầu tiên Bác đến Tây An được các lão đồng chí hoan nghênh nhiệt liệt. Mà cũng là hôm đầu tiên phải "chạy máy bay" Nhật đến ném bom.

Tây An - là một thành phố có nhiều di tích lịch sử xưa cũ hơn ba, bốn nghìn năm, và có nhiều phong cảnh xinh đẹp. Nhưng trong hoàn cảnh chiến tranh, có thời giờ đâu, có tâm trạng đâu mà đi xem ! Tuy vậy, Bác vẫn thấy được một điều lạ : rất nhiều chim quạ đen. Lúc trời gần tối có hàng chục vạn con quạ từ bốn phương bay đến, đỗ kín các mái nhà và ngọn cổ thụ trong công viên. Sáng sớm chúng xuống đỗ kín mặt đất, nhảy nhót và kêu quạc quạc ầm lên như cãi nhau, rồi từng nhóm, từng nhóm kéo nhau bay mỗi nhóm một phương trời. Trông thấy bầy quạ, Bác nhớ lại câu ca dao :

Quạ nào mà chẳng đen lông
Địa chủ nào mà tốt với bần cố nông bao giờ ?

Ở Tây An vài hôm, rồi đi Diên An, Bác cùng mấy đồng chí Trung Quốc phụ trách "hộ tống" mấy ngày chiếc xe chở vải rách (mua về để bện dép) đến Diên An. Xe này không phải là xe hơi mà cũng không phải là xe bò, vì nhiều khi phải dùng một ngựa, một lừa và một trâu cùng kéo ! Mỗi ngày chỉ đi được vài chục cây số. Tối đến, trọ ở nhà nông dân ; tiền phòng ngủ và tiền ăn (ăn miến, ăn nhiều ít tùy ý) chỉ tốn 2 hào. Đi đủng đỉnh chậm chạp như thế có hơi mệt. Nhưng lại thấy được nhiều điều thú vị.

Trên đường, gặp nhiều nhóm thanh niên, trai có, gái có, số đông là trí thức, từ các nơi lũ lượt kéo nhau đi Diên An. Phần vì không quen lao động, phần thì vì đi bộ đã nhiều ngày, lắm người mỏi mệt, hầu như phải lê từng bước. Nhưng họ hướng về Diên An trung tâm cách mạng như các tín đồ hướng về "đất thánh". Họ quyết vượt mọi gian khổ, đi cho đến nơi. Họ chia thành từng nhóm, giúp đỡ lẫn nhau. Hai bên đường, trên gốc cây và tảng đá, thường có những khẩu hiệu viết bằng phấn hoặc bằng than : "Anh chị em ơi ! Gần đến X… rồi ! Cố gắng lên thôi !...".

Bác có gặp một nhóm thanh niên Hoa kiều đi bộ từ Xiêm về. Bác thân mật nói chuyện và bảo họ : Lấy nước đái bóp chân cho đỡ mỏi ; vừa đi đường vừa kể chuyện hoặc ca hát cho khuây khỏa…

Từ Tây An đến Diên An có nhiều vùng "xôi đỗ". Những huyện "trắng" thuộc Quốc dân đảng. Những huyện "đỏ" thuộc về ta. Cũng có huyện nửa trắng nửa đỏ, ở đây, vì huyện trưởng thường là "trắng", mọi việc dân cứ tìm đến cán bộ đỏ, cho nên "quan huyện" rất nhàn hạ như câu hát :

Chiều chiều quan huyện ra câu,
Cái vo, cái chén, cài bầu sau lưng…

Thanh niên học sinh các nơi tìm vào Diên An, lúc đi qua vùng trắng, có khi bị bọn Quốc dân đảng bắt cóc làm mất tích.

Ở vùng trắng, dọc đường thường có lính Quốc dân đảng cầm súng gác. Ở các trạm vùng đỏ, do nông dân, hoặc thanh niên, phụ nữ, đôi khi các em nhi đồng cầm giáo dài ngũ đỏ canh phòng.

Một buổi trưa trời nắng, Bác đang nghỉ trong một cái quán. Khi cơm mới sôi thì chị nhà hàng hối hả mang nồi chạy ra sau vườn. Ngoài đường phố, một toán lính Quốc dân đảng đang khệnh khạng kéo đi. Sau mươi phút, bà chị lại hăm hở mang nồi cơm về. Bác hỏi : "Cơm đang sôi, sao thím mang chạy?". Chị nhà hàng khẽ trả lời : "Các đồng chí mới đến không biết "Chúng" ăn đã không trả tiền thì chớ, "chúng" còn đánh đập người ta nữa là khác ! ".

"Chúng" tức là bọn binh sĩ Quốc dân đảng. Dân gian ở đây có câu : "Nhất binh, nhì phỉ, vơ vét thật kỹ, nhất phỉ nhì binh".

Cùng trên một đường phố ở thị trấn H. Bát lộ quân và Quốc dân đảng đều có đặt trạm mộ lính mới. Bên trạm "Bát lộ" thì người đến đăng ký đông kìn kịt. Bên trạm "quốc dân" thì chẳng có ai vào, tên trạm trưởng bèn nghĩ ra một diệu kế - nó trang hoàng trạm nó giống hệt như trạm "Bát lộ". Kết quả có người vào ngay. Nhưng người vào rồi lại quay ra, ra để đi vào trạm "Bát lộ"… Hơn nữa, nhiều lính Quốc dân đảng bí mật trốn theo Bát lộ quân…

Nhìn qua những việc nhỏ bé, người ta cũng thấy rõ lòng dân hướng về ai.

Đi độ một tuần thì đến Diên An.

Diên An là một thị trấn thường, ở địa phận núi, nhà cửa không nhiều mấy, nhưng số người lại rất đông. Đại đa số ở nhà "hầm" tức là xuyên núi đất thành những tổ tò vò khổng lồ hàng chục người ở được. Nhà hầm có cái ưu điểm là mùa đông thì ấm, mùa hè thì mát. Những dãy nhà hầm theo chân vào sườn núi. Học sinh và bộ đội ở nhà hầm, Các đồng chí lãnh tụ Đảng và Chính phủ cũng ở nhà hầm.

Bác nói : Đến Diên An, trong lòng rất phấn khởi, nhưng không khỏi bỡ ngỡ ít nhiều. Thí dụ, lúc đầu không phân biệt được ai là bộ đội, ai là học sinh, ai là chỉ huy, ai là cán bộ, thậm chí không phân biệt được ai là đàn ông, ai là đàn bà ! Thật vậy ! Vì mọi người đều ăn mặc gọn gàng và một kiểu như nhau : áo quần nhuộm màu chàm, và giầy vải. Mấy ký giả nước ngoài đã tặng đồng chí Chu Đức cái danh hiệu " Hỏa đầu phu tướng quân", vì Chu tổng tư lệnh cũng mặc như người nấu bếp.

Ăn thì mỗi ngày hai bữa cơm gạo mạch với cà-rốt và củ cải. Lúc đầu, Bác chưa quen, ăn không được. Nhưng vài hôm sau dần dần ăn được, ví như câu tục ngữ nói : "Đói, thì muối cũng ngon".

Cứ cách mười hôm lại có một bữa "ca xôi" (thêm rau). Các "anh nuôi" khéo tiết kiệm. Khoảng 10 ngày cộng lại một lần, tiết kiệm được bao nhiêu đều dùng vào "ca xôi" : Cơm trắng với cá, thịt, vịt, gà… như một bữa tiệc to.

Về mặt vật chất, Diên An là một nơi cực kỳ giản đơn, chất phác, khắc khổ. Về mặt tinh thần thì Diên An là một "Trời đất tự do" cự kỳ vui vẻ, sôi nổi, phấn khởi, khẩn trương. Ai cũng tăng gia, ai cũng học tập.

Trường học to nhất là trường "Kháng đại" (Kháng Nhật quân chính đại học), trong mấy năm đã đào tạo 20 vạn cán bộ quân sự chính trị. Nhà trường trống rỗng, không ghế không bàn. Khi lên lớp, mỗi học sinh mang theo một cái ghế cỏn con để ngồi ; khi ghi chép thì học sinh kê sách lên đầu gối mà viết.

Lúc đó Diên An là nơi tổng chỉ huy của 18 vạn quân đội cách mạng và 8, 9 khu giải phóng ở Hoa Bắc và Hoa Trung. Một không khí bồng bột lạ thường bao trùm tất cả mọi người và biểu lộ ra trên nét mặt của mỗi người. Đoàn kết, phấn đấu, thắng lợi - đó là chí khí của Diên An, nó thật xứng đáng với cái tên vẻ vang mà nhân dân Trung Quốc tặng cho nó : "Thánh địa cách mạng".

Gần Diên An có mấy di tích lịch sử nổi tiếng : lăng Hoàng đế (Hoàng đế là tên một vị vua có công đức đối với dân, cách đây khoảng 5.000 năm) ; "Đỗ Phủ xuyên" là con suối mà đời xưa đại thi sĩ Đỗ Phủ thường đi đến ; có Bửu Tháp trên núi Gia Lăng. Khi đi gần Cam Tuyền, Bác nhớ lại câu : "Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây" trong Chinh phụ ngâm nổi tiếng.

Vội đi Hoa Nam cho gần nước ta hơn, Bác chỉ ở Diên An hai tuần, rồi trở lại Tây An. Lần này đi cùng năm chiếc xe hơi chở học sinh, cán bộ trung cấp và cao cấp. Khi đi qua vùng "trắng" X. bọn đặc vụ Quốc dân đảng bắt xe dừng lại và lục soát, rồi chúng dọa giữ xe và người lại. Đồng chí Lâm Bưu bảo chúng đại ý : "Chúng tôi đi có việc cần và rất quan trọng. Nếu muốn giữ chúng tôi lại, thì các anh phải viết giấy rõ ràng…". Trước thái độ cứng cỏi đó, bọn đặc vụ không dám lôi thôi nữa.

Việc này lại một lần nữa phơi bày sự đê hèn của bọn Tưởng.

Đến Tây An, Bác đi Quảng Tây, vì Quảng Đông hồi đó bị giặc Nhật chiếm rồi. Cùng đi chuyến ấy có đồng chí L. là cán bộ Đảng. Để cho có vẻ, đồng chí L. ra vai quan trưởng, Bác thì làm vai lính hầu của L.

Ở Quế Lâm (tỉnh lỵ Quảng Tây) có biện sự xứ và một đơn vị nhỏ của Bát lộ quân. Bác vừa tham gia công việc Bát lộ quân, vừa tìm cách liên lạc với trong nước. Các đồng chí Trung Quốc giúp Bác nhiều trong việc này.

Khi đơn vị Bát lộ quân mới đến đóng ngoại ô Quế Lâm, nhân dân địa phương tỏ vẻ lạnh nhạt, vì họ đã bị Quốc dân đảng tuyên truyền. Nhưng ra sức thực hành khẩu hiệu "Hết lòng giúp đỡ nhân dân", cho nên không bao lâu thì cảm tình giữa Bát lộ quân và bà con địa phương đã trở lên "Như cá với nước".

Bác được đơn vị bầu làm chủ nhiệm Câu lạc bộ. Câu lạc bộ vừa là một cơ quan văn hóa của đơn vị, vừa là cơ quan tuyên truyền đối với nhân dân địa phương.

Được ít lâu, Bác đi Hàm Dương với đồng chí tướng quân Diệp Kiếm Anh. Vì Bát lộ quân và Tân tứ quân khéo dùng chiến thuật du kích, luôn luôn thắng lợi trước mặt trận cũng như sau lưng địch. Ngày bắt đầu chống Nhật, hai quân đội ấy chỉ có độ 4 vạn chiến sĩ ; năm 1938 đã phát triển đến 18 vạn người, đã thu phục lại nhiều nơi bị Nhật chiếm vì quân Quốc dân đảng bỏ chạy, đã mở được nhiều khu giải phóng rộng lớn, và đương đầu với hơn 40 vạn quân Nhật. Còn quân Quốc dân đảng thì liên tiếp thua trận này đến trận khác. Thấy vậy, Tưởng Giới Thạch bèn nhờ Bát lộ quân dạy chiến thuật du kích cho một số sĩ quan của hắn. Đồng chí Diệp Kiếm Anh lãnh đạo một số đồng chí giáo quan phụ trách trường huấn luyện ấy.

Bác được bầu làm bí thư chi bộ, kiêm việc nghe đài phát thanh lấy tin tức quốc tế làm tài liệu huấn luyện thời sự cho đơn vị. Cả hai công việc đều mới lạ, nhưng cũng đều thú vị.

Trong chi bộ thì tướng có, binh có, trai có, gái có, tiếng nói đông, tây, nam, bắc đều có. Trong đơn vị thì có chiến sĩ cũ, có chiến sĩ mới, có một số không phải đảng viên, chi bộ đều phải săn sóc họ. Viện thì việc lớn việc nhỏ, từ việc ăn uống, học tập giải trí, kỷ luật cho đến việc riêng của mọi người đều tìm đến bí thư. Bác cùng hai đồng chí phó bí thư (phụ nữ) làm việc suốt ngày.

Việc nghe ra-đi-ô cũng không dễ, vì lần này là lần đầu tiên mó tay đến cái máy thu thanh, không biết đài nào phát giờ nào và làn sóng nào. Bác thức suốt năm đêm, vặn đi vặn lại tìm nghe. Đến khuya đêm thứ sáu mới nghe được đài Luân Đôn.

Trường huấn luyện du kích kết quả thế nào ? Muốn đánh du kích thì phải dựa hẳn vào lực lượng của nhân dân, phải được nhân dân yêu mến và giúp đỡ. Muốn đạt mục đích đó thì mỗi đội viên du kích phải yêu kính nhân dân, giúp đỡ nhân dân, cùng nhân dân đồng cam cộng khổ, đoàn kết thành một khối. Đằng này, quân quan Quốc dân đảng đều thuộc giai cấp bóc lột, quen thói hà hiếp nhân dân, họ không thể hành được cái họ đã học. Kết quả là "chữ thầy lại trả thầy".

Bọn Tưởng Giới Thạch đánh Nhật thì rất nhát, chống cộng lại rất hăng. Âm mưu của chúng là mượn tay phát-xít Nhật để tiêu diệt quân đội cách mạng. Không ngờ Bát lộ quân và Tân tứ quân càng ngày càng đánh sâu vào sau lưng địch, mở rộng khu giải phóng, phát triển bộ đội mình, và thế lực ngày càng mạnh.

Âm mưu nham hiểm kia đã thất bại, cuối năm 1939, Tưởng Giới Thạch công khai mở cuộc chống cộng, phái quân đánh vào biên khu là nơi Trung ương Đảng cộng sản đóng, và đánh vào những vùng thuộc phạm vi Bát lộ quân và Tân tứ quân. Đảng cộng sản vừa phải đánh Nhật, vừa phải chống Tưởng, lại vừa phải khôn khéo giữ gìn cho Mặt trận thống nhất khỏi tan vỡ.

*

* *

Trung Quốc đang ở trong vòng binh lửa, thì lửa chiến tranh bắt đầu cháy ở châu Âu. Thế là thảm họa chiến tranh lan hầu khắp thế giới…

Từ năm 1936, Mặt trận bình dân Pháp thắng thế và lên nắm chính quyền. Do đó, ở Việt Nam ta xiềng xích thực dân cũng được nới lỏng đôi chút. Một số đồng chí bị tù đày đã được thả về và tiếp tục hoạt động. Cơ sở Đảng được dần dần khôi phục. Phong trào quần chúng dần dần lên cao.

Cuối năm 1939, vì tình hình chiến tranh, lại vì Đảng xã hội Pháp ươn hèn, chính phủ Mặt trận bình dân Pháp bị đổ, bọn phản động lên cầm quyền. Thực dân Pháp ở Việt Nam lại tung hoành như cũ. Chút đỉnh tự do mà nhân dân ta đã giành được trong mấy năm qua đều bị chúng xóa sạch. Lại khủng bố. Lại vét. Lại bắt lính, bắt phu. Đảng ta phải đi vào hoàn toàn bí mật.

Ở Pháp có phòng tuyến Ma-gi-nô chạy dọc biên giới Pháp-Đức, xây dựng ở dưới đất có 3 tầng, bằng xi măng cốt sắt. Kho đạn, kho lương, nước máy, đèn điện… các thứ đều đủ. Tại phòng tuyến này có một triệu quân. Tướng Pháp khoe khoang rằng : Địch có cánh cũng không bay qua được. Nhưng chỉ trong vài tuần, quân Đức đã bao vây kín phòng tuyến này bắt sống cả một triệu binh lính và mấy trăm ông tướng làm tù binh. Thế rồi ào ạt kéo quân chiếm lấy thủ đô Pa-ri và một nửa nước Pháp. Tháng sáu 1940, Pháp ở "nước mẹ" đầu hàng Đức. Tiếp đến thực dân Pháp ở Đông Dương cũng đầu hàng Nhật. Giặc Nhật kéo vào Việt Nam từ đó đồng bào ta bị một cổ hai tròng.

Không thể khoanh tay ngồi chịu, đồng bào ta liên tiếp khởi nghĩa ở Bắc Sơn (tháng chín 1940), ở Nam Kỳ (tháng mười một 1940), và ở Đô Lương (Nghệ An). Những tin tức sôi nổi ấy làm cho Bác càng nóng ruột.

Ở biên giới Quảng Tây không chắp được liên lạc, các đồng chí Trung Quốc giúp cho Bác đi Vân Nam. May mắn thay ! Đến Côn Minh thì gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan, và mấy đồng chí nữa. Thế nào, chuyến này cũng nhất định về nước ! Bàn định kế hoạch xong, mấy anh em cùng nhau đi trở lại Quảng Tây. Cùng đi trên thuyền có mấy Việt-kiều khác. Để giữ bí mật, Bác đóng vai một một người viết báo Trung Hoa, không biết tiếng Việt…" [4]

---

[1] Nguyễn Khánh Toàn, "Bác ở Liên-xô", trong tập "Bác Hồ" Nhà xuất bản Văn học, năm 1960.

- Trước kia, những người thuộc các dân tộc Đông Dương thuộc địa học trong một ban riêng (gọi là ban đặc biệt) trong trường Đại học cộng sản của những người

lao động Đông phương Sta-lin (tiếng Nga gọi tắt là "Kutv"). Đến năm 1932, Ban đặc biệt tách riêng ra thành Viện nghiên cứu của các vấn đề dân tộc và thuộc địa, trực thuộc Bộ Đông phương, Quốc tế cộng sản.

- Tháng 4 năm 1931, Đảng ta được toàn thể hội nghị Ban chấp hành Quốc tế thừa nhận gia nhập vào Quốc tế, đến năm 1935 thì được Đại hội Quốc tế chuẩn y.

[2] G. Giô-rét : 1859-1914, một trong những người lãnh đạo của Đảng xã hội Pháp, người sáng lập báo *Nhân đạo*, (hiện nay là cơ quan Trung ương của Đảng cộng sản Pháp), người tích cực chống chủ nghĩa thực dân, ông bị bọn phản động ám sát năm 1914.

[3] Phơ-rích-xơ, Gơ-lao-ban-phi, báo *Tiếng nói nhân dân*, cơ quan T.Ư của Đảng cộng sản Áo (19-9-1969) in trong cuốn "Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch", tập 3, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, năm 1971.

[4] T.Lan, "Vừa đi đường vừa kể chuyện", Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, năm 1963.

Từ Vân Nam – Tĩnh Tây về Pắc Bó

"… Thời kỳ Trung – Nhật chiến tranh, các đồng chí ta tập trung nhiều về Vân Nam. Tôi lấy tên là Trịnh Đông Hải, làm công nhân lái xe cho hãng dầu cù là Vĩnh An Đường, lấy đồng lương nuôi các đồng chí hoạt động, đồng thời ngầm mượn luôn cửa hiệu của hãng đó làm trạm liên lạc cho cách mạng. Tháng 1-1940 có đồng chí Minh về trong nước mới ra, nói Trung ương bảo đi tìm ông Trần.

Lúc đó tôi đã liên lạc được với chi bộ Đảng ta và chi bộ Đảng cộng sản Trung Quốc ở Vân Nam. Thường gặp hai đồng chí Trung Quốc, một đồng chí không biết là bí thư hay là gì, một đồng chí là đồng chí Trần Phương, lúc đó gọi là đồng chí Phùng, hiện nay phụ trách khu gang thép An Ninh ở Vân Nam. Tôi tìm gặp các đồng chí Trung Quốc, hỏi có biết ông Trần không ? Các đồng chí bảo có. Tôi rất vui mừng. Lại hỏi : hiện nay ông ở đâu, thì các đồng chí nói ở Hoa Bắc. Tôi nói : Trong nước muốn gặp ông ấy, viết thư cho ông ấy về được không ? Các đồng chí bảo là được. Tôi hỏi thêm : không biết ông ấy là Việt Nam hay là Trung Quốc, thì các đồng chí cười, nên tôi không hỏi nữa.

Viết thư đưa đi rồi, nhưng không biết bao giờ ông đó về, tôi nói với đồng chí Minh : Anh về nước thôi, chứ đợi thì biết đến bao giờ ? Đồng chí Minh nói : ông này đã gửi thư về nước, nhắn tìm ông ấy ở Long Châu, nhưng không tìm được, nên nay phải cho giao thông đi tìm.

Gửi thư đi được ít lâu, một hôm vào cuối tháng 2-1940 có một người đứng tuổi mặc âu phục, cổ cồn, cơ-ra-vát vào hiệu Vĩnh An Đường hỏi bằng tiếng Trung Quốc : Có ai là Trịnh Đông Hải ở đây không ? Tôi ra nhận. Lúc đó người ấy mới nói nhỏ bằng tiếng Việt Nam : "Tôi là Trần đây. Anh em ta đi ra công viên nói chuyện". Lúc ở cửa hàng, tôi chưa kịp chú ý, lúc cùng đi công viên, nhận thấy ông Trần đi rất nhanh và cặp mắt sáng lạ thường. Tôi đoán chừng là một cán bộ quan trọng. Nhưng chưa nghĩ đến rằng ông đó chính là Nguyễn Ái Quốc. Chỉ biết là một người Trung ương cho đi tìm. Đúng hạn tìm hộ, đã về thì tôi tin. Ông Trần hỏi tình hình trong nước thế nào, ở đây có những ai ? Tôi nói rõ hết : ở Vân Nam còn có một cơ sở bí mật, cửa hàng này là cơ sở công khai. Vào cơ sở bí mật, các đồng chí sẽ báo cáo rõ thêm.

Ông Trần hỏi : "Đồng chí có rỗi không, nếu rỗi thì ta đi vào cơ quan bí mật". Tôi cũng rỗi, nên cùng đi. Trong bộ phận bí mật chỉ có một mình anh Phùng Chí Kiên. Gặp anh Kiên, ông Trần chỉ nói qua loa, nhưng chúng tôi rất mừng, vì anh Kiên đã biết là Bác.

Hoạt động ở Vân Nam lúc ấy, ngoài anh Kiên và tôi, còn có anh Hoàng Văn Hoan, sau còn thêm anh Phạm Văn Đồng và anh Võ Nguyên Giáp. Nhưng anh Giáp và anh Đồng ở một nơi khác, xa khoảng vài cây số. Anh Kiên ở cơ quan bí

mật, phụ trách một tờ báo nên không làm việc gì ngoài nữa. Anh Hoan đi học thợ may. Sinh hoạt của các anh Kiên, anh Đồng, anh Giáp do tôi đảm nhiệm. Tôi hỏi Bác ăn như thế nào ? Bác bảo : "Cái đó các đồng chí không phải lo cho tôi". Bác ở một cơ sở khác, chính tôi cũng không biết ; có việc gì thì Bác đến gặp ở chỗ anh Kiên.

Nắm tình hình rồi, Bác chỉ đạo chúng tôi về công tác tuyên truyền. Ở Vân Nam lúc đó có nhiều tờ báo. Có tờ của ta chỉ lấy tên là "Đ.T" hiểu là "Đảng ta", "Đấu tranh" hay "Đánh Tây" cũng được. Báo in bằng kính như kiểu in đá. Anh Kiên viết chữ trái. Tôi phụ trách in. Viết lên kính rồi phải phơi cho khô mới lăn mực in được. Phơi dễ bị lộ và hay nổ kính. Tôi nghĩ ra cái lò sấy điện bằng một cái hòm gỗ, trong lót kẽm. Bốn bề gài vào được tám miếng kính. Hai đầu hòm mắc hai ngọn điện 300 nến, bật lên một lúc thì khô, rất tiện lợi. Bác cũng tham gia viết bài. Bác dặn anh em viết phải làm thế nào cho mọi người hiểu được. Tôi là công nhân. Trình độ văn hóa lúc đó còn thấp, Bác thường bảo : "Các đồng chí viết rồi đem Trịnh Đông Hải đọc, Hải đọc mà hiểu thì quần chúng hiểu. Thế là được". Một hôm Bác đưa cho "Tòa báo" một bài thơ. Bác nói đùa : "Thơ này là thơ của vợ Trịnh Đông Hải gửi ra đây". Bài thơ đăng lên, các anh em hoạt động đều rất thích, nghe như có vợ nhắc nhủ mình thật. Bài thơ đó tôi còn nhớ :

"Ba bốn năm giời luống nhớ thương,
"Nhớ chàng lưu lạc lại tha hương,
"Tóc thề đã chấm ngang vai thiếp,
"Lụy nhớ e chưa ráo mắt chàng,
"Thù nước, thù nhà, chàng gắng trả,
"Việc nhà, việc cửa, thiếp xin đương,
"Bao giờ đuổi sạch quân thù địch,
"Ta sẽ sum vầy ở cố hương.

Có một lần gặp chúng tôi, Bác hỏi : "Báo này gửi cho những ai ? Ở đâu ? Số nhà nào ?" Bác ghi hết. Rồi tất cả báo in ra lần ấy đều gửi đến Trùng Khánh, và từ Trùng Khánh mới lại gửi về các cơ sở.

Từ khi Bác về, số báo "Đ.T" nào cũng có bài của Bác. Bác viết và tự đánh máy lấy. Bác có cái máy chữ thường đi đâu cũng mang đi. Một lần tôi xem máy, thấy bên trong có gài một cái hóa đơn của cửa hiệu bán máy cho đồng chí Phan Bôi – tức là đồng chí Hoàng Hữu Nam – thì ra tuy Bác đi xa, nhưng ở đâu Bác cũng nắm vững tình hình trong nước và luôn luôn liên lạc với phong trào trong nước. Hồi Mặt trận bình dân, Bác cũng viết nhiều bài đăng trên các báo công khai của ta. Bác ký nhiều tên. Trong nước chỉ biết có bài của một đồng chí quốc tế gửi về chứ không biết đích xác là bài của Nguyễn Ái Quốc. Cái máy chữ của Bác là ở trong nước mua gửi cho Bác hồi đó. Sau này tôi hỏi anh Phan Bôi, anh

Phan Bôi cũng nói có mua một cái máy chữ cho một đồng chí quốc tế, nhưng cũng không biết gửi cho ai.

Dọc con đường xe lửa từ Vân Nam về đến Hồ Kiều đều có cơ sở ta. Tháng 4-1940, Bác đề ra ý kiến muốn đi thăm các cơ sở. Anh Phùng Chí Kiên đi theo Bác. Ở Vân Nam ta có tổ chức nhiều hội quần chúng, trong đó có "Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viện hội". Bà Tống Khánh Linh cũng có thư chúc mừng hội này. Các nhà đương cục Trung Quốc hồi đó cũng công nhận hội. Bác bàn lấy giấy chứng nhận của hội này để đi kiểm tra công tác. Đi tới đâu thì tôi đã giới thiệu các đồng chí để bắt liên lạc. Chỉ đi các ga Nghi Lương, Khai Viễn, Mông Tự, Xì Xuyên. Bác đóng các vai rất giỏi, bình dị, tự nhiên, không ai biết là nhân vật quan trọng.

Đến Xì Xuyên, Bác ở nhà đồng chí Hoàng Quang Bình. Đồng bào được tiếp xúc với Bác rất lấy làm kính phục. Bác thường dậy rất sớm, leo núi tập thể dục, rồi xuống sông tắm. Có người đồn là có ông tiên thường xuất hiện buổi sáng, trưa thì không thấy đâu.

Bác đi xem xét tình hình quần chúng xong thì trở về Vân Nam. Về Vân Nam, Bác quyết định tổ chức một cuộc rải truyền đơn vạch mặt đế quốc Pháp câu kết với đế quốc Nhật và vận động ủng hộ Trung Quốc kháng Nhật, vận động đoàn kết. Truyền đơn sẽ rải từ Hồ Khẩu đến Vân Nam trong một ngày giờ thống nhất. Giữa tháng 5-1940, truyền đơn in xong, tôi xin nghỉ ở cửa hiệu, đem đi giao cho các đồng chí ở các ga lớn, các đồng chí ở đó lại phụ trách chuyển đến các ga nhỏ. Tôi về chậm hơn kỳ hạn mất một ngày. Ở nhà, Bác rất lo, nhưng lúc gặp, Bác mừng và hỏi đùa : "Chú về chậm vì ghé lại Mông Tự phải không ?". Thì ra, qua Mông Tự, các đồng chí ở cơ sở có báo cáo với Bác là các đồng chí định hỏi vợ cho tôi, nhưng tôi "bướng" không chịu lấy, nên Bác mới nói đùa như vậy.

Bấy giờ anh Đồng, anh Giáp ở trong nước đã ra. Tôi bố trí để hai anh gặp Bác. Anh Hoan, anh Kiên đến rủ hai anh đi chơi Tạ Quang Lâu. Tôi cùng Bác đi thuê thuyền rồi vào ngồi chờ sẵn. Khi anh Đồng, anh Giáp đến, vào thuyền đã thấy Bác ở đó rồi. Mừng không nói hết. Bác nói đùa : "Anh Đồng vẫn chưa già mấy nhỉ !". Rồi Bác quay lại nói với anh Giáp : "Chú thì vẫn đẹp như cô con gái ấy".

Tháng 6-1940, Bác giới thiệu anh Đồng, anh Giáp đi Thiểm Tây, bảo đến Quế Dương thì có trạm xe của Bát lộ quân. Và hai anh đi. Vài tuần sau thì Pháp mất Pa-ri. Bác triệu tập hội nghị bàn việc chuẩn bị về nước. Chủ trương Bác về nước là một việc rất lớn, có tính chất quyết định cho phong trào và cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám sau này. Các đồng chí có hỏi về việc xin vũ khí. Bác cười nói : "Cứ về nước được khắc có vũ khí".

Bấy giờ có Trương Bội Công làm quan trong quân đội Tưởng đã lâu, đứng ra triệu tập một số người Việt Nam để hoạt động. Có ông Hồ Ngọc Lãm cùng làm

quan với Tưởng để dựa vào thế lực Tưởng nuôi cách mạng. Ông nuôi mọi người có chí hướng đánh Tây, bất kể là cộng sản, Quốc dân đảng hay gì gì khác. Trương Bội Công mời ông Lãm về bàn việc. Ông Lãm viết thư cho chúng tôi nói đã có cơ hội hoạt động, mời chúng tôi cùng về. Báo cáo với Bác, Bác đồng ý là để nắm lấy cơ hội về nước. Thế là anh em kéo đi.

Đợt đi thứ nhất có anh Kiên, anh Hoan, anh Cao Hồng Lĩnh và tôi. Lại đánh điện cho anh Đồng, anh Giáp đừng đi Thiểm Tây nữa. Mọi người về cả Quế Lâm rồi đi Liễu Châu. Ở Liễu Châu tôi có quen một nhà, nhờ làm chỗ nhận thư hộ. Bác ở lại Vân Nam và có gì thì viết thư về đó.

Gặp Trương Bội Công, ta biết rõ y là gián điệp của Tưởng. Chúng tôi báo cáo để Bác biết. Bác bảo : "Thôi nên cắt, nhưng nên đưa ông Hồ Ngọc Lãm đi với mình". Rồi Bác cũng đến Quế Lâm. Tháng 10-1940, các đồng chí cũng lại kéo cả về Quế Lâm.

Đến Quế Lâm, Bác ở một cơ sở nông thôn. Tôi làm liên lạc. Một bữa tôi đến gặp Bác, Bác giở cho xem một bản đồ Trung Quốc kháng Nhật, có những mũi tên ghi thế trận của ta và địch. Bác chỉ cho tôi chỗ đóng của Bát lộ quân và Tân tứ quân. Bác giảng giải cho tôi biết vì sao Đảng cộng sản liên hiệp với Tưởng Giới Thạch đánh Nhật. Bác bảo đó là một cơ hội giáo dục quần chúng nhân dân rất lớn. Nếu không kết hợp với Tưởng Giới Thạch thì Tưởng chẳng mấy lúc sẽ đầu hàng Nhật. Kết hợp với nó, ngoài thì ngăn được nó sớm đầu hàng, trong thì phân hóa được hàng ngũ nó. Những phần tử yêu nước trong hàng ngũ nó sẽ thấy rõ bộ mặt nó mà bỏ nó sang hàng ngũ ta. Một số tối phản động chủ trương đầu hàng sẽ xuất đầu lộ diện như Uông Tinh Vệ. Tưởng Giới Thạch thì một mặt đi với ta, một mặt lùng cán bộ ta, khủng bố ta, nhưng quần chúng nhân dân Trung Quốc đông đảo sẽ giác ngộ, lớn mạnh và kiên quyết chống đế quốc xâm lược. Bác triệu tập một hội nghị bàn việc về nước. Trước đó, ông Hồ Ngọc Lãm và anh Hoàng Văn Hoan có lập ra "Việt Nam độc lập đồng minh hội" ở Nam Kinh để hoạt động. Hội nghị bàn nên phục hồi Hội đó, mời ông Lãm làm chủ nhiệm và cử đồng chí Lâm Bá Kiệt (anh Đồng) là phó. Lập xong được Biện sự xứ thì bọn Trương Bội Công không ở Liễu Châu nữa mà đã về Tĩnh Tây. Về đấy, Trương Bội Công đón được một số thanh niên trong nước ra, trong đó có các anh Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Bằng Giang, Cổ Vân… Đó là những anh em thanh niên của ta, hoạt động trong nước, bị Pháp, Nhật khủng bố phải chạy. Tôi được tin ấy, gặp Bác xin ý kiến, Bác bảo anh Giáp, anh Cao Hồng Lĩnh và tôi đi tìm họ.

Cuối tháng 11-1940, chúng tôi về đến Tĩnh Tây bắt mối với các anh em thanh niên trong nước ra định tìm đường đánh thông về nước và tìm địa điểm cho Bác về. Sau khi gặp nhau rồi báo tin lên Bác. Bác liền từ Quế Lâm đi ô tô về Nam Ninh và từ Nam Ninh đi thuyền về Điền Đông. Trong thuyền đông người, chỉ có anh Đồng, anh Kiên, anh Hoan và cụ Cáp là biết Bác. Bác đóng vai trò một "Tân

văn ký giả" Trung Quốc. Bác nói tiếng Pháp, anh Đồng dịch lại, ai cũng chỉ tưởng Bác là một nhà báo. Thuyền đi ngược nước, phải kéo. Bác cũng xuống kéo. Lúc ngồi thuyền ai có hỏi gì, có người dịch lại Bác mới trả lời. Có chị tên Hiền khát nước, toan uống nước sông, Bác nói tiếng Pháp, anh Đồng dịch lại bảo nên mua mía ăn, đừng uống nước lã đau bụng. Nhưng có một lần một đồng chí để rơi tàn thuốc cháy áo. Bác ngồi bên cạnh, buột miệng nhắc khẽ : "Kìa cháy ! cháy !". Khi về, nhắc lại chuyện ai cũng cười không nhịn được.

Về đến Điền Đông, thì anh Đồng, chị Hiền cùng dăm ba người về Tĩnh Tây trước, tìm tôi bảo tôi về Điền Đông gặp Bác ngay. Trong đám thanh niên mới sang, có anh Hoàng Sâm. Tôi cùng anh Sâm đi ngược về Điền Đông. Nửa đường, anh Sâm ở lại bố trí chỗ ở. Tôi về Điền Đông khoảng hai giờ chiều. Bác bảo đi ăn cơm rồi lại bảo tôi và anh Hoan đi ngay về nơi đã bố trí. Bảy giờ mới đến nơi. Chiều hôm sau, thì Bác và các người cùng đi cũng về đến đó.

Tháng 12-1940, Bác về đến Tĩnh Tây, Bác bảo tôi về nước tìm một địa điểm. Bác dặn địa điểm cần hết sức bí mật, có hàng rào quần chúng bảo vệ và có đường rút lui. Tôi về tìm được vùng hang Pắc Bó. Các đồng chí còn ở lại thì đón số thanh niên đã từ bỏ Trương Bộ Công, đưa về một địa điểm huấn luyện, đợi ngày về nước.

Bác ở Tĩnh Tây được mấy tuần thì đã liên lạc được với Trung ương và các đồng chí trong nước ra gặp Bác, trong số đó có các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt.

Tôi về nước thì anh Hoàng Sâm làm liên lạc giữa Bác và anh Đồng, anh Lĩnh, với nhóm thanh niên. Tôi chuẩn bị xong địa điểm trở lại Tĩnh Tây thì Bác và các đồng chí đã đổi chỗ đi cả. Chỉ còn có anh Cao Hồng Lĩnh. Tôi được thư anh Hoàng Sâm để lại, hẹn lên Cổ Mã sẽ gặp. Tôi lên đến nơi thì có người đón về dự lớp Bác huấn luyện cho rồi kéo về nước hoạt động. Các đồng chí thanh niên quê ở đâu thì về hoạt động ở đó.

Tháng 1-1941, anh Kiên và tôi về địa điểm Pắc Bó. Anh Đồng, anh Hoan trở lại Tĩnh Tây. Anh Giáp về sau cũng ở lại Tĩnh Tây. Trong khi đó thì Trương Bội Công lập ra Việt Nam cách mạng đồng minh.

Trung ương đã gặp nhau ở Tĩnh Tây chuẩn bị hội nghị Trung ương lần thứ tám…"[1]

*

* *

"Lần đầu tiên gặp Bác, tôi không thể nào ngờ rằng Bác là một lãnh tụ vĩ đại. Bởi vì cái vĩ đại của Bác là cái hết sức giản dị, bình thường, sát với quần chúng, như quần chúng. Bác là một lãnh tụ vĩ đại kiểu mới, là lãnh tụ của quần chúng. Bác không làm ai kinh ngạc, Bác ở gần ta, trở thành người cha, người anh của ta

lúc nào cũng không biết, thấm sau vào tâm hồn ta dần dần mà vững chắc, trở thành mật thiết, thành một với tâm hồn ta lúc nào cũng không hay.

Bắt đầu từ những năm 1937-1938, tôi ở Xì Xuyên tức là Chi Thôn - một ga nhỏ trên đường sắt của Công ty Việt Điền. Hồi đó tôi là bí thư chi bộ, và vẫn lấy tên là Hoàng Quang Bình như bây giờ. Công khai, tôi dọn một ngôi hàng cắt tóc, đặt tên là hiệu Bình dân, lấy chỗ đó làm cơ sở liên lạc với công nhân.

Hoạt động thời gian này rất khó, phần vì bọn quân phiệt Trung Quốc chẳng ưa gì cộng sản, phần vì suốt dọc đường sắt Vân Nam, đâu đâu cũng nhan nhản những gián điệp, mật thám Mỹ, Anh, Pháp, Nhật. Chúng cũng chẳng ưa gì ta, và tìm mọi cách phá ta. Nhưng phá ta dữ dội hơn cả là bọn Việt Nam Quốc dân đảng phản động. Nghi ai là cộng sản chúng tìm cách trừ khử. Khi thì lén lút ám sát, khi thì giết trắng trợn. Trong những khu vực Tưởng Giới Thạch thống trị, cướp bóc xảy ra hàng ngày, một mạng người có nghĩa gì đâu. Đi ra đường không mấy lúc không thấy xác chết. Vào những năm 1939-1940, bọn Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ nối gót Nguyễn Thế Nghiệp lại càng làm dữ. Quần chúng Việt kiều ở đây trước hầu hết là có liên lạc với chúng, ủng hộ chúng, vì tưởng chúng là cách mạng. Nhưng những vụ tống tiền, giết người, cướp vợ người khác, những vụ chúng tranh mồi nhau, bắn giết lẫn nhau đã làm phơi rõ bộ mặt thật thổ phỉ ghê tởm của chúng. Kiều bào ta xa dần chúng, nhưng lòng tin tưởng ở cách mạng của kiều bào cũng theo đó bị giảm sút. Tôi tuyên truyền anh Tài Đức là công nhân lái đầu máy ở Khai Viễn. Anh lắc đầu chép miệng "Cách mạng đâu chứ cách mạng Việt Nam thì khó thành công lắm anh ạ. Trừ phi có cụ Nguyễn Ái Quốc sống lại thì mới làm được".

Thực ra anh cũng như anh chị em ở đây chưa hề được gặp cụ Nguyễn Ái Quốc. Nhưng không biết tự bao giờ ba chữ Nguyễn Ái Quốc đã thấm sâu vào lòng những người công nhân ấy, để lại trong tâm hồn họ một ngọn lửa tin le lói nhưng bất diệt, lại bùng cháy lên những khi gặp chán nản, thất vọng ở đời.

Tình hình có khó khăn, nhưng có đường lối Mác - Lên-nin của Đảng, chúng tôi vẫn cố gắng hoạt động, và hoạt động được. Các đồng chí Trịnh Đông Hải, nay là đồng chí Vũ Anh là Lý Đông Hoa nay là đồng chí Hoàng Văn Hoan đã tổ chức được cơ sở Đảng và nắm được quần chúng. Bọn Quốc dân đảng xẹp dần, không dám khủng bố trắng trợn nữa, nhưng không phải là chúng chịu hẳn. Khẩu hiệu của chúng vẫn là : thà giết nhầm người không phải là cộng sản còn hơn tha nhầm phải cộng sản.

Riêng tôi, đối với sự sống chết của cụ Nguyễn Ái Quốc lúc đó cũng bán tín bán nghi, chẳng biết sự thực thế nào. Tôi thật không ngờ chỉ mấy tháng sau tôi được ăn cùng mâm, ngủ cùng nhà với Bác.

Hôm ấy, trời đã xế chiều. Tôi đang cắt tóc cho một khách hàng thì thấy bên kia đường có hai người đứng ngó sang. Mấy hôm trước tôi đã được anh Hoan

báo cho biết là đồng chí Trần và đồng chí Lý về công tác. Đồng chí Lý thì tôi biết là anh Phùng Chí Kiên, nhưng chưa biết người, còn đồng chí Trần thì chưa biết là ai. Hiện đang có khách, tôi không ra được, mà các đồng chí cũng chưa tiện vào. Khi khách ra đi, đồng chí trẻ tuổi hơn trong hai người đi trước vào hỏi tôi. Nhận được nhau rồi thì biết đó là anh Kiên và đồng chí Trần thì chính là Bác. Nhưng cũng phải đợi đến khi cách mạng thành công, nghe qua đài phát thanh nhận được tiếng nói tôi mới biết cụ Hồ Chí Minh, cụ Nguyễn Ái Quốc với đồng chí Trần là một.

Tôi nhớ rõ hôm đó Bác mặc bộ áo ka-ki bạc màu, Bác chưa để râu. Trông Bác cũ kỹ, hiền lành như một ông già thôn quê, lại mảnh khảnh, gân guốc, nếu ai không nhìn cặp mắt rất sáng của Bác thì khó có thể chú ý đến Bác. Bác rất ít nói, chào hỏi xong thì ngồi im nghe anh Kiên và tôi nói chuyện. Tôi có cảm tưởng Bác có chút lạnh lùng, không vồ vập cởi mở như anh Kiên. Có lẽ Bác vụng về về sự giao thiệp chăng ?

Anh Kiên hỏi tôi về tình hình đường sắt, về cơ sở, hỏi tôi hoạt động như thế nào. Tôi báo cáo rõ cả, Bác nghe rất chăm chú, nhưng vẫn không nói gì. Cuối cùng, Bác mới hỏi anh em những ai hay ra đây. Tôi nói : Ở Xì Xuyên này, bọn Quốc dân đảng cũng mở một hiệu thợ cạo do anh em tên Điền, tên Mẫn cắt tóc. Chúng cắt khéo hơn tôi. Com-mi, xếp-tanh và công chức ở trong xít-tê[2] đều ra cắt ở đấy. Anh em thợ thuyền thì cắt bên này. Nghe xong Bác gật gù.

Nhà tôi, ngoài chỗ cắt tóc còn có một căn gác xép. Bác và anh Kiên, tôi và thằng con tôi là cháu Hải đều ăn ngủ trên đó. Gặp cháu Hải, Bác thân với nó ngay. Hay nói đúng hơn là nó quấn ngay lấy Bác.

Anh Kiên định chương trình làm việc. Trước hết tổ chức gặp gỡ anh em công nhân để biết tình hình cụ thể. Rồi sẽ mở một lớp huấn luyện cho chi bộ.

Anh Kiên bảo tôi mời anh em công nhân đến chơi. Anh hỏi han chuyện làm ăn , chuyện gia đình. Hỏi chuyện Tây đối đãi ra sao, đời sống anh em thế nào. Buổi nói chuyện kéo dài. Bác cũng chỉ ngồi nghe. Anh em công nhân cũng chẳng ai phân biệt ông già củ mỉ cù mì ngồi lặng im nghe chuyện đó chính là Nguyễn Ái Quốc mà họ hằng mơ ước.

Sau này còn có nhiều cuộc họp công nhân, nói chuyện về tình hình như thế. Anh Kiên vẫn nói chuyện với anh em. Anh Kiên bảo tôi khêu gợi anh em nhận xét. Anh em bảo anh Lý nói dễ hiểu, vui, anh em rất thích. Còn về ông già Trần thì anh em nói : Ông cụ ít nói quá. Thật thà và cục mịch, đúng là một ông lão ở thôn quê ta sang.

Riêng tôi cũng nghĩ Bác giản dị, kín đáo, và cũng thấy quả là Bác ít nói thật.

Nhưng Bác rất khiêm tốn, nên ít nói mà chẳng ai mếch lòng. Nhà tôi cả giường lẫn ghế chỉ có dăm bảy chỗ ngồi. Anh em công nhân đến, bao giờ Bác

cũng đứng dậy để nhường chỗ. Anh em không chịu ngồi thì Bác cũng đứng luôn, không ngồi một mình bao giờ.

Nắm vững tình hình rồi, Bác và anh Kiên, mở một lớp huấn luyện cho chi bộ. Chi bộ chúng tôi chỉ có ba người, anh Đặng Tất Lạc là công nhân, anh Đặng Tất Vượng là tùy phái ở ga và tôi. Chương trình học sơ lược về chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tình hình thế giới, tình hình Đông Dương và cách mạng tư sản dân quyền. Sau lại học công tác chi bộ và lề lối làm việc của chi bộ. Khi giảng bài, Bác cũng vẫn ít nói, Bác giảng về duy vật biện chứng thường chỉ đặt vấn đề khêu gợi cho chúng tôi tìm hiểu. Bác lại hay lấy việc trước mắt, thâu lượm được trong tình hình công nhân làm dẫn chứng. Bác nói nôm na như người kể chuyện. Nói xong lại hỏi chúng tôi có hiểu không, hiểu như thế nào ? Thấy chúng tôi hiểu được chút ít, Bác lại hỏi rộng ra, lật lại vấn đề, gợi cho chúng tôi suy nghĩ.

Hàng ngày Bác dậy rất sớm. Nhà chật, gác lụp xụp, Bác vẫn tập thể dục, vươn vai, thở hút. Vận động xong thì Bác dọn dẹp trong nhà. Căn nhà tối tăm, bề bộn của một người nghèo như tôi bỗng trở nên ngăn nắp, quang quẻ, dễ thở hơn như mới có thêm ánh sáng.

Ban ngày tôi bận cắt tóc, Bác hay xuống bếp chẻ củi, thổi cơm. Anh Kiên nhặt rau. Người vợ cũ của tôi làm ăn vất vả, hóa ra khó tính, mà cũng rất hài lòng. Vợ tôi buôn gạo. Kỳ nào có gạo về Bác cũng ra vác hộ.

Một lần có gạo về tôi đang bận học, không có người khuân vác. Vợ tôi bực tức, gắt gỏng. Tôi giận quá, từ trên gác xuống, rút guốc đánh mấy cái. Vợ tôi chưa kịp bù lu bù loa thì Bác đã xuống rồi. Bác phê bình tôi : Sao anh lại làm như thế ? Rồi Bác rủ anh Kiên và tôi cùng ra vác gạo. Bác bảo : Vác gạo cũng quan trọng. Không vác gạo thì không có ăn ngay. Được nghe Bác nói, vợ tôi chừng cũng hả lòng, không mè nheo dai dẳng như mọi khi. Buổi tối, Bác lại phê bình tôi một lần nữa. Bác phân tích tại sao người đàn bà nghèo khổ phải gắt gỏng, truy đến gốc nỗi khổ của những người bị bóc lột. Bác hỏi tôi đã là một đảng viên sao còn hành động như thế ? Bác nói : về việc đoàn thể thì rất có thể chỉ vì hành động sai lầm cỏn con như thế mà lộ bí mật. Bác nói rất thấm thía. Tuyệt nhiên Bác không gắt gỏng hay bực bội, nên tôi nghe ra ngay. Bác phê bình mà thành câu chuyện tâm sự, thấu vào tận ruột, tận gan.

Nhớ lại lúc đầu gặp gỡ, Bác không vồ vập nhưng Bác đi sâu vào đời sống gia đình, giúp đỡ mọi việc thực tế, quan tâm thực sự đến đời sống vật chất và tinh thần của chúng tôi, nên Bác cảm hóa được mọi người trong nhà, gây được một nếp sống khác hẳn. Nhất là đối với cháu Hải, Bác săn sóc nó thật chu đáo, hơn cả tôi là bố nó. Nó ngủ nghẹo đầu thì Bác sắp gối, nhẹ nhàng đặt nó nằm thẳng lại. Đêm Bác dậy mấy lần đề đắp lại chăn cho nó. Bác luôn luôn lo cho nó ấm đề phòng nó sưng phổi. Bác sờ bụng nó thấy ăn no mà dải rút buộc chặt thì lại nới ra. Nhiều lần Bác tắm rửa cho nó, dặn nó phải ở sạch. Ngồi ăn cơm, tuy chúng

tôi là chủ nhà, Bác vẫn giục chúng tôi gắp thức ăn. Bao giờ Bác cũng gắp thức ăn cho cháu Hải trước.

Thỉnh thoảng Bác rủ chúng tôi đi tắm suối, Bác nhân đấy hỏi han thêm về tình hình công tác, tình hình kiều bào và địa phương. Qua những nơi nào có cảnh đẹp Bác dừng lại ngắm nghía. Tính tôi xốc nổi có bận giục Bác đi mau. Bác bảo : ngắm cảnh đẹp rất tốt. Và muốn xem cảnh này giống cảnh nào trong nước mình.

Sau này biết Bác giỏi tiếng Trung Quốc, tôi rất lấy làm lạ. Suốt thời kỳ Bác ở Xì Xuyên, tuyệt đối Bác không nói một tiếng Trung Quốc nào, tiếng Pháp cũng vậy. Tôi mới học tiếng Trung Quốc và biết ít tiếng Pháp, thỉnh thoảng cũng xì xồ đôi tiếng với anh em bạn. Có lần anh em nói tiếng Pháp, hỏi tôi xem Bác là ông cụ nào ? Tôi trả lời Bác là ông cụ ở nhà quê mới sang chơi, Bác nghe chuyện vẫn im như không. Thật là một sự không ngờ. Bây giờ suy ra mới biết : Bác ít nói và không nói tiếng ngoại là công tác bí mật của Bác.

Bác rất tiết kiệm. Thuốc thơm hồi đó rất sẵn nhưng Bác chỉ hút thuốc cuốn lấy như sâu kèn. Thỉnh thoảng tôi có ít tiền, mua lẻ vài điếu thuốc thơm biếu Bác.

Bác giản dị nhưng thích mỹ thuật, yêu cái đẹp, ưa sạch sẽ. Lần đầu tiên tôi cắt tóc cho Bác. Bác bảo : "Anh nên năng giặt cái vải khoác này đi, khách sẽ vào hiệu ta đông hơn. Làm gì cũng phải làm cho tốt. Nhất là hiệu ta chỉ có anh em công nhân vào cắt tóc".

Ở Xì Xuyên có một tên làm xếp-tanh, tính nó rất hung ác. Nó nuôi một em bé gái khoảng mười ba tuổi làm người ở.Nó thường đánh đập rất dã man. Nó mang cả kìm cặp vào đùi em bé. Em bị nó đánh vẹo cả mấy ngón tay trái. Một hôm nó hành hạ em quá, em bỏ trốn vào nhà tôi. Chúng tôi rất bực tức với thằng đó, định hè nhau choảng cho một trận. Bác hỏi han em bé quê quán ở đâu ? Cha mẹ là ai ? Em bé nói cha mẹ chết cả rồi. Người chú em đã bán em cho tên xếp-tanh kia. Bác nghe chuyện xong lặng đi một phút, rồi Bác thở dài. Bác bảo : "Có đánh thằng kia cũng chẳng diệt được cái gốc của tội ác. Vì thế nên ta phải làm cách mạng".

Bác ở Xì Xuyên một tháng rồi Bác đi. Bác giao nhiệm vụ ở lại phải tiếp tục gây cơ sở. Đó là công việc Đảng. Gây cơ sở phải bí mật. Công khai thì phải tích cực vận động kiều bào ủng hộ Trung Quốc kháng Nhật. Bác bảo ủng hộ phải thiết thực. Nên lập một cái quỹ ủng hộ Trung Quốc kháng chiến. Chúng tôi làm một cái hòm, mời chính quyền địa phương đến niêm phong. Ai ủng hộ đồng nào thì tự tay bỏ vào đấy. Bác bảo việc này nhỏ nhưng ý nghĩa to, không được coi thường. Nhân dân Trung Quốc sẽ biết rõ những người cách mạng Việt Nam chân chính.

Cuối cùng Bác bảo : "Chúng tôi ở đây lâu, nay đi, đề nghị các đồng chí nhận xét phê bình". Tôi nói chẳng có gì để phê bình cả, chỉ thấy nhớ. Bác hỏi tôi có yêu cầu gì không ? Tôi yêu cầu được liên lạc với đồng chí Trung Quốc, và có đồng chí Trung Quốc đến cùng công tác ở đường sắt. Bác lại hỏi còn yêu cầu gì

nữa không ? Tôi trả lời không. Bác bảo nghĩ kỹ xem. Tôi nghĩ kỹ cũng không thấy cần yêu cầu gì thêm. Sau Bác bảo : "Không có yêu cầu để tôi yêu cầu ra cho. Các đồng chí ở đây cần giúp đỡ các đồng chí qua lại hoạt động. Phải cần đến tiền. Tôi đưa một số tiền vào tiền ăn của chúng tôi".

Tôi nhất định không chịu nhận, nói việc chạy tiền nuôi các đồng chí là nhiệm vụ của chúng tôi. Bác bẻ lại : "Tôi đi công tác của Đảng có tiền Đảng nuôi. Tôi đưa tiền thì đồng chí có nhiệm vụ nhận".

Tôi chẳng còn nói thêm gì được nữa.

Suốt thời gian Bác ở, tôi thật không thể nào đánh giá Bác được đúng. Nay nghĩ Bác ở cấp này, mai nghĩ Bác ở cấp khác, càng ngày càng thấy Bác cao cả, gương mẫu, đạo đức và giỏi. Thực sự vẫn không sao biết hết cái lớn của Bác. Bác đi rồi nhà tôi như trống rỗng ra. Cả nhà nhớ Bác. Trông thấy cái gì cũng nhớ có bàn tay của Bác sắp xếp tu sửa. Nhất là cháu Hải nó tiu nghỉu mất mấy ngày.

Tôi viết thư báo việc Bác đi lên Côn Minh, và hỏi Bác đã tới chưa ? Mấy hôm sau nhận tin Bác và anh Kiên đã tới rồi tôi mới yên tâm.

Hai tháng sau Đảng triệu tập tôi lên họp. Tôi lại có sung sướng được gặp Bác lần thứ hai. Anh Hoan đến tìm tôi ở trạm, đưa đi. Giữa đường, gần chùa Cá thì gặp Bác và anh Kiên. Bác bắt tay tôi, cười hỏi tôi có khỏe không, có đánh vợ nữa không ? Rồi Bác nói : "Tôi ở nhà anh nhiều, hôm nay tôi thết anh một bữa".

Tôi tưởng sẽ có một bữa ra trò, nhưng rốt cục chỉ là một bữa cháo hoa, ăn với chầu quẩy[3] . Bác dặn tôi đến hội nghị thì báo cáo tình hình công nhân và sự hoạt động của chi bộ cho các đại biểu trong nước biết, nhưng đừng nói là có gặp Bác. Ăn cháo xong, Bác và anh Kiên lại bắt tay tôi rồi đi.

Tới hội nghị, tôi gặp anh Đồng, anh Giáp, một chị nữa và hai đồng chí Việt Nam hoạt động trong Hồng quân. Họp xong tôi về nhà anh Kiên, thấy có treo một bức địa đồ. Anh Kiên giảng cho tôi về những biến chuyển mới trong tình hình quốc tế và trong nước. Rồi tôi về Xì Xuyên báo cáo lại với chi bộ nhiệm vụ công tác mới. Ít lâu sau thì có một đồng chí Trung Quốc đến liên lạc. Thì ra Bác vẫn nhớ yêu cầu của chúng tôi". [4]

"…Từ Côn Minh đến Tĩnh Tây, thì gặp một nhóm thanh niên Cao Bằng, dẫn đầu là các đồng chí Quảng Ba, Hoàng Sâm… Họ sang đây tìm người lãnh đạo cách mạng và đã gặp Trương Bội Công.

Trương Bội Công là người Việt Nam sang Trung Quốc và làm việc cho Quốc dân đảng đã lâu năm. Tuy không hiểu biết gì về quân sự, nhưng y đã được Tưởng Giới Thạch phong cho hàm thiếu tướng. Nay Tưởng Giới Thạch phái y đến biên giới, nhằm lung lạc cách mạng Việt Nam. Gặp nhóm thanh niên, Trương Bội Công khoe khoang nhiều lắm, lên mặt "chí sĩ yêu nước", "cách mạng lão thành" và sẵn sàng thu nạp đám thanh niên làm "bộ hạ" cho y.

Nhưng anh em thanh niên cũng tinh quái đáo để. Chỉ nghe cách y nói khoác lác, họ cảm thấy y không phải là người cách mạng chân chính. Họ thất vọng. Họ sắp kéo nhau trở về Cao Bằng, thì nhóm Bác vừa đến Tĩnh Tây. Các đồng chí Đồng, Giáp… tìm gặp nói chuyện với đám thanh niên hăng hái đó. Giải thích cho họ rõ bước đường cách mạng hiện nay. Bàn với họ mở ban huấn luyện v.v… Anh em thanh niên rất hoan nghênh. Nói ngay, làm ngay. Tối hôm đó, họ rời khỏi Tĩnh Tây. Sáng hôm sau, Trương thiếu tướng ngủ dậy thì không thấy "bộ hạ" của y đâu nữa ; cho người đuổi theo, thì chậm quá rồi !

Đồng chí Lê Quảng Ba dẫn Bác và nhóm thanh niên đi cả đêm, đến một làng Trung Quốc gần biên giới Việt Nam, mượn nhà người quen, mở ban huấn luyện do Bác phụ trách. Lớp huấn luyện rất sôi nổi, dân chủ và vui vẻ. Bà con Trung Quốc trong làng không hiểu chúng mình dạy cái gì, học cái gì, nhưng đều khen thanh niên Việt Nam đoàn kết, chăm học, siêng làm. Bà con trong làng nhất là những người cho mượn nhà rất mến chúng ta. Vì vò nước bao giờ cũng đầy, đống củi bao giờ cũng cao, nhà cửa bao giờ cũng sạch, trong nhà có việc gì chúng ta cũng ra tay làm giúp. Đặc biệt các em nhi đồng luôn luôn xoắn xít chung quanh anh em ta để học hát, học nhảy múa, không nghịch ngợm và đánh nhau như trước nữa. Chúng ta đã góp phần làm cho cái làng tịch mịch trong thung lũng âm u vui hẳn lên… Bác bảo các đồng chí thanh niên : "Đó là một cách dân vận thiết thực đấy".

Vào khoảng tháng hai 1941, vừa đến Tết âm lịch thì ban huấn luyện cũng vừa kết thúc. Tối mồng một Tết, được tin chuyên viên Quốc dân đảng sắp đến kinh lý vùng này (Tin này sau hóa ra tin vịt). Sợ bị lộ, sáng mồng hai Tết, Bác cùng tất cả anh em cuốn gói chuồn, mặc dù bà con trong làng khẩn khoản mời ở lại ăn Tết đến ngày hạ nêu hẵng đi.

Hôm đó, sương mù dày đặc, ngồi giáp mặt nhau cũng không thấy rõ nhau. Mọi người cho khí hậu như thế là tốt, vì dễ giữ bí mật. Đi cách làng một thôi quá xa, ai cũng mỏi chân và đói bụng. Bác bảo : "Nơi đây kín đáo, chúng ta ngồi nghỉ một chốc…" . Nghỉ chưa đầy hai phút thì trời sáng, sương tan. Té ra ngồi nghỉ giữa cánh đồng ruộng, chẳng kín đáo chút nào ! Mọi người lại vội vàng khoác gói lên đường, bước nhanh hướng về phía Tổ quốc.

Chiều hôm đó, đồng chí Quảng Ba dẫn Bác và cả nhóm thanh niên về Pắc Bó. Xa rời Tổ quốc đã hơn 30 năm. Đã mất bao nhiêu thời giờ và sức lực tìm liên lạc mà không được. Bao nhiêu thương nhớ, đợi chờ. Hôm nay mới bước chân về nơi non sông gấm vóc của mình. Khi bước qua cái bia giới tuyến, lòng Bác vô cùng cảm động. Từ hôm đó, cái hang Pắc Bó trở nên "địa bản doanh" của chúng ta. Hội nghị lần thứ Tám của Trung ương đã khai ở Pắc Bó. Ở đó đã tổ chức những ban huấn luyện ngắn ngày và để đào tạo cán bộ. Mở lớp dạy chiến thuật

du kích, phát triển tổ chức Việt Minh và cơ sở Đảng, đặt kế hoạch chống Pháp, chống Nhật v.v…” [5]

*

* *

“…Về Pắc Bó, địa điểm ở cũng thay đổi luôn có hai vòng bảo vệ, vòng ngoài do các đồng chí Lê Quảng Ba, Cổ Vân phụ trách. Bảo vệ Bác thì có đồng chí Đức Thanh, sau này hy sinh trong Nam.

Ở Pắc Bó, sáng nào Bác cũng hỏi anh em hôm nay làm việc gì. Ai không có việc thì Bác giao việc cho. Cả những việc vặt như khâu giầy, vá áo. Bác thường làm việc cả ngày. Khi viết tài liệu, khi dịch sách, Bác chú ý đến mọi việc. Cả đến việc bếp núc, Bác thường bảo rang thịt thật mặn như muối bám xung quanh. Đi làm công tác tổ chức, Bác dặn phải bí mật. Bác lại hỏi : bí mật thì bí mật như thế nào ? Bác giảng : bí mật là không có, không thấy, không biết. Bác bảo gặp ai lại hỏi mà không nói cũng không được. Nói thì nói : không có, không thấy, không biết.

Có lần chị Trương Thị Mỹ đi giao thông cho Trung ương lên chiến khu. Trung ương dặn lên đưa thư cho ông già Thu, bí danh của Bác hồi ấy. Bác ra nhận thư và bảo chị Mỹ : Đồng chí Thu đi vắng. Tôi là giao thông của đồng chí Thu nhận thay. Chị Mỹ được ở lại chiến khu dự lớp huấn luyện. Khi lên lớp thì thấy người giảng chính trị cũng vẫn là ông giao thông của đồng chí Thu. Cách mạng có khác thật, ông giao thông giảng mà có sức hấp dẫn lạ thường. Nghe đến đâu hiểu đến đấy, giản dị mà sâu sắc, dễ nhớ, lại sáng tỏ như có đèn rọi vào tim óc. Suốt thời kỳ huấn luyện cũng chẳng thấy đồng chí Thu về. Chắc ông già còn bận công tác. Thỉnh thoảng lại được nghe anh chị em thì thầm chuyện đồng chí Nguyễn Ái Quốc say sưa một cách lạ. Dự xong lớp, chị Mỹ về, hoạt động và lãnh đạo khởi nghĩa ở Hà Đông. Danh sách chính phủ lâm thời được công bố. Quái lạ sao không thấy tên Nguyễn Ái Quốc hay đồng chí Thu làm chủ tịch ? Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa lại là cụ Hồ Chí Minh ? Cụ Hồ Chí Minh nào nhỉ ? Chị Mỹ thắc mắc mãi. Có thêm tí hậm hực nữa. Cả đến khi đưa đoàn đại biểu của nhân dân Hà Đông ra dự lễ Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945 vẫn chưa thấy hết thắc mắc và hậm hực. Nhưng khi Chính phủ ra mắt, thì ôi chao : Chủ tịch Chính phủ cũng chính là đồng chí giao thông của ông già Thu. Từ đó chị Mỹ mới yên lòng.

Ở chiến khu, trước hội nghị Trung ương lần thứ Tám, Bác đã cho đi tổ chức nông dân, phụ nữ, thanh niên và binh lính cứu quốc. Bác nói : muốn có đội quân võ trang, phải có đội quân tuyên truyền vận động, đội quân chính trị trước đã. Nên việc này phải làm ngay, sao cho đội quân chính trị càng ngày càng đông.

Bác lấy chuyện trong lịch sử Đảng cộng sản Liên-xô kể cho chúng tôi nghe. Bác nói : Khi cách mạng tháng Hai lật đổ Nga hoàng thì Kê-răng-xki nắm chính

quyền. Lê-nin chủ trương trước hết là giải thích, giải thích, giải thích.

Và Bác kết luận : Như ở ta, muốn đánh Pháp, Nhật thì ai vác súng ? Ai là người tự nguyện, tự giác vác súng ? Ta phải có quần chúng giác ngộ chính trị tự nguyện vác súng thì mới thắng được.

Vì chủ trương này nên Bác phân công hầu hết số 60 thanh niên đi các nơi hoạt động, như những luồng gió thổi bùng phong trào Việt Nam chống Pháp, kháng Nhật ở các địa phương lên.

Bác rất coi trọng công tác quần chúng. Bác thường nói : Ta ở bí mật nhưng không bí mật với quần chúng được. Trái lại, phải lấy quần chúng làm cái bình phong che đậy cho mình, báo tin cho mình. Bác thường dặn chúng tôi hết sức chú ý phong tục địa phương. Nơi nào có tục ăn thề thì cán bộ phải ăn thề với đồng bào.

Bác tiết kiệm đến cực độ. Bác yếu mà không chịu ăn cơm riêng, vẫn ăn độn ngô với anh em. Tôi đi công tác về, thấy Bác vẫn ăn ngô, phải họp hội nghị ra quyết nghị Bác phải ăn cơm. Nằm, Bác cũng nằm ổ cỏ gianh như mọi người, Bác bị ghẻ. Chúng tôi phải đốt cỏ gianh đi, thay ổ mới để Bác nghỉ. Bác đề xuất vấn đề phải bán báo Việt Nam độc lập của đoàn thể. Bán một xu thôi. Quần chúng có mua mới quý tờ báo, chịu đọc báo. Hội viên cứu quốc cũng đóng nguyệt phí một xu.

Ngày Tết quần chúng trong làng lên chúc Tết đủ mặt. Các chị phụ nữ mỗi người mang một cái làn đựng thẻ hương và quả bánh, kéo từng đoàn đến lễ Tết. Bác vẽ một ảnh Phật treo trên vách đá cho quần chúng có chỗ lễ. Ai đến Bác cũng phong bao giấy đỏ cho mỗi người một xu. Bác giải thích : một xu này là của đoàn thể cho. Nó là xu nguyệt phí của các đồng chí, xu mua báo của các đồng chí. Các đồng chí cầm đồng xu, quý đồng xu không phải vì nó là tiền, mà là để nhớ đoàn thể, có trách nhiệm với đoàn thể.

Tháng 5-1941, Trung ương họp Hội nghị lần thứ Tám, có Bác, các anh Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh, Phùng Chí Kiên, Hoàng Quốc Việt, hai đại biểu Trung Kỳ và tôi. Công việc của hội nghị có tính chất quyết định đến phong trào như thế nào, ta đã nói đến nhiều. Chỉ nhắc vài nét nhỏ về Bác. Trong hội nghị, Trung ương đề nghị Bác viết bài hiệu triệu đồng bào, và đem in đá ở Long Châu, một bên là chữ nho, một bên là chữ quốc ngữ. Tên Bác không in mà khắc dấu đóng sau. Đó là bài hiệu triệu của cụ Nguyễn Ái Quốc, đã làm nức lòng đồng bào suốt từ Nam chí Bắc hồi tiền khởi nghĩa.

Trong hội nghị này cũng bàn việc lập Mặt trận, Bác phát biểu : Lập Mặt trận thì đồng ý rồi, nhưng lập Mặt trận gì ? Các đồng chí nói lập Mặt trận dân tộc thống nhất. Bác bảo nên lấy tên Mặt trận gì gợi lòng yêu nước và chí căm thù của đồng bào toàn quốc. Do đó mới quyết định lấy tên là Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh.

Lập xong Mặt trận là đã có tinh thần tích cực chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ Tám, có nghị quyết rồi, làm thế nào phổ biến được nghị quyết ?

Tài liệu thì dài, lại phải phổ biến bí mật. Làm thế nào đây ? Bác giữ anh Trường Chinh và anh Hoàng Quốc Việt ở lại để cắt. Cắt xong thì đánh máy, đánh máy xong thấy còn dài, lại cắt. Lại đánh máy. Các anh phải sốt ruột lên vì cắt nhiều. Cuối cùng còn lại có mấy trang, rất cô đọng, phổ biến rất nhanh, rất tốt. Lúc đó là cuối tháng 5 năm 1941.

Hội nghị Trung ương lần thứ Tám họp xong ít ngày thì phát xít Đức tấn công Liên-xô, Bác phân tích tình hình quần chúng, địa hình và khí hậu Liên-xô, rồi kết luận : ngày xưa thời Nga hoàng, nước Nga rất yếu, mà Na-pô-lê-ông nổi danh vô địch cũng bị bại trận khi đánh Nga. Nay Liên-xô là cộng sản, tổ chức rất cao, chế độ rất tốt, quần chúng rất giác ngộ, nhất định sẽ đánh bại và tiêu diệt phát xít.

Bác vẽ cho báo Việt Nam độc lập một hình đồng chí Sta-lin đánh nhau với Hít-le, đồng chí Sta-lin vật Hít-le xuống và ngồi đè lên trên, để quần chúng hiểu mau rằng Liên-xô sẽ thắng.

Bác lại viết nhiều bài thơ ca cũng nói lên ý đó.

Cơ sở trong nước lúc bấy giờ rất mạnh. Giặc Pháp ngoài việc khủng bố, còn tìm cách dụ dỗ lừa bịp quần chúng, cố gây ra một phong trào đầu thú. Bắt ép được vài ba người đầu thú, chúng không bắt bớ gì, mà lại cho vài cân muối rồi tha về. Tình hình ấy có thể nguy hại.

Tôi bàn với anh Đồng và anh Giáp đưa cán bộ xuống phân tích rõ tác hại của việc đi đầu thú, đồng thời cũng bày cách cho quần chúng, nếu bị chúng bắt đi đầu thú thì làm thế nào để khỏi vỡ cơ sở, mà vẫn lấy được muối ăn. Quần chúng làm theo, và do đó không bị thiệt hại.

Ở chiến khu, Bác vẫn mở các lớp huấn luyện cho cán bộ, và chuyên chú viết sách tuyên truyền. Bác viết các sách Tam-tư, Ngũ-tự, lại làm một quyển địa dư các tỉnh và một quyển lịch sử Việt Nam bằng thơ lục bát. Quyển sử chép từ đời Hồng Bàng cho đến thời Pháp thuộc, đằng cuối sách có mục lục ghi rõ thời kỳ nào có phong trào gì chống đế quốc Pháp. Cuối cùng Bác ghi Việt Nam độc lập năm 1945. Các đồng chí đọc sách bàn tán rất nhiều niên hiệu đó. Có đồng chí phàn nàn sao chậm thế, có đồng chí lại cho thế là sớm quá. Bác chỉ bảo : ờ ờ để rồi xem xem.

Sau đó, cơ quan rời Pắc Bó về tỉnh lỵ Cao Bằng, khi di chuyển, đi đêm, bị lạc anh em lủng củng gắt nhau. Bác cười bảo : lạc càng biết thêm nhiều đường chứ sao. Tây nó đuổi càng lắm lối chạy. Thế là mọi người lại vui. Khi về Pắc Bó, sáng nào Bác cũng tập thể dục. Bác có hòn cuội, tròn như quả quýt, luôn cầm ở tay, bóp vào lại xòe ra. Về Cao Bằng Bác vẫn mang theo. Tới cơ quan mới, Bác bắt đầu dịch từ Trung văn ra bộ lịch sử Đảng cộng sản (Bôn-sơ-vích) Liên-xô.

Bác nhìn vào sách dịch rồi đánh máy luôn ra, không có bản nháp. Cái máy chữ cũ Bác vẫn mang theo luôn bên mình. Dịch xong bộ sử đó, Bác tổ chức ăn mừng, nghĩa là bữa ăn có thịt và rau tươi.

Giặc Pháp vẫn ráo riết lùng cơ sở ta. Chúng thả mật thám như rươi. Các anh Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm thường bàn mật với nhau, có ý muốn "xịt" một vài thằng "chó"nguy hiểm. Một buổi Bác triệu tập hai anh đến học chính trị. Bác lấy lịch sử Đảng cộng sản Liên-xô ra bảo các anh nghiên cứu đoạn Lê-nin viết chống việc ám sát cá nhân. Hai anh ngẩn người, thầm thì với nhau : quái, sao mới dự định mà ông Cụ đã biết ?"[6]

*

* *

"Hôm đó là ngày mồng 3 tết. Cả nhà tôi ăn cơm chiều xong, đang ngồi quây quần bên bếp lửa. Bên ngoài, trời tối dần. Nhìn ra đường đã không rõ nữa, mà trông lên các ngọn núi chung quanh nhà chỉ thấy một màu tối đen như mực. Thỉnh thoảng một cơn gió nổi lên, lạnh rùng mình. Tôi ngồi xích lại gần đống lửa. Lúc này chỉ nghĩ đến việc phải ra ngoài cũng đã đủ thấy ngại. Chợt dưới nhà có tiếng gọi lên :

- Đại Lâm có nhà không đấy !

Tôi nghe giọng đã biết ngay là các đồng chí Lê Quảng Ba và Hoàng Sâm rồi. Cả nhà tôi ai cũng biết hai đồng chí đó. Chính các đồng chí là những người đầu tiên đến tuyên truyền cách mạng ở vùng Pắc Bó này từ năm 1937.

Tưởng các đồng chí đến chơi chúc Tết, bố tôi mừng rỡ chạy ra cửa đón.

Lên nhà, chưa kịp ngồi uống chén nước, đồng chí Ba đã nói ngay :

- Chúng cháu có việc vội. Cụ cho chúng cháu mượn hai bộ quần áo, một cái nồi, một cái chiếu, vài cái bát đôi đũa để chúng cháu mang lên hang ở.

Giá ngày thường như vậy thì cả nhà tôi chẳng ai lấy làm lạ. Nhưng đằng này lại là ngày tết, sao lại vội vàng thế ? Bố tôi mới nghe đã lắc đầu, gạt đi ngay :

- Không được ! Tôi không để các đồng chí đi đâu cả ! – Vừa nói, bố tôi vừa kéo tay hai đồng chí ngồi xuống.

Nhưng đồng chí Ba, đồng chí Sâm vẫn nằn nì xin đi ngay. Bố tôi lại nói :

- Đã lâu ngày các đồng chí mới về, sao lại không ở chơi với chúng tôi ? Hay gia đình có điều gì thiếu sót thì các đồng chí bỏ qua cho. Hôm nay hãy cứ ở đây với chúng tôi. Ai lại lên hang ở lúc này cho rét mướt, vất vả !

Hai đồng chí cứ đứng tần ngần giữa nhà, không biết nói thế nào. Cuối cùng đồng chí Ba đành nói thật :

- Lâu nay chúng cháu vẫn nhờ bà con trong làng để sống và hoạt động. Từ đây về sau cũng thế. Nhưng hôm nay có mấy đồng chí lạ đến, xuống làng e không tiện cho việc giữ bí mật. Vậy xin cụ tha thứ cho chúng cháu.

Đến lúc đó bố tôi mới để cho các đồng chí đi. Nhưng khi các đồng chí đi rồi, bố tôi vẫn thắc mắc không yên. Tôi cũng thấy lạ. Tôi đã được đi theo đồng chí Ba từ lâu, mà lần này đồng chí Ba phải giữ bí mật như thế, chắc là có điều gì đặc biệt lắm. Cả đêm hôm đó, tôi thấp thỏm không ngủ được. Tôi nằm bên đống lửa, nghe gió rít ngoài trời lại càng thương các đồng chí phải ở trên núi đá, hang sâu lạnh lẽo. Bố tôi cũng không ngủ được, chốc chốc lại dậy hút thuốc và lầm bầm :

- Hảo nhân đa hữu nạn ! Người tốt lại thường gặp lắm gian nan !

Sớm hôm sau, trời mới mờ sáng, bố tôi đã bắt tôi đi thu xếp rượu thịt, bánh chưng, chè lam… cho vào một cái giỏ xách đi và dẫn bố tôi lên hang. Tôi cũng đang nóng biết chuyện mới lạ, nên đi nhanh lắm. Đường từ nhà tôi vào hang Cốc Bó cũng có chỗ khó đi, phải lội qua mấy cái suối, leo qua một vài dốc đá, nhưng hai bố con tôi đi băng băng, chỉ một chốc đã tới nơi. Đến gần hang, còn ở bên này suối, tôi đã trông thấy mấy người đang ngồi ở bãi nương dưới chân hang, bên bờ suối. Đến gần hơn, tôi trông rõ hai đồng chí già, râu dài, đang ngồi làm việc. Tôi thầm đoán : "Đây chắc là các đồng chí lão cách mạng".

Tôi còn đang ngắm nghía, suy nghĩ thì một trong hai đồng chí già đứng dậy ra bắt tay hai bố con tôi. Bố tôi chào lại, còn tôi thì cứ đứng ngây ra nhìn đồng chí già không chớp mắt. Tôi thấy đồng chí râu dài hơn có đôi mắt sáng ngời, cử chỉ nhanh nhẹn, vồn vã. Nhìn những người chung quanh tôi thấy ai đối với đồng chí già này cũng tỏ thái độ tôn kính lắm. Tôi nghĩ : "Đúng là một đồng chí lãnh tụ cao cấp rồi".

Trước đây tôi đã được nghe nói có đồng chí Nguyễn Ái Quốc là lãnh tụ của Đảng. Lúc này tôi thoáng nghĩ : "Hay là chính đồng chí này đây". Nhưng tôi nín lặng không dám hỏi ai. Tự nhiên trong lòng tôi thấy bồi hồi cảm động. Cách mạng đã mở ra cho tôi biết con đường phải đi tới. Bây giờ lại được thấy những đồng chí lãnh tụ già tuổi đời, cao tuổi Đảng về đây, chắc chắn cách mạng ngày càng mạnh và mau chóng thành công.

Bố tôi vẫn tiếp tục nói chuyện với Bác – vì đồng chí già đó chính là Bác kính yêu của chúng ta. Câu chuyện giữa hai người sôi nổi vui vẻ lắm. Bác hỏi thăm tình hình địa phương, việc làm ăn của nhân dân, sự khủng bố của kẻ địch…

Bố tôi đáp lại lời Bác :

- Bọn tổng lý, kỳ hào, lính dõng, thổ phỉ, ở đây ác lắm. Chúng ức hiếp nhân dân chúng tôi nhiều lắm !

Bố tôi nói xong, Bác nhẹ nhàng giải thích, đại ý :

- Tình cảnh nhân dân địa phương ta bị áp bức cũng là tình hình chung của toàn dân cả nước hiện nay. Bọn tổng lý, kỳ hào, lính dõng đúng là ác thật, nhưng nếu không có bọn đế quốc, không có thằng Tây thì bọn chúng chẳng làm gì được ta đâu.

… Nghe đến đây tôi mới nghĩ ra : "À, thế là từ trước đến nay mình chưa thấy hết tội ác của bọn đầu sỏ, mà chỉ thấy bọn tay chân của chúng thôi. Cũng như đóng một cái đinh vào gỗ thì phải có búa, nhưng mình chỉ thấy đinh mà không thấy búa. Mỗi lần bọn thổ phỉ hoặc bọn lính dồn đến cướp bóc thì mình chỉ nghĩ làm sao đánh đuổi được bọn chúng đi thôi. Còn mấy thằng Tây trên đồn Sóc Giang họa hoằn mới đến làng và cái bọn thống trị chung cả nước, thì mình lại chưa biết đến nó sâu sắc. Đúng là tầm mắt mình còn hẹp quá".

Tôi lại chăm chú nghe, Bác nói thêm, đại ý là :

- Muốn đánh đổ bọn thống trị làm cho đời mình khỏi khổ thì không phải chỉ nhân dân Pắc Bó làm cách mạng là được. Phải đoàn kết toàn dân, già, trẻ, trai, gái cả nước thành một sức mạnh, lợi dụng lúc bọn đế quốc đang bị suy yếu trong cuộc chiến tranh thế giới mà đứng lên đánh đuổi chúng đi, giành lại độc lập cho Tổ quốc, thực hiện dân tộc bình đẳng, nam nữ bình quyền, tự người mình trông nom lấy đất nước của mình.

Nghe Bác, tôi cảm thấy đầu óc được sáng thêm ra. Mỗi lời nói của Bác làm cho tôi càng thấy rõ tương lai đất nước, lại như nhắc nhủ tôi phải học nhiều, hiểu biết nhiều hơn nữa, mới có thể làm cách mạng được.

Hôm ấy Bác bảo bố con tôi ở lại ăn cơm. Đồng chí cấp dưỡng của Bác đem thức ăn ra. Tôi thấy có rau cải, rau rừng, ốc suối – món ốc này chính Bác và các đồng chí ở đây đi mò lấy. Tôi cũng không ngờ món ăn ngày tết của các đồng chí chỉ có thế. Như hiểu ý bố con tôi, Bác nói :

- Hôm nay được cụ mang cho rượu, bánh, thịt, thế là tết đầy đủ lắm rồi.

Bố tôi cứ nằn nì mời Bác và các đồng chí xuống ở với dân làng, với gia đình cho đỡ vất vả.

Bác vừa cười vừa nói :

- Ăn tết thế này là tết gia đình rồi đấy. Vẫn biết các cụ và bà con trong làng rất tốt, nhưng ở đây tiện công tác, tiện giữ bí mật… Bà con không có gì đáng ngại cho chúng tôi cả.

Bố tôi lại hỏi :

- Đồng chí đã nhiều tuổi rồi mà vẫn còn đi hoạt động được à ?

Bác lại cười và nói :

- Tôi già rồi, nhưng nhiệm vụ cách mạng còn đòi hỏi nên tôi vẫn hoạt động. Cụ cũng già rồi mà cụ vẫn làm cách mạng đấy thôi.

Bố tôi lắc đầu :

- Tôi suốt ngày chỉ quanh quẩn ở nhà, được việc gì đâu mà bảo làm cách mạng ?

- Cụ đã làm nhiều rồi đấy – Bác vui vẻ nói – Lâu nay cụ vẫn giữ bí mật, chăm lo chỗ ăn chỗ ở cho cán bộ, cụ lại vẫn trông nom gia đình để cho con cháu tham gia hoạt động, thế là cụ đã làm nhiều việc cho cách mạng rồi. Chỉ có bây giờ

chúng ta cùng nhau cố gắng hơn nữa, làm cho toàn dân đoàn kết đứng lên, đánh đuổi bọn phát xít Nhật và bọn đế quốc Pháp, thì nhân dân ta mới được no ấm hạnh phúc…

Ở chỗ Bác về, cả hai bố con tôi đều im lặng. Chắc bố tôi cũng đang suy nghĩ nhiều về những lời Bác nói. Tôi cũng thế. Con người tôi như mới được tiếp thêm một sức mạnh mới. Trong bụng vui mừng phấn khởi. Cảnh vật chung quanh như thêm tươi đẹp. Những cơn gió lạnh đầu xuân không còn làm cho tôi thấy rét buốt nữa. Mặt trời đã hiện lên đỉnh núi rồi.

*

* *

Từ hôm được gặp Bác, tôi cảm thấy như không muốn rời Bác. Tôi muốn được nghe Bác nói nhiều, được Bác dạy bảo thêm. Nhưng, tôi chưa biết làm thế nào để được gần Bác. Hằng ngày tôi vẫn vào làm ở trong một đám nương chỉ cách chỗ hang của Bác một con suối. Một vài buổi đầu tôi vừa làm, vừa nhìn sang bên phía hang để xem các đồng chí làm việc. Vài hôm sau, tôi mon men dần dần đến chỗ Bác ở. Mỗi khi thấy tôi đến, dù bận đến đâu Bác cũng dừng tay lại, hỏi :

- Đại Lâm đến có việc gì thế ?

Mới đầu tôi còn tìm được câu trả lời : "Cháu đến thăm các đồng chí". Sau tôi không biết trả lời thế nào nữa. Chắc Bác cũng hiểu nguyện vọng của tôi nên mỗi lần tôi đến, Bác thường giữ tôi lại, và nói chuyện cho tôi nghe. Bác còn bày cách cho tôi :

- Hôm nào chú làm cả ngày ở đây thì mang gạo lên gửi đồng chí Lộc nấu ăn chung rồi trưa nghỉ lại nói chuyện được nhiều hơn. Như vậy đỡ mất thì giờ đi lại mệt nhọc.

Tôi nghe Bác nói như mở cờ trong bụng. Tôi thấy mình là một thanh niên mới tham gia hoạt động cách mạng được vài năm, nay được các đồng chí lãnh đạo chú ý dìu dắt, giáo dục thì thật là một điều vinh hạnh. Cho nên, dù công việc nhà bận đến đâu, tôi cũng cố gắng hằng ngày đi sớm vào chỗ Bác, đến tối mịt mới về. Có hôm nghe dở câu chuyện, tôi xin ngủ lại trên hang với Bác và Bác cũng đồng ý.

Thời gian này Bác dạy tôi nhiều điều. Chuyện của Bác không bao giờ hết. Bác giảng cho tôi nghe về tình hình thế giới, tình hình trong nước và con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Có những vấn đề, lúc đầu tưởng xa xôi khó hiểu, nhưng sau nghe Bác nói tôi cứ sáng ra dần, và càng ham thích tìm hiểu rộng thêm. Như có lần Bác nói về tình hình thế giới, Bác hỏi tôi :

- Chú đã biết thủ đô các nước lớn như Liên-xô, Anh, Pháp, Đức chưa ?

Tôi lắc đầu nói :

- Công việc trước mắt còn chưa kịp làm nữa là những chuyện đó !

Bác vừa cười, vừa giải thích cho tôi, đại ý như sau :

- Cách mạng của ta liên quan đến cách mạng thế giới, nên không thể chỉ biết một nước mình được. Hiện nay, bọn phát xít Đức đang tấn công Liên-xô, nhưng Hồng quân Liên-xô nhất định đánh đến cùng phát xít Đức không thể tiến vào thủ đô Mạc Tư Khoa được. Tổ quốc cách mạng thế giới nhất định đứng vững. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng đón thời cơ. Hồng quân đang tiêu hao dần quân Đức, làm cho chúng suy yếu, đến lúc nào đó sẽ phản công đuổi chúng một mạch đến tận thủ đô Bá-linh của chúng, lúc đó đại chiến sẽ chấm dứt. Đó cũng là thời cơ cho cách mạng Việt Nam nổi dậy.

Thì ra Bác hỏi thủ đô các nước là để dẫn tôi đến chỗ hiểu sự liên quan giữa tình hình thế giới và cách mạng ta. Từ đó, những tên thủ đô Mạc Tư Khoa, Bá-linh, v.v… là những tên tôi nhớ như in không thể nào quên được.

Một điều Bác hay hỏi đi hỏi lại, và cũng là điều tôi nhớ nhất là : " Đi làm cán bộ, đảng viên thì phải giữ vững đạo đức cách mạng. Phải làm cho dân tin, dân yêu, dân phục. Làm cho dân tin, nghĩa là phải trung thành, thực thà. Làm cho dân phục, nghĩa là phải đứng trước quần chúng khi nguy nan khó khăn. Làm cho dân yêu nghĩa là phải kính già yêu trẻ, đứng đắn với phụ nữ, bình đẳng với mọi người. Lại phải cần kiệm liêm chính, nhân nghĩa, trí, dũng,…"

Đạo đức cách mạng đó không những tôi được nghe Bác nhắc đi nhắc lại, mà tôi còn học tập được ngay ở bản thân Bác. Có đến hang Cốc Bó mới thấy hết điều kiện sống của Bác ở đây rất gian khổ. Cái hang của Bác ở trên núi cao, từ bờ suối trèo lên phải qua một quãng dốc khá dài, có cây rậm rạp vít chặt lối đi, hễ mưa xuống là trơn nhẫy và vắt ra nhiều như trấu. Lên đến cửa hang, muốn vào trong còn phải chui sâu xuống dưới không bám chắc tay có thể tụt, ngã.

Chỗ hang Bác ở chật chội, có hai ba ngách nhỏ. Trong một ngách có tảng đá to, Bác gác vài cái que, rải lá lên làm giường nằm. Không khí ở hang ẩm thấp. Ngày nắng ráo còn khá, những hôm trời mưa rét ẩm ướt, nằm trong hang cảm thấy lạnh buốt thấu xương. Những giọt nước mưa tụ lại ở trên đỉnh hang rơi xuống lách tách như không bao giờ dứt. Cũng có lúc tôi nghĩ : cho mình ở thế này mấy ngày liền chắc cũng khổ sở lắm. Tôi sinh ra và lớn lên ở trên vùng rừng núi, nhìn cảnh đó đã thấy ngài ngại. Còn Bác tuổi đã nhiều, người lại gầy yếu thế mà Bác vẫn ung dung không lúc nào tỏ ra mệt nhọc.

Tối nào cũng mười giờ hơn hoặc mười một giờ Bác mới đi ngủ. Sớm ra mới độ bốn rưỡi hoặc năm giờ, sương trên núi chưa tan, Bác đã dậy thu xếp đồ đạc, rồi chạy xuống bờ suối tập thể dục và cuốc đất làm vườn. Có hôm Bác đi chơi núi, Bác leo núi rất khỏe, thanh niên còn khó mà theo kịp. Bác còn làm mọi công việc lao động như : lấy ống bương đi xách nước nấu cơm, đi hái rau rừng, câu cá, mò ốc… Bác thường mặc bộ quần áo Nùng màu chàm, ống tay rộng. Thức ăn của Bác chỉ có rau bí, rau cải, rau rừng, măng đắng một phần do nhân dân biếu,

còn phần lớn là tự túc… Họa hoằn mua được một ít thịt thì lọc hết mỡ đem rán để dành, còn thịt nạc băm nhỏ, xào thật mặn, mỗi bữa ăn một tí. Những tháng giáp hạt, nhân dân ăn độn ngô thì Bác cũng ăn độn ngô, có khi phải ăn cả thứ ngô non xay để lâu đã bị chua.

Bác đọc rất nhiều sách, viết nhiều tài liệu, lại còn dành thời giờ trực tiếp huấn luyện cho cán bộ. Những hôm trời nắng, Bác thường ra ngồi bờ suối làm việc. Bác lại hay làm thơ nữa. Những câu thơ sau đây, hồi đó tôi được Bác đọc cho nghe, bây giờ tôi vẫn nhớ như in :

"Sáng ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang"

Lúc đó, tôi chưa hiểu hết được ý nghĩa sâu sắc của những câu thơ Bác làm, rôi chỉ mang máng thấy tinh thần lạc quan, tin tưởng, yêu đời của Bác. Gần Bác, cứ mỗi ngày tôi lại học thêm được những bài học sống. Tôi tự nghĩ mình đã tham gia cách mạng lại mang danh là cán bộ, đảng viên mà chưa làm được gì mấy cho cách mạng và so với đạo đức sáng ngời của Bác thì mình chưa có mảy may. Tôi hồi tưởng lại lúc tôi mới vào Đảng. Hồi đó là tháng 4 năm 1940, tôi và một số đồng chí hội viên Cứu quốc đã được kết nạp cùng một lúc, mặc dù chúng tôi mới chỉ có lòng tin yêu Đảng, chứ chưa được nghiên cứu kỹ điều lệ, tôn chỉ, mục đích cho thông suốt. Lễ kết nạp như vậy cũng là phổ biến ở một số vùng của Cao Bằng hồi đó. Bác đã phê bình ngay việc phát triển Đảng một cách ồ ạt như trên, Bác nói đại ý :

- Nhà phải có cột mới vững. Đoàn thể cách mạng cũng phải có cột mới vững – cột đó là Đảng. Con số đảng viên của Cao Bằng hiện nay đã có tới mấy trăm, nếu như vậy thì cách mạng sắp nổ ra đến nơi rồi. Phải củng cố lại, làm cho Đảng vững mạnh hơn nữa…

Có lần Bác hỏi tôi :

- Chú có biết chủ nghĩa cộng sản là thế nào không ?

Tôi lúng túng không biết trả lời ra sao – vì tôi đã được nghe ai nói rõ ràng đâu. Sau bí quá, tôi đành phải nói :

- Cộng sản là đánh Tây, đánh thổ phỉ, không cho chúng cướp bóc.

Bác khen tôi trả lời có điều đúng, nhưng chỉ mới là việc trước mắt, chưa thấy rõ con đường cách mạng lâu dài. Rồi Bác nói cho tôi nghe nguồn gốc từ đâu mà có chủ nghĩa cộng sản. Bác giảng thêm, đại ý : Hiện nay chúng ta còn khổ là do còn có giai cấp áp bức bóc lột. Chủ nghĩa cộng sản là đi đến xóa bỏ giai cấp không còn áp bức bóc lột, đi tới một thế giới đại đồng, mọi người đều được hưởng hạnh phúc… Bác đã mở cho tôi thấy cả một tương lai rực rỡ.

Rồi Bác lại hỏi tôi :

- Đảng ta là Đảng gì ?

Chỗ này tôi lại càng ít được nghe, tôi chỉ biết Đảng là Đảng thôi, nên tôi không trả lời được.

Bác giảng giải cho tôi :

- Đảng ta là Đảng cộng sản Đông Dương, là một chi bộ của Quốc tế cộng sản…

Tôi thích nhất khi nghe Bác nói, đại ý :

- Hiện nay đã có những nước có Đảng như ta rồi, nhưng cũng có nơi phong trào còn gặp nhiều khó khăn ; còn Đảng ta ra đời tiếp thu được nhiều kinh nghiệm các Đảnh anh em và đã anh dũng chiến đấu có thành tích vẻ vang nên được Quốc tế cộng sản công nhận rồi…

Thế là qua nhiều lần được nghe Bác, tôi dần dần hiểu rõ về Đảng, về chủ nghĩa cộng sản, về đạo đức của người đảng viên. Tuy những hiểu biết của tôi lúc đó chưa phải là đầy đủ, nhưng tôi cảm thấy con người của mình lớn thêm một bước. Tôi lại nhận rõ một điều : muốn xứng đáng là cán bộ, là đảng viên, tôi còn phải học tập, phải cố gắng nhiều hơn nữa.

Cũng từ ngày đó, chúng tôi say sưa lao vào công tác. Chúng tôi tích cực đi tuyên truyền quần chúng để tổ chức vào Hội, vào Đảng. Bác thường dạy bảo chúng tôi : Muốn tuyên truyền quần chúng, phải làm theo đúng 5 bước công tác, không được bỏ sót bước nào. Phải gây được cảm tình trước đã, rồi mới nói đến cách mạng, nói đánh Tây, tổ chức hội… Mỗi khi tuyên truyền được ai, chúng tôi lại về báo cáo với Bác, Bác chăm chú nghe, bảo chúng tôi kể lại đúng từng lời nói của quần chúng. Sau đó, Bác nhận xét cách làm của chúng tôi, rồi vạch ra cho chúng tôi phương hướng tiếp tục tiến hành. Đối với những lời nói tốt, xấu của quần chúng, Bác đều phân tích để đề ra kế hoạch giáo dục cho sát. Bác thường nói : "Đối với nhân dân quần chúng phải kiên nhẫn giáo dục một lần không được thì hai lần, nếu cần tới trăm nghìn vạn lần cũng không được nản".

Từ chỗ Pắc Bó chỉ có một vài đảng viên, qua một thời gian phát triển, chi bộ đầu tiên ở Pắc Bó được thành lập. Thế là Pắc Bó đã có tổ chức Đảng lãnh đạo, đó chính là hạt giống đỏ đầu tiên ở Pắc Bó do Bác trực tiếp gieo trồng.

Giữa lúc chúng tôi đang say sưa với những thắng lợi bước đầu của phong trào, thì cũng là lúc quân địch đã đánh hơi thấy hoạt động của cách mạng và ra sức chuẩn bị đánh phá các cơ sở vùng Pắc Bó. Nhưng Bác đã kịp thời họp chúng tôi lại. Sau khi nêu một số tình hình địch, Bác nói đại ý :

- Các đồng chí phải thận trọng, phải chuẩn bị chống khủng bố. Chúng có thể mở một cuộc khủng bố lớn. Nếu cơ sở quần chúng có bộ phận nào bị tan vỡ, thì các đồng chí cũng không bi quan. Thắng không kiêu, bại không nản, phải luôn luôn tin tưởng vào nhân dân, vào cách mạng…

Bác lại vạch ra kế hoạch chống khủng bố :

- Phải chuẩn bị địa điểm, tổ chức người cất giấu đồ đạc, làm vườn không nhà trống. Tổ chức canh gác, tập báo động, thông tin, truyền tin chu đáo. Chuẩn bị sẵn cả những căn cứ cho các bộ phận lãnh đạo. Đối với nhân dân quần chúng, phải chia từng khu vực, từng bộ phận, phân công cán bộ đến bám sát, sống chết với quần chúng. Phải chú ý lựa chọn và bồi dưỡng các hội viên trung kiên được càng nhiều càng tốt ; trong 100 người, yêu cầu nắm ít nhất 3 người trung kiên – tức là những người suốt đời sẽ đi với cách mạng. Khó khăn, gian khổ thế nào cũng không chùn bước. Phải bồi dưỡng trước những người đó để họ làm gương mẫu trước quần chúng, rồi qua mỗi lần chống khủng bố lại thử thách, sàng lọc lấy thêm những phần tử trung kiên…

Việc bồi dưỡng trung kiên này được Bác hết sức chú trọng. Làm việc gì, ở đâu, và trong bất cứ trường hợp nào. Bác cũng nhắc chúng tôi phải thực hiện cho kỳ được.

Bác không quên nhắc đến lực lượng tự vệ. Bác dặn đi dặn lại :

- Lực lượng vũ trang tự vệ phải được nâng cao về chất và mở rộng về lượng hơn nữa, nhưng khi có lệnh, mới được đánh, chưa có lệnh không được đánh. Diệt địch phải có thời cơ. Lúc này phải chuẩn bị lực lượng và bảo toàn lực lượng của mình cho tốt.

Nghe Bác nói, một số cán bộ đảng viên chúng tôi lúc đầu vẫn chưa thật thông suốt. Tôi thầm nghĩ : Phong trào cách mạng đang lên phơi phới. Tổng lý, kỳ hào và cả một số lính đồn đã vào hội theo ta, chính quyền địa phương, từ thôn đến xã coi như đã ở trong tay cách mạng. Suốt ngày đêm, các hội cứu quốc tha hồ khai hội… Thằng địch đã co vòi lại. Như vậy thì còn sợ gì nó nữa mà phải lo lắng đến chuyện chống khủng bố ?

Tôi nghĩ như thế mà không dám hỏi Bác. Một số đồng chí khác cũng có ý nghĩ như tôi. Có đồng chí lại còn nói cứng rằng : "Cứ hẹn nhau đến một ngày hoặc một đêm nào đó, có hiệu lệnh thống nhất tất cả nổi lên giết hết bọn Pháp trên đồn Sóc Giang, thế là cách mạng thành công, Việt Nam nhất định độc lập…".

Mấy ngày sau, chúng tôi vẫn chấp hành ý kiến của Bác, nhưng trong bụng chưa thật thoải mái. Một hôm, chúng tôi mạnh dạn nói điều đó ra với Bác. Bác ôn tồn giải thích, đại ý :

- Cách mạng với đế quốc như nước với lửa. Đế quốc như nồi nước, cách mạng như ngọn lửa. Nước với lửa bao giờ cũng mâu thuẫn nhau. Lửa cháy càng mạnh, nước sẽ sủi bọt, đến một lúc nào đó, nó trào ra, làm cho lửa tạm thời tắt đi, phải nhóm lại. Lúc đó lửa lại bốc lên, rồi nước lại có thể trào ra làm lửa lụi đi lần nữa. Nhưng, nếu ta cứ kiên nhẫn nhóm lửa, nhóm đi nhóm lại và đun mãi, nhất định nước cũng phải cạn, đến cả nồi gang cũng phải cháy. Đối với bọn đế quốc cũng như thế. Khi ngọn lửa cách mạng đốt vào chúng, chúng sẽ quay lại khủng

bố, nhưng phải kiên quyết chống lại, cũng như kiên quyết nhóm lửa không cho lửa tắt, thì đế quốc nhất định sẽ thất bại…

Những hình ảnh cụ thể Bác gợi lên đã làm cho chúng tôi hiểu rõ và nhớ như chôn chặt vào ruột. Dân chúng tôi từ xưa đã quen dùng nồi gang, chảo gang, đã có những lần đun quá lửa đến nỗi nồi gang, chảo gang cũng vỡ, cho nên Bác nói là chúng tôi hiểu ngay.

Chúng tôi lại hỏi thêm :

- Còn việc tổ chức các hội viên trung kiên, cứ tổ chức rộng ra 100 người sau chỉ cốt còn 3 người cũng được, như vậy thì tổ chức rộng ra làm gì cho thêm khó khăn ?

Bác lại bảo, đại ý :

- Khó thế nào thì khó vẫn phải có mặt tuyên truyền tổ chức quần chúng rộng rãi, một mặt giữ vững trung kiên, đã là trung kiên thì tất nhiên là họ sẽ đứng vững. Nhưng nếu có khó khăn chỉ còn được 3 người cũng được, mà bất đắc dĩ không còn ai nữa cũng không vì thế mà bây giờ không làm.

Chúng tôi chưa hiểu thế nào, Bác lại giải thích thêm, đại ý :

- Nếu trung kiên có bị tan không còn giữ được ai chăng nữa, thì ít nhất những người đó cũng đã hiểu là có cách mạng, có đoàn thể Việt Minh đang lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Rồi từ đó, họ sẽ nghĩ lại và dần dần họ sẽ cùng với quần chúng tự động đứng lên tiếp tục làm cách mạng.

Lòng quyết tâm xây dựng trung kiên của Bác mãi sau này tôi mới thấy rõ tác dụng. Có những thời kỳ, ở vùng Lục Khu giáp với Pắc Bó, địch khủng bố mạnh, cơ sở quần chúng tan vỡ hết, chỉ còn lại hai quần chúng trung kiên. Hai quần chúng này cũng phải chạy bạt sang bên kia biên giới. Nhưng phong trào ở Lục Khu không phải tan rã hẳn rồi dần dần lại phục hồi. Khi giặc rút, quần chúng trung kiên lại trở về lãnh đạo làng bản. Đến khi Nhật đảo chính Pháp, cán bộ chưa về kịp, quần chúng ở đây đã tự động đứng lên đánh đuổi bọn Pháp và tay chân của chúng.

Còm một vấn đề nữa từ lâu chúng tôi vẫn băn khoăn nhân lúc này, cũng đem nốt ra hỏi Bác :

- Súng đạn mình ít thế này thì làm thế nào chống khủng bố có kết quả. Mà làm thế nào cho nhân dân tin tưởng được ?

Đó cũng là thắc mắc phổ biến của cán bộ, đảng viên và quần chúng Pắc Bó lúc bấy giờ. Mỗi khi chúng tôi đi tuyên truyền tổ chức quần chúng, trước hết người ta nói : "Tây nó ác, nó khỏe lắm, dân mình chỉ biết đi cày, không đánh được đâu !". Hoặc đến lúc muốn đánh Tây rồi, người ta lại hỏi : "Đánh Tây thì súng đâu mà đánh ?".

Gặp câu hỏi đó là chúng tôi bí, có khi không biết nói thế nào, vì chính mình cũng mong được một khẩu súng như trẻ mong quà của mẹ đi chợ về.

Nghe chúng tôi hỏi, Bác đáp :

- Chẳng việc gì phải lo thiếu súng. Muốn đánh được giặc thì lấy súng giặc, dùng binh lính giặc mà đánh.

Chúng tôi chưa kịp suy nghĩ thì Bác đã hỏi :

- Chú thấy trên đồn Sóc Giang có bao nhiêu lính ?

- Độ bảy, tám chục tên.

- Trong số đó có bao nhiêu thằng Tây ?

- Có ba, bốn thằng, kể cả quan lẫn đội xếp.

Bác nói tiếp :

- Vậy bảy, tám chục lính người Việt Nam ấy có diệt được ba, bốn thằng Tây kia không ?

- Làm gì chả được – Tôi vội vàng trả lời.

Đến đây Bác mới giải thích cho chúng tôi, đại ý là :

- Quân địch hiện nay còn mạnh mà đoàn thể ta còn nghèo, không thể một lúc làm ra đầy đủ súng đạn. Nếu ta đem quân đánh thẳng vào đồn của nó thì khó. Mà cán bộ mình cố tìm cách vào gặp lính trong đồn nó cũng không dễ gì. Nhưng phải nhớ một điều là họ có gia đình. Khắp toàn quốc ở thành phố, nông thôn, đâu cũng có gia đình họ và tổ chức của ta. Mình cứ việc đến tuyên truyền, giải thích để họ bảo anh em, chồng con của họ. Như vậy binh lính khắc dần dần giác ngộ, đến lúc nào đó, họ sẽ cùng ta vùng dậy đánh đuổi bọn thống trị. Thằng Tây lúc đó dù có ba đầu sáu tay cũng sẽ bị tiêu diệt, và súng đạn lúc đó muốn lấy bao nhiêu cũng sẽ có, nghĩa là : "Có dân thì rồi sẽ có cả".

Tôi nghe Bác nói mà khoan khoái trong lòng ! Thế mà từ trước đến nay đầu óc mình chưa nghĩ ra những chuyện to lớn mà đơn giản như vậy, do đó mà cứ loanh quanh không có lối thoát.

Bác lại nhấn mạnh thêm, đại ý :

- Điều quan trọng hơn cả là phải có quyết tâm. Có súng thì dùng súng, không có súng thì dùng gậy, dùng hết gậy thì dùng dao, nếu hết dao thì dùng đầu, đầu đau thì dùng răng. Mấy chục triệu dân Việt Nam ta mà một lòng kiên quyết như thế thì bọn đế quốc thế nào cũng phải chết…" [5]

*

* *

"… Trên đường chúng tôi đi, anh em Cao Bằng đã bố trí canh gác. Chúng tôi gặp tỉnh ủy, dặn anh em đề phòng cẩn thận hơn nữa, đặt mối liên lạc khắp nơi để nắm sát tình hình địch, chuẩn bị đối phó với mọi sự bất trắc. Rồi liên lạc đưa chúng tôi theo đường rừng, đi mãi, đi mãi đến một vùng rất hẻo lánh, trèo qua một đám ruộng bậc thang, rồi men theo con đường suối lượn vòng vèo, vào đến một khe rừng sâu thẳm, ở lọt thỏm giữa ba bề vách núi đá. Từ xa đã trông thấy một ông già mặc áo chàm, giá không để ý thì cũng tưởng như bao nhiêu ông cụ

già khác trên này. Ông cụ ra đón chúng tôi, cười vui vẻ lắm. Tôi để ý nhìn : ông cụ người gầy nhưng mắt sáng, trán cao, có chòm râu hơi thưa, đen, đẹp. Đến tận lúc bấy giờ, các anh phụ trách trong đoàn mới cho tôi biết :

- Đại biểu quốc tế đấy. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đấy.

Biết là được gặp đại biểu quốc tế trong bụng đã sẵn mừng, đại biểu quốc tế lại chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc nữa, mừng này lại càng không biết nói sao cho hết. Nguyễn Ái Quốc, tên ấy là tin tưởng sâu xa của toàn thể đảng viên, toàn thể quần chúng của Đảng, của tất cả mọi người Việt Nam dưới thời nô lệ không quên nhục mất nước, của bất cứ ai còn có lòng với dân, với nước. Tôi hồi nhớ khi còn ngoài Côn Đảo, được tin Nguyễn Ai Quốc bị bắt ở Hương Cảng, tất cả chúng tôi vô cùng lo lắng. Đến khi đồng chí, nhờ sự hoạt động ráo riết của Quốc tế cứu tế đỏ, thoát khỏi tay mật thám Anh, tin ấy vừa đến đảo, ai nấy thở phào mừng rỡ. Trong bao nhiêu năm anh em hoạt động vẫn thường nói đến tên đồng chí, với sự tin phục, kính ái khác thường. Thật ít ai dám nghĩ đời mình lại có dịp gặp người chiến sĩ ưu tú của phong trào chung ấy. Cho nên, khi gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc ra bắt tay chúng tôi từng người một, lòng tôi xúc động hết sức, không biết xưng hô bằng gì, tay tôi nắm chặt lấy tay Người. Tiếng nói nghẹn ngào của tôi lúc ấy, Bác đến giờ còn nhớ, đôi khi vui chuyện, Bác lại cười nhắc đến : "Việt lúc ấy lại chào mình : đồng chí ạ."

Mới đầu chúng tôi đều gọi Bác là đồng chí, rồi gọi là Cụ, sau thấy anh Trường Chinh và anh Thụ dùng tiếng Bác, anh em thấy gọi như thế hợp với lòng mình, nên từ đấy, chúng tôi bắt đâu thưa với Bác bằng cái tên thân yêu mà bây giờ tất cả anh chị em chúng ta đều gọi.

Chỗ họp của chúng tôi cũng ở xóm Pắc Bó, Hà Quảng, nhưng khác chỗ Bác ở tức là hang Pắc Bó mà sách báo ta thường tả. Khu rừng kín đáo lắm, tôi nhớ nhiều sáng, chúng tôi phải ra tận chỗ đám ruộng bậc thang cho thoáng để vận động cơ thể và thở hít không khí. Lều dựng bên suối, khi mưa, nước xối lênh láng cả sàn nhà. Chỗ họp thì tôi nhớ hình như có một cái chõng tre, anh em ngồi họp, mỗi người ngồi một khúc gỗ. Chính ở chốn hoang vu, bí hiểm ấy, trong túp lều đơn sơ trống trải, đã là nơi bàn đến những vấn đề thiêng liêng nhất : vận mệnh Tổ quốc, định những việc có tầm quan trọng quyết định đối với lịch sử nước nhà sau này. Như ta đều biết, hội nghị Trung ương lần thứ Tám đã xác định những điều cơ bản về chính sách dân tộc của Đảng, vạch rõ được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội ta trong lúc ấy, đề ra chính sách mới của Đảng đối với các giai cấp và định một chiến thuật vận động cách mạng thích hợp.

Bác ngoài giờ họp thường gọi từng đại biểu các xứ ra một chỗ riêng hỏi chuyện. Tôi được Bác hỏi đến hai ba lần, Bác hỏi tôi về sinh hoạt của nhân dân, chính sách áp bức bóc lột của Nhật, Pháp. Tôi báo cáo lại với Bác về tình cảnh của đồng bào ta, từ khi chiến tranh xảy ra, nhất là từ khi Nhật vào, lại càng bị đế

quốc bòn rút thậm tệ. Nào là chính sách vơ vét thóc lúa của Pháp, nào là những chuyện cướp bóc của Nhật và gần đây nhất, những vụ đuổi dân chiếm đất làm sân bay, trại lính. Câu chuyện lính Nhật hành hạ đồng bào ta ở Gia Lâm mà hồi ấy bà con ta ai nghe đến cũng phải chau mày uất giận : có một cụ già bị giặc Nhật nó nghi là ăn cắp, nó đem cụ buộc vào ngựa rồi thúc ngựa kéo lồng lên. Người bị ngựa kéo tắc thở mà chết. Giống phát xít dã man đến thế là cùng, Bác ngồi trên một mỏm đá, nghe tôi kể ứa nước mắt, kéo vạt áo chàm lên lau trên gò má, khiến tôi cũng không sao cầm nước mắt được. Có lần thì Bác hỏi đến lực lượng của phong trào, tình hình tổ chức quần chúng, tình cảnh sinh hoạt của cán bộ, nhất là cách đi lại hoạt động phòng gian bảo mật của cán bộ ta. Bác hỏi rất cặn kẽ tỉ mỉ. Qua lời Bác hỏi, tôi cảm thấy lòng Bác thương yêu nồng nàn đồng bào, đồng chí, quan tâm tha thiết đến đời sống của đồng bào và đồng chí ta. Hỏi xong, Bác lại góp ý kiến về kinh nghiệm công tác cụ thể.

Được đến dự hội nghị, trong đầu óc tôi, nhiều vấn đề được sáng tỏ. Đến khi Bác nói kết thúc hội nghị, nhận thức của tôi lại càng như có nắng mới tràn vào. Nghe Bác nói, từ khe rừng Pắc Bó âm thầm, tôi nhìn thấy rõ tiền đồ tươi tắn của cách mạng nước ta và cách mạng thế giới. Điều Bác nói, ngày nay đã thành sự thật, rõ như ban ngày, đối với tôi lúc ấy, là cả một bầu trời chân lý. Tháng 5-1940, chiến tranh Xô-Đức chưa xảy ra, Bác đã nhận định thế nào rồi phát xít cũng tiến công Liên-xô. Nếu chúng đánh Liên-xô thì Liên-xô sớm muộn thế nào cũng tiêu diệt chúng, nhờ đó, cách mạng nhiều nước có thể thành công, "chúng ta sẽ có – lời Bác nói – không chỉ một mình Liên-xô mà nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác nữa sẽ ra đời". Viễn ảnh của thế giới mới sẽ thành hình sau đêm tối của chiến tranh, hiện lên như một bình minh rạng rỡ, làm ai không phấn khởi ? Rồi Bác nói về cách mạng Đông Dương. Bác nhấn mạnh : "chỉ có trong vòng mấy tháng mà có ba cuộc khởi nghĩa nổ ra, hết Bắc Sơn, đến Nam Kỳ, lại Đô Lương nữa. Điều đó chứng tỏ : nhân dân ta rất anh hùng, lại rất thính về chính trị, cho nên có cơ hội là nổi lên liền. Tinh thần cách mạng của dân mình lớn lắm. Phải thấy tinh thần đó rất quí". Bác có nói đại ý như vậy. Ngẫm cho kỹ, lời Bác nói rất sâu sắc. Chẳng những đúng với lúc Bắc Sơn, Nam Kỳ và Đô Lương khởi nghĩa. Bất cứ thời kỳ vận động cách mạng nào của đảng, hồi 1931 cũng như mấy năm vận động Mặt trận dân chủ, ta cũng đều thấy sức quật khởi của phong trào ta rất mãnh liệt. Nhìn lại cả lịch sử nước nhà, càng thấy rõ, anh dũng, quật cường đã thuộc về bản chất của giai cấp ta, dân tộc ta. Và có thêm lòng tin sâu xa ở lực lượng quần chúng, vào giờ phút quyết định lúc bấy giờ, tôi càng thấm lời Bác nói : "Đảng phải khơi lên cho hết chí khí cách mạng, tinh thần yêu nước của tầng lớp nhân dân, tập trung mọi lực lượng giải phóng dân tộc, đánh đuổi Pháp, Nhật, hướng mọi công tác của Đảng vào khâu trung tâm cứu quốc.

Việt Minh đã ra đời chính ở khu rừng Pắc Bó này. Khi chọn một cái tên có tác dụng hiệu triệu cho Mặt trận dân tộc thống nhất, chúng tôi thấy hai chữ phản đế có phần cứng quá và hai chữ phục quốc thì bị bọn thân Nhật bôi nhọ làm mất cả ý nghĩa tốt đẹp của nó. Cuối cùng lấy tên Việt Minh độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh. Hai chữ Việt Minh, trong cả một thời kỳ dài, làm nức lòng đồng bào cả nước. Hai chữ Việt Minh còn mãi trong lịch sử, chói lọi nét vàng. Chính Bác lại viết ra mười điều chính sách Việt Minh. Rồi sau hội nghị, Bác tự tay thảo ra bức thư nhân danh cá nhân kêu gọi đồng bào : "Kính cáo đồng bào thư" ký tên Nguyễn Ái Quốc. Bức thư ấy, Bác viết bằng chữ nôm, chữ viết đẹp lắm, chúng tôi có đem về xuôi, in đá li-tô, phát đi rất rộng. Nghĩ cũng lạ, bao nhiêu năm Bác sống ở nước ngoài, đi khắp nơi, công tác rất bận, vậy mà Bác vẫn còn nhớ chữ nôm của các cụ ta. Lại rất sát tâm lý đồng bào nông thôn. Đồng bào nông thôn ta được đọc thư Bác viết bằng chữ nôm như thế, nhất là các cụ phụ lão, gật gù thích lắm, càng thêm tin lắm.

*

* *

Đến ngày họp xong, anh em chúng tôi chuẩn bị ra về, thì một chuyện xảy ra làm chúng tôi nhớ mãi. Các đồng chí ở miền Nam, vì đường xa, chuẩn bị đi về trước. Sắp sửa hành lý xong đâu vào đấy, Bác đến tận nơi hỏi thăm :

- Các đồng chí sắp sửa xong chưa ?

- Thưa Bác, xong xuôi đâu vào đấy cả rồi ạ.

- Thế các đồng chí có nhớ lời tôi dặn không ? Không ai mang tài liệu hội nghị về theo đấy chứ ?

Các đồng chí miền Nam vì e liên lạc khó khăn nên lo xa, đã chép tài liệu hội nghị vào những mảnh giấy rất nhỏ, vê lại, giấu kỹ vào viền áo. Bác bắt tháo ra hết và phê bình rất nghiêm :

- Tôi đã nhắc các đồng chí mấy lần mà các đồng chí không nghe. Các đồng chí không được mang tài liệu theo người. Địch nó bắt được các đồng chí, không phải chỉ thiệt cho một mình các đồng chí. Các đồng chí người ít tuổi cũng trên hai mươi rồi, người nhiều tuổi thì đã ngoài ba mươi. Nhân dân tốn bao nhiêu công sức mới nuôi được các đồng chí nên người. Phong trào bây giờ, những người như các đồng chí, nhỡ có thế nào, không phải một ngày mà có người thay ngay được. Các đồng chí phải nghe tôi, tài liệu hội nghị, tôi đảm bảo, sẽ có người liên lạc mang về tận nơi cho các đồng chí.

Lời Bác dạy tuy nghiêm mà chan chứa tình yêu thương cán bộ. Lại là một bài học thiết thực, quí giá, chúng tôi ghi nhớ vào lòng. Sau này, trong hồi bí mật, chúng tôi cũng thực hành như lời Bác dạy, anh chị em cán bộ đi họp về, kiên quyết không để mang tài liệu theo người, mọi chỉ thị, nghị quyết đều chuyển bằng đường dây liên lạc.

Bác giàu kinh nghiệm nên cảnh giác rất cao. Điều Bác dặn, chúng tôi được nghiệm thấy ngay là rất đúng.” [6]

* *

“…Từ làng Khum Đắc, chúng tôi trèo lên ngọn núi đằng sau làng. Lên đến gần đỉnh thì có một hốc đá to, có thể ngồi được hàng chục người. Đấy chính là lớp học của chúng tôi.

Khi chưa bước đến chân hang, từ đằng xa tôi đã thấy anh Đức Thanh và một ông già trông cao mà lại gầy, mặc bộ quần áo chàm, trông không khác gì người địa phương… Đồng chí già chính là Bác, nhưng lúc đó chúng tôi không biết mà chỉ đoán : “Đây chắc là thượng cấp rồi”

Tôi thấy trong lòng bồi hồi cảm động. Một phần vì sắp được hiểu biết nhiều điều mới mẻ, nhưng phần chính là sắp được gặp các đồng chí lãnh đạo cấp trên mà lâu nay mình chưa từng biết. Tôi lại nhớ đến câu nói của anh Đức Thanh : “Thượng cấp này quan trọng lắm”. Thế là từ lúc đó tôi cứ nhìn mãi Bác. Tôi tự hỏi : “Không biết đồng chí già này là ai ? Tên là gì ? Người ở đâu ? Là thượng cấp nhưng thượng cấp thế nào ?”. Cho đến lúc gặp, thấy Bác lên tiếng : “Chào các đồng chí”, tôi lúng túng quá không biết nói năng thế nào, sợ nói sai các đồng chí lại cười mình, hoặc cho mình khuyết điểm. Mãi sau tôi mới khẽ cất tiếng thưa : “Chào ông ké ạ !”.

- Thôi cứ gọi đồng chí là được rồi.

Bác đến bắt tay từng người. Khi đến trước mặt tôi, nhìn thấy cái đầu trọc lốc. Bác vừa cười vừa động viên :

- Cái đầu trọc đẹp quá !

Thấy Bác giản dị, thân mật, lúc này tôi đã mạnh dạn hẳn lên. Tôi báo cáo với Bác là chúng tôi vừa ở nhà tù ra cả. Chúng tôi lại lấy cả sổ tù ra đưa Bác xem. Sổ tù có ảnh, có điểm chỉ, có chữ ký của bọn mật thám và nhận thực của tên tri phủ sau mỗi lần lên trình diện nó. Bác cầm xem rất kỹ, rồi bảo chúng tôi ngồi xuống. Bác hỏi thăm tình hình sức khỏe, tình hình gia đình và công tác của từng người. Bác còn hỏi chúng tôi về tình hình bị tù ra sao, việc trình diện tri phủ thế nào ? Thế là chúng tôi lần lượt kể lại cho Bác nghe.

Trò chuyện một lúc, Bác và chúng tôi bước vào lớp học. Bác giới thiệu với chúng tôi anh Đức Thanh là trợ giáo, sẽ đi sát giúp đỡ chúng tôi hàng ngày. Còn Bác là người trực tiếp lên lớp giảng bài.

Chúng tôi ngồi cả trong hốc đá, có mấy cành cây kê làm ghế, tài liệu sách vở không có, nghe nhập tâm là chính. Ngoài ra, còn có ba cái bản đồ chúng tôi mới mang đến.

Đấy, tất cả lớp học quân chính của chúng tôi có thế. Anh Đức Thanh phổ biến chương trình của lớp học, rồi Bác bắt đầu giảng bài.

Trước hết, Bác nói về tình hình thế giới. Lúc này bọn phát xít Hít-le đã bắt đầu tiến công Liên-xô được ít hôm. Bác nói tình hình đó cho chúng tôi nghe, rồi Bác phân tích đại ý như sau :

- Hiện nay trên thế giới có phe phát xít Đức, Ý, Nhật và phe dân chủ chống phát xít. Trong phe dân chủ chống phát xít lại có dân chủ mới như Liên-xô và dân chủ cũ như Anh, Pháp, Mỹ. Dân chủ cũ và dân chủ mới có mâu thuẫn với nhau, trước đây đã có lần đánh nhau. Nhưng hiện nay đứng trước họa phát xít dân chủ mới và dân chủ cũ đồng minh với nhau, chống lại phe phát xít. Trong phe dân chủ chống phát xít, Liên-xô là chủ lực. Việt Nam ta cũng đứng ở trong phe dân chủ mới, ủng hộ Liên-xô chống lại phe phát xít.

- Bọn phát xít đang tiến công vào Liên-xô, Tổ quốc cách mạng thế giới. Chúng tuyên bố huênh hoang là tiêu diệt Liên-xô trong một thời gian ngắn. Nhưng chúng nhất định bị thất bại. Nhân dân Liên-xô trước đây cũng bị bọn tư bản nhà giàu cướp của, bóc lột hết sức cùng cực, khổ sở. Sau nhờ có đảng cộng sản do Lê-nin lãnh đạo, nhân dân Liên-xô đã đấu tranh giành được thắng lợi vĩ đại, đang xây dựng chủ nghĩa xã hội không có người bóc lột người. Đời sống của nhân dân Liên-xô ngày càng sung sướng, hạnh phúc. Bây giờ bọn phát xít muốn tiêu diệt nhân dân Liên-xô định bắt nhân dân Liên-xô quay lại cuộc đời nô lệ một lần nữa thì không thể được nữa rồi. Hồng quân Liên-xô nhất định thắng, phát xít Đức, Ý, Nhật nhất định thua.

Tôi vừa nghe Bác nói vừa tự liên hệ. Trước đây tôi cũng lơ mơ chẳng hiểu tình hình ra sao. Khi nghe tin phát xít Đức đánh Liên-xô, tôi chưa hiểu được tình hình sẽ đi đến đâu. Bây giờ nghe Bác nói, đầu óc tôi mới dần dần sáng ra, tôi đã hiểu, thế nào là bọn phát xít, phe đồng minh và nhất là vững lòng tin tưởng ở thắng lợi của Liên-xô và của cách mạng thế giới.

Trong khi giảng, Bác nói từng đoạn, có chỉ vào bản đồ, rồi dừng lại hỏi chúng tôi xem có chỗ nào không hiểu, hoặc có gì thắc mắc thì hỏi. Không phải là không dám nói, nhưng chính vì những vấn đề Bác nói đều hoàn toàn mới mẻ đối với chúng tôi. Hơn nữa, Bác lại nói giản dị, dễ hiểu nghe đến đâu hiểu đến đấy, cho nên càng không có gì thắc mắc cả.

Trong các buổi học sau, Bác tiếp tục giảng về tình hình trong nước và nhiệm vụ cách mạng. Về năm bước công tác quần chúng, Bác dạy : phải điều tra xong rồi mới tuyên truyền, làm sao cho người ta có cảm tình với mình đã, lúc đó mới tổ chức vào hội, sau đó tiến hành huấn luyện, rồi giao công tác, thường xuyên kiểm tra công tác và báo cáo.

Hôm Bác giảng về quân sự, tôi nghe lý thú lắm. Tôi còn nhớ đại ý Bác nói về chiến thuật du kích là : lấy ít đánh nhiều, dùng mưu mẹo mà đánh, nay đánh đông, mai đánh tây, làm cho địch chết dần chết mòn. Về các hình thức đánh du kích, Bác không nói tập kích, phục kích, mà nói đánh úp, đánh mai phục. Đánh

úp là khi quân địch đang ở một xóm, một làng, một quán nào đó, mình giả người dân, lân la đến gần, dùng gậy đập chết nó rồi cướp súng, có thể ban đêm, cũng có thể ban ngày... Còn đánh mai phục là mình tự chọn lấy một nơi địa thế kín đáo rồi bí mật đến nấp ở đó, đợi khi nào địch đi qua thì nhanh chóng bất ngờ xông ra dùng dao, dùng gậy giết nó, cướp súng...

Bác lại nhấn mạnh : đánh úp, đánh mai phục như thế không cần nhiều người, không nên ăn to vội, mới đầu hãy chọn một vài thằng, nhằm vào lúc nó đi liên lạc hay đang giải tù, bắt phu đốc thuế rồi diệt nó lấy một hai khẩu súng, dần dần diệt ba, bốn thằng lấy ba, bốn khẩu súng và cứ như thế mà tiến lên.

Những điều Bác dạy về cách đánh du kích làm tôi nhớ mãi. Trong những thời kỳ ở Giải phóng quân cũng như sau này, tôi đã cố gắng vận dụng. Ví dụ : Lần ở Tân Trào, hồi trước Cách mạng tháng Tám 1945, tôi đang phụ trách đội bảo vệ khu vực Bác ở thì có một toán thổ phỉ mấy chục tên tràn qua. Tôi bị lên cơn sốt rét bất thần không đi được, nên anh Văn[7] trực tiếp chỉ huy trận đánh này. Bác giao nhiệm vụ : trận này không được để một tên nào thoát. Thực hiện chỉ thị của Bác, quân ta đã tiêu diệt đại bộ phận địch.

Hơn bốn mươi tên chỉ còn hai tên chạy sang phía Chợ Chu, năm tên chạy vào khu vực chúng tôi ở. Khi nghe tiếng súng nổ ran ở ngoài, tôi đã thấy nóng ruột lắm rồi. Tôi cố gắng tìm cách ngồi dậy. Tôi nhớ Bác nói nhiều lần : "Phải đấu tranh với bệnh, không thì nó lấn tới". Tôi liền cột một đoạn dây vào xà nhà rồi nắm một đầu dây cứ nhảy lên, nhảy xuống, cho đến lúc mồ hôi toát ra như tắm. Vừa lúc đó, có anh em vào báo cáo :

- Bọn thổ phỉ chạy vào, đang ở gốc cây đa, có một tên chỉ huy.

Tôi liền bảo :

- Có mấy thằng thì cứ ra lừa mà bắt, - Rồi tôi cố gắng đi theo và nói với anh em : - Tôi sẽ ra gặp chúng, còn các đồng chí nấp kín đằng sau, khi nào tôi hô thì cứ việc mang thừng vào trói.

Tôi ung dung tiến ra gặp tên tướng thổ phỉ. Tôi đã giắt súng trong người rồi. Khi gặp nó, tôi vui vẻ bắt tay nó rồi bất thình lình rút súng ra, hô :

- Giơ tay lên ! Toàn đơn vị xung phong !

Bọn này bị tấn công bất ngờ phải đầu hàng ngay. Hầu hết bị ta bắt, còn hai tên thoát sang phía Chợ Chu cũng bị bắt nốt. Có được kết quả trên chính là do chúng tôi đã học được mưu mẹo đánh du kích của Bác.

Một điều Bác luôn luôn nhắc nhở chúng tôi là phải hết sức giữ bí mật. Bác dặn chúng tôi phải nhớ kỹ khẩu hiệu : không có, không biết, không thấy. Khi gặp người lạ hỏi gì, mình không nói không được, nhưng nói thì nói không có, không biết, không thấy. Nhiều lúc chúng tôi tò mò muốn hỏi tên Bác là gì, thân thế sự nghiệp ra sao... nhưng thấy Bác dặn như thế nên chúng tôi lại không dám hỏi. Chúng tôi chỉ bàn tán với nhau : đấy là " ông Ké người Nghệ". Sở dĩ chúng tôi

gọi như vậy vì thấy Bác nhiều tuổi lại nói tiếng miền Trung mà chúng tôi đoán là ở Nghệ An. Nhưng còn hiểu được gì thêm về Bác nữa thì chịu. Mãi cho đến năm 1945, khi về Tân Trào làm nhiệm vụ bảo vệ Bác, tôi mới chính thức biết Bác là ai. Hôm đó Bác ở trong lán vừa đi ra ngoài. Anh Văn lên thăm Bác nhưng không gặp. Anh ngồi nói chuyện với tôi, rồi tự nhiên anh giở một quyển sách chữ Pháp ra trong đó có một ảnh to. Anh nghiêng nghiêng quyển sách cho tôi xem. Chính là ảnh của Bác, trên đầu trang sách có đề chữ Nguyễn Ái Quốc. Tôi vừa vui mừng vừa cảm động : còn anh Văn thì chỉ cười, không nói gì.

*

* *

Thấm thoát lớp học của tôi đã đến ngày bế mạc. Đêm hôm trước, năm anh em chúng tôi đều thấp thỏm không ngủ được. Chúng tôi thấy thời gian ở với Bác ngắn ngủi quá. Ai cũng mong được gần Bác, học tập thêm Bác nhiều nữa. Lại còn một điều lo là chúng tôi phải chuẩn bị để ngày mai có cuộc "thi tốt nghiệp". Tuy Bác không nói thi cử gì cả, nhưng chúng tôi thì cứ xì xào với nhau :

- Đúng là "thi tốt nghiệp" rồi !

Bác nói cách "thi tốt nghiệp" như sau :

- Tôi sẽ làm ông cụ già nông thôn, các đồng chí làm thanh niên đi tuyên truyền giác ngộ tôi làm cách mạng. Các đồng chí muốn làm cách nào thì tùy ý...

Đầu đề "thi" chỉ có thế thôi, lại được phổ biến trước để chuẩn bị, thế mà sao tôi thấy khó quá. Nhất là tuyên truyền cho ai, chứ cho "ông Ké thượng cấp" thì quả thực không dễ. Cả đêm tôi cứ nghĩ hết "luận án" này đến "luận án" khác. Cuối cùng mệt quá, tôi thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, cuộc "thi tốt nghiệp" bắt đầu. Bác hỏi :

- Hôm nay tôi là một ông cụ già đang ngồi trong nhà chữa cày, các đồng chí vào và nói chuyện đi.

Buổi sớm, tôi đã quyết định dứt khoát là phải bình tĩnh, không hoang mang. Thế mà đến lúc này tự nhiên trong lòng lại thấy hồi hộp khác thường. Tôi lo nhỡ nói không đúng, ông Ké phê bình mà anh em thì cười... Thế là tôi cứ ấp úng mãi mới được một câu :

- Chào Bác ạ !

- Ừ được, cháu vào chơi !

Đến đây tôi lại càng lúng túng không biết nói gì thêm nữa. Thấy vậy, Bác liền "gỡ thế bí" cho tôi :

- Cháu đến có việc gì không ?

Từ đó tôi mới mạnh dạn nói. Tôi hỏi thăm tình hình gia đình, nào là :

- Bác có khỏe không ? Gia đình ta có đủ ăn hay thiếu? Có ai bị ốm yếu không ? Phu phen, thuế khóa ra sao ? v.v....

Bác vừa nghe vừa gật đầu tán thành :

- Nói như vậy là được, các đồng chí khác tiếp tục bổ sung thêm cho đầu đủ.

Chúng tôi mỗi người thêm một ý. Bác chắp lại ý của chúng tôi, cuối cùng Bác tóm tắt là : Kẻ thù hiện nay của nhân dân là bọn phát xít Nhật-Pháp, chúng bóc lột nhân dân ta thậm tệ. Vì vậy, mọi người phải đùm bọc lấy nhau làm cách mạng đánh đổ đế quốc và tay sai, có như vậy mới được ấm no, hạnh phúc.

Tóm tắt xong, Bác nhận xét cụ thể đồng chí này nói đúng chỗ nào, đồng chí kia nói sai chỗ nào. Bác khen Nam Tuấn nói đầy đủ hơn cả. Bác lại phê bình chung một điểm là " còn dùng nhiều chữ nghĩa khó hiểu, ví dụ : chúng tôi hay nói đến chữ đoàn kết, mà thực tế chữ đoàn kết hồi đó không dễ hiểu như bây giờ, nhất là đối với đồng bào miền núi.

Bác bảo : Sao ta không dùng những câu như : Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao, hoặc đùm bọc lẫn nhau, v.v... hoặc có thể dùng những ví dụ khác như : bẻ một chiếc đũa thì dễ, nhưng bẻ cả bó đũa thì khó, v.v... Nếu nói được như vậy có phải mọi người đều dễ nghe, dễ hiểu không.

Rồi Bác lại nhấn mạnh : Đi tuyên truyền người ta không phải chỉ nói bằng mồm, còn phải bắt tay vào làm thực tế, có khi đến nhà thấy trẻ em đang ỉa cũng phải rửa đít cho chúng, hoặc lên nhà sàn phải chú ý rửa chân trước khi vào nhà, v.v...

Buổi "thi tốt nghiệp" của chúng tôi đến đây coi như kết thúc, không ai được điểm cao, cũng không ai bị điểm kém, ai cũng cảm thấy phấn khởi vì đều được Bác động viên, được Bác dạy dỗ tỉ mỉ.

Khi lớp học kết thúc, Bác giao nhiệm vụ cho Nam Tuấn, Ái Nam và Xuân Trường trở về Hà Quảng tiếp tục hoạt động. Còn tôi và đồng chí Qúy sang biên giới Trung Quốc công tác.

*

* *

Có một điều Bác không dạy mà chúng tôi ai cũng học được một cách sâu sắc : đó là đạo đức của Bác. Ngay từ những ngày đầu sống bên Bác, trong tâm trí mỗi người chúng tôi đã in sâu hình ảnh người đồng chí già mặc bộ quần áo chàm, đi đất, chống ba-toong bằng rễ cây rừng, người gầy nhưng có đôi mắt sáng, vầng trán thông minh, hiểu biết từ chuyện thế giới xa xôi đến chuyện địa phương làm ăn sản xuất, v.v...

Sau này càng gần Bác, chúng tôi càng thấy Bác sống rất mẫu mực, ngay trong những việc nhỏ hàng ngày. Bác thường dạy chúng tôi phải thương yêu đồng chí. Và Bác đã làm gương để chúng tôi noi theo.

Một lần, chúng tôi đang học, có một chị ở dưới núi mang mấy bắp ngô lên. Tôi đoán ngô này của đồng bào biếu Bác, nhưng Bác đã bảo anh Đức Thanh chia đều cho chúng tôi cùng ăn cả.

Một lần khác, đang học, mấy đứa chúng tôi đều hết thuốc lá. Tuy còn là thanh niên mà chúng tôi đã nghiện thuốc, trong đó Xuân Trường và tôi nghiện nặng hơn. Hồi này Bác cũng hút thuốc. Thuốc của Bác là thuốc "xực dín" (hay gọi là thuốc bào, loại thuốc Trung Quốc thái nhỏ tẩm dầu). Bác vừa dạy học vừa hút. Xuân Trường và tôi trông thấy thèm lắm, nhưng không dám xin. Bác trông biết ý ngay, liền hỏi :

- Ở đây có mấy đồng chí nghiện thuốc ?

Xuân Trường, Ái Nam và tôi đều giơ tay. Thế là Bác đem cả gói thuốc chia luôn cho chúng tôi.

Thấy Bác làm như thế, chúng tôi vừa phấn khởi, vừa cảm động. Tôi cứ suy nghĩ mãi : "Đồng chí thượng cấp này đặc biệt quá, có gì cũng cho bọn mình, sao lại tốt đến như vậy...".[8]

---

[1] Dương Đại Lâm : "Pắc Bó quê tôi', Nhà xuất bản dân tộc Việt Bắc, 1966.

[2] Hoàng Quốc Việt, "Nhân dân ta rất anh hùng", Nhà xuất bản Văn học, năm 1969.

[3] Bí danh của đồng chí Võ Nguyên Giáp lúc bấy giờ.

[4] Quang Trung, "Lớp học đầu tiên", trong tập "Uống nước nhớ nguồn", Nhà xuất bản Quân đội, năm 1973.

[5] Vũ Anh, "Từ Côn Minh đến Pắc Bó", trong tập "Bác Hồ", Nhà xuất bản Văn học, năm 1960.

T.Lan, "Vừa đi đường vừa kể chuyện", Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, năm 1963.

[6] Com-mi : Tham tá.
Xếp-tanh : Trưởng xe lửa.
Xít-tê : khu nhà ở của Pháp lúc bấy giờ.

Vũ Anh, "Từ Côn Minh đến Pắc Bó", trong tập "Bác Hồ", Nhà XB Văn học, năm 1960.

[7] T.Lan, "Vừa đi đường vừa kể chuyện", Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, năm 1963.

[8] H.Q.B, trích bài "Ở Vân Nam", trong tập "Bác Hồ", Nhà xuất bản Văn học, năm 1960.

Bị Quốc dân đảng Trung Quốc bắt

« Tháng 7-1942, Bác lại đi ra ngoài, với mục đích gặp Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc. Nhưng danh nghĩa thì Bác là đại biểu của hai đoàn thể Việt Nam độc lập đồng minh và Hội quốc tế phản xâm lược Việt Nam phân hội, đi gặp Tưởng Giới Thạch. Lúc đó Bác bắt đầu dùng tên Hồ Chí Minh. Bác có tấm danh thiếp giữa in Hồ Chí Minh, một bên in tân văn ký giả, một bên in Việt Nam Hoa kiều. Từ Lam Sơn lên Pắc Bó hơn 50 cây số, Bác đi ban ngày. Anh Lê Quảng Ba làm giao thông cho Bác đi trước. Bác ăn mặc quần áo Nùng, cầm gậy giả làm người mù đi sau. Mắt Bác nhấp nháy luôn, hệt như người mù. Trước khi đi, Bác còn viết nhiều bài báo để lại giao cho anh Đồng đăng dần.

Ra khỏi biên giới thì lấy một đồng chí Trung Quốc đi với Bác. Đồng chí đó không có giấy tờ gì, bị khám xét rồi bị bắt, và Bác cũng bị bắt theo. Đồng chí đó bị giam cùng một chỗ với Bác, rồi bị chết ở trong tù. Có lần đồng chí Cáp ở trong nước đi liên lạc, nghe người ta nói «người đi với Ông đó chết rồi » lại nghe ra « Ông đã chết rồi», vội vã chạy về khóc lóc. Đoàn thể ta rất hoảng, nhưng không tin Bác có thể chết, nên cho đi nghe ngóng lại, mới vỡ nhẽ là tin sai. Bác bị bắt hơn một năm. Trong tù, Bác vẫn tìm cách gửi được thư về. Thư viết bằng nước cơm lên rìa những tờ báo. Về bôi canh-ky-dốt vào thì chữ nổi lên. Thư nào cũng dặn dò đừng vì Bác bị bắt mà để bê trễ công việc. Bác báo tin Bác vẫn khỏe để an ủi anh em, khuyên gặp khó khăn thì kiên quyết vượt khó khăn mà làm. Cuối bức thư bao giờ cũng có một bài thơ, đầy tin tưởng lạc quan.

Trong đời hoạt động của Bác, lần bị bọn Tưởng bắt là lần Bác khổ nhất. Bọn Tưởng giải Bác đi hết nhà tù này đến nhà tù khác. Bác phải chịu đựng mọi nỗi gian nguy của chế độ nhà tù đen tối nhất, đến nỗi chân Bác yếu đi, mắt Bác mờ đi. Nhưng trí Bác vẫn sáng, lòng Bác không sờn. Tay trói, cổ xiềng, dầm mưa giãi nắng, Bác vẫn lạc quan, tin tưởng ở cách mạng thắng lợi. Chính trong thời gian này, Bác đã làm tập thơ « Nhật ký trong tù » rất quý báu cho chúng ta ngày nay.

Ở nhà thì các đồng chí lo ngày lo đêm. Bác sa vào tay một bọn ngu xuẩn và hung ác, làm sao cho được an toàn ? Rất có thể là Bác giàu kinh nghiệm đấu tranh, bọn chúng không làm gì nổi, nhưng cũng rất có thể là chúng sợ Bác mà tìm cách ám hại Bác. Trong nước liền chủ trương vận động quần chúng cứu quốc và các Việt kiều ở hải ngoại đòi bọn Tưởng phải trả lại tự do cho «nhà cách mạng chống phát xít lão thành» của ta.

Quả nhiên chúng không hại được Bác, nhưng chúng đã giải Bác đi như thế trong hơn 80 ngày. Giam giữ Bác 14 tháng trời trải qua gần 30 nhà tù của Tưởng.

Tới Liễu Châu chúng phải trả tự do nhưng lại quản chế Bác. Ở đó Trương Phát Khuê lại lập Việt Nam cách mạng đồng minh hội. Bác cũng gia nhập Hội để công

khai hoạt động cho cách mạng.

Lúc ở tù cũng như ở giam lỏng, Bác không ngừng hoạt động cho cách mạng một phút nào. Bác lợi dụng điều kiện cụ thể, viết các bài đăng trong báo chí của Đệ tứ chiến khu để phổ biến tình hình trong nước. Bác quyết tâm khắc phục những bệnh tật mà chế độ nhà tù đã để lại trong cơ thể Bác. Bác tập leo núi để chữa chân tê thấp, tập nhìn bóng tối để chữa mắt mờ. Ý chí quyết làm cho cách mạng Việt Nam thắng lợi đã giúp Bác thắng bệnh tật.

Ít lâu sau, thoát sự quản chế ở Liễu-Châu. Bác trở về Pắc Bó. Lúc đó là tháng 9-1944...»[1]

*

* *

«... Trong khi nhân dân Liên-xô anh em đang dốc hết lực lượng vào cuộc kháng chiến thần thánh, khi phát-xít Nhật - Pháp đang hoành hành ở Việt Nam, khi đồng bào ta đang quằn quại dưới hai ách áp bức, khi công việc Đảng và Mặt trận Việt Minh đang nhanh chóng lan rộng ăn sâu vào quần chúng nhân dân - mà mình thì phải nằm còng queo trong một phòng giam của bọn phản động Trung Quốc, sót ruột biết bao! Đây không phải là một trại giam chính cống, mà chỉ là một « cấm bế thất» - một phòng giam nhỏ ngay bên cạnh đội cảnh vệ của tướng Trương Phát Khuê. Chỉ một mình Bác bị nhốt ở đó. Lâu lâu mới có một vài sĩ quan Quốc dân đảng bị phạt vào ở đó năm, bảy ngày. Bác lợi dụng những dịp đó để học tiếng «quan».

Bác gây được cảm tình với vài người lính gác. Mỗi bữa ăn xong còn thừa rau bí luộc, họ đưa cho Bác để «cải thiện sinh hoạt» phần nào. Điều tốt nhất là mỗi ngày họ bí mật quẳng vào cho Bác một tờ Liễu Châu nhật báo, đó là món ăn tinh thần. Nhờ đó mà Bác theo dõi được tin tức chiến sự.

Tháng hai 1943, xem thấy tin: Sau hơn sáu tháng chiến đấu vô cùng anh dũng, Hồng quân đã đại thắng ở Sta-lin-grát, suýt đụng đầu vào kèo phòng giam, Bác tự bảo nhất định phải ăn mừng cuộc thắng lợi này. Trong túi chỉ còn vẻn vẹn 1 đồng bạc, Bác đưa tuốt cả số tiền đó nhờ người lính gác mua giùm cho ít kẹo và « dàu chả quầy » (mua 1 đồng chỉ được 5 hào, đó là quy chế của nhà giam), để làm một bữa tiệc. Sau khi phấn khởi hô khe khẽ mấy khẩu hiệu: Đảng Bôn-sơ-vích muôn năm! Hồng quân muôn năm! Liên-xô thắng lợi muôn năm! Bác ngồi xuống một mình « chén tạc chén thù » rất đàng hoàng vui vẻ. Từ đó về sau, mỗi tin tức Liên-xô thắng lợi là một món quà tinh thần từ phương xa đến để an ủi Bác. Mười mấy tháng bị nhốt trong cái phòng u ám và quạnh hiu, một hình một bóng, không được nói chuyện với ai, không có việc gì làm. Muốn «du lịch» thì đi dọc chỉ năm bước, đi ngang bốn bước. Đề «tiêu khiển» ngày giờ, chỉ còn cách nghêu ngao, vắn tắt ghi lại sinh hoạt của người ở tù cho khuây khỏa thế thôi, phải thơ phú gì đâu...

Khi được thả ra, mắt Bác nhìn kém, chân bước không được, Bác quyết tâm tập đi, mỗi ngày mười bước, dù đau mà phải bò, phải lết, cũng phải được mười bước

mới thôi. Cuối cùng Bác chẳng những đi vững mà còn trèo được núi. Lần đầu tiên lên đến đỉnh núi, Bác cao hứng làm một bài thơ chữ Hán như sau:

«Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như cánh lĩnh vô trần.
Bồi hồi độc bộ Tây-phong-lĩnh,
Nam vọng trùng dương ức cố nhân.»

Bác chỉ nhớ bài thơ đó. Chúng tôi cố hết sức chỉ tạm dịch như thế này:

«Mây ôm núi, núi ôm mây,
Lòng sông sạch chẳng mảy may bụi hồng.
Bùi ngùi dạo đỉnh Tây-phong,
Trông về cố quốc, chạnh lòng nhớ ai! ».[2]

*

* *

« Mùa xuân năm 1943 gia đình chúng tôi ở Quế Lâm (Quảng Tây - Trung Quốc) bỗng một hôm chị tôi nhận được một lá thư nhỏ từ trong nước gửi qua:

Dược Lan !

Lão đồng chí tên Hồ Chí Minh, người cao gầy, trán rộng, mắt sáng bị mất tích ở biên giới có lẽ đang nằm trong nhà tù Quốc dân đảng...

Nghe đọc thư mẹ tôi nói ngay: Mẹ chưa nghe tên đồng chí Hồ Chí Minh bao giờ, nhưng với đặc điểm được kể trong thư mẹ đoán chắc đây là đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Thế rồi mẹ tôi và chị tôi cùng nhau bàn cách đi tìm lão đồng chí Hồ Chí Minh.

Thế rồi trong suốt mấy tuần lễ liền, chị tôi tìm cách làm quen với bọn lính và sau đó đã khéo léo nhờ được một tên đặc vụ Quốc dân đảng giúp đỡ, chị tôi đã đi đến tất cả các nhà tù của Quốc dân đảng ở Quế Lâm mà vẫn chưa tìm được tăm hơi gì.

Mẹ tôi đã bí mật báo tin cho một số cơ sở trong tỉnh Quảng Tây để cử người đi tìm.

Sau đó một thời gian có người đến tin cho mẹ tôi biết cụ Hồ Chí Minh đang ở Liễu Châu. Mẹ tôi lập tức đi ngay lên Liễu Châu để tìm gặp Người.

Với chuyến đi đó mẹ tôi đã khẳng định được người mang tên Hồ Chí Minh hiện nay chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc tiếng tăm lừng lẫy trước đây. Mẹ tôi đã báo cáo với Người về việc ở nhà đang ra sức tìm kiếm Người...

Chuyến đi thăm Người lần thứ hai, chị tôi đi cùng với mẹ tôi và mãi đến chuyến đi thứ ba ở lại Liễu Châu lâu hơn, mẹ tôi mới cho tôi đi theo. Năm đó tôi vừa tròn mười hai tuổi.

Đến Liễu Châu mẹ tôi dẫn tôi đến một căn phòng khá rộng giữa để một bàn dài, hai bên là hai chiếc giường cá nhân. Mẹ tôi vừa bước vào cửa mọi người đều đứng dậy chào đón hết sức niềm nở. Mọi người đều nói với nhau bằng tiếng Trung Quốc, song quan sát kỹ tôi đã nhận ra ngay, tất cả đều là người Việt.

Tôi đang cố tìm xem trong số những người ngồi đó ai là cụ Hồ Chí Minh, thì bỗng từ ngoài cửa bước vào một ông cụ người cao, gầy, vừng trán rộng, đôi mắt sáng, dưới cằm điểm một chòm râu thưa rất đẹp. Người nở một nụ cười vô cùng hiền hậu nhìn tôi và kéo tôi vào lòng hỏi chuyện. Tôi thấy ông cụ là người đẹp nhất ở đây và tôi tin chắc rằng đây là cụ Hồ Chí Minh mà mẹ tôi đã nói đến.

Tôi đã đoán đúng. Cụ già đẹp nhất ấy chính là Bác Hồ kính yêu của chúng ta.

Mẹ con chúng tôi ở lại Liễu Châu một thời gian, thỉnh thoảng lại được gặp Bác ở khu nhà này hoặc theo mẹ đến tận nơi Bác ở.

Đó là một căn gác hẹp. Bên trong có đặt một cái giường con, trên có một chiếc chăn mỏng, kê sát cạnh giường là chiếc bàn làm việc. Trên bàn để mấy cuốn sách. Bác leo cái thang gỗ lên xuống rất nhanh nhẹn. Bác thường mặc bộ quần áo đã bạc màu nhưng sạch sẽ và lành lặn. Bác thường đi chân không, có một đôi giầy dạ cũ nhưng khi cần thiết Bác mới dùng. Một buổi trưa tôi đến với Bác thấy cái quần len mỏng màu xám duy nhất của Bác đã rách ở hai đầu gối, tôi đòi Bác cho mạng lại. Tôi ngồi từ trưa đến chiều mạng rất cẩn thận, tôi sung sướng được Bác khen. Và chính trong buổi trưa hôm đó tôi được Bác hỏi chuyện:

- Trong các môn học cháu thích nhất môn gì?

Tôi trả lời:

- Cháu thích âm nhạc và mơ ước được học âm nhạc.

Bác gật đầu và kể chuyện các nhạc sĩ Bét-tô-ven, Sô-panh cho tôi nghe. Tôi không ngờ rằng cái mơ ước xa vời của con bé lưu lạc như tôi lúc đó, nhờ có Bác nên đến nay đã thành sự thật.

Hồi đó Bác xưng với chị em tôi là chú với cháu. Chị tôi không dám hỏi, bảo tôi hỏi Bác:

- Tại sao cụ lại xưng chú với cháu?

Bác cười và trả lời giản dị:

- Tại vì chú ít tuổi hơn thầy cháu.

Tôi tròn xoe mắt ngước nhìn Bác, Bác cười như xua nỗi thắc mắc ngây thơ của tôi.

Hồi ấy Bác xanh gầy, răng bị rụng nhiều chiếc, mắt nhìn cũng bị kém đi, đấy chính là thời gian sau khi Bác bị bắt và bị giam cầm trong nhiều nhà tù của bọn Quốc dân đảng. Để lấy lại sức khỏe, ngày nào Bác cũng dậy từ sáng tinh mơ: leo núi, tập thể dục, tập nhìn xa để luyện mắt và bơi lội, trăm ngày như một kể cả những ngày mùa đông giá rét ở Liễu Châu.

Đến thăm nơi Bác ở tận mắt nhìn thấy ngọn núi và dòng sông cách nhà Bác không xa mà sau này tôi đã được gặp lại trong bài thơ «Mới ra tù», «Tập leo núi» của Bác:

«Bồi hồi dạo bước Tây-phong-lĩnh
Trông lại trời Nam nhớ bạn xưa».

Hồi bấy giờ tôi còn trẻ con quá, được Bác chiều tôi làm tình làm tội Bác, hỏi Bác đủ điều. Tôi đòi Bác dạy Thái cực quyền, dạy tôi nói «Chào đồng chí» bằng tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Pháp. Có hôm được Bác dắt đi chơi ở một phố vắng, Bác mua cháo quẩy và sữa đậu nành cho tôi ăn, mặc dầu đời sống vật chất của Bác lúc bấy giờ còn rất thiếu thốn.

Chị tôi kể lại: Bữa ăn của Bác chỉ có mấy bát cơm gạo lứt (gạo xay chưa giã) với xì dầu loại rẻ tiền. Tuy vậy bữa cơm nào Bác cũng cố gắng ăn đúng ba bát để bảo đảm sức khỏe. Hôm nào đi ăn cơm Bác cũng nhớ mang theo một lọ ớt khô.

Thấy sinh hoạt của Bác quá ư thiếu thốn mẹ tôi đem biếu Bác một ít thứ lặt vặt, nhưng nài ép thế nào Bác cũng không nhận. Thế mà không hiểu tự đâu Bác lại biết tôi thiếu một cái áo đồng phục học sinh.

Bác bắt tôi nhất định phải nhận số tiền mà Bác dành dụm được để tôi may áo trong khi chiếc khăn mặt của Bác đã rách, Bác chưa dám bỏ nó đi để mua chiếc khác.

Đầu năm 1944, giặc Nhật sắp tràn xuống Liễu Châu. Bác cùng một số đồng chí chuẩn bị về nước hoạt động. Mẹ tôi và chị tôi xin Bác được về cùng, song Bác khuyên ráng chờ một thời gian nữa vì lúc bấy giờ chị tôi đang bị bệnh lao phổi, cần có thời gian và điều kiện để điều trị.

Trong bữa cơm liên hoan chia tay, tôi kính tặng Bác một chiếc khăn nhỏ, một chiếc bút chì xanh đỏ và một chiếc thước nhựa. Bác chỉ nhận thước và bút chì...»[3]

Trở lại Côn Minh

«Cuối năm 1944, Hồ Chủ tịch từ trong nước có việc sang Côn Minh. Bác sống ở nhà tôi trong mấy tháng. Mãi mãi sau này tôi còn nhớ những ngày được gặp Bác lần ấy. Bây giờ ngồi kể lại, tôi cứ bồi hồi như đang nâng niu trong tay vật gì thiêng liêng quý báu lắm, chỉ sợ sểnh tay không giữ được trọn vẹn. Tôi chỉ sợ nhớ không được hết, ghi không được đúng hình ảnh Bác trong những ngày đầy ánh sáng ấy của đời tôi.

Bác tới vào một buổi chiều mùa đông. Cảm giác đầu tiên của tôi là thấy Bác gầy quá. Đôi mắt Bác vẫn trong sáng, hiền từ như thế, nhưng đôi gò má của Bác cao lên. Da Bác không được đỏ đắn, tóc Bác đã bạc nhiều... Bác mặc một bộ quần áo nhuộm chàm phai màu; trời rét, Bác khoác thêm một cái áo bông ngắn sờn vai. Lúc tới, Bác đi đất, đầu đội một cái mũ vải cũng nhuộm chàm.

Nhà tôi là một tiệm cà-phê. Hồi ấy tôi chưa được tổ chức, mới còn là một cảm tình, nhà tôi là một cơ sở hoạt động của Đảng ở Côn Minh. Tôi thu xếp mời Bác nghỉ trong một căn buồng trên gác, một căn buồng chật hẹp, chỉ để kê một cái giường Bác nằm và một cái bàn Bác làm việc, nhưng có một khung của sổ. Thu xếp xong chỗ nghỉ cho Bác, chúng tôi soạn lại hành lý của Bác. Việc này phải nhờ mấy anh cùng đi với Bác - anh Phùng Thế Tài và một đồng chí thiểu số lúc ấy tên là Minh. Thực ra cũng chẳng có gì mà soạn. Hay nói cho đúng, những thứ Bác

mang theo đều nên bỏ, nên thay cả kể từ cái khăn mặt đến cái ống đựng thịt muối. Cái khăn mặt của Bác nhuộm chàm bạc thếch đã rách gần hết. Đôi giầy của Bác mang theo càng rách hơn, Bác đi đến nỗi lòi cả chân ra. Còn ống thịt muối? Hai anh Phùng Thế Tài và Minh ngày ấy còn rất trẻ. Các anh mở nắp ống thịt muối ra, lắc đầu kể lại cho chúng tôi nghe về « món thịt », vì thực tình đến chín phần muối mới có một phần thịt. Dọc đường vượt biên giới, mỗi ngày đi bộ, đến nơi phải nấu ăn, người nấu niêu cơm, người đi hái rau rừng, muối ấy và vài miếng thịt bỏ vào nấu canh. Ăn được nhiều, ít, Bác vẫn theo kịp hai anh đường trường, dốc núi. Hành lý của Bác, đáng kể nhất là ống thịt muối ấy. Nhưng cả ống thịt muối, chúng tôi cũng muốn bỏ đi, khi nào Bác về sẽ làm ống khác.

Bác không cho làm thế, không cho vứt bỏ thứ gì cả, Bác bảo: đồng bào, các đồng chí ở nhà còn khổ, những thứ ấy còn dùng được nhất là ống thịt muối, không nên phí phạm. Cùng lắm Bác mới cho mua đôi giầy vải. Lúc nhà tôi đi mua, Bác còn dặn mua đôi ít tiền bằng vải thường thôi. Chiếc khăn mặt mua về, Bác lại đem nhuộm xanh, còn đôi giầy vải, Bác phê bình nhà tôi đã mua một đôi loại kha khá.

Đường xa lâu ngày, lại lội suối, leo núi, Bác tới nơi thì mệt. Bác không cho đưa đi bệnh viện, sợ có những việc bất trắc. Bác chỉ cho nhà tôi mua vài ống thuốc tiêm; rồi hàng ngày tiêm cho Bác. Cũng may sao, chỉ một tuần sau, Bác bình phục và bắt tay vào công việc.

Thời gian Bác lưu lại Côn Minh khoảng gần ba tháng. Suốt ba tháng ấy, sinh hoạt hàng ngày của Bác rất nền nếp, đều đặn. Chúng tôi bảo nhau có thể cứ xem lúc nào Bác làm gì là biết mấy giờ, không cần phải xem đồng hồ.

Ngoại ô Côn Minh có những con mương dẫn nước vào ruộng, hai bên bờ mương trồng những rặng thông dài, cao vút. Hàng ngày, Bác dậy từ năm giờ sáng, ra đấy tập thể dục. Bác chạy mãi dọc theo rặng thông, lượt trở về, Bác vừa đi vừa thở... Đến bảy giờ, hôm nào Bác cũng xuống giúp đỡ cửa hàng. Cửa hàng của tôi thường đông khách nhất vào buổi sáng, mấy anh em tôi tất bật không kịp, Bác xuống đứng đỡ ở tủ bánh mì, bán giúp chúng tôi cho đến lúc thưa khách. Khách mua bánh mì hàng ngày, lâu dần đến quen mặt, họ xì xào với nhau: « không biết Vương Minh Phương tìm đâu được người cha già phúc hậu thế».

Thấy Bác gầy quá, chúng tôi muốn chăm lo thức ăn hàng ngày cho Bác, nhưng Bác chả ăn gì. Mỗi sáng, nồi sữa tươi đun lại, nhà tôi hớt lấy váng múc một cốc Bác xơi. Bác dần dần khỏe ra, chúng tối rất sung sướng nhìn cánh tay Bác rắn chắc. Anh Minh cùng đi với Bác kể chuyện lại có thời kỳ Bác luyện võ, Bác đẽo một hòn đá tròn vừa tay nắm, cứ thế hàng ngày Bác bóp hòn đá trong tay thật mạnh như muốn bóp vỡ ra, đôi khi cả trong lúc làm việc... Những ngày ở Côn Minh, Bác không còn luyện tay nắm đá nữa, nhưng nhìn cánh tay Bác, chúng tôi rất mừng.

Trong thời gian này, nhiều lần Bác và chúng tôi dậy từ bốn giờ sáng. Bác nói chuyện về tình hình, Bác dạy dỗ chúng tôi về đạo đức cách mạng, Bác tiếp xúc

với kiều bào, với chính khách; Bác chơi đùa với các cháu thiếu nhi. Có những cháu, Bác chỉ gặp một lượt, nhưng ba năm sau, một lần gặp tôi, Bác còn nhớ tên, hỏi xem cháu đã lớn từng nào.

Những ngày rảnh việc, chúng tôi mời Bác đi thăm phong cảnh Côn Minh. Đi xa hàng hơn mười cây số, Bác vẫn đi bộ, từ chối cả ô-tô hàng, cả xe ngựa. Có lần chúng tôi mời Bác đi thăm chùa Hoa cách Côn Minh bốn cây số; ở đây có ngôi chùa cổ, có cả khu vườn rộng mấy mẫu đất, trồng đủ hàng trăm thứ hoa, mùa nở rộ, rực rỡ như cánh tiên. Lại có lần chúng tôi mời Bác đi thăm chùa Đông, thăm Hắc Long đàm, cách Côn Minh hơn mười cây số. Đó là một cái đầm rộng người ta đồn đại rằng ngày xưa có con rồng đen xuống tắm. Ở đây cũng có ngôi chùa, lại có gốc thông cổ thụ lớn hàng bốn tay ôm, Bác nghỉ trưa tại đây, dưới gốc thông. Bác ăn cơn nắm với chúng tôi rồi Bác tìm một gốc cây có cành xòa xuống mặt đầm, ken nhau như mắt võng, Bác ngả lưng nghỉ trưa. Chúng tôi nhìn Bác nằm, bình dị lạ thường, nhưng trong sự bình dị ấy lại thấy cả một tấm gương sáng của sự rèn luyện, của một ý chí lớn toát ra từ trong từng việc rất nhỏ. Sau ngót ba tháng làm việc ở Côn Minh, Bác lại lên đường về nước, chúng tôi lại làm một ống muối thịt y như cái ống của Bác khi ra đi... » [4]

---

[1] Vũ Anh, «Từ Côn Minh đến Pắc Bó», trong tập «Bác Hồ», Nhà xuất bản Văn học, năm 1960.

[2] T. Lan, « Vừa đi đường vừa kể chuyện », Nhà xuất bản Sự thật, năm 1963.

[3] «Nhớ Bác»... Hồi ký của Mộ La.

[4] Tống Minh Phương. « Ở Côn Minh », trong tập «Bác Hồ », Nhà xuất bản Văn học, năm 1960.

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

Về Tân Trào

"Hồi ấy là tháng 5-1945. Những ngày đang rạo rực đón chờ một sự chuyển mình vĩ đại của Tổ quốc.

Chúng tôi đang ở mặt trận; bỗng có thư hỏa tốc đến báo tin là Bác sắp về và chúng tôi có nhiệm vụ đi bảo vệ đón Bác.

Tuy chưa được thấy Bác, nhưng một không khí khác hẳn ngày thường đã diễn ra sôi nổi chẳng khác nào vừa nhận được một tin đại thắng.

Riêng một số chúng tôi đã được gặp Bác lần đầu tiên từ năm 1941. Cuối năm 1942, đầu năm 1943, chúng tôi lại có dịp lên Pắc Bó (Cao Bằng) để tìm gặp Bác; nhưng nghe tin Bác đi công tác xa nên lại không gặp. Thế là hơn bốn năm xa Bác, không lúc nào lòng chúng tôi không nhớ mong Bác.

Nay nghe tin Bác về chẳng khác nào như hạn hán gặp mưa rào. Tất cả chúng tôi ai nấy tràn ngập một niềm sung sướng không sao tả xiết.

Chúng tôi bắt tay ngay vào công việc chuẩn bị đón Bác.

Nhiệm vụ chúng tôi là phải bảo vệ con đường từ cây số 31 rẽ vào chợ Chu lên Đèo Xó chợ Đồn. Chúng tôi xem kỹ bức thư, trao đổi với một số đồng chí trong đó có đồng chí Quang Trung và một vài đồng chí phụ nữ, sau đó chủ trương phục kích ở Đèo Xó, nếu giặc Nhật thọc vào là kiên quyết đánh, không cho chúng tiến vào khu vực Bác đi Tân Trào.

Chúng tôi tổ chức trinh sát khu vực đường ra chợ Chu, chia làm mấy chặng gác ở Đèo Xó, chọn sẵn địa điểm thuận lợi cho cả hai mặt công và thủ, bố trí cách phát hiện địch từ xa để kịp thời đối phó.

Trong lúc bố trí, anh em ngồi chụm nhau ai cũng thì thào bàn tán xoay quanh chuyện Bác về và chuyện bảo vệ đường đi, nhưng say sưa nhất là chuyện Bác về: mong Bác cũng có mà lo về Bác cũng có, mong vì mọi người đang khát khao được thấy Bác, vì Bác về nơi căn cứ địa thì sẽ là một thuận lợi lớn cho phong trào, còn lo vì Bác đã có tuổi mà phải đi từ xa xôi về không biết có mệt không.

Bỗng được tin Bác không đi qua Đèo Xó mà đi đường bên trong và đã đi xuống Thành Cóc. Chúng tôi liền cấp tốc rút quân về Tân Trào để kịp hôm sau đón Bác ở vùng Sơn Dương.

Chúng tôi cùng đồng chí Văn, đồng chí Song Hào và một số cán bộ nữa đến đón Bác ở đình Hồng Thái. Trong lúc chờ đợi, câu chuyện bàn tán về Bác cũng sôi nổi. Mọi người hỏi nhau Bác người như thế nào. Một số chúng tôi trước đã được gặp Bác thì cứ luôn luôn phải diễn tả lại hình dáng, cũng như đạo đức, tác phong của Bác cho anh em nghe.

Câu chuyện đang say sưa thì được tin báo là Bác sắp về tới nơi. Tất cả đều im lặng nhìn nhau hồi hộp và hướng cả về phía Bác sẽ tới.

Một lát sau thấy một toán người từ xa lại. Chúng tôi như nín thở, các cặp mắt cố hết sức tập trung để nhìn rõ Bác.

Thoạt tiên thấy mấy người đi trước, rồi đến một ông cụ dáng người cao cao, chân bước rất nhanh nhẹn, tay cầm cái ba-toong vừa đi vừa chỉ trỏ, từ xa xa đã thấy nét mặt tươi cười vui vẻ.

Trong hàng ngũ cán bộ tập trung đón Bác, có những câu thốt ra: "Đâu Bác đâu, Bác đấy phải không, có lẽ đúng ông cụ kia là Bác rồi, v.v..."

Lúc ấy đang giữa buổi trưa. Bầu trời trong sáng hẳn, cao lồng lộng; ánh nắng mới bừng lên rực rỡ chan hòa, hình ảnh của Bác càng đến gần càng nổi bật lên với khuôn mặt hồng hào, đôi mắt quắc thước sáng ngời…

Bác vừa bước tới, thì những tiếng chào mừng chúc Bác khỏe vang lên hòa cùng nhịp ngay với những lời Bác ân cần hỏi thăm chúng tôi.

Bác cùng chúng tôi tay bắt mặt mừng vô cùng cảm động. Bác nhìn suốt mọi người hỏi thăm sức khỏe và nói chuyện thân mật với chúng tôi khác nào một người cha lâu ngày xa vắng nay mới lại gặp đàn con thân yêu của mình. Tôi chú ý nhìn kỹ Bác thấy so với năm 1941 thì Bác có già hơn nhưng đặc biệt Bác vẫn vui vẻ hoạt bát như xưa, tuy đi xa về vất vả nhưng không tỏ ra có gì là mệt mỏi.

Sau khi hỏi thăm chúng tôi, Bác không quên hỏi ngay tình hình địa phương. Bác ngước mắt nhìn tứ phía núi đồi rồi hỏi chúng tôi định đặt cơ quan ở chỗ nào. Chúng tôi chỉ về phía Tân Trào báo cáo. Trong chốc lát, Bác nắm được sơ bộ tình hình địa thế rồi Bác giục chúng tôi đưa ngay Bác về nơi đóng cơ quan. Nơi ấy là xã Kim Lộng, nay là xã Tân Trào, một khu vực giáp giới giữa Tuyên Quang - Thái Nguyên, có cơ sở cách mạng tốt, địa hình, địa thế thuận lợi, phong trào quần chúng khá mạnh.

Qua những phút đầu tiên tiếp xúc với Bác, chúng tôi cảm thấy rất rõ Bác có một sức mạnh phi thường hấp dẫn lòng người. Chúng tôi bàn tán trao đổi với nhau về đạo đức tác phong của Bác cũng như về vai trò vô cùng quan trọng của Người đối với sự nghiệp cách mạng:

"Một vị lãnh tụ cách mạng lão thành, kết tinh của tinh hoa đất nước, súc tích bao nhiêu kinh nghiệm đấu tranh của các phong trào cách mạng từ bốn phương trời, lại biết nhiều thứ tiếng, nhìn xa trông rộng, lãnh đạo tài tình..., chịu đựng bao nhiêu hy sinh gian khổ vượt suối băng ngàn nay mới về tới đây..."

Bác thật là vĩ đại nhưng cũng thật vô cùng giản dị.

Tuy mới gần Bác có mười mấy phút thôi, nhưng gương của Bác đã soi sáng cho chúng tôi rất nhiều, khuyến khích thêm chúng tôi làm việc không biết mệt mỏi. Ngay từ giây phút đầu, chúng tôi đã cảm thấy gần Bác được chừng nào là như được lớn lên chừng ấy, tư tưởng càng thêm phóng khoáng, tin tưởng sâu thêm ở Đảng, ở cách mạng.

So với cuộc đời hoạt động của Bác, chúng tôi càng cảm thấy mình làm cho Đảng chưa được bao nhiêu mà còn phải cố gắng nhiều hơn nữa.

Từ đình Hồng Thái về xã Tân Trào là nơi đóng cơ quan, phải đi qua con sông Đáy. Anh em bộ đội bảo vệ đã cấp tốc hành quân về trước, chuẩn bị bè mảng sẵn sàng.

Một số chúng tôi cùng đi với Bác. Khi xuống mảng, mặc dù nước sông dâng to, nhưng Bác rất nhanh nhẹn, tự nhiên, tươi cười như không có gì khó khăn cả. Trong khi Bác tỏ ra rất thạo nước, thì chúng tôi ai cũng hồi hộp lo sao cho qua sông được an toàn.

Qua sông, chúng tôi đi bộ qua làng Thia, dọc theo cánh đồng vào xóm Kim Lộng.

Đến nơi, chúng tôi bố trí Bác vào một gia đình quần chúng tốt để ở tạm.

Vào đến nhà, Bác đã hòa hợp rất nhanh với mọi người chẳng khác nào một người cùng làng bản vừa mới đi xa về, và Bác tranh thủ làm ngay công tác quần chúng. Qua sự tiếp xúc với Bác, ông chủ nhà Bác ở (nay không nhớ tên) tỏ ra rất cảm động trước đạo đức và tác phong hàng ngày của Bác, và càng có một quan niệm đúng đắn rõ ràng hơn về sự nghiệp vĩ đại của cách mạng.

Chẳng bao lâu, Bác đã thu được cảm tình sâu sắc của quảng đại quần chúng nhân dân địa phương.

Tiếng đồn đi khắp nơi: "Chẳng những bây giờ có đồng chí Văn, đồng chí Tân Hồng mà còn có ông Cụ rất thông minh tài giỏi..." Qua đó nhân dân càng tin tưởng rất sâu sắc vào cách mạng.

Sau một thời gian ngắn, công việc của Bác đã đi vào nề nếp, sự liên hệ công tác giữa Trung ương với các địa phương ngày càng tăng, do đó làm việc ở làng không tiện lắm, và bắt đầu chuyển cơ quan lên đóng ở rừng.

Khu núi rừng trùng điệp của Tân Trào xưa kia dưới thời Pháp thuộc, cũng như hàng trăm dãy núi rừng khác của đất nước, chỉ là những nơi âm u buồn vắng, không tên tuổi, nhưng từ ngày bước chân của Bác, của Đảng đã đặt tới, thì nghiễm nhiên trở thành khu núi rừng lịch sử oai nghiêm hùng vĩ, là nơi tập trung linh hồn của Tổ quốc, nơi trung tâm tỏa ánh sáng rực rỡ của Đảng đi khắp mọi nơi.

Núi rừng Tân Trào mất hẳn vẻ âm u ngậm tủi nuốt hờn mà trở nên hiên ngang cùng với sức mạnh vĩ đại của non sông đất nước đã đến giờ quật khởi.

Nhà ở của Bác là một chiếc lán nhỏ làm theo kiểu nửa sàn, giữa một khu rừng nứa ở lưng chừng đồi.

Dưới chân đồi là con đường mòn đi từ chợ Chu sang Tân Trào, cạnh đường có con suối quanh co uốn khúc.

Căn nhà nhỏ ấy chia làm hai gian nhỏ, trang trí rất giản đơn. Một bên là buồng nằm của Bác, còn một bên để một chiếc bàn nứa vừa là nơi làm việc vừa là nơi tiếp khách.

Khung cảnh sinh hoạt thật giản dị, nhưng nó là nơi chứng kiến những hoạt động vô cùng phong phú, khẩn trương của Bác trong những giờ phút sôi sục của thời kỳ tiền khởi nghĩa.

Ngoài thì giờ cần thiết cho sinh hoạt cá nhân, thời gian còn lại trong ngày, Bác bố trí rất sít sao, hầu như chẳng còn lúc nào nghỉ ngơi đối với Bác.

Bác làm việc suốt ngày, thường đến tận đêm khuya, có nhiều lúc đang ngủ cũng dậy làm việc. Có lần nửa đêm, Bác dậy, chúng tôi ở cạnh, có hỏi Bác, thì Bác nói: "Đang nghĩ được một vấn đề, phải dậy ghi lại cho khỏi quên".

Điều đó chứng tỏ Bác cẩn thận như thế nào, và ngay trong khi ngủ Bác vẫn còn luôn suy nghĩ tính toán những việc lợi dân lợi nước.

Bác chú ý phong trào chung toàn quốc, chú ý việc củng cố biên giới, củng cố căn cứ địa, củng cố đường giao thông. Bác theo dõi các mặt trận, lo cách liên lạc về xuôi cũng như mong Trung ương ở xuôi lên.

Công việc thì bừa bộn như thế mà Bác vẫn dành được thì giờ nghiên cứu, viết tài liệu sách báo. Ngoài ra Bác lại có thì giờ để tiếp khách.

Trong công việc Bác rất khẩn trương hoạt bát.

Khi tiếp xúc với nhân dân và cán bộ, tác phong của Bác thật là ân cần, cởi mở. Dù là Nùng, Tày, Mán,v.v... ai đã được gặp Bác, khi ra về đều rất kính phục và tin tưởng.

Các cụ người Tày Kim Lộng như ông Ngọc, và hai ông nữa, sau khi gặp Bác, về nói: "Cụ đã nhiều tuổi sao mà nhanh nhẹn, khỏe mạnh và tài giỏi đến thế..." Những cụ người Mán, tuổi đã khá cao như cụ Hương, cụ Vượng v.v... cũng nói: "Dân Việt Nam ta quả là phúc đức bằng trời bể mới có được ông cụ đã nhiều tuổi mà còn đi hoạt động như thế này, vừa sáng suốt tài giỏi, nhiều kinh nghiệm lại vừa tốt vô cùng. Dân mình tài thật, Việt Minh nhất định thắng..."

Những lời nói mộc mạc giản dị của người nông dân thiểu số miền núi đủ nói lên lòng tin tưởng rất sâu sắc của quần chúng đối với Bác, cũng như đối với Đảng.

Có một lần, chúng tôi đang ở một mặt trận trên đường số 3, cây số 36 rẽ vào chợ Chu, bỗng có thư hỏa tốc của đồng chí Văn bảo là: "Bác mệt, tiếp được thư phải về ngay không kể ngày đêm" và phải tìm một người giỏi thuốc nam về chữa cho Bác.

Lòng chúng tôi hồi hộp lo lắng muôn phần...

Chúng tôi biết có bà Báo là một bà lang thiểu số nên mời bà đến chữa cho Bác.

Vào thăm Bác hôm ấy có tôi và anh Văn, về đến nơi thì Bác đã mệt khá nặng. Thấy Bác, chúng tôi không ai cầm được nước mắt, sự cảm xúc thật không sao tả xiết: phần thương Bác vì đã làm việc quá sức, suy nghĩ nhiều, thức khuya dậy sớm, lao động đi lại vất vả, cộng vào đó ăn uống lại kham khổ, - phần lo vì sức khỏe của Bác có liên quan tới vận mệnh của Tổ quốc, nhất là trong những giờ phút quyết định này.

Bác người tuy rất mệt, nhưng nhiệt tình làm việc của Bác thì không hề mệt mỏi.

Bác vẫn hỏi thăm tình hình phong trào chung, tình hình mặt trận, an ủi chúng tôi và chỉ thị công tác cho chúng tôi. Còn Bác thì luôn ở bên cạnh máy chữ, nhiều lúc miệng chỉ thị, tay đánh máy.

Anh Văn và tôi khuyên Bác hãy xếp công việc lại và nghỉ cho khỏe đã. Nhưng Bác nói Bác vẫn còn làm việc được.

Thấy Bác phải tiếp chuyện nhiều, ảnh hưởng đến sức khỏe, chúng tôi từ giã ra nghỉ ở ngoài làng. Lúc ra, Bác không quên dặn lại chúng tôi: "Nhà đã mua được con ba ba, mai các chú lại đây ăn cơm cùng cho vui".

Hôm sau chúng tôi về chỗ Bác ăn cơm.

Đến nơi thấy Bác vẫn làm việc như hôm qua với chiếc máy chữ bên cạnh luôn luôn hoạt động, mặc dầu bệnh chưa chuyển mấy.

Bữa cơm hôm ấy giữa Bác với chúng tôi thân mật cởi mở, chứa chan tình thương yêu giữa lãnh tụ với cán bộ. Nó đậm đà ấm cúng và cũng bổ ích qua những câu chuyện lịch sử lý thú, chuyện hoạt động ở nước ngoài, chuyện công tác thiết thực mà Bác nói cho chúng tôi nghe trong lúc ăn.

Bữa cơm đầy ý nghĩa chỉ có thể có giữa những người cộng sản hôm ấy, thật chúng tôi ghi nhớ suốt đời.

Ăn cơm xong, Bác vẫn còn say mê trò chuyện với chúng tôi, mặc dầu Bác càng nói càng mệt.

Chúng tôi mời Bác đi nghỉ, và xin phép Bác ra về...

Ra được một quãng, hai anh em chúng tôi lại bí mật lẻn vào và bê cái máy chữ của Bác giấu hẳn đi một chỗ.

Chiếc máy chữ lịch sử này gắn liền với đời hoạt động của Bác, là phương tiện duy nhất không bao giờ rời Bác.

Hôm sau chúng tôi vào thăm Bác, Bác trách chúng tôi: "Máy của tôi lúc nào cũng phải ở bên cạnh để làm việc. Các chú cất máy làm tôi phải bó tay, có hại cho công việc chung".

Tuy vậy chúng tôi vẫn nhất định chưa đưa máy ra.

Mấy hôm sau, Bác khỏe dần. Lúc ấy chúng tôi đưa máy cho Bác. Chúng tôi rất vui mừng, Bác cũng tươi cười vui vẻ. Và lại tiếp tục làm việc như mọi ngày..." [1]

*

"Tháng Sáu 1945, chúng tôi nhận được thư của đồng chí Chu Văn Tấn báo cho biết phải chuẩn bị để đón một đồng chí thượng cấp về Tân Trào. Đồng chí Tấn đã đưa một đơn vị đi Chợ Chu để đón đồng chí thượng cấp ở dọc đường. Thư viết vắn tắt nhưng toát ra một tinh thần rất quan trọng. Đồng chí thượng cấp! Tôi thăm hỏi và cũng mơ hồ đoán được ra người đồng chí mang cái mật hiệu kia là ai?

Đã từ lâu lắm tôi đã được nghe nói nhiều về đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người lãnh đạo vĩ đại của cách mạng Việt Nam, đồng thời cũng là một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Đã có không biết bao nhiêu chuyện

lớn lao, xúc động về cuộc đời hoạt động của Người, mà các đồng chí của Đảng ta cũng như của các Đảng anh em đã kể lại cho nhau nghe gần như những truyền thuyết dân gian kỳ diệu.

Tôi vui mừng báo ngay cho đồng chí Tùng (lúc bấy giờ đã làm chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời châu Hồng Thái) chuẩn bị gấp mọi mặt, tu sửa lại ngôi đình Hồng Thái để làm trạm tiếp đón trước khi đồng chí sang Tân Trào.

Đình Hồng Thái cũng có những cây đa cổ thụ, cành lá sum suê xanh tốt. Đình lợp lá cọ, cột gỗ phong rêu, đứng giữa một khu đất rộng, cỏ mọc xanh rì, cây cao bóng cả, phong cảnh thật là trầm mặc. Phía sau đình không xa là bản làng có một cái giếng con, nước trong leo lẻo quanh năm, nhân dân vẫn gọi là "giếng ngọc". Xế về phía bên trái, trước cửa đình là dòng sông Đáy hẹp như một dòng suối lớn, êm đềm chảy giữa hai bờ lau sậy. Có lẽ cũng giống như ở Kim Long, nhân dân ở đây từ lâu đã tự hào về phong cảnh đẹp của quê hương mình, đồng thời cũng đã từ lâu mơ ước một cuộc đời tươi sáng hạnh phúc hơn, cho nên đã có hai vế câu đối khắc ở cột đình:

Đề giang tả bão linh nguyên hội;
Ngọc tỉnh hữu triều thụy khi chung .

tạm lược dịch :

(Dòng sông Đáy bao bọc bên trái chẳng khác gì một nguồn linh thiêng tụ hội lại, còn bên phải có giếng ngọc chầu, tựa như có khí đẹp chung đúc về).

Có đồng chí cán bộ biết chữ Hán dịch lại hai câu đối ấy cho tôi nghe và mỉm cười nói vui:

- Có lẽ nhân dân ở đây đã tiên đoán được từ lâu là sẽ có ngày ngôi đình này được chọn làm nơi để tiếp đón người chiến sĩ vĩ đại, vị cứu tinh của dân tộc mình về xây dựng thủ đô cách mạng, nên mới có hai vế câu đối đẹp đẽ, hàm súc như thế!

Riêng tôi, đứng trước đình Hồng Thải, nhìn về chòm núi trùng điệp, xanh mờ phía xa, tôi còn nhớ tới bản Pài. Bản Pài cũng thuộc địa phận của Hồng Thái, theo đường chim bay không xa ngôi đình này quá mười cây số. Lịch sử như đã vô tình làm một công việc đối chiếu và so sánh có ý nghĩa. Cũng trên khu vực này cách đây có hơn nửa năm trời, đoàn mười hai người chúng tôi còn bị vây hãm nguy khốn ở những mỏm núi kia. Bây giờ chúng tôi đã xuống được tới làng bản, ra tới đây công khai, long trọng tổ chức đón tiếp lãnh tụ của dân tộc, của giai cấp trở về chỉ đạo cách mạng cả nước.

Công việc chuẩn bị của chúng tôi vừa xong thì đồng chí Chu Văn Tấn lật đật trở về. Đồng chí cho biết : đồng chí đón hụt. Bác đã không đi theo con đường do chúng tôi đề nghị, mà đi theo một con đường khác; con đường Nam tiến do Bác đã vạch ra trước đây cho đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân từ hồi đầu mới xây dựng.

Chúng tôi không phải mong đợi lâu, ngay hôm sau đã có tin báo: thượng cấp về tới ngoài đầu dốc. Tất cả chúng tôi mừng rỡ, vội vã chạy ra. Trước mặt chúng tôi là một đoàn trên mười người ăn vận khác nhau, trong đó có cả đồng chí Võ Nguyên Giáp. Đi đầu đoàn người là một đồng chí đã có tuổi, mặc áo chàm, dáng người mảnh dẻ, khuôn mặt xương xương, nước da rám nắng, chòm râu đen nhánh, lưa thưa. Đồng chí bước đi thoăn thoắt, chiếc mũ dạ đen đội đầu, mảnh khăn mặt trắng vắt vai, tay cầm một chiếc gậy nhỏ. Mới thoạt nom, chúng tôi cũng đã có thể biết ngay: đó là người mà chúng tôi đã từ lâu mong đợi. Bác tới gần, cặp mắt sáng đẹp tuyệt vời nhìn thẳng vào chúng tôi, và cũng ngay từ giây phút ấy đã chiếm hết tâm hồn chúng tôi làm cho chúng tôi muốn cầm chặt lấy bàn tay Người mà thốt lên tất cả những lời kính yêu tha thiết, tin tưởng không bờ không bến.

Bác bước vào đình Hồng Thái nhìn bao quát khung cảnh và các đồng chí chung quanh, vẻ rất hài lòng. Tất cả chúng tôi đều xúm xít lại. Bác bắt đầu câu chuyện bằng những lời thăm hỏi ân cần về sức khỏe chung của chúng tôi rồi hỏi ủy ban châu về tình hình phong trào của địa phương. Đã chuẩn bị rất kỹ, nhưng trước những câu hỏi rất cụ thể tỉ mỉ của Bác, đồng chí Tùng vẫn không khỏi bối rối.

Bác sang xóm Tân Lập (Tân Trào) vào tạm trú ở một gia đình cơ sở ít hôm, trước khi ra ở lán phía chân núi Nà Lừa. Chúng tôi cố hết sức giữ bí mật, đón Bác về bình thường như đón mọi đồng chí cán bộ khác. Nhưng Bác chỉ ở trong xóm được vài hôm, toàn thể nhân dân đã chăm chú, xì xào: "Có một đồng chí già mới về, yêu dân, yêu bộ đội đặc biệt. Lại chăm chỉ khác thường, đêm làm việc tới khuya, sáng mờ đất đã quét nhà, tưới rau, lấy củi, đánh thức bộ đội dậy đi tập, hoặc tăng gia giúp dân. Ông cụ nhiều buổi cũng đi làm. Ông cụ rất chăm lo nước tưới. Hôm nào đi thăm đồng về thấy ruộng cạn là vận động bà con đi tát ngay, cả ông cụ cũng đi. Có buổi thấy ông cụ lúi húi ở ngoài đồng, tưởng làm gì, té ra đắp một cái bờ bị nẻ để giữ nước cho dân..."

Từ cụ già tới trẻ nhỏ trong xóm, người nào cũng đều muốn đến gặp "ông cụ" hoặc "đồng chí già" để được nghe chuyện thế giới, trong nước, và nghe những lời khuyên bảo về đấu tranh chống đế quốc, phát xít, và tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

Có một chuyện mà nhiều đồng chí cho tới bây giờ vẫn còn nhớ và không khỏi buồn cười. Ngay hôm sau mới tới Tân Lập, Bác đi thăm luôn chỗ ở của đơn vị Giải phóng quân đóng ở đó. Chúng tôi vẫn giữ bí mật, ngay cả với đồng chí chỉ huy đơn vị, Bác thấy chỗ ăn, nơi ở của bộ đội không được trật tự cho lắm, bèn gặp đồng chí chỉ huy góp ý kiến. Đồng chí chỉ huy vốn là người nóng nảy, thấy vậy có ý không bằng lòng: "Phê bình chúng tôi, chuyện ấy đã có cấp trên của chúng tôi". Bác vẫn hồn hậu, tươi cười đáp: "Tôi là người dân tôi cũng có quyền phê bình góp ý với bộ đội chứ!... Bộ đội cách mạng là bộ đội của dân cơ mà!". Đồng chí chỉ huy đơn vị nghe ra ngay, không dám nói nữa. Hôm sau gặp tôi, đồng chí lắc đầu: "Có

một ông cụ già không biết ở xã nào đến, nói năng cừ lắm, phê bình mà tôi cũng phải chịu". Tôi cười, nói nhỏ: "Lãnh tụ của phong trào cách mạng ta hiện nay đấy!". Đồng chí chỉ huy đơn vị trợn tròn mắt: "Có thật không?"... Từ đó, mỗi khi nhắc lại câu chuyện ấy, đồng chí vẫn không khỏi đỏ mặt.

Từ khi Bác và Trung ương về Tân Trào càng dần dần trở nên thực sự là thủ đô lâm thời của Tổ quốc, trái tim của cách mạng Việt Nam. Từ nơi đây tỏa đi khắp các chân trời của đất nước mọi chỉ thị về đường lối, phương châm, sách lược của Đảng nhằm đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Cũng từ nơi đây đã thu hút về biết bao nhiêu thanh niên anh tuấn bốn phương. Nghe theo tiếng gọi của cách mạng, anh em đã rời bỏ làng mạc, xưởng máy, trường học, công sở, đô thị... đi tìm Việt Minh, đi tìm Giải phóng quân, đi tìm Đảng. Con đường cửa ngõ Bình Ca càng ngày càng trở nên tấp nập kẻ ra người vào, như con đường chùa Hương trong những ngày mở hội.

Nhân dân trong khu giải phóng nói chung và Tân Trào nói riêng cũng ngày càng được hưởng đầy đủ những quyền lợi tốt đẹp mà cách mạng đã mang tới như: phổ thông bầu cử hội đồng nhân dân, mở rộng bình dân học vụ xóa nạn mù chữ, thực hiện nam nữ bình đẳng và "đời sống mới", bãi bỏ các thứ thuế má vô lý, nặng nề, nhục nhã mà đế quốc, phát xít đã bắt nhân dân ta phải còng lưng cống nạp... Một mặt được hưởng những quyền lợi do cách mạng mang tới, một mặt nhân dân khu giải phóng và Tân Trào cũng nô nức, hăng hái làm tròn những phần trách nhiệm của mình để đẩy mạnh cách mạng tiến tới như vào dân quân tự vệ, canh gác, tuần tra, tiếp tế lương thực, thi đua sản xuất.

Đời sống tươi vui, lành mạnh, cách mạng và chiến đấu của nhân dân khu giải phóng đã được một đồng chí cơ sở người địa phương phản ánh một phần nào trong bài vè do đồng chí sáng tác và đã được truyền miệng khá rộng rãi trong nhân dân Tân Trào, Hồng Thái khi đó. Tôi còn nhớ được một vài đoạn:

Hạ thiên nông vụ đã qua
Ngồi rồi cầm bút chép ra một bài
Kể ra lịch sử chẳng sai
Đến năm Ất Dậu[2] ai ai một lòng
Tháng Hai[3] cách mạng khởi công
Noi gương giòng giống Lạc Hồng nổ ra
Trong xuân, mồng tám thực là
Cán bộ về đến đất nhà Kim Long
Từ giờ việc Pháp bỏ không
Bây giờ việc nước theo cùng Việt Minh
Giặc Tây đến lúc phải kinh
Việt Minh đã nổi, dân tình đều theo
Việc văn[4] đặt kể cũng nhiều

Còn như việc võ mọi điều kể qua:
Chánh phó tự vệ cắt ra.
Canh gác túc trực lối ba bốn người
Để mà phòng thủ mọi nơi
Xem ai phản động vậy thời điều tra.
Bao giờ giành nước cộng hòa
Cán bộ đi khỏi dân đà ngẩn ngơ[5]
Vì chung cơ hội đang chờ
Tháng tư vừa thấy Cụ Hồ về đây
Thật là cơ hội rồng mây
Cùng nhau theo Cụ đánh Tây diệt thù
Lập trường "quân chính" chiến khu
Cùng nhau lấy máu trả thù mới cam
Cụ Hồ người thật đảm đang
"Truyền thanh tuyến điện" Cụ mang trong mình
Tháng Tư Cụ mới khởi hành
"Truyền thanh" nghe nói rành rành chẳng sai
Ngoại giao Cụ thật anh tài
Nội trị thật cũng chẳng ai sánh cùng

……

Trong bài vè có câu "Lập trường quân chính chiến khu", trường quân chính ấy là trường Quân chính kháng Nhật theo chỉ thị của Bác đã được thành lập ở Khuổi Kịch. Tại Tân Trào, Bác chăm lo đủ mọi mặt công tác cách mạng, nhưng đặc biệt là việc đào tạo cán bộ. Trước đây, khi còn bôn ba hải ngoại, Bác đã đào tạo nên biết bao cán bộ quí cho cách mạng nước nhà. Hầu như phần đông các đồng chí Trung ương của Đảng ta đều là những người do chính tay Bác dìu dắt. Tới nay cách mạng đang ở giai đoạn phát triển cao nhất, cán bộ có bao nhiêu cũng còn là thiếu, Bác lại càng chú ý điều đó nhiều hơn. Bác luôn luôn nhắc lại câu nói của Xta-lin: "Cán bộ quyết định hết thảy".

Trong gian nhà lá đơn sơ bên rừng Nà Lứa, Bác đã trải qua những ngày thật thiếu thốn, gian khổ, nhưng tinh thần làm việc và nghị lực thì thật phi thường. Trong những giờ phút hết sức mệt nhọc, nguy kịch ấy Bác vẫn giữ được trí tuệ rất sáng suốt, minh mẫn. Bác ân cần dặn dò từng việc lớn và truyền lại cho các đồng chí của Đảng ta tấm lòng kiên quyết lớn lao của mình đối với sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, trong việc nắm lấy thời cơ để hành động. Trong những ngày ấy gần như cả thủ đô cách mạng lo lắng, âu sầu. Không những cán bộ, đảng viên mà cả những quần chúng cứu quốc, khi biết tin "đồng chí già" đau yếu, ai nấy đều cảm thấy lòng mình trĩu nặng. Thuốc men thiếu thốn, các cụ già, các quần chúng cứu quốc trong làng bảo nhau đi tìm kiếm thuốc bằng lá, rễ cây về để đưa cho

"đồng chí già" sắc uống. Có một người ra tận sông Đáy tìm bắt được một con ba ba, đem ra lán cắt tiết hòa rượu để làm thuốc mời Bác.

Sau đó ít lâu cơn bệnh của Bác lui dần. Bầu trời Tân Trào càng như dần dần quang sạch mây đen. Tất cả chúng tôi đều thở trút ra, mừng vui khôn tả..." [6]

*

"... Mùa hè năm 1945, chúng tôi đến Tân Trào. Tôi cùng anh Trường Chinh, anh Hà Huy Giáp, và một số đại biểu đi dự Đại hội Mặt trận. Đi trong khu giải phóng, thở hít không khí tự do, người thấy nhẹ nhàng. Liên lạc dẫn chúng tôi tới một cơ quan. Chúng tôi thấy lố nhố những anh chị em du kích, tự vệ, mang gươm, mang súng. Người thì đang làm nhiệm vụ canh gác, người đang họp bàn công tác. Từ người dân mất nước, trong tay không một tấc vũ khí, nay đứng trước quang cảnh ấy, cả đoàn đại biểu đều cảm động, có người rưng rưng nước mắt. Tôi được tin ông Cụ đã ở Tân Trào, nên quên cả mỏi mệt, định tiếp tục đi ngay, vì từ cơ quan này vào trong ấy cũng gần thôi. Nhưng một trận mưa to sập đến. Suối dềnh lên, đường bị nghẽn. Chúng tôi đành phải nghỉ lại đây. Suốt đêm tôi thao thức. Hết nghĩ đến ông Cụ, lại ngắm nhìn những đồng chí du kích bố trí bảo vệ đoàn đại biểu. Lắng nghe thấy mấy đồng chí nói tiếng Tày Cao Bằng, tôi nghĩ ngày mai vào gặp ông Cụ, chỗ ở chắc là còn nghiêm mật hơn thế này.

Sáng hôm sau, cơm nước xong, chúng tôi vào Tân Trào. Tới nơi anh Võ Nguyên Giáp cho chúng tôi biết ông Cụ đang chờ, nhưng ốm lắm. Mấy hôm trước, bệnh tình có vẻ nguy kịch, tưởng chết. Ông Cụ đã một lần cho gọi anh Phạm Văn Đồng và anh Võ Nguyên Giáp vào bàn các công tác như có ý giối giăng. Rồi anh Giáp dẫn chúng tôi đến chỗ Bác ngay. Qua cây đa Tân Trào, lội một con suối, tới chân đèo Nhe, đi sâu vào chừng vài trăm thước. Tôi tiến vào một nhà sàn thấp, ngạc nhiên vì thấy việc bảo vệ gần như không có. Trong nhà sàn bên cạnh, chỉ có mấy đồng chí phụ trách máy vô tuyến điện.

Bước vào cái lều Bác ở, tôi rất cảm động. Nhà trống hơ trống hác, bốn phía không có phên che. Ngoài chiếc máy đánh chữ và một ít giấy, không có một thứ đồ đạc gì khác. Bây giờ đã vào thu, lại sau những trận mưa liên miên, khí trời lành lạnh, Ông Cụ ngồi xổm một mình trên sàn. Tôi nhận ra ngay ông Cụ, nhưng ông Cụ hom hem quá, khác hẳn đồng chí Vương hồi trước, ông Cụ đã để râu, tóc lốm đốm bạc, hai má hóp lại. Đầu đội miếng vải túm lại như mũ nồi mình mặc áo cộc chàm; hai thân gầy khẳng khiu làm cho hai ống quần soóc càng rộng. Chỉ có đôi mắt là vẫn sáng như xưa.

Chúng tôi hỏi thăm sức khỏe, hỏi về thuốc men, Bác nói:

- Có một bà con thiểu số ở đây vào rừng lấy thuốc lá về cho mình uống. Uống mấy hôm nay đã đỡ.

Bác bảo mọi người ngồi. Giọng nói không có gì đổi khác vẫn từ tốn, đầm ấm như trước. Sau bao nhiêu năm bây giờ mới gặp lại Bác, tôi ngồi nghĩ liên miên, nghĩ chuyện ngày xưa, nhớ những lời Bác dặn dò, rồi tin Bác bị bắt, ho lao chết,

rồi bây giờ không ngờ lại trở về đây. Hôm ấy tôi không nói được chuyện riêng với Bác. Chúng tôi vào thăm Bác, và để bàn với Bác về công việc chuẩn bị hội nghị Trung ương. Khi bàn công việc, Bác vẫn minh mẫn, khẩn trương. Tôi nhớ khi ấy Thường vụ chưa ấn định dứt khoát ngày họp của hội nghị Trung ương mờ rộng. Bác nói:

- Nên họp ngay, và cũng không nên kéo dài hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút. Tình hình sẽ biến chuyển nhanh chóng. Không thể để lỡ cơ hội.

Một mặt Thường vụ họp, một mặt Bác đề nghị một số đồng chí đi dự hội nghị Trung ương phải về ngay địa phương, nắm lấy những ý kiến của Ban thường vụ đem về mà thi hành. Ngày ấy, Nhật chưa đầu hàng đồng minh. Bác nói: "Chỉ vài ngày nữa là nó hàng, và hàng không điều kiện". Vài hôm sau, trong khi hội nghị Trung ương đang họp, chúng tôi được tin phát xít Nhật đầu hàng.

Bác tuy ốm yếu, nhưng dự họp suốt từ đầu tới cuối với Ban Thường vụ. Ngày 13, 14, 15-8-1945, hội nghị Trung ương lần thứ chín họp. Những quyết định của hội nghị này có một tầm quan trọng rất lớn đối với vận mạng của dân tộc ta.

Cuộc thảo luận ở hội nghị Trung ương thật sôi nổi và gay go. Bàn nhiều nhất là hai khả năng của cách mạng. Khả năng thứ nhất là ta lấy lại được nước, nắm được chính quyền, tức là có cương vị nói chuyện với đồng minh. Khả năng thứ hai là lực lượng chủ quan của ta yếu, không thừa được thời cơ thuận lợi mà giành lấy chính quyền trước khi đồng minh kéo vào - mà đồng minh là có Pháp ở trong, - thì tức là phải đặt vấn đề đàm phán với Pháp, đòi quyền tự do, dân chủ, nắm lấy đấy mà tuyên truyền, giác ngộ quần chúng nhân dân, đẩy mạnh phong trào cách mạng hơn nữa để tiếp tục đấu tranh với Pháp cho đến thắng lợi cuối cùng.

Tôi nhớ khi bàn đến khả năng Pháp có thể trở lại, có đồng chí uất quá nói: nó vào thì cứ đánh, dù lực lượng nhỏ đến đâu cũng đánh. Đấy là những lời tâm huyết, biểu lộ một tấm lòng nhiệt tình yêu nước. Nhưng khách quan mà nhìn nhận vấn đề, thì đánh Pháp lúc ấy phức tạp là vì nó núp sau danh nghĩa đồng minh.

Vì điều kiện sức khỏe, Bác không dự hội nghị Trung ương được suốt. Nhưng Bác góp rất nhiều ý kiến. Bác rất sáng suốt và bình tĩnh. Bác phân tích tình hình một cách rõ ràng và khoa học. Bác nhận định cách mạng là một cuộc đấu tranh lâu dài, làm cách mạng phải chiến đấu hết keo này đến keo khác. Trước mắt là phải nỗ lực phát động một cao trào khởi nghĩa, đã có khu giải phóng rồi phải mở rộng khu giải phóng ra khắp nơi trong nước, dù lực lượng còn nhỏ cũng lập khu giải phóng, trước khi đồng minh vào. Tích cực thì nắm được thời cơ. Không tích cực thì thời cơ không chờ mình...

Hội nghị quyết định phát động một cao trào khởi nghĩa suốt từ Bắc chí Nam. Ai nấy đều bừng bừng phấn khởi. Ngày nay ta đã có một khối nhân dân đoàn kết, giác ngộ và lớn mạnh, có một chính quyền vững chắc, có một quân đội chiến thắng, nhưng ngày nay nghĩ lại những ngày trứng nước của cách mạng, ta mới

càng thấy hết những khó khăn của thời bấy giờ, mới càng thấy thắng lợi ngày ấy thật là to tát. Nhân dân ta khi ấy chưa thạo bắn súng. Lực lượng vũ trang có vẻn vẹn vài nghìn khẩu súng gồm rất nhiều kiểu Pháp, Anh, Đức, Nhật, và súng kíp, súng hỏa mai của ta, mà lực lượng địch thì hùng hậu, vũ khí hiện dại. Liên- xô thắng Đức, Nhật là một viện trợ tinh thần rất lớn. Nhưng quyết định thắng lợi của cách mạng tháng Tám vẫn là do sự lãnh đạo khôn khéo, kiên quyết của Đảng và do lòng yêu nước và tinh thần quật khởi của nhân dân ta. Càng thấy dân tộc mình anh dũng thật.

*

Một buổi tối, hình như sau cuộc họp của Ban Thường vụ thì phải, chúng tôi đốt đuốc vào thăm Bác. Tôi ngồi gần Bác, Bác đang nói chuyện với các anh ấy, bỗng nhìn tôi và nói:

- Trông chú già đi nhiều

Tôi hỏi lại :

- Bác còn nhớ tôi cơ ạ ?

- Nhớ chứ.

- Thưa Bác, trông Bác cũng già đi nhiều.

Tôi nhắc lại chuyện hồi ở tù đọc báo thấy tin Bác bị bắt, rồi tin Bác mất vì ho lao, v.v... Bác nói:

- Đúng đấy. Hồi ấy, mình cũng đọc cái tin ấy. Thực dân Pháp thường đưa những tin như vậy để đánh vào tinh thần dân ta. Buồn cười là báo Anh lúc bấy giờ lại đả thực dân Pháp là hèn nhát, không hãm hại được người ta thì phao tin người ta chết!"

*

"...Sáng 16 tháng 8 năm 1945, Quốc dân Đại hội khai mạc ở Tân Trào. Bác được bầu vào trong đoàn chủ tịch. Từ khi trở về nước, đây là lần đầu tiên Bác tiếp xúc với một đại hội đại biểu nhân dân. Hôm ấy, ban tổ chức giới thiệu Bác là cụ Hồ Chí Minh, một nhà lão thành cách mạng. Nhiều đại biểu không khỏi ngạc nhiên vì chưa nghe thấy tên Hồ Chí Minh bao giờ. Nhưng một số người cũng đã thì thầm bàn tán về Bác mà người ta gọi là ông Ké Tân Trào. Mấy đại biểu khảo nhau: Cụ Nguyễn Ái Quốc đấy. Hồi ấy, chưa có tục vỗ tay. Nhưng khi nghe giới thiệu Bác, các đại biểu đều rất hân hoan. Bác hỏi thăm sức khỏe mọi người, niềm nở mời các đại biểu vào làm việc. Các đại biểu vừa phấn khởi vừa bồi hồi.

Đại hội họp ở một gian bên. Gian chính giữa triển lãm những vũ khí lấy được của Nhật. Gian bên kia là chỗ ăn uống của đại biểu. Suốt ngày hôm ấy, Bác điều khiển hội nghị. Đại biểu nào cũng chú ý lắng nghe những ý kiến của Bác. Anh Trường Chinh đọc báo cáo trước đại hội, nêu ra hai vấn đề lớn để đại hội thảo luận: Tổng khởi nghĩa và bầu Ủy ban giải phóng dân tộc. Ngoài ra, còn có các bản báo cáo về phong trào công nhân của anh Hoàng Quốc Việt, về tình hình nông hội của anh Trần Đức Thịnh, về văn hóa của anh Nguyễn Đình Thi. Đoàn đại biểu

nhân dân Tân Trào đem gạo, đem bò, đem gà đến mừng đại hội. Một ông già người Tày dắt một con bò đến tặng. Đồng bào ta đã bị chiến tranh bòn mót đến xương tủy, ai nấy đều tiều tụy, rách rưới. Đáng thương nhất là các em bé thiểu số gầy gò, vàng vọt. Chúng nó ở truồng tồng ngồng, theo người lớn đến chào Quốc dân đại hội. Bác đến gần các cháu, chỉ vào chúng và nói với các đại biểu:

- Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm sao cho các em bé có cơm no, có áo ấm, được đi học, không lam lũ mãi thế này.

Chúng tôi đều cảm động. Câu nói ấy, về sau này Bác thường nhắc nhở luôn luôn.

Quốc dân đại hội quyết định lệnh Tổng khởi nghĩa và bầu ra Ủy ban giải phóng dân tộc mà Bác làm Chủ tịch. Bác tổng kết đại hội lịch sử này, động viên các đại biểu trở về địa phương nỗ lực phấn đấu, giành lấy thời cơ thuận lợi có một không hai để đưa cách mạng đến thành công.

Sáng ngày mười bảy, Ủy ban giải phóng dân tộc ra mắt quốc dân và làm lễ tuyên thệ. Tôi được cử đi đón Bác. Mấy hôm ấy trời mưa, đường lội. Bác đi chân đất. Gần tới đình Tân Trào, Bác xuống suối rửa chân. Suối sâu, đường trơn và dốc. Thấy Bác chưa được khỏe, tôi chạy lại đỡ. Bác gạt đi và bảo: "Không sao, chú cứ đi".

Khi Bác từ dưới suối lên, các vị trong Ủy ban đã đứng ở trước đình chờ sẵn. Bác bước tới và đứng vào giữa. Bác thay mặt Ủy ban, hướng lên lá cờ đỏ sao vàng dựng trước đình, đọc lời tuyên thệ. Lời thề rất ngắn, nhưng rất súc tích, như mọi câu nói, mọi bài viết của Bác. Tôi không nhớ được lời văn, chỉ nhớ đại ý như sau:

"Chúng tôi là những người được Quốc dân đại biểu bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân ta. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, quyết không lùi bước. Xin thề!".

Giọng Bác trang nghiêm, lời thề dõng dạc, biểu lộ cái khí phách kiên cường, dũng cảm, quật khởi của dân tộc ta. Chúng tôi thấy rạo rực trong người, và giơ tay theo kiểu chào bình dân, hô một cách mạnh mẽ: Xin thề!

Du kích bắn mấy loạt súng chào mừng Ủy ban giải phóng dân tộc..." [7]

---

[1] Chu Văn Tấn — "Bác về Tân Trào", trong tập "Bác Hồ", Nhà xuất bản Văn học, năm 1960.

[2] Tức 1945

[3] Tức tháng Ba 1945

[4] Ý nói việc chính trị

[5] Ý nói khi tổng khởi nghĩa xong, cán bộ rút đi nơi khác

[6] Song Hào, trong tập "Dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng", Nhà xuất bản Quân đội, năm 1970.

[7] Nguyễn Lương Bằng, trích bài: "Những lần gặp Bác", trong tập "Bác Hồ", Nhà xuất bản Văn học, năm 1960.

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

Một thời đại mới của dân tộc

« Vào khoảng 23, 24 tháng 8 năm 1945 tôi được đồng chí cán bộ phụ trách tới bàn việc đón và bảo vệ đoàn cán bộ của trên về và sẽ ở lại địa phương tôi chừng vài ngày.

Sau khi bàn định cách bảo vệ, nơi ở, bến đón xong, chúng tôi ra bến đò chờ đoàn cán bộ. Quang cảnh sông Hồng hôm ấy tôi còn nhớ rõ: Qua mấy ngày lũ lớn, ngấn nước còn in ngang thân đê. Nhân dân ta đã chiến thắng trận lũ lớn nhất trong những năm qua, lúc này vẫn đang tiếp tục sửa sang lại đê điều, phòng cơn lũ khác. Trên sông, thuyền bắt đầu xuôi ngược. Cờ đỏ sao vàng bay trên thôn xóm hai bên sông, cờ bay trên đỉnh cột buồm, bóng cờ thấp thoáng dưới dòng sông tạo nên một vẻ đẹp quật khởi lạ thường. Những cánh đồng sau đê bấy giờ lúa đang thì con gái, mỗi làn gió đưa lại, sóng lúa xanh rờn.

Chúng tôi chờ từ một giờ trưa tới khoảng ba giờ chiều thì thấy một chiếc thuyền đánh cá từ phía trên Vĩnh Yên xuôi xuống.

Đếm trên thuyền, trừ ông lái và một người phụ nữ chèo còn có mười ba người nữa. Người nào trông dáng dấp cũng cao to, quần áo màu chàm, màu nâu gọn gàng, vũ trang đầy đủ.

Chúng tôi đoán: « Có lẽ đoàn cán bộ mình đến đây ». Nghĩ vậy và chúng tôi liền tiến ra bờ sông.

Khi đoàn cán bộ từ thuyền bước lên bãi được một nửa, chúng tôi mới nhận ra trong đoàn cán bộ có một cụ già, cụ trông gầy yếu lắm! Cụ mặc bộ quần áo nâu, đầu đội một chiếc mũ chàm đã cũ, ngang sườn mang túi dết màu chàm. Tay cụ cầm chiếc gậy song nhỏ và đèn pin. Cụ toan xắn quần lội xuống bãi lầy để vào bờ, nhưng có một đồng chí đã trao vũ khí cho bạn và nhất định đòi cõng ông cụ qua bãi lầy. Khi ông cụ và các người khác lên khỏi bãi lầy, tất cả đều quay lại vẫy chào người lái thuyền.

Giữa lúc đó, đồng chí cán bộ phụ trách của chúng tôi cũng vừa tới, vẻ mặt cảm động, anh dẫn chúng tôi tới chào ông cụ và các cán bộ.

Ông cụ bắt tay chúng tôi và nói :

- Các chú là tự vệ thôn đây?

- Vâng ạ.

Ông cụ liền chỉ tay vào các đồng chí cùng đi và nói:

- Các chú đây là Giải phóng quân.

Lâu nay ba tiếng « Giải phóng quân » đã có sức thu hút mãnh liệt đối với tôi. Hàng ngày đứng trên đê, hướng về dãy núi Tam Đảo, tôi ao ước sao có cánh để bay tới chiến khu « Tuyên - Thái » mà sống cuộc sống chiến đấu và tự do trên ấy. Tôi đã nhiều lần đềnghị với cấp trên cho thoát ly để tham gia Giải phóng quân, nhưng chưa được. Giờ đây, trước mặt tôi là những con người mà bấy lâu nay

mươớc, đang tươi cười, bắt tay mình. Tôi không sao nén được cảm động trước những người đồng chí mới gặp lần đầu này.

Sau phút chào hỏi ban đầu, chúng tôi đưa ông cụ về trụ sở tự vệ của chúng tôi ở trong thôn. Tới cổng thôn ông cụ dừng lại xem các khẩu hiệu cách mạng kẻ trên các bức tường đầu thôn. Chợt nhìn thấy dãy cờ căng trước cổng thôn, ông cụ hỏi:

- Sao các chú làm cờ của ta nhỏ hơn cờ của các nước Đồng minh ?

Chúng tôi cùng nhìn lên thì ra cờ của ta nhỏ hơn cờ các nước Đồng minh thật!

Một đồng chí chúng tôi thưa với ông cụ:

- Dạ, vì giấy đỏ và vàng nhân dân mua làm cờ nhiều quá nên thiếu! Muốn cho đủ, nên chúng cháu phải cắt nhỏ đi một chút ạ!

- Không nên - Ông cụ khẽ lắc đầu và bảo: Các chú phải hiểu là: Cách mạng đã thành công, nước ta đã giành được độc lập và đã ngang hàng với các nước khác, thì cờ của ta phải bằng cờ của các nước, có thế mới tỏ chí tự cường tự trọng của mình.

Chúng tôi đều vâng lời. Một đồng chí tự vệ vội trèo lèn lấy hàng dây cờ xuống để sửa lại.

Về tới trụ sở của đội tự vệ - nói là trụ sở, thật ra là ngôi miếu gần đình làng tôi, cả ngôi miếu bấy giờ có hai cái phản dùng để chúng tôi nghỉ khi đi tuần tra canh gác về, (sở dĩ chọn nơi đây là để yên tĩnh, tối sẽ di chuyển đến địa điểm khác) - tôi vội đi lên trước toan giải chiếu lên phản, nhưng ông cụ gạt đi và nhẹ nhàng ngồi xuống. Hai đồng chí Giải phóng quân bố trí gác cùng chúng tôi phía ngoài, còn lại thì vào nghỉở chiếc phản kề bên.

Tôi mang bộ đồ trà tới. Quen như tiếp khách ở nhà, tôi toan rót nước ra chén. Ông cụ bảo:

- Chú cứ để đấy, ai khát sẽ rót uống, không nên rót sẵn.

Tôi vâng lời. Ông cụ lại hỏi:

- Các chú có báo không ?

- Dạ có ạ.

Tôi vội mang tới cho cụ tờ báo chúng tôi vừa mua ban sáng, tờ « Cờ giải phóng ». Ông cụ chỉ đầu bài rồi giao cho một đồng chí Giải phóng quân đọc, các đồng chí còn lại cùng ngồi quây quần lắng nghe. Ông cụ vừa nghe, thỉnh thoảng ghi những gì vào sổ tay. Có lúc cụ cho dừng lại nêu câu hỏi để các đồng chí Giải phóng quân, phát biểu ý kiến, rồi cụ giảng giải, sau đó mới cho đọc tiếp.

Mọi việc làm và cử chỉ của cụ, khiến tôi rất ngạc nhiên. Sao có ông cũ giản dị và dạy bảo mọi người chu đáo như vậy?

Bữa cơm tối hôm đó chỉ có gạo đỏ, canh mướp. Tất cả cùng quầy quần ngồi ăn. Trong lúc ăn, tôi ngại là cụ đã già rồi, bữa ăn như vậy nuốt sao trôi, nhưng cụ dùng cơm rất vui vẻ như mọi đồng chí khác.

Cơm xong thì anh Khánh (đồng chí Hoàng Tùng) tới đón ông cụ lên thôn trên.

Lúc tiễn ông cụ tôi thầm hỏi anh Khánh:

- Ai đấy anh ?

Anh Khánh mỉm cười, vẻ bí mật trả lời tôi:

- Ông cụ là bạn của Cụ Hồ đấy.

Tôi đã được nghe tin là Cụ Hồ sẽ về làm Chủ tịch hay Thủ tướng Chính phủ của ta. Nay anh Khánh cho biết ông cụ này là bạn của Cụ Hồ, như vậy chắc cũng là cán bộ cao lắm ! Trong lòng tôi càng thêm kính phục ông cụ...

*

Đồng chí Kha kể tiếp đoạn chuyện trên của đồng chí Thành:

- Cũng ngay đêm đó, thôn tôi có cuộc họp của phụ nữ cứu quốc, hội nghị vừa bắt đầu khai mạc, tôi đang phát biểu ý kiến thì chị tôi tất tả chạy đến gọi:

- Cậu Kha về ngay, nhà có khách... Có nhiều người đeo súng lắm! Có cả anh Khánh về nữa!

Tôi và đồng chí Đông - người bạn chiến đấu cùng thôn, vội vã chạy về. Tới cổng nhà, thấy có hai đồng chí to lớn đang như đứng chơi. Tôi đi vào, các đồng chí đó hòa nhã, hỏi trước:

- Đồng chí ở đâu đến ?

Tôi trả lời:

- Tôi về nhà.

Thấy chị tôi cùng đi với tôi, các đồng chí hiểu ra ngay, nên không hỏi thêm nữa. Tôi liền vào nhà, thấy anh Khánh và ông cụ đang ngồi nói chuyện với nhau ở chiếc bàn nhỏ kê ở gian bên. Còn các đồng chí khác thì ngồi, đứng ở gian bên này. Nhà đã thắp đèn sáng trưng.

Tôi đoán ông cụ là cán bộ cùng các đồng chí Giải phóng quân ở chiến khu về, nên lòng mừng khấp khởi, chạy vào chào hỏi:

- Chào các đồng chí! Các đồng chí ở chiến khu về ?

Ông cụ, anh Khánh cùng mọi người đều vui vẻ chào lại chúng tôi.

Quen như các cán bộ vẫn về nhà, tôi đề nghị luôn:

- Đề nghị các đồng chí kể chuyện chiến khu kháng Nhật cho chúng tôi nghe với.

Anh Khánh vội ghé tai tôi nói:

- Các đồng chí đi xa về để các đồng chí nghỉ. Nói xong, anh đưa tôi ra sân và bảo thêm:

- Các đồng chí này sẽở lại đây vài ngày. Đồng chí liệu thu xếp việc ăn ở cho tiện và bố trí tự vệ canh gác cho tốt.

Thấy khác mọi khi, tôi phân vân trong bụng chưa hiểu sao cả! Nhưng hình ảnh ông cụ đã đập ngay vào đầu óc tôi: « Sao trong Việt Minh ta lại có những đồng chí già như vậy ? Sao cụ được mọi người kính nể vậy ? ». Tự nhiên tôi cứ băn khoăn hoài.

Đêm ấy, đội tự vệ của chúng tôi bố trí bảo vệ nghiêm mật hơn mọi hôm, vì ô tô Nhật chạy đi chạy lại trên đê nhiều hơn.

Sáng ra, tôi trở về đã thấy ông cụ đi lại trên sân và đang như thở hít không khí.

Bữa cơm trưa hôm ấy nhà tôi chuẩn bị cũng khá tươm tất. Theo lệ của nhà tôi là khi có khách thì bao giờ cũng bày mâm thau bát cổ để đãi khách. Cơm thì xới ra liễn, mang từ nhà dưới lên. Khách kính trọng thì mời ngồi lên trên. Thấy tôi sửa soạn như vậy, ông cụ không bằng lòng, bảo trải chiếu xuống đất, ngồi vòng tròn theo hai mâm cùng ăn. Cơm để cả nồi cho nóng, ai ăn thì đi xới lấy. Đây là lần đầu tiên nhà tôi thay đổi theo tập tục mới và giữ mãi cho đến nay.

Ngày hôm ấy, cán bộ từ Hà Nội tới. Sáng hôm sau lại có hai ô tô chở nhiều anh cán bộ đến làm việc với ông cụ. Tôi cũng không rõ là những ai.

Qua đêm nữa, có ô tô đến đón ông cụ.

Trước khi đi, ông cụ hỏi:

- Nhà ta còn có ông cụ phải không ?

Tôi vội thưa:

- Dạ thầy tôi mất rồi, còn ông tôi ạ.

Ông cụ nói:

- Chú cho tôi gặp để tôi chào cụ và gia đình.

Tôi vội vàng đi mời ông tôi và mẹ tôi cùng gia đình tới.

Ông cụ thấy ông tôi chống gậy liền ra đỡ vào trong nhà và bảo cả gia đình quây quần xung quanh. Sau khi hỏi về làm ăn sinh sống từ trước tới nay, cụ nói:

- Chúng tôi về đây được gia đình giúp đỡ nhiều. Bây giờ có công việc phải đi, vậy xin cảm ơn cụ và gia đình. Sau này chắc thế nào cũng có dịp tôi trở lại thăm cụ và gia đình.

Để từ biệt, ông cụ bắt tay ông tôi và cả gia đình từ lớn đến bé.

Tôi theo tiễn ông cụ ra ô tô. Nhân dân ven đê đang vớt củi rều khá đông, họ đều dừng tay, nhìn theo ông cụ. Ông cụ vui vẻ chào hỏi mọi người như thân thuộc từ lâu. Khi ông cụ lên xe, chúng tôi và các đồng chí Giải phóng quân ở lại đều tới bắt tay ông cụ.

Khi xe chạy rồi, nhìn theo xe, sao lòng tôi lưu luyến thế!

Chiều hôm ấy các đồng chí Giải phóng quân rủ tôi ra sông tắm. Trong lúc đi đường một đồng chí cao lớn, đẹp trai (tôi nhớ khuôn mặt trông hệt đại tá Đàm Quang Trung hiện nay) hỏi tôi:

- Đồng chí có biết tiếng đồng chí Nguyễn Ái Quốc không ?

Tôi nhớ có lần anh cán bộ phụ trách tôi nói chuyện với tôi : «Có lẽ đồng chí Nguyễn Ái Quốc sẽ về làm Tổng thống hay Chủ tịch nước », nên nghe hỏi vậy, tôi liền trả lời:

- Tôi biết tiếng nhưng chưa thấy người.

Mấy đồng chí Giải phóng quân liếc mắt nhìn nhau mỉm cười...

*

Sáng 2-9 đội tự vệ hai thôn chúng tôi cùng với nhân dân về Ba đình dự lễ Tuyên ngôn độc lập.

Là vùng cơ sở mạnh nên hai thôn chúng tôi được xếp gần khán đài.

Nghe danh sách Chính phủ, lòng chúng tôi cũng náo nức như mọi người, chờ mong vị Chủ tịch đầu tiên của đất nước và các vị khác trong Chính phủ.

Tới khi Chính phủ nhân dân lâm thời ra mắt! Ôi ! Ngạc nhiên quá! Tôi còn đang ngờ ngợ - Chủ tịch Hồ Chí Minh mình đã gặp bao giờ mà quen thế! Chợt mấy anh em tự vệ kêu lên:

- Đúng ông cụ rồi!

- Ông cụ về làng ta là Hồ Chủ tịch rồi !

- Trời ơi! Sướng quá! Đúng ông cụ rồi!

Phải, đúng ông cụ rồi! Tôi, đồng chí Thành, tất cả anh em tự vệ nhận rõ quá rồi. Trông ông cụ hôm nay chỉ khác hôm về làng tôi là mặc bộ quần áo ka ki, còn vẫn cái mũ ấy, vẫn vầng trán, cặp mắt, chòm râu ấy! Nhìn, ngắm Hồ Chủ tịch, lắng nghe bản Tuyên ngôn độc lập lòng tôi bỗng trào lên niềm xúc động không sao tả được.

Hôm ấy, trên đường về, hai thôn Xù, Gạ chúng tôi sôi nổi câu chuyện: Hồ Chủ tịch là ông cụ đã về làng ta. Mỗi lời nói, cử chỉ hình dáng của Hồ Chủ tịch được mọi người say sưa kể lại.

Tôi phấn khởi kể chuyện ấy với ông tôi. Nghe kể xong, ông tôi sung sướng nói :

- Ừ, thoáng qua, tao đã thấy Cụ là người tài đức khác thường lắm! Nước mình có vị Chủ tịch gần dân như vậy, thật là hồng phúc quốc gia lớn lắm!

Suy nghĩ một lát, ông tôi lại nói:

- Cháu ạ! Tao ngẫm xem trước kia Lý Thái Tổ từ Hoa Lư dời ra Thăng Long, dân Việt ta nổi cơ đồ từ đó. Ngày nay, Hồ Chủ tịch từ Tân Trào thuận sông Hồng trở về Hà Nội, trên thuận lòng trời, dưới hợp ý dân. Tao cho cái thế này là thế dân Việt ta bạt núi, ngăn sông, lấp biển không có việc gì khó nữa đâu!

Tôi lúc ấy đang máu thanh niên, nghe thấy câu « trên hợp với lòng trời », thì không đồng ý. Ông tôi bảo:

- Cháu có lý của cháu! Ông có lý của ông! Trước kia Lý Thái Tổ ra Thăng long là rồng vàng bay lên. Bây giờ Hồ Chủ tịch về Hà Nội, dân mở hội treo cờ. Cờ làm cho mây, nước cũng đỏ một màu, như vậy không trên thuận lòng trời, dưới hợp ý dân là gì ? Cháu phải biết lòng dân là ý trời !

*

Gần cuối năm 1946. khoảng sau hội nghị văn hóa toàn quốc, tôi nhớ đúng như vậy, tôi được chị Thanh báo tin:

- Mai, đồng chí Kha ở nhà, chị sẽ lại chơi.

Chị Thanh là cán bộ gây cơ sở vùng tôi đã lâu. Chị lại là bạn thân của mẹ tôi. Nay chị nấu ăn riêng cho Bác. Nghe chị hẹn về chơi, mẹ tôi mừng lắm! Cả nhà trông đợi chị.

Vào khoảng 9 giờ sáng hôm sau, tôi đang lợp lại mái nhà dưới, thấy có ô tô đỗ trên đê, lối vào nhà mình. Rồi chị Thanh, một đồng chí nữa cùng với Bác đi vào nhà tôi. Tôi mừng quá, vội chạy ra đón.

Bác thấy tôi, Người nhận ra ngay, Bác thân mật hỏi :

- Chú Mai vẫn khỏe?

- Dạ.

Tôi đưa Bác vào nhà, Bác lại hỏi:

- Cái ao đằng trước đâu rồi ?

Bác vẫn nhớ cái ao nhà tôi, nhưng vì nay có đống rạ to che khuất, nên Người không trông thấy. Tôi vội trình bày để Bác rõ, Người cười vui vẻ.

Mẹ tôi và các cháu lớn bé lên chào Bác. Người vui vẻ bắt tay khắp lượt và hỏi:

- Cụ đâu? Người có được khỏe không?

Tôi hơi ngại ông tôi khi gặp Bác - vì ông tôi đã 78 tuổi rồi, đầu óc phong kiến quá nặng, sợ khi nói chuyện có cái gì không đúng. Nhưng Bác đã nói, tôi vội bảo các cháu đi gọi thì cũng là lúc ông tôi đã chống gậy tới. Cũng như năm trước, thấy ông tôi đến, Bác đã chạy ra dắt vào. Ông tôi thấy Bác, liền chắp tay, cúi rạp xuống vái chào, Bác ngăn lại và nói:

- Giờ là anh em một nhà cả, cụ đừng làm vậy.

Ông tôi trả lời:

- Dạ, thưa Cụ Chủ tịch, bao giờ cũng phải có trên có dưới, thì nước mới cường, dân mới thịnh ạ.

Bác cười, rồi trả lời:

- Các cấp cán bộ của ta đều là đầy tớ của dân cả. Như vậy nước mới cường, dân mới thịnh.

Ông tôi nói:

- Xin vâng lời dạy của Cụ.

Khi đã đông đủ gia đình, Bác bảo chụp ảnh để làm kỷ niệm. Ông tôi sung sướng quá, đứng lặng đi trước vinh dựấy!

Chụp ảnh xong, người dặn:

- Tôi sẽ ăn cơm trưa với gia đình, nhà ăn thế nào, tôi sẽ ăn thế.

Mẹ tôi và chị Thanh có mua thêm con gà làm cơm. Khi mang cơm lên, Bác ngạc nhiên gọi chị Thanh hỏi:

- Cô làm thế nào hóa ra cỗ thế này! Nay cô làm thế này, mai tới nơi khác, cô sẽ bảo nhân dân giết bò, giết lợn để đãi tôi chăng ?

Chị Thanh lo quá. Mẹtôi vội phân trần:

- Đất lề, quê thói, mỗi khi nhà có khách để tỏ lòng kính trọng…

Bác bảo dọn cơm cả gia đình cùng ăn. Nghe lời Bác, gia đình tôi cử thêm người lên cùng ăn cơm với Bác.

Chiều hôm ấy, các đồng chí trong Ủy ban xã và một vài đồng chí cán bộ huyện về công tác cũng tới để chào Bác.

Quen như mọi khi có cán bộ cấp trên tới, chúng tôi chuẩn bị sẵn trong óc báo cáo về tình hình trong xã. Không ngờ mở đầu Bác hỏi:

- Xã các chú có bao nhiêu mẫu ruộng ? Hai vụ chiêm, mùa gieo hết bao nhiêu giống ? Thu hoạch được bao nhiêu ?

Lúc ấy, chúng tôi đã nghĩ gì đến sản xuất! Nên trước câu hỏi của Bác, chúng tôi đành chịu không biết đằng nào mà thưa cả.

Bác lại hỏi:

- Đời sống bây giờ so với trước ra sao? Có bao nhiêu gia đình khá, bình thường, còn đói kém?

Cái này thì có thể hiểu qua được. Chúng tôi báo cáo với Bác con sốước lượng.

Bác không bằng lòng. Người bảo:

- Các chú phụ trách phong trào một xã, mà cái sống còn nhất lại không rõ thì còn nói gì nữa.

Lúc ấy đồng chí Chuyên vừa tới, vào chào Bác, Người hỏi :

- Chú làm công tác gì ?

- Dạ, tuyên truyền ạ.

- Giờ chú tuyên truyền gì ?

- Chương trình Việt Minh ạ.

- Bây giờ phải tuyên truyền vềHiến pháp - Bác bổ sung,

Rồi người căn dặn chúng tôi, tôi nhớ đại ý: Ngoại thành là cái đai của nội thành. Ngoại thành vững vàng thì nội thành chắc chắn. Muốn ngoại thành vững vàng thì cán bộ ta phải chăm lo củng cố đoàn thể. Chăm sóc việc sản xuất, muốn sản xuất tốt thì nên lập quỹ nghĩa sương để giúp đỡ người thiếu thốn, chia công điểm cho tốt.

Trước những lời dạy cùa Bác, ủy ban chúng tôi đều vâng lời. Dặn xong, Bác lại hỏi:

- Tình hình này quân giặc có thể bội ước đánh ta, nếu xảy ra kháng chiến, cô chú sẽ làm gì ?

Chúng tôi đều trả lời:

- Quyết chiến đấu, hy sinh cũng không sợ.

Bác bảo:

- Các cô, các chú quyết tâm đánh giặc như vậy là tốt. Nhưng phải hiểu là: Giặc có nhiều cái mạnh ban đầu, nhưng chúng có cái yếu về gốc rễ. Chính quyền ta vừa lập còn nhiều cái non yếu. Muốn thắng được giặc, phải vừa đánh vừa khắc phục nhược điểm để bồi bổ cho mình thêm khỏe. Do đó, một mình các cô, các chú không đủ để thắng giặc. Phải làm thế nào toàn dân một lòng, quyết tâm chống giặc, khiến cho nó bị đánh ở khắp nơi, bị đánh bằng mọi thứ, mọi cách. Thắng lợi chắc chắn về ta.

Lời Người dạy, sau này mỗi bước gian nan trong kháng chiến, nghĩ lại càng thấy sâu sắc.

Sau khi Bác nói chuyện, đồng chí Tý thay mặt chúng tôi phát biểu ý kiến:

- Thưa Bác...

Bác liền ngắt lời, hỏi ngay:

- Chú muốn gì ?

- Cháu xin chúc ạ

- Chú định chúc gì ?

Đồng chí Tý cuống lên vội nói:

- Cháu xin chúc... Chúc Hồ Chủ tịch muôn năm.

Bác và chúng tôi đều cười. Bác bảo đồng chí Tý:

- Chú định chúc sức khỏe Bác phải không ? Thôi các cô, các chú cứ làm công tác tốt thì Bác sẽ khỏe.[1]

*

Về Hà Nội, chúng tôi ở phố Hàng Ngang. Thành ủy đã bố trí cho chúng tôi ở tại một gia đình cơ sở. Ít hôm sau, có tin Bác đã về. Mấy ngày trước đó, một trung đội Quân giải phóng thuộc chi đội Quang Trung chiến đấu tại Thái Nguyên, đã được lệnh quay gấp lại Tân Trào để đi bảo vệ Bác. Đồng chí đến báo tin nói dọc đường có những lúc Bác phải dùng cáng. Như vậy, chắc Bác còn yếu lắm. Bác vốn không bao giờ muốn làm bận đến người khác ngay cả những khi yếu mệt.

Tình hình đang khẩn trương. Các anh rất mừng. Anh Thọ được cử lên chiến khu đón Bác thì Bác đã về. Anh Ninh và tôi cùng đi lên Phú Gia gặp Bác.

Xe nhanh chóng ra khỏi thành phố. Rặng ổi ven đê quen thuộc. Những làng quanh Hồ Tây phấp phới cờ đỏ. Nhớ lại ngày đi đón Bác ở Đèo Gie. Khi đó, Bác ở Cao Bằng về Tân Trào. Ít ngày sau, Tân Trào đã trở thành thủ đô của cách mạng.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác, lênh đênh góc bể chân trời, đã có những ngày vui lớn. Đó là ngày Bác tìm thấy con dường giải phóng dân tộc khi đọc Luận cương của Lê-nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Đó là ngày thành lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920 mà Bác là một thành viên. Và ngày lịch sử mồng 3 tháng 2 năm 1930, ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương...

Đây lại là một ngày vui lớn nữa đang đến với Bác, đang đến với cách mạng Việt Nam.

Mới đêm nào còn ngồi bên chiếc giường tre, trong căn lán nhỏ, những ngày Bác mệt nặng tại Tân Trào. Vào những giây phút đó mới thấy hết được tấm lòng khát khao cháy bỏng của Bác đối với nền độc lập, tự do của dân tộc. Không phải chỉở những lời Bác dặn dò về công tác cán bộ, cách giữ vững phong trào, « dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập, tự do ». Tấm lòng của Bác còn hiện lên rất rõ qua mỗi cử chỉ nhỏ, qua cái nhìn khi Bác chợt tỉnh giữa những cơn sốt, qua sự đấu tranh với bệnh tật hiểm nghèo để giành từng phút, từng giây cho cách mạng.

Theo lời hiệu triệu cùa Đảng, của Bác, suốt mấy ngày nay, cả dân tộc ta từ Bắc chí Nam đã vùng dậy với sức mạnh như triều dâng, thác đổ. Tại Hà Nội, quần

chúng cách mạng đã vượt qua hàng rào sắt, xông vào chiếm Bắc Bộ phủ. Đồng bào già, trẻ, gái, trai, lớn, bé đã siết thành đội ngũ, giương cờ Việt Minh, tiến vào trước họng đại bác xe tăng Nhật ở trại bảo an binh. Xe tăng, súng máy và lưỡi lê của quân Nhật phải lùi. Bọn Nhật đành phải trao cho cách mạng toàn bộ kho vũ khí của bảo an binh đóng tại đây. Tin khởi nghĩa thắng lợi ở khắp các địa phương đang dồn dập bay về...

Chúng tôi vào làng Gạ.

Bác ở một ngôi nhà gạch nhỏ nhưng sạch sẽ. Chúng tôi bước vào, nhìn thấy ngay Bác đang ngồi nói chuyện với cụ chủ nhà.

Ngày nào ở Việt Bắc, Bác còn là một ông Ké Nùng. Bữa nay, Bác đã trở thành một cụ nông dân miền xuôi, rất thoải mái, tự nhiên trong bộ áo quần nâu. Bác vẫn gầy nên đôi gò má cao. Những đường gân hằn rõ trên trán và hai thái dương. Nhưng với vầng trán rộng, bộ râu đen, và đôi mắt, nhất là đôi mắt, luôn luôn ngời sáng, một sức mạnh tinh thần kỳ lạ toát ra từ hình dáng mảnh dẻ của Bác. Dù sao, so với những ngày dự hội nghịở Tân Trào, Bác đã khá hơn nhiều.

Cụ chủ nhà thấy chúng tôi tới, giữ ý, mời thế nào cũng không ngồi lại, nói vài câu chào hỏi rồi lánh đi chỗ khác.

Bác tươi cười nhìn chúng tôi nói:

- Trông các chú bữa nay ra dáng người tỉnh thành rồi.

Chúng tôi sôi nổi báo cáo với Bác tình hình khởi nghĩa ở Hà Nội và các tỉnh. Bác ngồi lắng nghe, vẻ mặt điềm đạm. Tính Bác như vậy, khi vui khi buồn đều vẫn bình thản.

Chúng tôi nói với Bác ý Thường vụ muốn tổ chức sớm lễ ra mắt của Chính phủ. Theo quyết định của Hội nghị toàn quốc họp tại Tân Trào, Ủy ban dân tộc giải phóng do Bác làm Chủ tịch sẽ trở thành Chính phủ lâm thời.

Với một vẻ vui vui, Bác nói như hỏi lại chúng tôi:

- Mình làm Chủ tịch à ?

Thực ra, một thời kỳ rất vẻ vang nhưng cũng cực kỳ hiểm nghèo của dân tộc đã bắt đầu. Bác đã nhận sứ mệnh khó khăn: Lái con thuyền quốc gia Việt Nam vừa mới hình thành, vượt qua những thác ghềnh nguy hiểm. Bác đã đón nhận nhiệm vụ đó trước lịch sử, trước nhân dân đúng như Bác đã trả lời các nhà báo nước ngoài ba tháng sau đó: « Tôi tuyệt đối không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi gắng phải làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận ».

*

Chúng tôi trở về Hàng Ngang trước để chuẩn bị. Anh Nhân[2] lên sau, ở lại đến chiều cùng về với Bác.

Đây là lần đầu tiên Bác đến Hà Nội. Chặng đường ba trăm ki-lô-mét từ ngôi nhà tranh nhỏ hẹp tại làng Kim Liên tới dây. Bác đã đi mất ngoài ba mươi lăm năm.

Con đường Bác đã đi không giống bất cứ con đường của một người Việt Nam yêu nước nào đã đi trước Bác.

Bác đã một mình lặn lội, xông pha trên những nẻo đường củahầu khắp các miền khác nhau trên trái đất. Chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn phát triển tột cùng của nó, trở nên vô cùng xấu xa. Nó tìm mọi cách xóa nhòa ranh giới giữa trắng, đen, giữa thiện, ác. Nó xuyên tạc mọi giá trị tinh thần chân chính mà loài người đến đó đã thành đạt được. Nó đang bưng bít mọi ánh sáng của công lý, tự do.

Đác đã đi giữa những ngày đông ảm đạm, vòm trời châu Âu, châu Á bị những đám mây đen chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc che phủ.

Thế gian hỗn loạn, đau thương; tội ác của chủ nghĩa đế quốc chồng chất, giữa lúc vàng thau lẫn lộn, giả thật khó phân, Bác đã nhanh chóng nhìn thấy ánh sáng của chân lý. Bác đã đến với chủ nghĩa Lê-nin. Bác đã thấy học thuyết Lê-nin chính là « mặt trời đưa lại nguồn sống tươi vui ». Bác đã thấy ngọn cờ Lê-nin là « tượng trưng cho lòng tin và đuốc sáng của hy vọng ». Từ năm mươi năm trước đây, người yêu nước Việt Nam vĩ đại đã tìm được ở chủ nghĩa Mác — Lê-nin cho đồng bào ta và những người cùng hội cùng thuyền, những dân tộc bị đọa đầy vì chủ nghĩa đế quốc - một con đường giải phóng duy nhất: « Đường kách mệnh ».

Một sự đổi thay lớn lao đã đến trong đời sống của dân tộc.

Mấy ngày trước đây, Hà Nội còn giữ nguyên vẹn bộ mặt một sản phẩm của chế độ thực dân thối nát thời chiến. Cả thành phố chìm đắm trong những hoạt động chợ đen. Cuộc sống tính từng ngày. Những chiếc xe chở rác không đủ để đưa xác những người chết đói ra vùng ngoại ô, đổ xuống những hố chung. Trong khi đó, ở các cửa ô, người đói khắp làng quê vẫn ùn ùn kéo vào. Họ đi vật vờ như những chiếc lá khô buổi chiều đông. Nhiều khi, chỉ một cái gạt tay của viên cảnh sát, cũng đủ làm họ ngã xuống không bao giờtrở dậy.

Lại thêm tháng tám năm nay, nước các triền sông đều lên to. Con « hồng thủy » đã phá vỡ những đê điều từ lâu không được bọn thống trị nhòm ngó tới. Sáu tỉnh đồng bằng, vựa thóc của cả miền Bắc, bị chìm dưới làn nước trắng. Dịch tả hoành hành. Bao nhiêu tai họa của chế độ thực dân cùng một lúc dồn đến.

Cùng với bọn đầu cơ kinh tế, bọn đầu cơ chính trị cũng đua nhau nổi lên. Chúng vừa hô « Việt Nam độc lập », vừa hô « Đại Nhật Bản vạn tuế ». Thay vào những tên đội xếp Pháp mang dùi cui là những tên hiến binh Nhật đeo kiếm dài, lệt xệt đôi ủng đi trên các hè phố.

Không phải chỉ riêng Hà Nội mà cả dân tộc ta đang sống những giờ phút đau thương.

Thắng lợi vĩ đại của Hồng quân Liên-xô đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật vào giữa tháng tám, đã đưa lại cho dân tộc ta một thời cơ lớn.

Cách mạng nổi lên như một cơn lốc.

Chỉ trong vài ngày, những vết nhơ, những nỗi nhục nhằn, khổ đau của chế độ nô lệ đã được quét đi khá nhiều.

Sức hồi sinh của cách mạng thật lạ thường. Hôm trước, cả thành phố còn tê liệt vì nạn đói, vì bệnh dịch, vì sự khủng bố. Hôm sau, tất cả những đường to, ngõ hẻm đã sôi lên. Hàng vạn, hàng vạn con người ầm ầm kéo đi với sức mạnh như những dòng thác.

Chính quyền nhân dân cách mạng vừa mới thành lập. Phần lớn đồng bào còn chưa biết những ai là người thay mặt cho chính quyền mới. Nhưng mọi người đã tự động tạo nên một trật tự mới, trật tự của cách mạng. Nạn cướp giật mất hẳn. Trộm, cắp hầu như không xảy ra. Những người ăn xin cũng không còn. Hoạt động buôn bán, hoạt động chủ yếu của thành phố, đã nhường chỗ cho mọi hoạt động mới: hoạt động cách mạng.

Một người đi xe đạp đến đầu phố cầm loa hô lớn : « Mời đồng bào đến tập trung ở địa điểm X tham gia biểu tình ». Không biết người đó là ai, nhưng lời hô hào lập tức được truyền đi. Nhiều người dân tự động vác loa ra đứng giữa đường, làm công tác thông tin. Ai đang làm dở việc gì cũng để lại đấy. Tất cả ào ào kéo đi. Chỉ chốc lát, hàng vạn người có mặt ở địa điểm biểu tình. Họ sẵn sàng làm bất cứ việc gì mà cách mạng cần đến.

Không khí Hà Nội trở nên trong lành, náo nức. «Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng cứu quốc... », những bài ca cách mạng vang lên rộn ràng từ sớm tới khuya. Cờ sao mỗi lúc một nhiều hơn, đẹp hơn. Cờ bay đỏ nhà, đỏ phố. Cách mạng đúng là ngày hội của những người bị áp bức.

Chập tối, Bác đến nhà. Chúng tôi ra đón, nhận thấy trên nét mặt của Bác những dấu hiệu xúc động.

Bác đã về đến Hà Nội. Ít ngày nữa. Hà Nội sẽ trở thành Thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên tại Đông Nam châu Á. Hà Nội chưa được san sẻ với chúng tôi hôm nay niềm vui đón Bác trở về. Ngay cả đồng chí lái xe bữa ấy cũng vậy. Mấy ngày sau, anh xin phép nghỉ, lên Thái Nguyên dẫn bố về dự Tết Độc Lập để xem mặt cụ Chủ tịch nước. Đến quảng trường Ba Đình, anh mới biết HồChủ tịch chính là cụ già bữa trước mình đã đánh xe đi đón ở làng Gạ.

*

Anh chị chủ nhà ở phố Hàng Ngang đã dành cho chúng tôi tầng gác hai. Bác được mời lên tầng ba làm việc cho tĩnh. Nhưng Bác không thích ở một mình, cùng ở với chúng tôi. Lúc đó, theo sự phân công của Bác, anh Tô[3] và anh Hoan còn ở lại Tân Trào ít lâu. Đối với những người giúp việc trong gia đình và hàng xóm thì Bác và chúng tôi là « các cụ và các ông ở nhà quê ra chơi ». Anh Ninh hồi đó có bộ râu rậm lười cạo nên cũng được coi lầm là một « ông cụ ».

Tầng gác này vốn là phòng ăn và buồng tiếp khách nên không có bàn viết. Bác ngồi viết ở cái bàn ăn rộng thênh thang. Chiếc máy chữ của Bác được đặt trên cái

bàn vuông nhỏ, mặt bọc nỉ xanh, kê ở góc buồng.

Hết giờ làm việc, mỗi người kiếm một chỗ nghỉ luôn lại đó. Người nằm ở đi-văng. Người ngủ trên những chiếc ghế kê ghép lại. Bác nghỉ trên một chiếc ghế xếp bằng vải trước kia vẫn dựng ở góc buồng.

Ngay từ hôm Bác mới về, những toán quân Tưởng đầu tiên đã xuất hiện ở Hà Nội. Đó là những tên thám báo và tiền trạm. Đứng trên bao lơn, chúng tôi nhìn thấy những toán quân Tưởng lẻ tẻ vẫn tiếp tục kéo đến.

Thật khó mà tin được đây lại là một quân đội vừa chiến thắng. Mặt mũi chúng bủng beo, ngơ ngác. Những bộquân phục màu vàng nghệ rách rưới, bẩn thỉu. Chúng gồng gánh lễ mễ. Có những toán đem theo cả đàn bà và trẻ con. Nhiều đứa kéo lê không nổi cặp chân voi. Chúng xuất hiện như những vết nhơ trên thành phố vừa quét sạch được mùi hôi tanh của bọn thực dân. Nhìn chúng lần này thảm hại hơn nhiều so với lần chúng tôi đã nhìn chúng năm trước tại Côn Minh, Quế Lâm.

Bác chủ tọa phiên họp đầu tiên cùa Thường vụ tại Hà Nội. Cách mạng đã thành công ở hầu khắp các tỉnh. Nhưng chính quyền cách mạng trung ương vẫn chưa thành lập. Tình hình trong, ngoài lại rất khẩn trương. Thường vụ nhận thấy phải sớm công bố danh sách cùa Chính phủ lâm thời và tổ chức lễ ra mắt của Chính phủ. Những việc này cần làm ngay trước khi đại quân của Tưởng kéo vào.

Các tỉnh ở phía trên nhận được chỉ thị nhân lúc nước lụt, lấy cớ huy động thuyền bè khó khăn, làm chậm việc chuyển quân của Tưởng thêm ngày nào hay ngày ấy.

Một số đồng chí Quân giải phóng đã được lệnh điều động gấp từ Thái Nguyên về Hà Nội. Nước lụt làm hư nhiều đoạn đường nên anh về chậm. Hà Nội giành chính quyền đã hơn một tuần lễ. Nhưng lực lượng vũ trang cách mạng mới chỉ có những đơn vị tự vệ chiến đấu và một số lính bảo an vừa theo cách mạng. Đó là một điều phải quan tâm.

Sáng ngày 26, có tin hai chi đội Quân giải phóng đã về đến Gia Lâm. Anh Nguyễn Khang cùng anh Vương Thừa Vũ sang đón.

Phải trải qua một cuộc dàn xếp khó khăn, bọn Nhật mới đồng ý để các đơn vị Quân giải phóng vào Hà Nội.

Đội nhạc binh cử những khúc quân hành khi đoàn quân vượt cầu Long Biên. Các chiến sĩ dàn thành hai hàng dọc hai bên đường, súng cầm tay, đạn lên nòng, đi theo tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Sự có mặt ở Hà Nội của những lực lượng vũ trang cách mạng đã trải qua tôi luyện, thử thách làm cho mọi người phấn khởi. Một cuộc duyệt binh của Quân giải phóng và tự vệ thành được tổ chức tại quảng trường Nhà hát lớn trước niềm hân hoan, tin tưởng của đồng bào.

Ngày 28, danh sách Chính phủ lâm thời được công bố trên các báo chí tại Hà Nội. Thành phần của chính phủ nói lên chủ trương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân của Mặt trận Việt Minh trong công cuộc xây dựng đất nước.

Hôm trước đó, Bác đã gặp các vị Bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời tại Bắc Bộ phủ. Ông Nguyễn Văn Tố, Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội, nhìn thấy ở phòng khách một cụ già, mặc chiếc quần « soóc » nhuộm nâu, đội cái mũ bọc vải vàng đã móp, đứng chống cái gậy, tươi cười gật đầu chào mình. Lát sau, ông mới biết đó chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thường vụ đã quyết định ngày ra mắt của Chính phủ lâm thời cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố giành quyền độc lập và thiết lập chính thể Dân chủ cộng hòa. Ngoài đường lối, chính sách của Chính phủ, phải chuẩn bị cả những lời thề để đưa ra trước nhân dân. Bác và Thường vụ trao đổi về một việc hệ trọng cần bắt tay vào làm ngay: thảo bản Tuyên ngôn Độc lập.

Trong căn buồng nhỏ thiếu ánh sáng của ngôi nhà sâu thẳm, nằm giữa một trong ba mươi sáu phố phường cổ kính của Hà Nội, Bác ngồi làm việc, khi thì viết, khi thì đánh máy.

Những người giúp việc trong gia đình không biết ông cụ có cặp mắt sáng, chiếc áo nâu bạc thường để hở khuy ngực, hay hút thuốc lá, ngồi cặm cụi đó làm gì. Mỗi lần họ tới hỏi cụ có cần gì, cụ quay lại mỉm cười, chuyện trò đôi câu. Lần nào cụ cũng nói không có gì cần phải giúp đỡ. Họ không biết là mình đang chứng kiến những giờ phút lịch sử.

Một buổi sáng, Bác và anh Nhân gọi anh em chúng tôi tới. Bản Tuyên ngôn lịch sử đã thảo xong. Bác mang đọc để thông qua tập thể. Như lời Bác nói lại sau này, đó là những giờ phút sảng khoái nhất của Người.

Hai mươi sáu năm trước, Bác đã tới Hội nghị hòa bình Véc-xây, nêu lên những yêu cầu cấp thiết về dân sinh, dân chủ cho những người dân thuộc địa. Cả những yêu cầu tối thiểu đó cũng không được bọn đế quốc mảy may chấp nhận. Người đã thấy rõ một sự thật là không thể trông chờ lòng bác ái của các nhà tư bản. Người biết chỉ còn trông cậy vào cuộc đấu tranh, vào lực lượng của bản thân dân tộc mình.

Giờ phút này, Người đang thay mặt cho cả dân tộc hái quả của tám mươi năm đấu tranh.

Bữa đó, chúng tôi đã nhìn thấy rõ niềm vui rạng rỡ trên khuôn mặt còn võ vàng của Người.

*

Mồng 2 tháng 9 năm 1945.

Hà Nội tưng bừng màu đỏ. Một vùng trời bát ngát cờ, đèn và hoa. Cờ bay đỏ những mái nhà, đỏ những rặng cây, đỏ những mặt hồ.

Biểu ngữ bằng các thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Hoa, Nga chăng khắp các đường phố: « Nước Việt Nam của người Việt Nam »,« Đả đảo chủ nghĩa thực dân Pháp », « Độc lập hay là chết »,« Ủng hộ Chính phủ lâm thời », « Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh »,« Hoan nghênh phái bộ Đồng minh »...

Các nhà máy, các cửa hiệu buôn to, nhỏ đều nghỉ việc. Chợ búa không họp. Mọi hoạt động buôn bán, sản xuất của thành phố tạm ngừng. Đồng bào thủ đô già, trẻ, gái, trai đều xuống đường. Mọi người đều thấy mình cần phải có mặt trong ngày hội lớn đầu tiên của đất nước.

Những dòng người đủ mọi màu sắc, từ khắp các ngả tuôn về vườn hoa Ba Đình.

Đội ngũ của những người thợ quần xanh, áo trắng, tràn đầy sức mạnh và niềm tin. Người lao động bình thường hôm nay đến ngày hội với tư thế đường hoàng của những người làm chủ đất nước, làm chủ tương lai.

Hàng chục vạn nông dân từ ngoại thành kéo vào. Những chiến sĩ dân quân mang theo côn, kiếm, mã tấu. Có những người vác theo cả những quả chùy đồng, những thanh long đao rút ra từ những giá vũ khí bày để trang trí trong các điện thờ. Trong hàng ngũ của các chị em phụ nữ nông thôn với những bộ quần áo ngày hội, có những người vấn khăn vàng, mặc áo tứ thân, thắt lưng hoa lý. Cũng chưa bao giờ người nông dân ở những làng xóm nghèo quanh Hà Nội, đi vào thành phố với một niềm tự hào như ngày hôm ấy.

Những cụ già vẻ mặt nghiêm trang. Những cô gái thủ đô hớn hở, áo màu rực rỡ.

Rộn ràng là các em thiếu nhi. Dù sự giàu nghèo của mỗi gia đình chưa đổi khác, nhưng từ ngày hôm nay, tất cả các em đều trở thành những người chủ nhỏ của đất nước độc lập. Theo nhịp còi của các anh, các chị phụ trách, các em khua rền trống ếch, giậm chân bước đều, hát vang những bài ca cách mạng.

Những nhà sư, những ông có đạo cũng rời nơi tu hành, xuống đường, xếp thành đội ngũ đến dự ngày hội lớn của dân tộc.

Nắng mùa thu rất đẹp trên quảng trường Ba Đình từ giờ phút này đã đi vào lịch sử. Đội danh dự đứng nghiêm trang chung quanh lễ đài mới dựng. Các chiến sĩ Quân giải phóng bữa trước theo Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa, từ Tân Trào tiến về phía Nam « đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch ». Hôm nay, họ đã đứng sát cánh cùng các đội tự vệ của công nhân, thanh niên và lao động thủ đô bảo vệ Chính phủ lâm thời.

Sau bao năm bôn ba khắp thế giới, mang án tử hình của đế quốc Pháp, qua mấy chục nhà tù và những ngày dài gối đất nằm sương, Bác đã trở về ra mắt trước một triệu đồng bào. Sự kiện lịch sử này mới hôm nào còn ở trong ước mơ.

Ba tiếng Hồ Chí Minh không bao lâu đã vang đi khắp thế giới với những truyền thuyết mà người ta thường dành cho các bậc vĩ nhân. Nhưng vào ngày hôm ấy, cái tên mới của Bác vẫn còn mới lạ với nhiều đồng bào. Số người biết Bác chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc khi đó không nhiều.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đã ra mắt đồng bào như một lãnh tụ lần đầu xuất hiện trước đông đảo quần chúng.

Đó là một cụgià gầy gò, trán cao, mắt sáng, râu thưa. Cụ đội chiếc mũ đã cũ, mặc áo ka-ki cao cổ, đi dép cao-su trắng.

Mấy ngày hôm trước, một vấn đề được đặt ra là, phải có một bộ quần áo để Bác mặc khi Chính phủ ra mắt đồng bào. Cuối cùng, Bác đã chọn bộ quần áo này. Hai mươi bốn năm làm Chủ tịch nước, trong những ngày lễ lớn của dân tộc, trong những cuộc đi thăm nước ngoài, Hồ Chủ tịch bao giờ cũng xuất hiện với một hình ảnh giản dị, không thay đổi. Vẫn bộ quần áo vải, trên ngực không một tấm huân chương, y như lần đầu Bác đã ra mắt đồng bào.

Ông cụ có dáng đi nhanh nhẹn. Dáng đi này cũng làm cho đôi người lúc đó hơi ngạc nhiên. Họ đã không nhìn thấy ở vị Chủ tịch dáng đi trang trọng của những người « sang ». Giọng nói của ông cụ phảng phất giọng nói của một miền quê đất Nghệ An.

Bác đã xuất hiện trước một triệu đồng bào ngày hôm đó như vậy.

Lời nói của Bác điềm đạm, đầm ấm, khúc chiết rõ ràng. Không phải là cái giọng hùng hồn người ta thường được nghe trong những ngày lễ long trọng. Nhưng người ta tìm thấy ngay ở đó những tình cảm sâu sắc, ý chí kiên quyết; tất cả đều tràn đầy sức sống; từng câu, từng tiếng đi vào lòng người.

Đọc bản Tuyên ngôn Độc lập đến nửa chừng, Bác dừng lại và bỗng dưng hỏi:

- Tôi nói, đồng bào nghe rõ không ?

Một triệu con người cùng đáp, tiếng dậy vang như sấm:

- Co. o. ó !

Từ giây phút đó. Bác cùng với cả biển người đã hòa làm một.

Đây là bản Tuyên ngôn của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa giành được độc lập bằng cuộc chiến đấu suốt tám mươi năm của dân tộc. Đây còn là những lời lẽ tâm huyết, đầy cảm kích của đội tiên phong giác ngộ nhất của giai cấp cách mạng nhất, có những người con tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của dân tộc, trước máy chém, trước miệng súng của quân thù, đã từng giật tấm băng đen bịt mắt, hô lớn: « Việt Nam độc lập muôn năm ! ».

Buổi lễ kết thúc bằng những lời thề độc lập:

- Chúng tôi toàn thể dân Việt Nam xin thề: « Kiên quyết một lòng ủng hộ Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh ».

- Chúng tôi xin thề: « Cùng Chính phủ giữ nền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chống mọi mưu mô xâm lược, dù có phải chết cũng cam lòng ».

- Nếu Pháp đến xâm lược lần nữa thì chúng tôi xin thề:

« Không đi lính cho Pháp,

Không làm việc cho Pháp,

Không bán lương thực cho Pháp,

Không đưa đường cho Pháp! ».

Một triệu con người, một triệu tiếng hô cùng hòa làm một. Đó là lời thề của toàn dân kiên quyết thực hiện lời Hồ Chủ tịch vừa đọc để kết thúc bản Tuyên

ngôn: « Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem hết tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy ».

« Bản án chế độ thực dân Pháp » đã có từ ba mươi năm trước đây. Nhưng hôm nay mới chính là ngày chế độ thực dân Pháp bị đưa ra toàn dân Việt Nam công khai xét xử.

Lịch sử đã sang trang. Một kỷ nguyên mới bắt đầu: Kỷ nguyên của Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.

Bản đồ thế giới phải sửa đổi lại vì sự ra đời của một Nhà nước mới: Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Cùng với cuộc Tổng khởi nghĩa nổ ra trong suốt hạ tuần tháng Tám, Ngày Độc lập mồng 2 tháng 9 đã có một ý nghĩa cực kỳ trọng đại trong đời sống chính trị, tinh thần của dân tộc.

Điều lo lắng của Bác trước đây ba mươi năm « Đông Dương đáng thương hại! Ngươi sẽ nguy mất nếu đám thanh niên già cỗi của ngươi không sớm hồi sinh », hôm nay, không còn là điều khiến cho Người phải băn khoăn. Cả dân tộc đã hồi sinh.

Độc lập, tự do đến với mỗi người dân. Mỗi người đã thấy được giá trị thiêng liêng của nó, thấy trách nhiệm phải bảo vệ. Vô vàn khó khăn còn ở trước mắt. Nhưng đối với bọn đế quốc, muốn phục hồi lại thiên đàng đã mất, mọi việc cũng không còn dễ dàng như xưa.

*

Sáng mồng 3 tháng 9.

Một ngày lễ sau ra mắt, các vị Bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời tới dự phiên họp hội đồng Chính phủ đầu tiên.

Ngôi nhà thâm nghiêm nằm trong hàng rào sắt sơn màu xánh lá cây trước vườn hoa Cóc phun, nguyên là dinh thự của viên thống sứ người Pháp tại Bắc Kỳ. Hôm nay, đôi cánh cổng hình vòng cung mở rộng đón chào những người đại biểu của nhân dân. Đúng nửa tháng trước đó, nhân dân Hà Nội khởi nghĩa đã kéo tới đây. Bất chấp mũi súng của binh lính bảo an, một bác công nhân già đã vượt qua rào sắt, leo lên nóc nhà nhổ lá cờ quẻ ly, thay vào đó bằng lá cờ sao cùa cách mạng.

Gian phòng họp trên tầng gác trống trải. Trên dãy bàn ngồi họp không có một lọ hoa. Những người đại biểu cho chính quyền mới biết là mình đang bắt tay vào một công việc không dễ dàng gì. Chưa bao giờ lời giáo huấn của Lê-nin có ý nghĩa như bây giờ: « Giành chính quyền đã là khó khăn, nhưng giữ chính quyền còn khó hơn ».

Chế độ kinh tế thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp, suốt tám mươi năm đô hộ, đã bóc lột tận xương tủy mỗi người dân lao động. Thêm vào đó là những năm chiến tranh thế giới lần thứ hai. Một tên đế quốc hung bạo nữa là đế quốc Nhật ập

vào. Cả hai tên đế quốc đều cùng thi nhau gấp gáp bòn rút. Chúng đã hút của dân ta tới giọt máu cuối cùng. Trên một triệu nông dân kiệt sức vì đói, ngã ngay trên biển lúa tươi xanh của mình. Gần một triệu người nữa chết đói sau khi đã thu hoạch xong mùa lúa chín. Tiếp đó là nạn lụt. Một nạn đói không kém phần trầm trọng đang là nguy cơ trước mắt. Người dân vừa được sức mạnh thần kỳ cùa ánh sáng Độc lập, Tự do vực dậy, không thể đứng vững mãi với cái dạ dày lép kẹp.

Gia tài cách mạng vừa giành lại trong tay bọn thống trị thật là tiêu điều: mấy ngôi nhà trống rỗng, gạo không, tiền cũng không.

Cùng với di sản về kinh tế như vậy, một di sản khác của bọn thống trị để lại về mặt văn hóa cũng khá nặng nề: 95 phần trăm nhân dân còn mắc nạn mù chữ. Đó là kết quả của chính sách « nhà tù nhiều hơn trường học », chính sách ngu dân.

Nhưng những điều đó vẫn chưa phải là những khó khăn lớn nhất.

Khó khăn lớn nhất lúc này là các quân đội nước ngoài từ bốn phương cùng dồn dập kéo tới. Đứa ở gần, đứa ở xa. Chúng khác nhau về màu da, về tiếng nói, nhưng rất giống nhau ở một dã tâm: muốn thôn tính đất nước chúng ta, muốn đẩy chúng ta trở về cuộc sống nô lệ.

Đúng giờ làm việc, Hồ Chủ tịch từ căn phòng bên đi ra.

- Chào các cụ, chào các chú!

Lời chào của Bác đã mở đầu một không khí thân mật cho phiên họp.

Sớm nay, Bác đi một đôi giầy vải màu chàm đen từ chiến khu về. Đôi giầy này, đồng bào Nùng đã khâu tặng Bác và được Bác dùng trong nhiều buổi tiếp khách nước ngoài. Bác nhanh nhẹn đi đến bên bàn làm việc. Bằng một cử chỉ cởi mở quen thuộc, Bác giơ rộng hai tay mời các đại biểu cùng ngồi.

Cuộc họp không có diễn văn khai mạc. Bác lấy trong túi ra một mảnh giấy nhỏ ghi những ý kiến đã chuẩn bị. Phá bỏ những nghi thức thông thường, Bác đi ngay vào nội dung của cuộc họp.

- Thưa các cụ và các chú.

Sau tám mươi năm bị áp bức, bị bóc lột, và dưới chính sách ngu dân của thực dân Pháp, các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính.

Nhưng điều đó không làm cho chúng ta lo ngại. Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm. Chắc rằng chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm.

Với lòng yêu nước và yêu nhân dân sâu sắc, tôi chắc chúng ta sẽ thành công.

Hiện nay những vấn đề gì là vấn đề cấp bách hơn cả. Theo ý tôi có sáu vấn đề...

Vẫn với những lời lẽ rất giản dị như vậy. Bác nêu lên trước Hội đồng Chính phủ những vấn đề cấp bách nhất. Bác nói:

Một là phải phát động một phong trào tăng gia sản xuất để chống nạn đói. Trong khi chờ đợi thu hoạch ngô, khoai khoảng ba bốn tháng, sẽ mở một cuộc lạc

quyên. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại phát cho người nghèo.

Thứ hai là mở một phong trào chống nạn mù chữ.

Thứ ba là tổ chức càng sớm, càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

Thứ tư là mở mọi phong trào giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ những thói hư tật xấu do chế độ thực dân để lại.

Thứ năm là bỏ ngay ba thứ thuế : thuế thân, thuế chợ, thuế đò ; tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Thứ sáu là ra tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết...

Tất cả mọi vấn đề được Bác nêu ra trong vòng nửa tiếng. Những khó khăn chồng chất, phức tạp của chế độ thực dân để lại suốt tám mươi năm, những vấn đề sinh tử, cấp bách của dân tộc đã được Bác nêu lên một cách ngắn gọn, rõ ràng, cùng với những phương hướng, đôi lúc cả những biện pháp để giải quyết. Những đồng chí đã có dịp gần Bác đều thấy là nếp làm việc quen thuộc của Người.

Các Bộ trưởng thảo luận những điều Bác đã nêu lên, và đều vui vẻ tán thành. Có những điều Bác nêu ra từ phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời hôm đó, dến nay vẫn là những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta.

Phiên họp đã kết thúc trong buổi sáng. Không khí giản dị, tự nhiên, thân mật của buổi họp đã rất mới lạ và gây một ấn tượng sâu sắc với một số người lần đầu làm việc với Bác.

Ít ngày sau, Bác viết một bức thư gửi đồng bào cả nước: « Từ tháng giêng đến tháng bảy năm nay, ở Bắc Bộ ta đã có hai triệu người chết đói. Kế đó lại bị nước lụt, nạn đói càng tăng thêm, nhân dân càng khốn khổ. Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo»...

Bác viết thư gửi các nhà nông: « Thực túc thì binh cường, cấy nhiều thì khỏi đói. Chúng ta thực hiện «tấc đất tấc vàng» thì chúng ta quyết thắng lợi trong hai việc đó. «Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay ! Tăng gia sản xuất nữa! ». Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập...»

Đầu tháng 9, Chính phủ ra sắc lệnh hạn trong một năm tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết chữ quốc ngữ. Bác viết lời kêu gọi chống nạn thất học: « Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo... Phụ nữ lại càng cần phải học...».

Tháng 9 còn là tháng khai trường, Bác gửi thư căn dặn các em « hãy cố gắng siêng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, đua bạn ».

Tháng 9 cũng là tháng có Tết trung thu của các cháu nhỏ. Thư Bác Hồ viết cho các cháu nhân dịp Tết Trung thu năm Độc lập đầu tiên, chan hòa niềm vui « Cái cảnh trăng tròn, gió mát, hồ lặng trời xanh của trung thu, lại làm cho các cháu vui cười hớn hở. Các cháu vui cười hớn hở. Bác Hồ cũng vui cười hớn hở với các cháu. Đố các cháu biết vì sao? Một là vì Bác rất yêu mến các cháu, hai là vì trung thu năm ngoái nước ta còn bị áp bức, các cháu còn là một bầy nô lệ trẻ con, mà trung thu năm nay nước ta đã được tự do, và các cháu đã thành những người tiểu chủ nhân của một nước độc lập»... «Đêm trung thu năm sau, chúng ta sẽ tổ chức một cuộc vui cả già lẫn trẻ. Các cháu nghĩ thế nào? Trung thu này, Bác không có gì gửi tặng các cháu. Chỉ gửi tặng các cháu nhiều cái hôn thân ái ».

Các cháu nhỏ năm ấy chắc chắn không biết ngoài niềm vui cùa Bác trong thư, Bác Hồ đang có trăm ngàn công việc và vô vàn những mối lo toan vì dân tộc, vì đất nước.

*

Từ ngày về Hà Nội, Bác chưa bị sốt trở lại lần nào. Nhưng người Bác vẫn gầy. Những vết nhăn trên vầng trán và ở đuôi mắt ngày càng nhiều và đậm.

Ở Bắc Bộ phủ, sáng nào Bác cũng dậy từ 5 giờ, tập thể dục. Bác đã viết một bức thư kêu gọi tất cả đồng bào gắng tập thể dục. Cuối thư, Bác viết: « Tự tôi ngày nào cũng tập ».

Hết giờ làm việc, đến bữa, Bác xuống nhà ăn với chúng tôi và các chiến sĩ cảnh vệ. Bác cháu ngồi cùng bàn, có gì ăn nấy. Một hôm, Bác bận việc về muộn. Anh em người nọ người kia, quên để phần thức ăn. Mọi người đều băn khoăn. Bác vẫn vui vẻ ngồi vào bàn, ăn đủ mấy bát cơm thường lệ.

Sau bữa trưa, Bác ngả đầu trên chiếc ghế ở phòng khách, chợp mắt mươi lăm phút. Tỉnh dậy, Bác đọc báo, xem tin.

Hồi còn ở chiến khu, không có dầu đèn, buổi tối, Bác đi nằm sớm. Về đây, Bác hay làm việc khuya. Các chiến sĩ nhiều đêm đứng gác thấy trên buồng Bác, đèn vẫn sáng. Bác dùng thời giờ ban đêm để đọc sách, xem tài liệu.

Giờ làm việc buổi sáng của Bác bắt đầu bằng cuộc hội ý của Thường vụ. Bác rất coi trọng nếp làm việc tập thể. Bác nói với các đồng chí Thường vụ hàng ngày, sáu giờ, tới chỗ Bác, có gì trao đổi rồi đi đâu hãy đi.

Hai buổi làm việc của Bác thường là khẩn trương. Việc Đảng, việc nước bề bộn. Lo giải quyết việc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Lo đối phó ở miền Bắc, lo kháng chiến ở miền Nam. Lo việc nội trị. Lo việc ngoại giao.

Các cơ quan Chính phủ mới tổ chức, còn rất đơn sơ, chưa đi vào nề nếp. Bác thường trực tiếp nghe các đồng chí phụ trách từng mặt công tác, hoặc cán bộở địa phương lên báo cáo tình hình để bàn cách giải quyết. Đội ngũ cán bộ còn mỏng, lại chưa quen công việc. Nhiều việc Bác nghĩ ra, tự mình đánh máy, rồi làm phong bì gửi đi.

Bác viết nhiều thư, nhiều lời kêu gọi, nhiều bài báo để giải thích, động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ chương, chính sách của Chính phủ lâm thời, tham gia vào các tổ chức cứu quốc.

Mọi việc Bác nêu ra đều thiết thực, ngắn gọn, cụ thể. Lời lẽ của Bác là những lời lẽ quen thuộc, mộc mạc, nhân dân thường dùng từ xưa đến nay trong sinh hoạt hàng ngày. Chỉ có khác ở chỗ Bác đã đưa vào đó một nội dung mới. Nhưng dù mới đến đâu, người nghe vẫn thấy dễ hiểu, hợp lý, hợp tình.

Các việc Bác nêu lên để yêu cầu đồng bào thực hiện đều là những điều Bác đã làm bền bỉ trong suốt cuộc đời. Nếu là những việc bây giờ mới đề ra thì Bác gương mẫu làm trước. Ví như việc hô hào nhân dân mười ngày nhịn ăn một bữa để cứu đói. Mỗi tháng ba lần, đến bữa không ăn, Bác tới lấy phần gạo của mình, tự tay đổ vào hòm gạo chống đói. Một hôm, đúng vào bữa cơ quan nhịn ăn để gom gạo thì Tiêu Văn mời Bác đến dự chiêu đãi. Khi Bác về, anh em báo cáo đã đem gom phần gạo của Bác rồi. Bác vẫn quyết định nhịn ăn một bữa vào ngày hôm sau.

Đối với Bác, việc lớn, việc nhỏ, việc nào cũng có tầm quan trọng của nó. Bác thường dặn cán bộ « Tự mình phải làm gương mẫu cho đồng bào », « miệng nói tay làm », « Chớ vác mặt làm quan cách mạng cho nhân dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ ».

Bác dành nhiều thời giờ đi thăm các nơi xa gần. Nhiều cuộc đi thăm, Bác không cho báo trước. Khi Bác đi thăm Hội nghị thanh niên, khi thăm cơ quan Ủy ban hành chính Hà Nội, Trường Quân chính Việt Nam... Khi Bác đi Nam Định, thăm nhà máy dệt, khi đi Bắc Ninh, Thái Bình. Ngoài việc động viên, giáo dục, Bác còn muốn tìm hiểu tình hình đời sống, tư tưởng, tình cảm của nhân dân và cách thức làm việc của cán bộ.

Hàng ngày Bác phải tiếp rất nhiều khách.

Những người khách đó rất khác nhau. Những ông tướng của quân đội Tưởng đến để đòi gạo, đòi rất nhiều gạo. Nhưng không phải chỉ có gạo. Chúng còn đòi tiền, đòi nhà ở, đòi từ chiếc bóng đèn, cân đường đến cả thuốc phiện, đòi tất cả những gì chúng còn chưa cướp được của nhân dân ta.

Có khi đó chỉ là một tên liên trưởng[4]. Hắn khẩn khoản yêu cầu được gặp Hồ Chủ tịch vì một việc riêng mà hắn nhất định không chịu nói với người khác. Việc riêng mà hắn chỉ có thể trình bày với Bác đó là: Hắn muốn bán vài trăm khẩu súng.

Có khi là đại biểu của những phái đoàn « đồng minh », Mỹ có, Anh có. Các cuộc đến thăm này mang những mục đích khác nhau. Nhưng tất cả đều không phải là thiện ý.

Có khi là những nhà báo nước ngoài đến xin gặp để tìm hiểu phong trào Việt Minh, tìm hiểu đường lối, chính sách của Chính phủ ta. Cũng có khi là những kẻ giả danh nhà báo đến mượn cớ phỏng vấn để thăm dò thái độ, điều tra tình hình.

Nhiều nhất vẫn là khách trong nước. Đó là đại diện các đoàn thể cứu quốc, công nhân, nông dân, tôn giáo, các tầng lớp công thương hoặc các nhân sĩ. Một đoàn cán bộ, chiến sĩ vừa ở Nam Bộ ra, xúc động đến trào nước mắt trong buổi đầu gặp Bác, mang theo tình cảm dạt dào của hàng triệu đồng bào ruột thịt đang chiến đấu. Một đoàn đại biểu của đồng bào các dân tộc miền núi đã san sẻ cháo bẹ, rau măng với cách mạng, ở Khu giải phóng về thăm Thủ đô... Có khi là một cụ già râu dài « nay nước nhà đã được độc lập, đến để góp vài ý kiến xây dựng quốc gia ». Có khi chỉ là một người kiếm cớ đến xin giải thích một điều gì về chính sách để được gặp Bác.

Nhiều buổi Bác mải tiếp khách quá bữa mới xuống nhà ăn. Thấy Bác mệt và bận quá, có lần anh em chúng tôi đề nghị với Bác bớt những cuộc gặp gỡ không thật cần thiết. Bác nói:

- Chính quyền ta mới thành lập. Đồng bào, cán bộ có nhiều điều muốn biết, cần hỏi. Đây cũng là dịp để nói rõ chủ trương, chính sách của Chính phủ, của đoàn thể cho mọi người rõ. Ta không nên để đồng bào cảm thấy gặp những người trong Chính phủ bây giờ cũng khó khăn như đến cửa quan ngày trước.

Các chiến sĩ Quân giải phóng làm nhiệm vụ cảnh vệ ở Bắc Bộ phủ, các đồng chí lái xe ở gần Bác là những người được hưởng nhiều sự chăm sóc. Đối với anh em, Bác không chỉ là đồng chí Chủ tịch nước, Bác còn là một người cha. Anh em đều thấy phần mình giúp đỡ được cho Bác quá ít so với phần Bác đã dành cho mình.

Mặc dù bận, Bác vẫn dành thời giờ chuyện trò, hỏi han anh em, từ bữa ăn có đủ no không, đến những vui, buồn trong gia đình. Bác hay chú ý đến trật tự nội vụ và việc giữ vệ sinh của các chiến sĩ.

Buổi tối, cơ quan không làm việc, thấy các chiến sĩ nằm dưới nhà nóng, Bác bảo lên gác ngủ cho mát. Một hôm, anh em vật nhau làm vỡ chiếc bàn đá. Đồng chí quản trị bực mình, bắt tất cả xuống dưới nhà. Bác về thấy vậy, lại cho gọi anh em lên. Bác nói:

- Các chú là bộ đội, là thanh niên, phải sinh hoạt cho vui cho khỏe. Chơi vật cũng tốt. Nhưng muốn vật nhau phải tìm bãi cỏ, chỗ rộng. Người ngã không đau và không làm đổ vỡ, thiệt hại đến của công. Lần này đã lỡ, phải rút kinh nghiệm cho lần sau. Hôm nào các chú có chơi vật dưới vườn, nói Bác đến coi cho vui.

Đồng chí lái xe ít xem sách báo. Những buổi anh rỗi việc, Bác gọi lên, bảo ngồi ở buồng bên, rồi đưa sách báo cho đọc. Thỉnh thoảng, Bác qua kiểm tra. Có lần Bác vào, thấy tờ báo để mở trên bàn, đồng chí lái xe dựa lưng vào ghế ngủ. Bác nhẹ nhàng đi ra. Lúc khác, Bác nói: « Mới đọc chưa hiểu, dễ buồn ngủ. Đọc ít lâu, hiểu rồi sẽ ham. Ham rồi sẽ không buồn ngủ nữa ».

Mùa đông tới. Đoàn thể phụ nữở nhiều nơi đã nghĩ tới tấm áo ấm của Bác trong những ngày gió lạnh. Những cô gái Hà Nội, các chị phụ nữ cứu quốc ở Quảng Yên... mang đến Bắc Bộ phủ những chiếc áo len dầy dặn. Lần nào cũng

vậy, Bác đều cám ơn và bảo hãy mang hộ về cho một người già nhất và nghèo nhất ở địa phương.

Một buổi sớm, trời rét. Một đồng chí đến làm việc với Bác, chỉ có chiếc áo mùa hè phong phanh. Bác vào buồng lấy chiếc áo len của mình, đem ra đưa cho đồng chí cán bộ.

Về Hà Nội, ở Bắc Bộ phủ, trong cương vị Chủ tịch nước, cuộc sống của Bác vẫn giản dị, thanh đạm như những ngày hoạt động bí mật ở chiến khu.

*

Tại Nam Bộ, tình hình đã trở nên căng thẳng từ đầu tháng 9.

Mồng 2 tháng 9, hơn một triệu đồng bào Sài Gòn Chợ Lớn rước cờ và giương cao những biểu ngữ chào mừng Ngày Độc lập. Bọn khiêu khích người Pháp đã bắn vào đoàn biểu tình.

Bốn ngày sau, phái bộ Anh bắt đầu đến Sài Gòn. Chúng ra lệnh cho bọn Nhật làm nhiệm vụ cảnh sát trong thành phố, và đòi các lực lượng vũ trang của ta phải nộp vũ khí. Ngay từ ngày đầu, quân Anh đã lộ rõ bộ mặt can thiệp.

Những đơn vị quân Anh, Ấn đầu tiên thuộc sư đoàn 20, dưới quyền chỉ huy của viên tướng Anh Gơ-ra-xây lục tục kéo đến bằng máy bay.

Ngày 20 tháng 9, tướng Gơ-ra-xây ra bản thông cáo số 1. Y khẳng định duy trì trật tự của quân Anh. Y ra lệnh cấm mang vũ khí và tuyên bố những ai vi phạm các qui định của y sẽ bị trừng trị nghiêm khắc, kể cả xử bắn. Bọn Anh tới chiếm trại giam, thả tất cả các tên Pháp nhảy dù xuống Nam Bộ sau ngày khởi nghĩa bị ta bắt và giữ tại đó. Một ngàn rưỡi lính lê-dương Pháp của trung đoàn bộ binh thuộc địa số 11, đã được bọn Anh đưa ra khỏi trại tù binh Nhật và trang bị lại.

Sáng sớm ngày 23 tháng 9, bọn lính Pháp của trung đoàn 11 cùng một đơn vị lê-dương mới từ Pháp sang, được quân Anh, quân Nhật yểm trợ, đổ xô ra các ngả đường. Chúng đánh chiếm các đồn cảnh sát của ta và bắn giết đồng bào. Bọn quan cai trị cũ và những kiều dân Pháp cũng được trang bị vũ khí. Những tên lính lê-dương ở thuộc địa và những tên thực dân Pháp trước đây mấy tháng, ngoan ngoãn đầu hàng quân Nhật, đã tỏ ra vô cùng dã man trong việc tàn sát, ngược đãi những người dân tay không.

Cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược đã bùng nổ trên chiến trường Nam Bộ.

Đồng bào Nam Bộ vừa giành được chính quyền chưa tròn một tháng, đã anh dũng đứng lên chống kẻ thù. Đó là những người dân đầu tiên của đất nước tự do đã đem xương máu thực hiện những lời thề trong Ngày Độc lập. Cuộc chiến đấu thần thánh của nhân dân miền Nam đến nay kéo dài suốt một phần tư thế kỷ, đã bắt đầu từ đó.

Chiều ngày 23 tháng 9, nhân dân Sài Gòn triệt để tổng đình công, bất hợp tác với giặc Pháp. Các công sở, hãng buôn, nhà máy đều đóng cửa. Chợ búa không họp. Xe cộ ngừng chạy. Chướng ngại vật mọc lên khắp nơi.

Trong không khí căm thù sôi sục, các chiến sĩ tự vệ và đồng bào Sài Gòn với mọi thứ vũ khí có trong tay, gậy tầm vông, súng khai hậu, súng bắn chim, lập tức chiếm các vị trí chiến đấu, kiên quyết đánh trả bọn xâm lược.

Tại Hà Nội, cả ngày 23 tháng 9 cho đến thâu đêm, Bác và Thường vụ đã theo dõi từng giờ tình hình Nam Bộ, nhận được những báo cáo đầu tiên và ra những chỉ thị kháng chiến đầu tiên cho Đảng bộ và đồng bào Nam Bộ.

Từ ngày 24 trở đi, một loạt nhà máy, kho tàng của địch ở Sài Gòn bị đánh phá. Điện, nước bị cắt. Các đội tự vệ, xung phong công đoàn đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tàu Pháp vừa cập bến, phá khám lớn, giải thoát cho đồng bào bị giặc giam giữ.

Ngày 26 tháng 9, đứng trên vị trí chiến đấu của mình giữa thành phố, quân và dân Sài Gòn đã nghe những lời thống thiết của Hồ Chủ tịch được đài Tiếng nói Việt Nam từ thủ đô Hà Nội truyền đi:

« Tôi tin và đồng bào cả hước đều tin vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ.

« ....Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ !

« Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và đồng bào toàn quốc sẽ hết sức ủng hộ những chiến sĩ và nhân dân đương hy sinh đấu tranh để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

«. . . Chúng ta nhất định thắng lợi, vì chúng ta có 1 lực lượng đoàn kết toàn dân. Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính nghĩa...

Cuộc chiến đấu để bảo vệ thành phố Sài Gòn đã mang một ý nghĩa mới. Không bao lâu, một khẩu hiệu được nêu lên: « chiến đấu để bảo vệ thành phố Hồ Chí Minh », và rất nhanh chóng trở thành quyết tâm, thành hành động của mỗi người. Chính là từ tấm lòng, từ hành động của các chiến sĩ, của đồng bào tại mặt trận Sài Gòn – Chợ Lớn mà thành phố bắt đầu mang một tên mới quang vinh : Thành phố Hồ Chí Minh… »[5]

---

[1] Ngọc Châu – Trích bài « Bác về Phú Gia », trong tập « Hoa dâng Bác », Hội văn nghệ Hà Nội xuất bản.

[2] Đồng chí Trường Chinh

[3] Đồng chí Phạm Văn Đồng

[4] Chức vụ trong quân đội Tưởng, tương đương với đại đội trưởng.

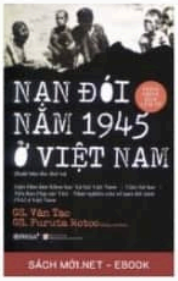
[5] Võ Nguyên Giáp, « Những năm tháng không thể nào quên », tập 1, Nhà xuất bản Quân đội, năm 1970.

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

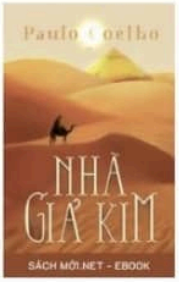
Mục lục

Lời tựa
ĐƯỜNG BÁC HỒ ĐI CỨU NƯỚC
Hồ Chủ tịch hình ảnh dân tộc
Làm bất cứ việc gì để sống và để đi
Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam
Sống, làm việc gian khổ để học tập và hoạt động
Trong ngõ hẻm Công Poanh
Ở Đại hội Tua
Lời phát biểu tại đại hội Tua
Gặp “con cáo già” thuộc địa
Đến Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đầu tiên
Sáng lập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội
Trở về Tổ quốc cách mạng
LỜI KÊU GỌI [8]
"Vụ án" ở Hương Cảng
Trở lại đất nước Xô viết.
Trên đường về nước qua Trung Quốc.
Từ Vân Nam – Tĩnh Tây về Pắc Bó
Bị Quốc dân đảng Trung Quốc bắt
Về Tân Trào
Một thời đại mới của dân tộc









THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY
HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ